

CỎ THƠM

THÁNG 09, NĂM 2014

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
NGUYỄN NGỌC BÍCH.
PHẠM HỮU BÌNH. ĐỖ BÌNH.
ĐINH CƯỜNG. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỐI.
NGUYỄN QUỐC KHẢI. PHAN KHÂM.
HUY LÂM. NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
ĐẶNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIỀN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VŨƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
ĐẶNG NGUYỄN: Austin, TX
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích,
Ô.B. Phạm Hữu Bình, Ô. Đỗ Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh,
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung,
B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung,
Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Văn Đoàn,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang,
B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiểu,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô.B. Nguyễn Lân, Ô.B. Nguyễn Khoa Lân,
Ô. Đoàn Thanh Liêm, Ô.B. Nguyễn Huy Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam,
Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga,
Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên, B. Phan Thị Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận,
B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt,
Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng, Ô.B. Lưu Quang,
B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương, Ô. B. Đèo Văn Sách,
Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diệm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân,
B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn, Ô. Văn Duy Tùng, BS Phan Khắc Tường,
O .B. ViVi Võ , Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.



MỤC LỤC

	Trang		
BIÊN KHẢO		VĂN QUANG:	
		60 Năm Sài Gòn Trong Tôi	176
		NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	
		Tôi Làm Báo Văn Học	184
TRẦN BÍCH SAN: Quan Niệm	10	THƠ	
Quân Tử Trong Nho Giáo		NGÂN SƠN: Mưa Thu	28
ĐÀO ĐỨC CHUÔNG: Sơ lược về	18	NGUYỄN VÔ CÙNG:	
hát cải lương		Thu Đất Khách	28
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Quê Hương	29	NGUYỄN KINH BẮC:	
Giàu Đẹp Qua Ca Dao		Hoài Cảm	28
PHẠM THỊ NHUNG: Thi Phẩm Dòng	36	LÝ HIỆU: Thu Đến	28
Cổ Nguyệt		HẠ THÁI TQP: Bầy Mươi Hành	34
PHẠM VĂN TUẤN:	50	BÙI THANH TIÊN:	
Vài Loại Lịch Phở Thông		Tiếng Ru Nhè Nhẹ	41
NGUYỄN QUỐC KHÁI: Nếp Sống	152	ĐẶNG NGUYỄN: Lạc Nẻo Thu	41
Mộc Mạc của Người Amish		MOTTHOI: Thành Thật	49
VĂN		HỒ CÔNG TÂM:	
		Hoen Màu Thời Gian	58
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	07	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	
Cỏ Thơm Mùa Thu 19		Tuyệt Chiêu	58
VŨ NAM: Trường Tôi, Sông Dinh	42	NGUYỄN PHÚ LONG:	
ĐỖ BÌNH: Chuột Nhà	67	Mùa Tụ Trường	59
NGUYỄN LÂN:	78	CAO NGUYỄN: Văn Minh Da Vàng	77
Người Đàn Ông Quyển Rũ		LÝ HIỆU: Hoang Đường	77
TIỂU THU:	84	LÊ MAI LĨNH:	
Những Ngày Xưa Thân Ái		Đề Trả Lời Một Nghi Vấn	81
Ỡ NGUYỄN: Non Thiêng Yên Tử	97	TUỆ NGA: Lá Phù Du	82
TÔN NỮ MẠC GIAO:	107	NGÔ TĂNG GIAO: Trời Vào Thu	95
Tứ Phương Hợp Mặt San Jose		NGUYỄN PHÚ LONG: Tình Thu	95
NGÔ TĂNG GIAO: Tô Cháo Rắn	112	PHAN KHÂM: Ý Thu	95
PHÁT VŨ: Vì Sao	118	TUỆ NGA: Gió Thu	95
PHONG THU: Soi Bóng Thời Gian	125	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	
PHƯƠNG DUY TDC: Đẹp Vụ Sa Mạc	133	Man Mác Thu	95
VŨ ĐỨC NGHIÊM:	140	UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	
Cho Vợ Hiền Yêu Dấu		Nỗi Nhớ Thu Xưa	106
DIỆM CHÂU (Cát Đơn Sa):	144	Ý ANH: Tự Nhiên	106
Gái Ngoan		ĐT MINH GIANG: Thu Hoài Cảm	106
HỒNG THUY: Cú Tương Để	162	HOÀNG BẠCH MAI: Thu Tháng Chín	116
PHAN ANH DŨNG: Tiếng Hát	168	KIM VŨ: Có Ta	119
Thủy Tinh Của CS Quỳnh Giao			

PHAN KHÂM: Tiếng Ru Của Mẹ	123
KIỀU ANH: Chùm Thơ Tứ Tuyệt	128
DIỄM TRẦN: Thu Kỳ Niệm	131
NGUYỄN BẠCH: Tình Cũ	147
TRƯƠNG ANH THUY: Chùm Thơ Haiku	173

GIAO ĐIỂM

NGUYỄN NGỌC BÍCH: Em Yêu Anh Cách Nào	46
MAYA ANGELOU On The Pulse of Morning	60
PHẠM TRỌNG LỆ: Mạch Sống Ban Mai	63
DIỄM HOA: Le Lac D'Amour	66
HUỶNH MAI HOA: Cây Mùa Thu Với Người	111
THANH THANH: Autumn Trees and Humans	111
PIERRE GAMARRA: Mon Cartable	117
NGUYỄN MÂY THU: Chiếc Cặp Da	117
YÊN VI: Let's Sing This Love Song	124
CHRISTINA GEORGE ROSSETTI Let Me Go	139
TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO Đề Tôi Ra Đi	139

TRANH

NGUYỄN SƠN: Hồ Thu (Bìa Trước)	01
NGUYỄN SƠN: (Bìa sau) Một Thoáng Hương xưa	204
VŨ HỒI: Thư Họạ Thơ Phan Khâm	122

NHẠC

NGUYỄN TƯỜNG VÂN & PHẠM TUÂN: Rơi Từng Cánh Thu Vàng	166
VĂN DUY TÙNG: Mùa Lá Chín	182

NHIẾP ẢNH

NGUYỄN QUỐC KHẢI: Chùa Thiên Mụ	27
------------------------------------	----

NGUYỄN HUY LINH: Đông Quê Việt Nam	35
TRƯƠNG MINH CHÂU: Biển Vắng	83
NGUYỄN HUY LINH: Bên Em Đón Nắng Thu	96
PHAN ANH DŨNG: Thu Trên Thềm Vắng	165
Phát Hành Báo Cỏ Thơm 67 Ngày Văn Hóa Nghệ Thuật VN ở San Jose, California	191
	196

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Trần Bích San	17
Vũ Nam	45
Nguyễn Ngọc Bích	47
Nguyễn Phú Long	59
Phạm Trọng Lệ	62
Tuệ Nga	82
Tiểu Thu	94
Nguyễn Huy Linh	96
Phan Khâm	123
Phương Duy TDC	137
Hồng Thủy	164
Trương Anh Thủy	174
Nguyễn Thị Ngọc Dung	190

GIỚI THIỆU

Ha Nguyen & Associates	02
Washington Music	138
Two Sisters	183
Văn Phòng BS Nguyễn Quốc Quân	195
Tập thơ Dòng Cỏ Nguyệt Nửa Vàng Trăng: Tuệ Nga	199
Hôn Nhân, Tình Dục, Gia Đình: MS Phan Thanh Bình	199
Thơ Xương Hoạ Mãi Còn Đây: Lê Ngọc Kha	199
Văn Phòng BS Nguyễn Thị Kim Dung	200
Sovereign Realty, Inc.	200
Harvest Moon	201
Phiếu Mua Báo Dài Hạn	202
Ivan M. Waldman & Associates	204

CỎ THƠM MÙA THU 19

Trong mùa hè vừa qua toàn cầu hình như bị kích động, mê man vì World Cup. Bốn năm mới có một tháng để quên hết những vấn đề phức tạp khác trên thế gian. Nữ chủ nhiệm Cỏ Thơm cũng vừa làm bếp vừa xem đá banh và theo dõi tiến trình. Cũng may lúc đó chúng tôi chưa phải làm Cỏ Thơm số mùa Thu. Các nam tác giả Cỏ Thơm từ Á sang Âu, từ Âu sang Mỹ cũng trao đổi ý kiến, bài viết qua Tòa Soạn Cỏ Thơm về World Cup: NS Phan Anh Dũng, NV Văn Quang, NV Vũ Nam, HSNAG Nguyễn Sơn, BKG Nguyễn Quý Đại, NBNS Trần Cung Sơn. Kết cuộc thì Người anh em Đức Quốc, của Nguyễn Sơn, Vũ Nam, Nguyễn Văn Nhiệm, Nguyễn Quý Đại đã chiếm giải 2014 FIFA World Cup Champion. Dĩ nhiên chủ nhiệm Cỏ Thơm phải điện thư chúc mừng quý tác giả và độc giả Cỏ Thơm bên Đức ngay. Cũng xin nhắc, quý vị không phải chờ bốn năm nữa để xem World Cup đâu, tháng 6, tháng 7, 2015 sẽ là những cuộc tranh giải nữ bóng tròn World Cup đấy. Chớ bỏ qua.

Sau những ngày vui World Cup, người ta vẫn không thể quên được chuyện một máy bay Mã Lai với hơn 200 hành khách bị mất tích không dấu vết để lại và vẫn trong vòng thân thoại, huyền bí. Rồi một máy bay hành khách khác cũng của Malaysia bị loạn quân Ukraine bắn rơi với gần 300 người tử nạn. Sự việc này đã làm cho người ta sợ đi máy bay của hãng Mã Lai kém may mắn.

Thế giới cũng bất mãn chính phủ Putin, Russia ủng hộ loạn quân bắn phá hải đảo Crimea của Ukraine. Nga Sô cũng giống Trung Cộng, muốn nuốt chửng một hòn đảo của nước láng giềng nhỏ bé, yếu kém như Trung Cộng đã chiếm Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Cộng sản nếu có thay đổi chỉ là hình thức. Tâm địa chúng vẫn là cộng sản tham lam, tàn ác cho đến khi chết.

Chiến tranh tôn giáo chết chóc, loạn lạc ở Trung Đông. Quân khủng bố Isis xử tử hai ký giả người Mỹ và bắn giết hàng loạt người ở Iraq. Chính phủ Mỹ và đồng minh tuyên bố sẽ tận diệt Isis trước khi chúng bành chướng như nạn cộng sản ở thế kỷ trước.

Tại Mỹ, dân Saint Louis biểu tình phá phách phản đối cảnh sát đã bắn 6 viên đạn vào một thanh niên da màu không mang súng tự vệ.

Vài cảm tưởng về tin tức không vui trên thế giới cũng đủ phiền lòng rồi. Chúng ta trở về thăm thú vườn Cỏ Thơm mùa thu để tìm chút êm đềm, thư thái cho tâm hồn. Quý vị có thấy bìa báo Cỏ Thơm số 68 này đẹp không? Bìa trước là tranh sơn dầu "Hò Thu", 90x100cm. Bìa sau là tranh sơn dầu "Một Thoáng Hương Xưa", 70x90cm. Cả hai tranh đều của Họa sĩ Nhiếp Ảnh Gia tài hoa Nguyễn Sơn. Cảm ơn họa sĩ đã cho Cỏ Thơm dùng tranh đăng bìa.

Nói về tranh, gần đây Cỏ Thơm có một kinh nghiệm phải viết ra để bà con chúng ta biết đề phòng. Số là chủ nhiệm Cỏ Thơm nhận được một email có tên Bích Dương, nhưng không quen biết, muốn mua tranh của một họa sĩ Cỏ Thơm. Chúng tôi chuyển thư đó đến nhà họa sĩ để tùy nghi. Họa sĩ liên lạc với người muốn mua tranh và thỏa thuận sao đó. Họa sĩ bao bọc hai tấm tranh rất cẩn thận và gửi cho người mua ở New Jersey, có địa chỉ hẳn hoi. Một hai tuần, rồi ba bốn tuần, rồi một hai tháng sau họa sĩ điện thư hỏi thăm về bức tranh nhiều lần đều không được trả lời một tiếng. Người mua tranh biệt vô âm tín luôn. Chúng tôi âm ức thay cho nhà họa sĩ. Một tập báo, một bộ truyện nếu có bị lừa cũng không đáng giá, đáng buồn như mất một bức tranh cho kẻ đi lừa.

Chúng tôi được mách bảo, nếu các vị tác giả có người lạ hỏi mua tác phẩm, sách báo, tranh họa, thì nên nhận được check trước và đem đi bỏ bank ngay. Check được thông qua rồi hãy gửi "hàng bán" như các dịch vụ thương mại khác. Tôi kể chuyện này với một cư sĩ, người này nói: "những kẻ ăn gian nói dối như vậy rồi cũng sẽ gặp quả báo không ra gì. Ôi, có muốn giữ tinh thần nghệ thuật cao quý cũng khó!!!

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn giữ chủ trương văn học vị nghệ thuật, bìa Cỏ Thơm không những được trình bày đẹp, nội dung Cỏ Thơm cũng đẹp không kém và có những hình ảnh quê hương, phong cảnh mùa thu của Nhiếp Ảnh Gia Nguyễn Huy Linh, Nguyễn Quốc Khải, Trương Minh Châu, Phan Anh Dũng. Chỉ tiếc rằng Báo Cỏ Thơm không đủ sở hụi in hình màu trong nội dung. Nhưng khi báo được đưa lên Website Cỏ Thơm (www.cothommagazine.com) thì màu sắc sẽ xuất hiện tuyệt vời.

Trong số báo này, quý vị độc giả cũng tìm thấy nhiều bài thơ về mùa thu đặc biệt là của Nữ Sĩ Tuệ Nga vừa trở lại với vườn Cỏ Thơm sau một thời gian vắng tiếng thơ. Ngoài ra còn có thơ mùa thu của nhà thơ Bùi Thanh Tiên, Đặng Nguyên, Hoàng Bạch Mai, Uyên Phương Minh Nguyệt, Đỗ Thị Minh Giang. Về xướng họa có những bài thơ của Ngân Sơn, Nguyễn Phú Long, Nguyễn Kinh Bắc, Nguyễn Vô Cùng, Ngô Tăng Giao, Phan Khâm, Lý Hiểu, Tuệ Nga, và Nguyễn Thị Ngọc Dung. Người thơ Cỏ Thơm rất khiêm tốn cũng như tên của tập báo. Chúng tôi chỉ xướng họa với nhau cho vui, nếu có những sơ suất xin sẵn sàng nhận lời chỉ giáo. Nếu thơ có chút ngông nghênh thì cũng là để cười vui, giải trí.

Về văn, Cỏ Thơm 68 phải kể tới bài bút ký về cuộc hành hương Núi Yên Tử của Nhà Văn Ý Nguyên, rất công phu, tường tận và lôi cuốn. Chúng tôi đã từng đọc về Núi Yên Tử, đã từng mơ được lên thăm nơi tu hành của vị vua khả kính Trần Nhân Tông mà không làm được. Nên mùa xuân vừa rồi Ý Nguyên và Phạm Bá về thăm quê hương, tôi đã dặn dò hai bạn văn cố gắng làm một cuộc hành trình lên núi Yên Tử và viết bài tường thuật cho Cỏ Thơm. Đôi uyên ương Bá-Nguyên đã thực hiện được ý định đó và viết lại để chia sẻ kinh nghiệm với độc giả. Quý vị sẽ có cảm tưởng theo bước chân tác giả leo "Non Thiêng Yên Tử".

Ngoài ra, Nhiếp ảnh gia tài tử Nguyễn Quốc Khải cũng đưa dẫn chúng ta thăm viếng "Nếp Sống Mộc Mạc của Người Amish" vùng Pennsylvania với những hình ảnh sản bắt công phu và nghệ thuật về trang trại và y phục của nhóm người địa phương tôn phong cổ tục biệt lập này.

Trước cái xã hội cộng sản tàn ác, bóc lột dân, phá hại nước, trước cuộc đời đầy dẫy ham danh, háo lợi, cạnh tranh, vị kỷ, Biên Khảo Gia Trần Bích San đã cho chúng ta đọc lại ý nghĩa về đạo đức hiền nhân, quân tử của Khổng Tử và Mạnh Tử 2000 năm về trước. Một bài biên khảo công phu và giá trị đáng đọc và suy ngẫm về cái tôi và con người.

Trong số báo này và lần lượt ở các số báo sau, chúng tôi tiếp tục việc giới thiệu tiểu sử các tác giả Cỏ Thơm khi được gửi tới tòa soạn. Quý vị sẽ thấy rằng các tác giả Cỏ Thơm không phải vô hình, vô sắc, vô tướng, vô thanh.

Xin cảm ơn Nữ Sĩ Tuệ Nga đã gửi tặng chúng tôi tập thơ đồ sộ "Dòng Cỏ Nguyệt" và Nửa Vầng Trăng". Cảm ơn Mục sư Phan Thanh Bình đã gửi tặng tập sách "Hôn Nhân, Tình Dục và Gia Đình". Cảm ơn Nhà Thơ Lê Ngọc Kha đã gửi tặng tập thơ "Mãi Còn Đây" với hơn 50 bài xướng họa của thi hữu trong đó có một số thi nhân Cỏ Thơm. Xin chúc mừng kỷ niệm 40 năm ngày cưới của NT Lê Ngọc Kha và phu nhân. Cảm ơn Tin Sách của quý văn thi hữu Đào Trường Phúc, Uyên Thao và Trịnh Bình An đã giới thiệu bộ sách "Nhà Văn và Tác Phẩm" của Phạm Văn Tuấn và tập hồi ký tiểu thuyết "Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội" của Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Xin chúc mừng Nhà Thơ Đăng Nguyên đã hồi phục sức khỏe và được con cháu đưa về định cư tại Austin. Nhà Thơ Đăng Nguyên sẽ là Đại Diện Cỏ Thơm ở thủ phủ của Texas.

Xin chúc mừng nhà văn Hà Mai Việt với tác phẩm "Việt Nam Cội Nguồn Cuộc Chiến" được giới thiệu ngày 6 tháng 9, 2014 và tác phẩm "Chính Luận" của Nhà Văn Trần Trung Đạo được giới thiệu ngày 13 tháng 9, 2014 tại Virginia.

Nhớ lại mùa thu năm ngoái, Cỏ Thơm phát hành số báo 64 tại tư gia của nghệ sĩ hội viên Thái Phượng. Để thay đổi không khí, năm nay Cỏ Thơm đã tìm được địa điểm picnic, phát hành số báo Cỏ Thơm 68. Xem ra các độc giả, hội viên và tác giả đang nao nức chờ đợi. Quý vị đón xem hình ảnh kỷ niệm trong số báo tới.

Xin cảm ơn quý vị mạnh thường quân, quý độc giả và tác giả đã ủng hộ tài chánh, bài viết, tranh hình để Báo văn học nghệ thuật Cỏ Thơm được vững vàng như ngày nay.

Xin chúc quý vị một mùa lá vàng đẹp khỏe, một mùa thu êm đềm, đầy tình thân ái. Hẹn gặp lại quý vị ở số báo sau.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



QUAN NIỆM QUÂN TỬ TRONG NHO GIÁO

Trần Bích San QUAN NIỆM QUÂN TỬ TRONG NHO GIÁO

Nho giáo do Khổng Tử [1] khởi xướng vào đời Xuân Thu ở Trung Hoa. Khi bị người Tàu đô hộ thì chữ Hán và đạo Nho dần dần được truyền bá vào nước ta kể từ thời Bắc thuộc lần thứ nhất. Sĩ Nhiếp, thái thú quận Giao Chỉ (187-226) là một người Việt, [2] được suy tôn là Nam Bang Học Tổ [3] đã có công truyền bá chữ Hán và đạo Nho, chăm lo mở mang việc giáo dục, mở trường dạy học, giảng Kinh Truyện [4] khiến dân ta thông thi thư, tập lễ nhạc.

Ở nước Việt ta xưa Nho giáo là chính đạo độc tôn. Luân lý, phong tục, chính trị đều lấy đạo Nho làm cốt. Khi tiếp xúc với Tây Phương và bị người Pháp thôn tính, đô hộ, nước ta mới từ bỏ Nho giáo để duy tân. Nho Giáo là một tòa lâu đài cổ nguy nga, tồn tại hơn 2000 năm nhưng đã bị sụp đổ theo trào lưu xã hội, ngày nay không còn ai biết đến nữa. Trong sự tiến hóa của một dân tộc, những điều hay đẹp của cái học cũ cũng có thể dung hòa giúp tân học thêm vững chắc, hữu ích. Hơn nữa, hiện nay chế độ vô nhân của Cộng Sản Việt Nam đang hạ thấp phẩm chất Việt xuống tận cùng đất đen, lưu manh xảo trá lên ngôi, nhân nghĩa thành tin trở thành xa xỉ, việc ôn lại tinh hoa cổ học lúc này rất cần thiết. Bài viết tóm lược quan niệm quân tử trong bộ Nho Giáo của Trần Trọng Kim.

Khổng Tử quan niệm con người phải theo *Thiên Mệnh*. Nho giáo chủ ở *Đạo Nhân*. Giao tiếp trong xã hội phải trọng chữ Nhân, yêu mọi người nhưng chỉ làm bạn với người có Nhân (*phiếm ái chúng nhi thân nhân*). Nhân là người không làm cho người khác điều mà mình không muốn người ta làm cho mình (*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*). Khổng Tử đề cao đạo *Trung Dung*, cư xử cho có mực thước, cho đúng *Lễ* với người trên kẻ dưới, đối với vua phải *Trung*, với cha mẹ phải *hiếu*, với anh chị em phải *đễ*.

Quan niệm quân tử thuộc về phần Hình Nhi Hạ của Nho giáo, tức là phần liên hệ đến những việc thiết thực trong cuộc đời. Đạo Nho là đạo của người quân tử mục đích rèn luyện cho thành người có đức hạnh, có nhân phẩm. Vì thế, đạo Nho chú tâm vào việc đào tạo người quân tử. Trong thời Hán học thịnh hành quan niệm quân tử là kim chỉ nam cho nho sĩ theo đó để hành sự trong cuộc sống.

NGƯỜI QUÂN TỬ CỦA KHỔNG TỬ

Qua những lời giảng dạy của Khổng Tử mà các môn đệ của ngài ghi chép trong ngũ Kinh và tứ Thư thì người quân tử có những cá tính sau:

Quân tử bao giờ cũng ôn nhã, tĩnh trọng, làm điều gì cũng theo đạo lý, hợp lẽ phải, tự xét lương tâm không có gì áy

náy, hối hận, do đó người quân tử không lo, không sợ gì cả (*quân tử bất ưu, bất cú*, Luận Ngữ: Nhan Uyên, VII).

Quân tử lo đạo, không lo nghèo (*quân tử ưu đạo, bất ưu bản*, Luận ngữ: Vệ Linh Công, XI). Người quân tử lấy sự học đạo làm gốc vì thế chỉ lo rằng không đạt được đạo chứ không lưu tâm tới lợi lộc, giàu nghèo.

Quân tử tùy nghi làm việc gì cũng được chứ không chỉ biết có một việc. Người quân tử như con dao pha, việc gì cũng làm được (*quân tử bất khí*, Luận Ngữ: Vi Chính, II). *Khí* là đồ dùng vào một việc nhất định, không thể sử dụng vào việc nào khác được.



Không Tử

Quân tử trang nghiêm, không tranh dành với ai, hợp quần với mọi người mà không kéo bè kết đảng (*quân tử cặng nhi bất tranh, quần nhi bất đảng*, Luận Ngữ: Vệ Linh Công, XV). Quân tử theo cái lý công nghiêm đối với mọi người, không thiên tư, thiên vị, vì thế không tranh dành với bất cứ người nào. Quân tử thân ái với cả mọi người, không vị tình riêng mà

theo đảng này, phái kia để mưu lợi riêng cho bản thân. Quân tử không tranh gì cả, mà nếu có tranh đi nữa thì cũng giống như việc bắn thi. Vái nhường rồi mới lên thêm, xuống thêm mời nhau uống rượu, sự tranh ấy là sự tranh đua quân tử (*quân tử vô sở tranh, tất giả xạ hồ! Ấp nhượng nhi thắng, hạ nhi ẩm, kỳ tranh dã quân tử*, Luận Ngữ: Bát Dật, III). Người quân tử nếu vì đạo lý mà tranh đua điều gì thì cũng theo cái nghĩa lễ nhượng cung kính để không làm mất đạo trung. Tranh luận mà vẫn ung dung, khiêm tốn như cuộc thi bắn đời xưa, vẫn giữ phong thái tranh nhau của người quân tử.

Quân tử muốn nói chậm nhưng làm nhanh (*quân tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hành* Luận Ngữ: Lý Nhân, IV). Nói thì dễ nhưng nói vội thì không được chính xác. Làm thì khó nhưng lại thường không làm hết sức mình. Vì vậy người quân tử muốn dẫn đo lời nói nhưng khi hành động thì quyết đoán, làm nhanh, không do dự.

Quân tử thủ tín, khi đã hứa điều gì thì giữ, dù thế nào cũng không thay đổi. Người quân tử đã nói một lời thì bốn ngựa khó theo (*quân tử nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy*). Quân tử cố giữ điều ngay chính mà không cố chấp những điều tiểu tín (*quân tử trinh nhi bất lượng*, Luận Ngữ: Vệ Linh Công XV). Người quân tử giữ bền cái chí theo lẽ công chính, không bao giờ thay đổi cho nên gọi là *trinh*. Không khăng khăng một mực cố chấp một điều tin nhỏ cho nên gọi là *bất lượng*.

Quân tử giao thiệp với người trên thì không sợ dờ, giao thiệp với người dưới thì không sàm sỡ (*quân tử thượng giao bất xiêm, hạ giao bất độc*, Dịch: Hệ từ hạ). Người quân tử đối với người trên thì

tôn kính nhưng không nịnh, đối với người dưới thì hòa đồng nhưng không lờn. Quân tử không *xiêm* cũng không *nhàm*.

Quân tử xem cái cơ mà hành động (*quân tử kiến cơ nhi tác*, Dịch: Hệ từ hạ). Cơ là phần tinh vi nảy ra khi sắp động, đó là cơ hội. Quân tử phải suy xét cẩn thận trước khi hành động cho đúng lúc để làm bất cứ việc gì cũng phải biết rõ cái cơ có làm được hay không. Có cái cơ làm được mà không làm, hay chưa có cái cơ mà vẫn làm là bất trí, không phải là người quân tử.

Quân tử chủ ở sự kính để giữ cái tâm cho thẳng, giữ điều nghĩa khiến các việc ở ngoài cho có khuôn phép (*quân tử kinh dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại*, Dịch: Văn Ngôn Truyện). *Kính* có nghĩa là hàm dưỡng cho tâm ngay chính, khi biểu lộ thì thố ra ngoài cho hợp đạo lý.

Quân tử đối với việc thiên hạ không chuyên chủ một việc nào, không cố chấp mà không làm một việc nào, cứ theo công chính mà làm mọi việc (*quân tử chi ư thiên hạ giả, vô thích giả, vô mịch giả, nghĩa chi dĩ tí*, Luận Ngữ: Lý Nhân, IV). *Thích* là việc không nên làm mà cứ chuyên chủ làm cho được. *Mịch* là việc nên làm mà cứ cố chấp không làm. Thích và Mịch đều trái với việc nghĩa. Người quân tử đối với việc trong thiên hạ cứ theo cái nghĩa mà làm chứ không khăng khăng giữ cái thiên kiến của mình. Vì thế việc làm của người quân tử bao giờ cũng công chính.

Quân tử lấy nghĩa làm cốt: lấy lễ mà đối đãi, lấy khiêm tốn mà thực hành, lấy lòng tin mà thành tựu, mới thật là người quân tử (*quân tử nghĩa dĩ vi chất, lễ dĩ hành chi, tốn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi, quân tử tai!*, Luận Ngữ: Vệ Linh Công, XV). Việc nghĩa là cái gốc của muôn sự

nên người quân tử lấy cái nghĩa làm cốt. Làm điều nghĩa thì cần có tiết văn, thi thố điều nghĩa thì cần có khiêm tốn, thành được điều nghĩa là ở sự thành thực.

Quân tử khi động thì có thể đòi đòi làm đạo cho thiên hạ, hành vi có thể đòi đòi làm khuôn phép cho thiên hạ, nói năng có thể đòi đòi làm chuẩn tắc cho thiên hạ, người ở xa thì trông mong, người ở gần không bao giờ chán (*quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo, hành nhi thế vi thiên hạ pháp, ngôn nhi thế vi thiên hạ tắc, viễn nhi tắc hữu vọng, cận chi tắc bất yếm* (Trung Dung).

NGƯỜI QUÂN TỬ VÀ KÊ TIỂU NHÂN

Khổng giáo phân ra 2 loại người với tư cách khác hẳn nhau: quân tử và tiểu nhân. Quân tử chủ ở sự theo thiên lý làm những điều công chính. Tiểu nhân chủ ở sự theo tư dục làm những điều tà khuất. Một đằng làm tôn phẩm giá lên, một đằng hạ phẩm giá xuống. Con người tùy theo ý chí mà là người quân tử hay thành kẻ tiểu nhân.

Quân tử là người có nhân cách, đàng hoàng nên lúc nào cũng ung dung đi trên đường chính, đường thẳng. Đó là con đường đạo đức, nhân nghĩa. Còn kẻ tiểu nhân hèn hạ thì chọn con đường ngang, ngõ tắt, tức là con đường gian ác, quỉ quyệt. Người quân tử có đức hạnh tôn quý, kẻ tiểu nhân có chí khí hèn hạ. Như thế, dù cho người quân tử nghèo khó, cùng khổ thì vẫn là quân tử. Kẻ tiểu nhân nếu được quyền cao chức trọng, giàu muôn bạc triệu thì vẫn là kẻ tiểu nhân.

Nho quân tử là người học đạo thánh hiền, sử mình thành người có phẩm giá tôn quý, dù nghèo cùng cũng không làm điều trái đạo lý. Nho tiểu nhân mượn

tiếng học đạo thánh hiền để cầu danh lợi, miệng nói những điều đạo đức mà bụng nghĩ những điều bất nhân, bất nghĩa.

Quân tử đạt về cái lý cao minh, tiểu nhân đạt về cái lý đê hạ (*quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt*, Luận Ngữ: Hiến Vấn). Người quân tử bao giờ cũng theo thiên lý cho nên tâm tính thanh minh, nghĩa lý sáng rõ, sự hiểu biết ngày một tinh thâm, làm việc gì cũng một ngày một thuần thực, nhờ thế mới tiến đến chỗ cao minh. Tiểu nhân bao giờ cũng theo nhân dục cho nên chí khí mờ ám, bị vật dục sai khiến, càng ngày càng càn dỡ, sai lầm, do đó bệ rạc về đường đê tiện.

Quân tử hiểu rõ việc nghĩa, tiểu nhân hiểu rõ cái lợi (*quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi*, Luận Ngữ: Lý Nhân, IV). Nghĩa: điều chính đáng của thiên lý. Lợi: cái ham mê của nhân dục. Người quân tử hiểu sâu xa việc nghĩa nên dốc lòng làm việc nghĩa. Kẻ tiểu nhân hiểu sâu xa việc lợi nên dốc lòng lo tư lợi. Làm việc nghĩa mà có lợi là chính đáng. Làm việc lợi mà quên việc nghĩa là trái lẽ.

Quân tử thì trung dung, tiểu nhân thì trái với trung dung (*quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung*, Trung Dung). Người quân tử hiểu suốt đến lẽ cao xa rồi chọn cái vừa phải mà theo nên mới trung dung. Kẻ tiểu nhân chỉ biết tư lợi không biết đến lý lẽ cao xa, chỉ làm những việc tầm thường nên bao giờ cũng trái với trung dung.

Quân tử cầu ở mình, tiểu nhân cầu ở người (*quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân*, Luận Ngữ: Tử Lộ, XIII). Cầu ở mình là tin vào cái mình có, cầu ở người là dựa vào cái danh, cái lực của người khác. Cầu ở mình thì cái đức ngày một thêm sáng, cầu ở người thì lòng ham muốn ngày một tăng.

Quân tử thư thái mà không kiêu căng, tiểu nhân kiêu căng mà không thư thái (*quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái*, Luận Ngữ: Tử Lộ XIII). Tâm người quân tử lúc nào cũng an nhàn, thông dong, không khinh thế ngạo vật. Tâm kẻ tiểu nhân chỉ cho mình là nhất nên khi được đắc chí thì khoe khoang, kiêu ngạo.

Quân tử hòa với mọi người nhưng không về hòa với ai, tiểu nhân về hòa với mọi người nhưng không hòa với ai (*quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa*, Luận Ngữ: Tử Lộ XIII). Người quân tử chuộng nghĩa để tâm vào việc công nên theo cái lý công nhiên mà phân biệt điều phải trái, hay dở để hòa với mọi người, chứ không về hòa với ai cả. Kẻ tiểu nhân chỉ chuộng lợi để tâm vào việc tư nên chỉ a dua để chống người nhưng thật tâm không hòa với ai cả.

Quân tử chung khắp mọi người mà không tây vị, tiểu nhân tây vị mà không chung (*quân tử chu nhi bất tị, tiểu nhân tị nhi bất chu*, Luận Ngữ: Vi Chính, II). Cái tâm người quân tử bao giờ cũng công nhiên nên xem thiên hạ như một nhà, xem mọi người như mình, làm ơn cho ai thì tự động làm không cần đợi nhờ mới giúp, việc gì cũng lấy lòng quảng đại công chính không hề thiên tư. Kẻ tiểu nhân thì chỉ biết tư lợi, xu phụ người thần thế, làm điều gian ác, miễn sao có lợi không cần công nghĩa.

Quân tử lòng phẳng lòng rộng, tiểu nhân trong lòng lúc nào cũng lo ngay ngáy (*quân tử thân đẵng đẵng, tiểu nhân trường thích thích*, Luận Ngữ: Thuật Nhi, VII). Người quân tử theo thiên lý nên lòng thư thái, kẻ tiểu nhân bị vật dục sai khiến lúc nào cũng lo nghĩ cầu danh, cầu lợi, nên suốt đời lo buồn.

Quân tử cố giữ lúc khốn cùng, tiểu nhân lúc khốn cùng thì làm bậy (quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lam hỹ, Luận Ngữ: Vệ Linh Công, XV). Người quân tử gặp lúc cùng quẫn thì lấy nghĩa mệnh mà tự yên. Kẻ tiểu nhân phải lúc khốn cùng thì không nghĩ gì đến lễ nghĩa đạo lý nữa, điều sai quấy đến đâu cũng làm.

Quân tử không thể biết cái nhỏ mà có thể chịu được cái lớn, tiểu nhân không chịu được cái lớn, mà có thể biết được cái nhỏ vậy (quân tử bất khả tiểu tri, nhi khả đại thụ giã, tiểu nhân bất khả đại thụ, nhi khả tiểu tri giã, Luận Ngữ: Vệ Linh Công, XV). Người quân tử vị tất đã làm được việc nhỏ nhưng tài đức có thể đương được việc lớn. Kẻ tiểu nhân tính khí hẹp hòi không làm được việc lớn, nhưng với việc nhỏ thì có thể làm được.

Quân tử gây cái hay cho người, không gây cái ác cho người, tiểu nhân không thể (quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác, tiểu nhân phản thị, Luận Ngữ: Nhan Uyên, XII). Tâm người quân tử vốn nhân hậu sở hiếu ở sự thiện nên ai làm gì tốt thì khuyến khích, thấy ai làm điều ác thì can ngăn. Tâm kẻ tiểu nhân vốn bạc, sở hiếu chỉ thích điều ác, cho nên thấy ai làm điều ác thì xúi thêm, làm điều thiện thì ghen ghét, kiếm cách ngăn trở.

Quân tử dễ thờ mà khó làm cho đẹp lòng, kịp đến dùng người thì tùy tài mà dùng, tiểu nhân khó thờ mà dễ làm cho đẹp lòng, vì không lấy đạo làm cho đẹp lòng cũng đẹp lòng, kịp đến khi dùng người thì cầu toàn trách bị (quân tử dị sự nhi nan duyệt giã, duyệt chi bất dĩ đạo, bất duyệt giã, cập kỳ sử nhân giã, khí chi; tiểu nhân nan sự, nhi dị duyệt giã, duyệt chi bất dĩ đạo, duyệt giã, cập kỳ sử nhân giã, cầu bị yên, Luận Ngữ: Tử Lộ, XIII).

Cái tâm của người quân tử công và thứ. Công thì chuộng những điều trung chính, nếu ai có đem điều trái đạo lý để làm cho đẹp lòng cũng không ưa, vậy nên khó làm cho đẹp lòng được. Cách dùng người thì lấy lòng thứ mà đãi, tùy tài từng người mà dùng, không bỏ ai cả, vậy nên dễ thờ. Cái tâm kẻ tiểu nhân tư và khắc. Tư thì chuộng những điều không chính, cho nên dù không theo đạo lý thì vẫn làm đẹp lòng được. Cách dùng người thì lấy khắc mà đãi, dùng ai thì muốn người đó thật toàn bị, cho nên khó thờ.

ĐẠI TRƯỢNG PHU CỦA MẠNH TỬ

Quan niệm quân tử của Mạnh Tử [5] và Khổng Tử là một. Mạnh Tử dùng chữ đại nhân hay đại trượng phu thay cho chữ quân tử. Khí tượng người quân tử của Khổng Tử thì hồn nhiên, lúc nào cũng ôn hòa, thuận hậu, đại trượng phu, của Mạnh Tử thì cứng cỏi, có góc cạnh.

Theo Mạnh Tử bản tính người đại trượng phu (quân tử) là nhân, nghĩa, lễ, trí ở trong tâm, luôn luôn hiển hiện ra cử chỉ, hành động (tận tâm thượng). Người quân tử lúc nào cũng ngay thẳng, làm điều lành, điều phải, không vì tư tâm, tư lợi mà hại đạo lý. Ở cái chỗ rộng trong thiên hạ, đứng giữa ngôi chính trong thiên hạ, đi con đường lớn trong thiên hạ. Đắc chí thì cùng với dân mà theo đạo, không đắc chí thì một mình theo đạo, giàu sang không được dâm dăng, nghèo khó không làm thay đổi được cái chí của mình, uy quyền võ lực không thể khuất phục cái khí của mình, thế mới gọi là đại trượng phu (cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo. Đắc chí, dữ dân do chi, bất đắc chí, độc hành kỳ đạo; phú quý bất năng

dâm, bản tiện bất năng di, uy võ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu, Đằng Văn Công, hạ). Chỗ rộng trong thiên hạ là nhân, ngôi chính trong thiên hạ là lễ, đường lớn trong thiên hạ là nghĩa.



Mạnh Tử

Người quân tử bao giờ cũng ngừng lên không xấu hổ với trời, cúi xuống không thẹn với người (*ngưỡng bất úi ư thiên, phủ bất tạc ư nhân*, Tận Tâm, thượng), cùng khổ không mất nghĩa, hiền đạt không bỏ đạo (*cùng bất thất nghĩa, đạt bất ly đạo*), khi đặc chí ra lo việc nước đem ơn trải khắp muôn dân, không gặp thời thì lo sửa mình (*cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ*, Tận Tâm, thượng).

Người quân tử phải biết phân biệt thật giả để hành động cho hợp với đạo trung. Nếu lễ không phải là lễ, nghĩa không phải là nghĩa thì bậc đại nhân không làm (*phi lễ chi lễ, phi nghĩa chi nghĩa, đại nhân phát vi*, Ly Lâu, hạ). Đạo làm người quý nhất là nhân với nghĩa, dẫu là bậc vua chúa mà thiếu nhân nghĩa thì cũng đáng khinh, cho nên người quân tử không thấy người giàu sang mà muốn, không thấy mình nghèo khổ mà sợ. Kể kia cây giàu, ta cây ở cái

nhân, kể kia cây cái tước, ta cây ở cái nghĩa, ta đâu có điều gì bất mãn! (*bĩ dĩ kỳ phú, ngã dĩ ngô nhân, bĩ dĩ kỳ tước, ngã dĩ ngô nghĩa, ngô hà khiếm hồ tai*, Công Tôn Sửu, hạ). Sự sống ta cũng muốn, điều nghĩa ta cũng muốn, nếu không giữ được cả hai thì ta bỏ sự sống mà giữ lấy điều nghĩa vậy (*sinh diệc ngã sở dục giả, nghĩa diệc ngã sở dục giả, nhị giả bất khả đắc kiêm, xã sinh nhi thủ nghĩa giả giả*, Cáo Tử, thượng).

Tóm lại, đại nhân hay đại trượng phu của Mạnh Tử chủ giữ bản tâm cho tinh thuần, không để cho tư dục làm mai một bản tính thiện thiên phú, xây dựng đức tính mạnh mẽ, tâm học sâu xa để dù ở địa vị nào, cảnh ngộ, hoàn cảnh nào cũng giữ được phẩm giá tôn quý xứng đáng làm người đứng trong trời đất.

ĐẠO CỦA NGƯỜI QUÂN TỬ

Đạo của người quân tử nhạt mà không chán, giản dị mà văn vẻ, ôn hòa mà hợp lý (*quân tử chi đạo, đạo nhi bất yếm, giản nhi văn, ôn nhi lý*, Trung Dung). Đạo quân tử tưởng là đạm bạc, nhưng suy ngẫm càng lâu càng thấy hay cho nên không chán. Tuy giản dị mà làm rõ các nghĩa lý cho nên có vẻ đẹp, ôn nhuận mà chính trực.

Đạo quân tử cao thâm thanh nhã như thế nên người muốn theo phải lập chí tập luyện. Đạo không trọng thì không uy nghiêm. Đạo trọng ở sự trung tín, làm bạn với người làm điều nhân như mình. Có điều lỗi thì đừng sợ tìm cách sửa đổi (*quân tử bất trọng, tắc bất uy, học tắc bất cố. Chủ trung tín, vô hữu bất như kỳ giả, quá tắc vật đạ cái*, Luận Ngữ: Học Nhi, I). Người quân tử phải xây dựng phần nội lực thâm hậu thật trịnh trọng thì vóc dáng

bên ngoài mới được vẻ uy nghiêm, và sự học của mình mới vững chắc. Nếu bên trong không được tôn trọng thì bề ngoài không được uy nghiêm, mà sự học của mình cũng lỏng lẻo. Giữ được như thế, cứ lấy trung tín làm chủ, tìm bạn hay mà học hỏi, hễ có điều sai lầm phải sửa đổi ngay. Đó là cách học tập, tu dưỡng của người quân tử.

Người quân tử cũng tựa như người tập bắn, bắn không trúng bia thì tự xét lại mình (*xạ hữu tự hồ quân tử, thất chư chính hộc, phân cầu chư kỳ thân*, Trung Dung). Người quân tử hành đạo cốt ở mình, việc gì sai lầm phải tự trách mình.

Người quân tử thấy điều thiện phải cố làm cho được, thấy điều ác phải sợ hãi. Thấy điều thiện phải cố làm như là theo không kịp, thấy điều bất thiện thì như dứng tay vào nước sôi (*kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như thám thang*, Luận Ngữ: Quý thị, XVI).

Học đạo làm người quân tử thì phải thành thực không bao giờ tự lừa dối mình làm hại sự hiểu biết của mình. Cái gì biết thì cho là biết, cái gì không thì chịu là không biết, đó là biết vậy (*tri chi vi tri vi, bất tri vi bất tri, thị tri giả*, Luận Ngữ: Vi chính, II). Sự lý trong thiên hạ vô cùng, vô tận không ai có thể biết hết được. Vì vậy điều gì ta thật biết thì nhận là biết. Điều gì ta không biết thì không nhận là biết. Như thế ta không tự khinh, xấu hổ, mà bản thể chân thực của sự hiểu biết không bị mờ tối. Lấy tâm thành đối với học vấn để phân biệt phải trái đúng sai, suy ngẫm điều hay dở thì sự hiểu biết mới thăng tiến được.

Đạo người quân tử phải giữ đủ cả 2 phần: phần chất phác ở trong và phần văn hoa bên ngoài. Chất hơn văn thì què mùa, văn hơn chất thì kém lòng thành

thực, văn chất bằng nhau nhiên hậu mới thật là quân tử (*chất thắng văn tắc dã, văn thắng chất tắc sử, văn chất cân cân, nhiên hậu quân tử*, Luận Ngữ: Ưng Giã, VI). Chất phác quá thì thô lỗ, văn vẻ quá thì hào nháng bề ngoài, bên trong không thực, vì thế văn và chất phải đều nhau, không để bên này hơn bên kia thì mới đúng đạo quân tử.

Theo Khổng Tử, muốn trở thành người quân tử hoàn toàn thì khi thấy lợi phải nghĩ đến nghĩa, thấy sự nguy hiểm thì đem tính mạng ra mà chống lại, không quên lời giao ước đã lâu năm, người như vậy khá coi là hoàn toàn (theo Luận Ngữ: Hiến Vấn, XIV).

KẾT LUẬN

Muốn làm người quân tử, đại trượng phu rất khó. Phẩm giá và học vấn của bậc chính nhân quân tử rất cao, tư cách của hạng người tầm thường chỉ lo việc tiền bạc, tư lợi không thể nào đem ra so sánh được. Vì vậy, muốn theo được đạo của người quân tử thì phải cần nhiều cố gắng, tu luyện tính tình không để tư lợi làm mờ việc nghĩa.

Trần Bích San

CHÚ THÍCH

[1] **Khổng Tử (551-TTL-479TTL)**: tên là Khâu, tự Trọng Ni, người nước Lỗ (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), cha là Thúc Lương Ngột, mẹ là Nhan Thị. Ông có ra làm quan mong đem tài học ra cải cách xã hội nhưng không thành công, chu du nhiều nước để truyền bá tư tưởng của mình nhưng không có vua nào lắng nghe, cuối cùng, mở trường đào luyện đệ tử, xưng lên học thuyết Nho Giáo. *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu* do chính Khổng Tử san định, *Luận Ngữ* là công trình của môn sinh biên soạn kể lại giáo điều thầy dạy.

[2] Theo Chu Bội Liên trong bài Tựa *Thánh Mô Hiền Phạm* của Lê Quý Đôn.

[3] Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.

[4] Kinh là ngũ kinh gồm có *Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu*.

Truyện là tứ thư gồm có *Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung, Mạnh Tử*.

[5] **Mạnh Tử** sống vào đời chiến quốc (372-289 TTL), cháu Khổng Tử, môn đồ của Tử Tư, được coi là người thừa kế đạo Nho, tác giả quyển thứ tư trong bộ tứ thư của Nho giáo (gồm các câu vấn đáp của Mạnh Tử với học trò). Sách nói về đạo trị dân với chủ trương dân là quý nhất (*dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*). Muốn thi hành chữ nhân phải lo cho dân an cư lạc nghiệp, giảm hình phạt, nhẹ thuế má. Vua cai trị bằng vương đạo, không dùng bá đạo, mới mong cùng dân yên vui (*dữ dân đồng lạc*). Ông cho rằng con người sinh ra có bản tính lành (*nhân chi sơ tính bản thiện*), đề cao chữ hiếu, trong ba tội bất hiếu thì tội nặng nhất là không có con nối dòng và đời đời cúng giỗ tổ tiên (*bất hiếu hữ tam, vô hậu vi đại*).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Khổng Tử, *Luận Ngữ*, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, nxb Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ 1994.

- Kim Định, *Cửa Khổng*, nxb Lĩnh Nam, Hoa Kỳ, 1997.

- Mạnh Tử, *Mạnh Tử*, bản dịch của Đoàn Trung Còn, nxb Trí Đức in lần thứ 3, Sài Gòn, 1950.

- Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, in lần thứ 4, nxb Tân Việt, Sài Gòn, Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ.

- Trần Văn Kiệm, *Từ Điển Văn Học Việt Nam*, Hoa Kỳ 2007.

- Tử Tư, *Trung Dung*, bản dịch của Đoàn Trung Còn, nxb Trí Đức, in lần thứ 3, Sài Gòn 1950.



TRẦN BÍCH SAN

Chủ Bút, Ban Biên Tập và Cố Vấn Danh Dự của Cơ Sở Cỏ Thơm.

Đại Diện Cỏ Thơm vùng New Orleans, LA.

Chủ Bút Little Saigon News ở New Orleans, LA

- Tên thật **Trần Gia Thái**, sinh ngày 31 tháng 8, 1940.

- Sinh quán: Mỹ Lộc, Nam Định, Việt Nam.

- Thân phụ là Thi Sĩ Vĩ Giang Trần Gia Phúc,

Quận Trưởng Bình Lý, Hà Nam, 1949. Thân

mẫu là Lê Thị Soan người làng Yên Đổ, Bình

Lục, Hà Nam. Con gái út: Nghị Viên Lê Kính.

- Tiểu Học: Bến Ngự Nam Định, Nguyễn Du Hà

Nội. Trung Học: Trần Lục, Chu Văn An.

- Tốt nghiệp khóa I Phóng Viên Báo Chí Việt

Tấn Xá, 1965. Nhập Ngữ khóa 3, 1969 Trường

Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Tốt nghiệp Đại Học

Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Trưởng Ban

Chiến Tranh Chính Trị Tiểu Đoàn. Cấp bậc cuối

cùng: Trung Úy Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

- Tháng 4 năm 1975 định cư tại Hoa Thịnh Đốn.

- 1979: Tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học

Biomedical Engineering Đại Học George

Washington Univeristy, làm việc tại Bệnh Viện

Infirmery, New Orleans, Louisiana. 1990: Giám

Đốc Biomedical Engineering Department. 1995:

Tốt nghiệp Master of Health Administration,

Tulane University. 2006: Tốt nghiệp Ph.D.

Weybridge University.

SƠ LƯỢC VỀ HÁT CẢI LƯƠNG

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

(Tiếp Theo Cỏ Thơm 67)

- **Đoàn Thống Nhất**, về đào có: Kim Hà, Mỹ Ngọc, Ngọc Bích, Ngọc Kim, Thanh Xuân, Thu Vân...; về kép có: Chon Tâm, Minh Châu, Hoàng Liêm, Hoàng Sương, Ngọc Trai, Quang Hiền, Quốc Việt, Văn Núi, Yên Đạt...

- **Đoàn Thủ Đô**, thành lập năm 1959, tổ chức hiện đại, đạo cụ tân tiến, trang phục dồi dào, có đoàn xe riêng khi di chuyển, với thành phần diễn viên, về đào có: Hồng Hoa, Huỳnh Hoa, Mỹ Quyên Chi, Phương Lan Y, Tô Kiều Lan; về kép có: Hà Trúc Phương, Hữu Hạnh, Minh Quang, Phương Thảo, Sáu Nhỏ, Thanh Hiền, Tường Lân, Út Trà Ôn (1918- 2001, tên thật là Nguyễn Thành Út, người quận Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long), Văn Sa...

Tám đoàn hát kể trên, với 128 nghệ sĩ (51 đào, 77 kép), và hậu trường có 53 kịch tác gia, chưa phải là con số tổng kết, vì còn nhiều đoàn hát ở các tỉnh chưa thống kê được. Ngoài ra, còn các nghệ sĩ chuyên nghiệp, diễn lời trên đài phát thanh Sài Gòn (thời Việt Nam Cộng Hòa) không lên sân khấu, về đào có Bạch Huệ, Cô Ba Bến Tre, Cô Ba Trà Vinh, Cô Năm Cần Thơ, Hạnh Ngô, Hương Xuân, Ngọc Ánh, Lê Liễu, Thanh Hoa...; về kép có: Ba Ngươn, Bảy Quói, Chín Sớm, Năm Bửu, Năm Phôi, Sáu

Thoàn, Sáu Vị, Tám Bằng, Tám Thưa, Thành Công...

7 - Cải lương ngày nay:

Ngày xưa, sân khấu rạp đã đưa cải lương đến cực thịnh. Ngày nay, cải lương có sân khấu truyền hình, chấp cánh cho bộ môn nghệ thuật này bay vút trời xanh. Để đáp ứng nhu cầu phim ảnh, cải lương truyền hình ra đời, tức là diễn xuất ngoài thiên nhiên phù hợp với tình tiết kịch bản. Tất nhiên, không phải để khán giả thưởng thức trực tiếp như trong rạp, mà vở diễn được quay thành phim, sản xuất bản sao hàng loạt, phát hành rộng rãi. Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, khán giả cũng có thể xem cải lương video hay DVD trên màn ảnh nhỏ, và lưu trữ phim với thời gian.

Tiêu biểu có các vở: *Ái Tình Hay Ngôi Báu* (tuồng Tàu) soạn giả Viên Hoàng, đạo diễn Lê Lộc; *Bể Hận Mênh Mông* của Nhị Kiều, phóng tác theo tiểu thuyết *Lá Ngọc Cành Vàng*; *Bỏ Vợ* của Hoa Trang Nhã, đạo diễn Xuân Phước; *Cạn Nguồn Suối Lệ* của Thới Lai, đạo diễn Lê Lộc; *Đi Biển* của Hoa Phượng, đạo diễn Xuân Phước; *Giọt Máu Oan Khiên* của Anh thư, đạo diễn Phượng Hoàng; *Lạc Loài* của Yên Ba, đạo diễn Hoàng Dũ; *Nói Lại Tình Xưa* của Đức Hiền và Thiên Kiều, đạo diễn Xuân Phước; *Sóng Gió Làng Chài* của Mỹ An, đạo diễn Xuân Phước; *Trời Cao Nhỏ Lệ* của Viên Hoàng, đạo diễn Hoàng Dũ.

Một kịch bản cải lương muốn thực hiện thành phim, ngoài số diễn viên đóng các vai, còn có những nhân sự khác tuy không thấy mặt trên sân khấu truyền hình, nhưng lại quan trọng không kém, gồm: Chủ nhiệm (bầu gánh), Đạo diễn, Biên tập, Trợ lý đạo diễn, Thư ký, Quay phim, Phụ quay phim, Kỹ thuật, Ca khúc trong phim, Âm thanh, Ánh sáng, Cổ nhạc, Tân nhạc, Hóa trang, Đạo cụ, Đồ họa vi tính, Nhạc tuồng, Thiết kế, Thực hiện chương trình. Các khâu công việc và số nhân sự có thể gia giảm tùy theo kịch bản.

Ngày nay, ngoài số nghệ sĩ quen thuộc của thế hệ trước tiếp tục sinh hoạt, còn có rất nhiều diễn viên trẻ nổi tiếng và không ít những mầm non đầy hứa hẹn. Cả ba thế hệ đều có mặt trên sân khấu cải lương, và dưới đây là vài khuôn mặt nghệ sĩ tiêu biểu của thời đại:

Về đào có: Ngọc Huyền (sở trường đào thương), Tài Linh (tên thật là Huỳnh Thị Phú Nhuận, sinh năm 1957, nguyên quán ở Bình Định), Thanh Ngân (chuyên đào thương, HCV Hội diễn Sân khấu Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc năm 2005), Thoại Mỹ (HCV Hội diễn sân khấu 2005), Trinh Trinh (HCV giải Trần Hữu Trang năm 1995)...

Về kép có: Bảo Chung (hài), Kim Tiểu Long (tên thật là Trương Hoàng Kép, sinh năm 1975, người Vĩnh Long, HCV Hội diễn Sân khấu Cải lương 2005), Kim Tử Long (tên thật là Hoàng Kim Long, sinh năm 1966 tại Sài Gòn, vào nghề 1982, HCV giải Trần Hữu Trang 1992), Linh Tâm, Vũ Linh (tên thật là Võ Văn Ngoan, sinh năm 1958 tại Chợ Lớn, vào nghề 1972, HCV giải Trần Hữu Trang 1991)...

III - GIỌNG HÁT CẢI LƯƠNG

Có nhiều người cho rằng, chỉ cần luyện cho thật mùi sáu câu Vọng cổ là có thể hát cải lương. Và ngay cả những chủ đoàn hát đội khi cũng căn cứ vào ca Vọng cổ của mỗi diễn viên để xếp hạng đào kép. Thật ra hát cải lương có đến sáu giọng: Bắc, Nam, Oán, Thán, Lý, Bình, Ngâm; mỗi giọng đều có tiết điệu riêng, khác biệt nhau. Nhưng Vọng cổ là một điệu rất quan trọng và độc đáo của bộ môn này. Đúng vậy, trong vở cải lương, bắt buộc mỗi màn phải có ít nhất một bản Vọng cổ. Và mỗi tương quan nồng thắm, cải lương nhờ Vọng cổ đã vươn lên đến tuyệt đỉnh, còn Vọng cổ cũng nhờ cải lương mà trở thành bất tử trong lòng người dân Việt.

1 - Vậy Vọng cổ là gì?

Nhạc sĩ Cao Văn Lầu (1892- 1976), tục gọi là Sáu Lầu, sinh ngày 22- 12- 1892, tại xóm Cái Cui, làng Chí Mỹ, sau sát nhập với làng Thuận Lễ thành xã Mỹ Thuận, huyện Vàm Cỏ (tên cũ), tỉnh Long An. Năm 1901, ông theo cha mẹ đến Bạc Liêu lập nghiệp và ở luôn đấy. Năm 1920 (có sách ghi năm 1918 hay 1919), Sáu Lầu lập gia đình đã mười năm mà chưa có con, phải vâng lệnh cha mẹ cưới vợ khác để nối dòng. Vì thương người vợ trước, ông cảm tác ra bản nhạc *Hoài Lang* (nhớ người tình) gồm 20 câu, nói lên nỗi lòng của vợ và đờn cho ông Trần Xuân Thơ, thầy tuồng gánh Tân Minh Kế, nghe. Cảm tiếng đờn, ông Thơ viết lời ca và đề nghị lấy tên *Dạ Cổ Hoài Lang* (nghe trống canh khuya nhớ chồng).

Trời đất không phụ người có nghĩa, liền sau đó vợ ông mang thai và chuyện gia đình được thu xếp ổn thỏa. Bản ca trước cũng được đổi tên lần nữa là *Vọng Cổ Hoài Lang*

(trông chuyện xưa nhớ đến chồng), rồi gọi tắt là *Vọng Cổ* (tưởng đến chuyện dĩ vãng).

Vọng cổ nguyên thủy ca giọng Bắc, nhịp hai, bản đơn: Hồ liu xang xê công, Liu công liu công xê xang, Xừ xang xê hò liu công xê xang hò, Liu xê xang xự xê xang liu hò... Lời ca: Từ là từ phu tướng, Bửu kiếm sắc phong lên đàng, Vào ra luống trông tin chàng, Đêm năm canh mơ màng...(trích 4/20 câu đầu).



H 7: Cao Văn Lâu (1892- 1976)
cha đẻ của *Vọng cổ* [8].

Vọng cổ không dừng lại ở trạng thái ban đầu mà biến chuyển không ngừng để đáp ứng nhu cầu nghệ thuật ngày càng cao và thị hiếu của quần chúng. *Vọng cổ*, từ giọng Bắc chuyển dần sang Nam có pha điệu Oán và từ nhịp hai không đủ chỗ để viết lời nên tăng dần đến nhịp 128. Nhưng rồi, rốt cuộc nhịp 32 vẫn được mọi người tán đồng và giữ mãi cho đến ngày nay. Theo Trần Văn Khải, *Nghệ Thuật Sân Khấu Việt Nam*, *Vọng cổ* có 6 thời kỳ tăng nhịp và mỗi thời kỳ chia làm hai: đợt nhất lời ca hơi ít chữ, đợt nhì ca nhiều chữ hơn, nhưng vẫn giữ y nhịp:

Thời kỳ 1: từ 1920- 1926, *Vọng cổ* nhịp 2 nguyên thủy có 20 câu, được đón nhận nồng nhiệt và dần dần thay thế cho bài *Tứ Đại Oán*. Đợt đầu, có bản *Vọng Cổ Hoài Lang*; đợt hai, điển hình có bản *Vọng cổ* trong tuồng *Tham Phú Phụ Bản* diễn năm 1926 tại Biên Hòa, do các nhân vật Ái Châu (nữ) và Huỳnh Kỳ Thoại (nam) ca đối đáp.

Thời kỳ 2: từ 1927- 1935, *Vọng cổ* tăng lên nhịp 4, lời ca có nhiều chữ hơn, giọng kéo dài ngân nga, nên phải chuyển sang điệu Nam cho thích hợp và bài ca chỉ còn 12 câu. Đợt đầu, tiêu biểu có bản *Giá Trị Danh Dự* do Tư Chơi ca chuyển điệu Nam, trong vở *Giá Trị Và Danh Dự* của Nguyễn Thành Châu. Đợt hai, điển hình có bản *Vọng cổ* do Phùng Há đơn ca, trong vở *Khúc Oán Vô Lương* của Huỳnh Thur Trung.

Thời kỳ 3: từ 1936- 1945, *Vọng cổ* tăng lên nhịp 8, nhưng bài chỉ còn 6 câu, với điệu ca chậm rãi, ngân nga hơn bản nhịp tư và xuống giọng ở cuối câu. Đợt đầu, tiêu biểu có bản *Gánh Nặng Tình Đời* của Lưu Hoài Nghĩa, tức Năm Nghĩa ca. Đợt hai, điển hình là bản *Vọng cổ* do Tư Út ca, trong vở tuồng *Tô Ánh Nguyệt* của Trần Hữu Trang.

Thời kỳ 4: từ 1946- 1954, *Vọng cổ* tăng lên nhịp 16, bài vẫn 6 câu, nhưng lời ca buông nhịp mới mẻ, mở ra một bước ngoặt mới câu nhạc bắt đầu đa dạng và phong phú cho *Vọng cổ*. Nhờ sáng kiến của Út Trà Ôn (tên thật là Nguyễn Thành Út, thường gọi Mười Út; sinh năm 1919, tại ấp Phú Đông làng Đông Hậu huyện Trà Ôn tỉnh Cần Thơ, nay thuộc tỉnh Vĩnh Long; mất ngày 13- 8- 2001 tại Sài Gòn, an táng ở Chùa Nghệ Sĩ quận Gò Vấp) đưa vào bản *Vọng cổ* những câu thơ ngâm điệu tao đàn hay ngâm *Lục*

Vân Tiên mùi mẫn và những câu hò vui tai. Đợt đầu, tiêu biểu có bản *Tôn Tẫn Giả Diên*, Út Trà Ôn đơn ca trên đĩa hát hãng Asia; đợt hai, điển hình có bản *Xử Tội Bàng Quý Phi*.

Thời kỳ 5: từ 1955- 1964, *Vọng cổ* tăng lên nhịp 32, bài vẫn 6 câu. Đợt đầu, tiêu biểu có bản *Đội Gạo Đường Xa* (gương hiều thảo của thầy Từ Lộ) soạn giả Viễn Châu, do Hữu Phước đơn ca, thu vào đĩa hát hãng Lam Sơn. Đợt hai, điển hình có bản *Nguyệt Kiều Xuất Gia*, cũng của Viễn Châu, do Thanh Nga đơn ca thu vào đĩa hãng Hồng Hoa.



H 8: Nghệ sĩ Út Trà Ôn (1919- 2001), vua ca *Vọng cổ* [9].

Thời kỳ 6: từ 1965 đến nay, *vọng cổ* tăng nhịp 64, rồi nhịp 128, bài vẫn sáu câu. Tiêu biểu cho nhịp 64 có bản *Ba Râu Di Chợ Lớn* của Viễn Châu, do Văn Hường đơn ca trên đĩa hát hãng Hồng Hoa. Nhưng vì chế nhịp nhiều quá, không ăn khách, khiến *vọng cổ* lại trở về nhịp 32, và dừng

lại ở trạng thái viên mãn này, được coi là tiêu chuẩn hiện nay.

Từ năm 1964, một cải tiến quan trọng, nghệ sĩ Viễn Châu đưa tân nhạc vào *vọng cổ*, tạo thành mô hình Tân cổ giao duyên. *Vọng cổ* ở trường hợp này, chỉ còn 4 câu thay vì 6 câu thông thường.

Ngoài việc đem *vọng cổ* vào kịch bản cải lương, trong đờn ca tài tử, điệu ca này còn được khai thác tối đa trên các đĩa nhạc đủ loại đề tài như: đạo hạnh, hiệp sĩ, luân lý, nhân vật lịch sử, sự tích, tâm lý, tình cảm, truyện Tàu, xã hội... Đó là đặc điểm của *Vọng cổ* mang tính đa dạng có khả năng biến thái của bài hát theo lời ca.

2 - Ca Bắc:

Thường là văn vần, diễn trong tình tiết vui, ca Bắc được dùng để tả cảnh vật, bày tỏ cái chí khí của đấng nam nhi, cái tiết tháo của kẻ sĩ, hoặc nói lên cái ý hướng của mình. Đôi khi ca Bắc cũng dùng tả cảnh sinh ly tử biệt, nhưng đượm vẻ hào hùng. Tuy là ca Bắc nhưng hoàn toàn ngôn từ Việt Nam, rất phổ biến trong cải lương, và không như hát Khách (hát Bắc) của hát bội nặng nề chữ Hán.

3 - Ca Nam:

Cũng như nói Lối ai, ca Nam là giọng buồn thảm nhất trong các điệu cải lương. Ca Nam thường dùng văn vần để có thanh bằng trắc, giọng trầm bổng thì ca mới nghe được. Tùy theo mức độ bi ai, điệu ca này chia làm 5 loại:

- Nam xuân có 8 lớp, mỗi lớp gieo một vần cho cả 8 câu. Giọng Nam xuân buồn nhẹ, dịu hòa.

- Nam ai gồm 14 lớp, mỗi lớp có 8 câu và gieo một vần, ca nhịp lời nên giọng buồn thảm thê lương nhất.

- Nam bình, còn gọi là Trường tương tư, chữ cuối câu gieo một vần và đều thanh bằng, giọng buồn miên man. Điệu ca này gốc ở miền Trung, mới gia nhập vào cái lương khoảng đầu thập niên 1930.

- Nam chạy trong cái lương cũng giống như Nam tấu trong hát bội, dùng khi bị rượt đuổi, vừa chạy vừa ca nhịp thúc để phù hợp với điệu bộ chạy giặc. Bài Nam chạy cũng gồm nhiều lớp, mỗi lớp có 8 câu, và thường xen nói lối giữa hai lớp.

- Nam Đảo ngũ cung là bài Nam gồm 8 lớp, mỗi lớp có tám câu một vần. Và thường mang thanh trắc, nghe chói tai xóc đưng, tạo âm điệu độc đáo trong cổ nhạc Việt Nam.

4 - Ca Bắc biến thể giọng Nam: gồm 3 điệu

- Hành vân hơi Nam: nguyên Hành vân là bản ca Bắc, được biến thể chuyển qua ca Nam, nhịp lơi và ngân nga, để diễn tả tâm sự buồn của nhân vật.

- Chuồn chuồn hơi Nam: nguyên Chuồn chuồn là bản ca Bắc, được biến thể chuyển qua ca Nam và vô Vọng cổ khi vai tuồng diễn cảnh gặp cơn hoạn nạn.

- Vọng cổ cũng là bản Bắc chuyển sang giọng Nam, nhưng là một điệu ca quan trọng nên có chỗ đứng riêng.

5 - Nói lối:

Nói lối trong cái lương thường là những câu văn vần, mỗi câu từ 4 đến 9 chữ, có thể dài hơn, đôi khi có văn xuôi, và chia làm ba loại:

- Lối Bắc, nói chậm từng tiếng, rõ ràng và nghiêm trang, không có đàn đưa hơi. Diễn viên nói lối Bắc xong, thì tiếp đến ca Bắc.

- Lối Ai (tức lối Nam), nói chậm, giọng buồn nã ruột, có đàn đưa hơi qua bản *Xuân Nữ*; và xong lối Ai thì tiếp đến ca Nam.

- Lối giặm, khi diễn viên ca vọng cổ, vừa dứt một câu, đờn nổi lên, trong thời gian chờ diễn viên ca tiếp, nhân vật đối thoại xen vào câu Lối giặm, không nhất thiết là phải văn vần, để trám khoảng trống và tránh bị ngưng tuồng. Vậy Lối giặm phải gọn, không được dài dòng, làm loãng bài Vọng cổ.

6 - Nói thường:

Dùng để xen giữa các câu nói lối, nên diễn viên phát ngôn bình thường, tự nhiên như kịch nói.

7 - Oán:

Giọng oán thể hiện nỗi đau khổ buồn giận, nhưng mang tính bi hùng, chứ không ủy mị thê lương. Tuy là vậy, các tính chất trên cũng gia giảm tùy theo từng bài. Có bốn bài oán chính:

- *Tứ Đại Oán* (trong tuồng *Vĩ Nghĩ Liễu Minh*),

- *Giang Nam* (thích hợp cho những tuồng có nhân vật nữ trong cô phòng, than thân tủi phận),

- *Phụng Cầu* (trong tuồng *Lưu Kim Đinh Giải Giá Thọ Châu*),

- *Phụng Hoàng* (tính chất oán nhẹ nhàng hơn các bản khác);

Và bốn bài oán phụ: *Văn Thiên Tường* (ca trong lúc vợ chồng quyền luyến trước cảnh chia ly), *Bình Sa Lạc Nhạn*, *Bộc Thủy Ly Tao*, *Thanh Dạ Đề Quyên*.

8 - Bình:

Bài Bình bằng thơ lục bát và nói rõ ràng từng câu, từng điệu. Bình cũng gần như Bạch trong hát bội, nhưng Bạch nói lên cái chí hướng của nhân vật còn Bình tả cái gia cảnh của vai tuồng.

9 - Ngâm:

Cái lương và hát bội đều có ngâm, tức là đọc thông thả bài thơ với giọng tha thiết

diễn cảm qua âm điệu trầm bổng ngân dài, nhưng không theo khuôn nhịp cố định. Ngâm trong cải lương thường là thể thất ngôn tứ tuyệt, thơ tám chữ bốn câu, cũng có thể dùng lục bát hay song thất lục bát.

10 - Nói thơ, tức là không ngâm mà chỉ đọc thơ với giọng rõ ràng, thông thả.

11 - Thán:

Điệu thán trong cải lương nhất định phải là thơ thất ngôn tứ tuyệt, có đờn đệm đưa hơi, với giọng nã nê; chẳng hạn như than khóc người thân lia đời.

12 - Lý:

Lý là điệu hát ngắn, gọn, tính nhạc phong phú, rất phổ biến trong dân gian. Cải lương thường dùng các điệu Lý sau đây:

- Lý giao duyên dành cho đào hát trong lúc cô đơn, khi trông nhớ chồng, con đi xa lâu về.

- Lý Ngựa ô căn cứ vào nguồn gốc có hai loại: điệu Lý Bắc hát nhanh nhịp 1, điệu Lý Nam hát chậm và nhịp tư lời.

- Lý Huế cũng hát chậm với nhịp tư lời và giọng dịu dàng.

- Lý con sáo tức Lý Tam thất, có hơi ca Nam.

- Lý thập tình.

- Lý chuồn chuồn.

13 - Hò:

Hò là điệu hát dân gian có giọng cất cao, to và dài hơi, đồng ca trong khi làm việc cho quen mệt nhọc, hay để hợp sức cùng làm một việc gì. Trong cải lương thường thấy hò cấy lúa, hò chèo ghe, hò đưa đò...

IV - CÁC DÒNG PHẢI CẢI LƯƠNG

1 - Khuyh hướng cải lương tuồng Tàu:

Bộ môn cải lương lúc mới ra đời (1917) thường diễn tuồng Tàu, vì các soạn giả là lớp người cựu học, họ xem sách truyện tích Tàu để soạn tuồng, hay là chuyển thể từ các kịch bản hát bội viết bằng chữ Hán và Nôm.

a/ Trương Duy Toàn (1885- 1957):

Đầu tiên có Trương Duy Toàn, soạn tuồng và dạy con hát cho gánh Thầy Năm Tú. Ông là một kịch tác gia, tự Mạnh Tự, bút hiệu **Đông Hồ**; người huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia các tổ chức chống Pháp rồi xuất dương sang Nhật. Năm 1908, ông cùng với Cường Để sang Châu Âu. Sau năm 1914, ông bị Pháp bắt, dẫn độ về Sài Gòn, bị nhốt một thời gian rồi được thả. Từ ấy, ông soạn vở cải lương và là một thầy tuồng (đạo diễn) nổi tiếng nhất vào những năm thập niên 1920.

Các tuồng cải lương của ông đều phóng tác theo truyện tích Tàu, như vở *Hạnh Nguyên Cống Hồ*, *Trang Châu Mộng Hồ Diệp*, *Trang Tử Cổ Bốn Ca*, *Lưu Yến Ngọc Cứu Cha Đại Hiếu* (1930)... Tuy cốt truyện có nguồn gốc Tàu, nhưng không đem nghệ thuật Tàu vào kịch bản.

b/ Nguyễn Trọng Quyền (1876- 1953):

Người kế tiếp là Nguyễn Trọng Quyền, bút hiệu **Mộc Quán** (hai chữ Mộc và Quán, viết ra chữ Hán và ghép lại thành chữ Quyền). Ông người làng Thạnh Hòa, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc tỉnh Cần Thơ). Ông gia nhập làng báo, viết cho tờ *Nông Cổ Mìn Đàm*, *Lục Tinh Tân Văn*. Từ năm 1920, ông trở thành nhà soạn tuồng cải lương nổi tiếng cho các gánh hát lớn đương thời suốt trong 33 năm với chừng 85 kịch bản.

Theo Nguyễn Phương [10]: "Ông là người khai sinh ra dòng nghệ thuật sân khấu tuồng Tàu. Ông đã viết lời Việt và sửa cách phát âm theo lối Việt một số bản nhạc của sân khấu hát Tiều, hát Quảng để dùng trong các tuồng Tàu do ông sáng tác. Các bài bản

Và ngay cả nghệ thuật cải lương, ông cũng bót tả chân đế pha trộn cái tượng trưng ước lệ của hát bội với lối hát Tiều và Hí khúc của nhà Nguyên, làm thành một mô hình cải lương tuồng Tàu: động tác được vũ điệu hóa, lời thoại được âm nhạc hóa, và ca diễn tiết tấu được cường điệu hóa. Nhưng lối pha trộn này không ăn khách vì xa rời dân tộc tính, nên không phát triển, mà người đời quen gọi là: Cải lương Hồ Quảng.

2-Khuynh hướng cải lương tuồng Tây:

Từ năm 1923, bộ môn cải lương phát sinh một dòng phái nữa có tên là tuồng Tây và sau này còn gọi là tuồng xã hội. Năm ấy, nghệ sĩ Năm Châu cộng tác gánh Trần Đắc, soạn tuồng cải lương *Nghĩa Bộc Thủ Phân* và *Tiên Biệt Phu* là hai kịch bản cải lương đầu tiên thuộc hệ phái này.

a/ Nguyễn Thành Châu (1906- 1978):

Nguyễn Thành Châu, thường gọi là Năm Châu, quán làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, nay là Tiền Giang. Ông bước vào nghệ thuật cải lương từ lúc 15 tuổi, là một kịch tác gia kiêm đạo diễn vừa là diễn viên, với lãnh vực nào cũng tỏ ra xuất sắc. Ông đã đóng góp không nhỏ cho bộ môn này qua 50 kịch bản. Phần lớn tuồng của ông phóng tác từ các truyện của Pháp, các vở kịch cổ điển của Tây phương, soạn thành vở cải lương, tiêu biểu như: *Áo Người Quân Tử* (theo L'homme en habit), *Bằng Hữu Bình Nhung* (theo Les

đó đến nay trở thành cổ nhạc Việt Nam tuy vẫn còn giữ cái tên của nhạc Tiều hay nhạc Quảng cũ như : Ú liu Ú xáng, Xang xì liu, Xáng xáng liu, Xách xui, Tân xái phí, Bạc cảm lòng, Dì phảnh, Mành bản..."

troi mousquetaires), Giá Trị Và Danh Dự (Le Cid của Corneille)...

b/ Huỳnh Thur Trung:

Cuối thập niên 1930 có Huỳnh Thur Trung (thường gọi là Tư Chơi) soạn tuồng cải lương mà cốt truyện hoàn toàn sáng tác, không phỏng theo tiểu thuyết Tây, Tàu hay Việt. Ông cũng là soạn giả đầu tiên dùng nhạc Pháp lời Việt trong các kịch bản cải lương.

Nói chung tuồng Tây khác với tuồng Tàu ở phong cách diễn xuất, vì tuồng Tây gần với tự nhiên và cuộc sống thực.

V - CÁC LOẠI NHẠC CỤ

Đặc biệt âm nhạc cải lương chỉ dùng đàn; không dùng trống, đồng la, chập chĩa, và kèn nên không rộn rã như hát bội. Các loại nhạc cụ cải lương có:

1 - Đờn kìm, còn gọi là nguyệt cầm vì bầu cộng hưởng (bụng đàn, thùng đàn) tròn như mặt trăng rằm, đường kính chừng 40 cm, dày không quá 8 cm, bít kín không có lỗ thoát âm. Càn đàn dài chừng 85 đến 90 cm, gắn 8 phím lờm cách nhau không đều, có hai dây tơ (nay là dây nylon) nối từ con quay ở đầu càn đến cuối bụng đàn mắc trên một cái thú (ngựa đàn). Đờn kìm tiếng không trong và thanh như đờn tranh hay lục huyền cầm, nhưng với âm hưởng trầm, hòa với cây tranh thì tuyệt vời.

Trong nền âm nhạc cổ điển Việt Nam, cây kìm là đàn chánh, không thể thiếu. Và trong cải lương, người phụ trách đờn kìm

được coi như trưởng ban nhạc, ngồi ở vị trí ngó ra sân khấu để điều khiển giàn nhạc, vừa theo dõi diễn viên giọng cao thấp thế nào mà đàn thay đổi năm bậc, từ Hồ (hò nhút), Xự (hò nhì), Xang (hò ba), Xê (hò tư), Công (hò năm). Ở vị thế nhạc cụ chủ, đàn kìm giữ nhịp song lang, các cây đàn khác phải so dây theo, và diễn viên cũng lấy hơi ca theo nhịp cây kìm.

2 - Đàn cò, còn gọi là đàn nhị, gồm ống đàn (bầu cộng hưởng) mặt bịt da, cần đàn dài không phím và có hai dây tơ căng thẳng tắp trên dây của cung đàn, phát ra âm thanh dịu dàng như tiếng đàn Violon của Tây phương. Đàn cò rất phổ biến trong âm nhạc cổ Việt Nam, ở vị thứ hai và có mặt trong tất cả các bộ môn nghệ thuật truyền thống.

3 - Đàn sến có hai hay ba dây tơ, bụng đàn hình hoa thị, cần đàn dài hơn đàn kìm và có 13 phím

4 - Đàn tranh còn gọi là Thập lục vì có 16 dây bằng kim loại và khay cũng bằng móng kim nên tiếng ngân dài, luyện lấy già dặn và có được ba âm giai: thượng, trung, hạ. Lại nhờ đôi tay tài nghệ của nhạc công nhấn và rung trên phím tạo âm thanh mùi mẫn, quyến rũ, đi vào lòng người nghe.

5 - Đàn lục huyền, tức Guitare hay Tây Ban cầm, nguyên có 6 dây kim loại và từ Tây Ban Nha nhập vào Việt Nam, khoảng cuối thập niên 1930 đầu thập niên 40. Rồi nhạc sĩ Jean Tịnh là người có sáng kiến đưa cây Guitare cùng đàn Violon gia nhập vào giàn nhạc cải lương, và được cải biến thành đàn 5 dây, với phím móc lõm sâu. Tây Ban cầm khi đàn bực cao, tiếng thanh như đàn Tranh.

6 - Vĩ cầm tức Violon, gốc từ Tây phương, có 4 dây tơ dùng cung kéo phát ra

âm thanh như đàn cò nhưng tiếng lớn hơn làm át cả các đàn khác, cho nên những nhạc công bảo thủ không ưa thích. Tuy vậy, hai cây đàn này được xem như nhóm nhạc cụ cổ điển Việt Nam.

7 - Cây cuồn, giống như cây kèn, đầu gốc có gắn lưỡi gà để thổi ở vị thế cầm dọc, đầu ngọn sưng không có loa nên âm thanh phát ra nhỏ hơn tiếng kèn và không vang xa.

8 - Ống sáo hay ống tiêu làm bằng một lóng cây trúc, dài độ 30 cm, đường kính chừng 1 cm 5, có khoét một lỗ lớn để thổi ở vị thế cầm ngang, và 6 lỗ nhỏ thoát hơi (sáo cải tiến có 10 lỗ bấm) tạo ra âm thanh trầm bổng trong các cung bậc của âm nhạc.

VI - TÂM ẢNH HƯỞNG

Văn cải lương dùng quốc âm, gần với ngôn ngữ đời sống hằng ngày, nếu có chữ Hán cũng chỉ xen lẫn với Nôm và cấu trúc theo Việt văn, ngoại trừ có bài *Bình Bán Ván* (22 câu) và *Du Xuân Hành Vân Khúc* (21 câu) là hoàn toàn chữ Hán. Chính vì ưu điểm đó, mà cải lương gần gũi với quần chúng, dễ đi vào lòng dân tộc.

Cải lương ra đời ở miền Nam, giọng ca điệu hát hoàn toàn thích hợp với phát âm của người Nam, tưởng không bao giờ vượt khỏi biên giới miền Lục tỉnh. Có ai ngờ, chỉ ba năm sau, bắt đầu từ năm 1920, nhiều gánh cải lương ở Nam Kỳ ra miền Bắc trình diễn như An Lạc Ban, Phúc Lộc Ban, Tân Lập Ban... với những diễn viên nổi tiếng như đào Năm Phỉ, Phùng Há, Tư Sang..., kép Năm Châu, Tư Choi, Tư Út... được khán giả giới tân thời ở Hà Nội đón nhận nồng nhiệt.

Năm 1921, nhóm sinh viên Nam Kỳ ra Hà Nội học trường Cao Đẳng, nhớ đến cải lương, đã trình diễn vở *Tối Độc Phụ Nhân*

Tâm (Lòng người đàn bà hết sức độc ác) do Phạm Công Bình soạn và Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền nhuận sắc. Rồi ngay người Bắc cũng lập gánh hát cải lương tại Hà Nội để đáp ứng với lượng khán giả ngày càng nhiều, như các gánh Kim Chung, Huỳnh Lan Anh.

Diễn hình là đoàn Kim Chung của Bầu Long. Ông Trần Viết Long sinh năm 1922 tại Hà Nội, du học ở Pháp và Đức về, cùng vợ là Kim Chung lập gánh cải lương, lấy tên vợ đặt tên cho gánh hát, với những diễn viên người Bắc như Anh Đệ, Huỳnh Thái, Kim Chung, Lan Phượng. Sau đó, Bầu Long còn hợp tác với Phạm Thọ Minh lập một đoàn Kim Chung nữa (Tiếng Chuông Vàng thứ 2) ở Hải Phòng. Năm 1954, Kim Chung di cư vào Nam, trụ tại Sài Gòn và phát triển thành bốn đoàn.

Với Miền Trung, có lẽ vì quê hương của hát bội nên cải lương xâm nhập chậm hơn, nhưng không kém phần sôi nổi. Theo Trần Văn Chi, *Tìm Hiếu Cải Lương*, vào thập niên năm 1930, tại bến Thương Bạc ở kinh thành Huế, có ông Tuấn phủ lập gánh cải lương Đồng Hỷ Ban, rồi mở rạp Đồng Xuân Lâu sinh hoạt thường trực và tên gánh hát đổi thành đoàn Đồng Xuân. Gia đình ông Phủ cũng mê cải lương, cả ba thế hệ đều tham gia đoàn hát này và duy trì cho đến năm 1945. Ngoài ra, có những người Miền Trung vào Nam theo nghiệp cải lương đã thành danh như nghệ sĩ Thanh Tuấn, Việt Hùng và ông bầu Trương Gia Kỳ.

Ngày nay, cải lương là bộ môn nghệ thuật rất phổ biến cho cả nước. Từ thành thị đến miền quê, từ giới trí thức đến lớp bình dân, đều thích xem cải lương. Mọi người không những ghiền giọng mũi mẫn của Vọng cổ, mà còn thưởng thức các điệu

khác, dàn nhạc không ồn ào, cốt truyện phản ánh nếp sống thường ngày, với tâm vóc ngành ca kịch xã hội, mang tính dân tộc nên được cả nước ưa chuộng.

VII - LỜI KẾT

Tóm lại, cải lương là bộ môn kịch nghệ vốn thích nghi với cái mới, dễ thanh lọc và cũng dễ tiếp thu. Nói cách khác, cải lương có sự tiếp nhận, chọn lựa và đổi mới; đúng nghĩa với tên gọi của nó. Thật vậy, cải lương mới ra đời 89 năm mà cải tiến không ngừng. Chỉ riêng có vọng cổ, cũng biến chuyên từ nhịp 2 đến nhịp 128. Nhạc cải lương cũng không ngớt bổ sung đáp ứng với nhu cầu nghệ thuật, hai loại đàn Tây phương được đón nhận vào dàn nhạc cổ điển, rồi mô hình tân cổ giao duyên, tiếp đến Hồ Quảng cũng được Việt hóa để làm phong phú cho bộ môn này.

Vâng, tiếp thu mà không bị lai căn, vẫn giữ được bản chất Việt Nam, vẫn đi vào lòng dân tộc từ Nam ra Bắc. Đó là đặc tính ưu việt, bộ môn Cải lương sẽ mãi trường tồn và không bị lỗi thời.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Vương Hồng Sển; *Hồi Ký 50 Năm Mê Hát* (Sài Gòn, Nam Chi Tùng Thư, 1968); trang 105.

[2] Về cải lương *Phụng Nghi Đình*, các tài liệu ghi không đồng nhất về soạn giả: Nguyễn Q. Thắng, *Từ Điển Tác Gia Văn Hóa Việt Nam*, trang 955, chép soạn giả là Nguyễn Trọng Quyền; Trần Văn Chi, *Tìm Hiếu Cải Lương*, trang 28, cho rằng Trương QuangTiền là soạn giả.

[3] Về cải lương *Khúc Oan Vô Lượng* của soạn giả Huỳnh Thủ Trung tức Tư

Chơi, gánh hát Trần Đắc (Cần Thơ) trình diễn trên sân khấu khoảng năm 1931.

[4, 5, 6, 7, 8, 9] Ảnh từ *Bách Khoa Toàn Thư Mở* (Hình 2, 3, 5, 6, 7 và 8).

[10] Nguyễn Phương; *Nghệ Thuật Sân Khấu Cải Lương - 80 Năm...Những Chặng Đường...*; Tập san Nghiên Cứu Văn Hóa Đồng Nai - Cửu Long (Santa Ana, CA), số 4, tháng 7 năm 2006; trang 255.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ĐỖ ĐỨC HIỆU; *Từ Điển Văn Học*, bộ mới; không đề nơi, nxb Thế Giới, 2004.

- HOÀNG NHƯ MAI; *Sân Khấu Cải Lương*; "Địa Chí Văn Hóa TP/HCM", Tập III - Nghệ Thuật, Nhóm Chủ biên Trần Văn Giàu (Sài Gòn, nxb Thành Phố, 1990); trang 119- 161.

- NGUYỄN PHƯƠNG; *Nghệ Thuật Sân Khấu Cải Lương - 80 Năm...Những Chặng Đường...*; Tập san Nghiên Cứu Văn Hóa Đồng Nai - Cửu Long (Santa Ana, CA, Tà Quân Lê Văn Duyệt Foundation ấn hành), số 4 tháng 7 - 2006, trang 246- 271.

- NGUYỄN Q. THẮNG; *Từ Điển Tác Gia Văn Hóa Việt Nam*; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1999.

- TRẦN VĂN KHẢI; *Nghệ Thuật Sân Khấu*; Sài Gòn, Khai Trí, 1970.

- TRẦN VĂN CHI; *Tìm Hiểu Cải Lương*; Gardena (CA), Văn Mới xuất bản, 2005.

- TRIỀU GIANG; *Chủ Nhân Các Đoàn Kim Chung Nói Về Cải Lương Bắc Và Cải Lương Nam*; Nhật Báo Người Việt (Westminster, CA), số 7486, ra Thứ Ba ngày 6- 6- 2006; trang B 6 và B10.

- VƯƠNG HỒNG SẼN; *Hồi Ký 50 Năm Mê Hát*; Sài Gòn, Cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản, 1968.

- WIKIPEDIA - *Bách Khoa Toàn Thư*, mục Cải lương.

- Thảo luận Cải lương; *Phỏng Vấn Của LD Với GS Trần Quang Hải*; tài liệu từ Internet.

- Xem nhiều tuồng cải lương đã trình chiếu trên đài truyền hình SBTN trong tháng 7 và 8 năm 2006.



Ảnh của Nguyễn Quốc Khải: CHÙA THIÊN MỤ, HUẾ

MƯA THU

Ngoài hiên tí tách giọt mưa thu
Rừng núi xa xa bóng mịt mù
Thấp thoáng lá vàng rơi lác đác
Rì rào gió lạnh thổi vi vu
Trà ngon lại thiếu người tương ẩm
Rượu quý nhưng không khách tạc thù
Đốt chút hương trầm cho ấm áp
Lặng nhìn khói tỏa giữa âm u

NGÂN SƠN

Bài họa 1:

THU ĐẤT KHÁCH

Đường chiều gió cuốn rục vàng thu
Nhưng nhớ xoay theo lớp bụi mù
Lạ cảnh mây trời thêm ủ dột
Xa người phố xá cũng hoang vu
Lòng quê đã úa năm cùng tháng
Chén rượu nào vui tạc với thù
Chân bước thần thờ trên lá đổ
Mà hồn nghe lạc giữa thâm u

NGUYỄN VÔ CÙNG

Bài Họa 2 :

HOÀI CẢM

Heo may nhè nhẹ báo tin thu
Bụi lốc thời gian vội cuốn mù
Ta nhớ mênh mang trời Phú Giáo
Bạn nằm miên viễn đất Tầm Vu
Quê hương vẫn đó niềm thương hận
Chứng tích còn đây dấu đạn thù
Thoáng hiện chập chờn trong giấc mộng
Bóng người xa khuất rặng mù u

NGUYỄN KINH BẮC

Bài họa 3:

THU ĐẾN

Nghe từng tiếng bước của mùa thu
Đến với nhân gian giữ bụi mù
Sương tụ trời cao sa lãng đăng
Gió lùa gác hẹp thổi vu vu
Nhờ trà sưởi ấm đời lưu lạc
Lấy rượu làm khuấy mối hận thù
Thấy cúc khoe màu cùng nắng nhạt
Mừng như thoát khỏi chỗ thâm u

LÝ HIỀU

07/2014

QUÊ HƯƠNG GIÀU ĐẸP QUA CA ĐAO

Nguyễn Văn Nhiệm

(Tiếp theo Cổ Thơm 67)

Các địa danh như Mỹ Tho, Bến Tre, Cần Thơ, Đồng Tháp... đều nằm trên các lưu vực của sông Cửu Long:

*“Bến Tre ruộng đất phì nhiêu
Nơi đây giàu lúa lại nhiều dừa khô.”*

*“Cần Thơ là tỉnh, Cao Lãnh là quê
Anh đi lục tỉnh bốn bề
Mãi lo buôn bán không về thăm em.”*

*– “Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai về xứ bạc thông dong cuộc đời.”*

*– “Ai đến quê tôi mệnh mông Đồng Tháp
Thẳng cánh cò bay bát ngát ruộng đồng
Tiếng hò điệu dặt dòng sông
Nhớ người du kích anh hùng thương binh.”*

*– “Ai ơi qua xứ Tháp Mười
Về đây nhắc lại những người xa xưa
Rau dứa, rau muống, hồ hoa
Lòng người cởi mở, chim ca đầu cành.”*

*– “Ai đi Châu Đốc, Nam Vang
Đi qua Đồng Tháp thấy bạt ngàn bông sen.”*

*– “Cà mau hãy đến mà coi
Muối kê như sáo thổi
Đĩa lợi lênh bênh như thể bánh canh.”*

*– “Rồng châu biển Bắc, phụng múa Hà Tiên
Anh thương sao mà gặp mặt thương liền
Tỷ như Lữ Bố, Điều Thuyền thuở xưa.”*

Ở đây hình ảnh *Rồng châu biển Bắc*, *phụng múa Hà Tiên* có so sánh với hình ảnh *Rồng châu ngoài Huế*, *ngựa tể Đồng Nai*.

Các hòn, cồn cát, bãi cát, cù lao, hải đảo

Nước Việt Nam trải dài ven biển, cho nên có những danh lam thắng cảnh nổi tiếng như vịnh Hạ Long, có nhiều hòn đá thiên nhiên nổi lên khỏi mặt nước trong xanh, có những cồn cát, bãi cát trắng xóa...

Những hòn đá khổng lồ, hùng vĩ như thế còn có ở bờ biển Đà Nẵng, Nha Trang, Hà Tiên:

*– “Năm Hòn nằm đó không sai
Hòn Khô, Hòn Dài lồ nhỏ thêm vui
Ngó về Cửa Đại than ôi
Hòn Nôm nằm dưới mỏ côi một mình.”*

*– “Đứng ở Hòn Chông trông sang Hòn Yến
Lên thăm Tháp Bà, về viếng Sinh Trưng
Giang sơn cảm tú chập chùng
Đôi ta gắn bó thủy chung một lòng.”*

*– “Thuyền dờ ra khỏi Pháo Đài
Lênh đênh Hòn Chảo, dạo ngoài Ba Tron.”*

Ngay cả miền Tây không những nổi tiếng về lúa gạo, cá tôm mà còn là thắng cảnh với nước biển xanh, cát trắng:

*“Biển Ba Động nước xanh cát trắng
Ao Bà Om thắng cảnh miền Tây
Xin mời du khách về đây
Xem qua thì biết chốn này thần tiên.”*

Thông thường, hể có sông, có biển thì có cù lao. Thật vậy, nước sông chảy ra cửa biển gặp dòng nước biển khác hướng quyện lấy nhau. Phù sa do nước sông và cát do sóng biển đưa đến lâu đời đã tạo thành những cù lao trù phú, xung quanh có nước bao bọc:

– “Chừng nào cho vạc xa cồn

Cù lao xa biển anh mới đành xa em.”
 - “Cù lao An Bình vườn cây xanh mát
 Dòng Cổ Chiên dào dạt mệnh môn
 Thương em chỉ để trong lòng
 Biết bao ngày đợi, tháng trông mỗi mòn.”
 - “Chiều chiều quạ nói với diều
 Cù lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm.”
 - “Bình Định có núi Vọng Phu
 Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh.”
 - “Quê anh có cửa biển sâu
 Có ruộng lấy muối, có dâu nuôi tằm
 Quê em hai dải cù lao
 Có dừa ăn trái, có cau ăn trầu.”

Nơi nào cát do sóng biển đưa đi mà không có duyên gặp dòng phù sa thì kết tụ lại thành những cồn cát:

- “Nước xanh xanh chảy quanh cồn cát
 Con chim phượng hoàng rầy vắng tiếng kêu
 Ôi! Người thương ơi! Ta nhắn một điều
 Dẫn rằng mai quán, chiều liêu cũng yêu.”
 - “Xuồng câu tôm bơi ngang cồn cát
 Nghe em thở dài đau xót tim anh.”
 - “Chiếc thuyền giăng câu
 Đậu ngay cồn cát
 Đậu sát mé nhà
 Anh thấy em có một mẹ già
 Muốn vô phụng dưỡng biết là đặng không?”

Tùy theo địa thế thích hợp, có nơi cát do sóng biển đánh vào trải đều trên một diện tích vừa rộng vừa dài thành những bãi biển đẹp thu hút du khách như bãi biển Nha Trang chẳng hạn:

- “Bãi biển Nha Trang mịn màng trắng trẻo
 Nước trong leo lẻo, gió mát trắng thanh
 Đêm đêm thơ thần một mình
 Đố sao cho khỏi vương tình nước mây.”

Cát là tặng vật của thiên nhiên, ngày nay rất có giá trị trong ngành thủy tinh, điện tử, còn khi xưa được người bình dân liên kết với huyền thoại mơ mộng:

- “Thà làm hạt cát Tiên Sa
 Còn hơn làm mảnh đá hoa trong chùa.”

(Bãi cát Tiên Sa ở bán đảo Sơn Trà. Tương truyền rằng nơi đây phong cảnh đẹp, thảnh thơi có những nàng Tiên xinh đẹp xuất hiện chơi cờ trên bãi cát trắng tinh và xuống tắm trong dòng nước trong xanh.)

Bên cạnh cát biển, phù sa của những dòng sông cũng là tặng vật quý báu của thiên nhiên giúp cho ruộng đồng phì nhiêu, màu mỡ, tạo nên những vùng đất bồi với các loại cây đước, mắm, bần:

- “Mắm, bần ven đất phù sa
 Bà Hiền, Tân Thủy hằng hà cá tôm.”
 - “Sông Ba Lai bên bồi bên hãm
 Đất Ba Lai đỏ thắm phù sa.”
 - “Ai kêu là rạch, em gọi là sông
 Phù sa theo nước chảy mệnh môn
 Sông ơi, thấm mát thời con gái
 Chẳng muốn lìa sông, chẳng muốn
 lầy chông.”

Một đất nước có núi cao, sông dài, biển rộng mệnh môn, cho nên nếu sông núi là đề tài gây cảm hứng trong ca dao thì biển rộng, trời cao cũng có vai trò tương tự như vậy:

- “Đồn rằng có gái má hồng
 Cho nên vượt biển vượt sông sá gì!”
 - “Chèo thuyền ra biển mà trông
 Gió đưa sóng lượn, người không thấy người.”
 - “Ngó ra biển bốn, trời ba
 Buồm giương đôi cánh, cửa nhà em đâu?”

Ở hai câu ca dao này, một lần nữa biểu hiện rất rõ những huyền số của Việt lý: biển bốn, trời ba, đôi cánh tức số 4, số 2 chỉ những gì thuộc đất, thế giới vật chất; số 3 chỉ trời, thế giới tâm linh, tinh thần.

Việt lý không phải là triết học duy lý, mà là triết lý nhân sinh đi vào Đạo sống dân Việt bao đời, Đạo thờ kính cha mẹ, ông, bà, tổ tiên:
 “Công cha như núi ngất trời

*Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi.”*

(Cù lao chín chữ: Công ơn dưỡng dục khó nhọc của cha mẹ gồm sinh đẻ, nuôi dưỡng, bồng bế, che chở, vỗ về, trông nom, dạy dỗ...)

Hình thể nước Việt Nam cong như chữ S, có bờ biển chạy dài trên ba ngàn cây số, cho nên có nhiều hải đảo rải rác khắp biển Đông: Bạch Long Vĩ, Côn Sơn, Phú Quốc và nhất là hai nhóm quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa:

-“*Dù ai buôn bán trên đường
Nhớ ngày Giỗ Tổ Trung Vương thì về
Dù ai hải đảo sơn khê
Tháng Giêng ngày hội nhớ về Đông Nhân.”*
- “*Làm sao hóa đặng chim xanh
Bay ra Phú Quốc thăm anh đỡ buồn.”*
- “*Chiều chiều ra biển ngó mong
Ngóng ai lại ngóng đợi người Hoàng Sa
Chiều chiều ra ngóng biển xa
Ngóng người đi lính Hoàng Sa chưa về
Hoàng Sa trời nước mênh mông
Người đi thì có mà không thấy về.”*

Đầu thế kỷ thứ XVII, chúa Nguyễn đã cho tổ chức ra các hải đảo ở biển Đông để khai thác việc đánh bắt cá, thu tài nguyên trên đảo và hóa vật do tàu buôn bị bão đắm chìm. Năm 1816, vua Gia Long chính thức xác nhận chủ quyền các đảo, ra lệnh cấm cò và đo thủy trình. Năm 1835, vua Minh Mạng cho xây đền, đặt bia đá, đóng cọc và trồng cây. Đội Hoàng Sa và Bắc Hải được trao nhiều nhiệm vụ hơn: khai thác tài nguyên, tuần tra, thu thuế và có nhiệm vụ bảo vệ hải đảo (Theo tài liệu Wikipedia).

Những đặc sản gắn liền với địa danh

Trong nội dung của chủ đề *Quê hương giàu đẹp*, chúng ta thấy ca dao giới thiệu nhiều đặc sản khác nhau của từng địa phương:

- “*Thanh Trì có bánh cuốn ngon
Có gò Ngũ Nhạc, có con sông Hồng
Thanh Trì cảnh đẹp người đông
Có cây sáo trúc bên đồng lúa xanh.”*

- “*Quýt giầy Hương Càn
Cam đường Mỹ Lệ*

*Vải trạng Cung Diên
Nhãn lồng Phụng Tiên*

Đào tiên Thế Miếu

Thanh trà Nguyệt Biều

Dâu da làng Truôi

Hạt sen hồ Tịnh...”

- “*Trên trời có đám mây xanh*

Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng

Ước gì anh lấy được nàng

Thời anh mua gạch Bát Tràng về xây

Xây dọc rồi lại xây ngang

Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân”

Nhờ có gạch ngói Bát Tràng mà công việc xây dựng làng xã ngày càng tráng lệ hơn:

“Xưa kia mộc mạc mao từ

Nay thời ngói lợp chu vi trang hoàng

Xưa kia tre trúc tầm thường

Nay thời tứ thiết vững vàng biết bao

Bát Tràng có mái đình cong.”

Trong nước đã từ lâu có sự thi đua phát triển giữa các ngành nghề không ngừng:

“Đó ai đẽm được lúa vàng

Để ta tính gạch Bát Tràng xây sân

Sân ta mở rộng mấy lần

Mà sao lúa cứ lán dần đòi thêm.”

Điều này cho thấy sự trù phú của vùng bình nguyên sông Hồng, vựa lúa chính của miền Bắc. Những địa danh nổi tiếng về trâu cau, một trong những lễ vật không thể thiếu trong tập tục lễ cưới khi xưa:

“Cau Lường, trù (trầu) Hiếu

Chờ mười nóc cho đằm

Bánh chưng khoảng hai trăm

Bánh dày xin tí bát.”

(Lương, Hiếu là những địa danh của Nghệ An)

Nghệ An cũng còn có nhiều tài nguyên và sản phẩm khác:

“Rộc Mỹ Tú lấm cá
Lên Trung Phước lấm đá
Đất Chợ Bông lấm nôi
Đất Văn Tập lấm voi.”

Tài nguyên và đặc sản ở vùng Quảng Nam:

- “Đá than thì ở Nông Sơn
Bông Miêu vàng bạc,
Quế Sơn có chè
Thanh Châu buôn bán nghề ghe
Thanh Hà voi ngói, mía che Đa Hòa
Phủ Bông thợ mộc, Ô Gia thợ rừng
Ngà voi, tê giác, gỗ rừng
Trần châu, hải vị chẳng từng thiếu chi.”
- “Quảng Nam có lụa Phú Bông
Có khoai Trà Đỏa, có sông Thu Bồn.”

Đặc sản Quảng Ngãi:
“Mặn mà muối biển Sa Huỳnh
Ngọt đường Quảng Ngãi thấm tình quê ta
Đường phối, chim mía, mạch nha
Ai về Quảng Ngãi thử qua một lần.”

Đặc sản Bình Định:
- “Ai qua Bình Định đang trưa
Dừng chân uống bát nước dứa Tam Quan.”
- “Ai về Bình Định cùng anh
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dứa.”
- “Thuốc An Lương hương thơm khói nhẹ
Chè Hòa Hội nước đậm mùi thơm
Em về mua vải chợ Gò
Gò Găng mua nón, phiên Chàm anh vô.”
(Phiên Chàm: Chợ phiên Chàm ở Bình Định)
“Áng mây che ngọn núi Sầm
Rủ nhau ta đến tìm trầm Phú Yên
Núi cao còn có kiền kiền
Giáng hương, gỗ, trắc khắp miền
tiếng vang.”

Đặc sản Khánh Hòa:
- “Khánh Hòa biển rộng non cao

Trầm hương Vạn Giã, yến sào Nha Trang.”

- “Thơm Vạn Giã ngọt đà quá ngọt
Mía Phú Ấn cái đọt cũng ngon
Hời người chưa vợ chưa con
Vào đây chung gánh nước non với mình
Quần bao lên thác xuống ghềnh
Mía ngon thơm ngọt đượm tình quê hương.”
- “Cây quế thiên thai mọc nơi khe đá
Trầm nơi Vạn Giã hương tỏa sơn lâm
Đôi đũa mình đây như quế với trầm
Trời xui gặp gỡ sắt cầm trăm năm.”

Đồng Nai lấm gạo:
- “Bón mùa em chẳng phải lo
Gạo Đồng Nai, vải Nghệ Tĩnh ám no trọn đời.”
- “Hết gạo thì có Đồng Nai
Hết củi thì có Tân Sài chờ ra

Thành phố Sài Gòn có nhu cầu xây dựng rất cao theo nhịp phát triển nhanh chóng cho nên đã liên kết với các nguồn cung cấp nguyên vật liệu như gạch, đá từ Biên Hòa và voi, xi măng từ Hà Tiên:

“Chợ Sài Gòn bán đá
Chợ Rạch Giá bán xi măng
Gặp nhau đây mới biết rằng còn
Năm Thìn bão lụt, khóc mòn con người.”

Nhu cầu này càng cao nhất là vào năm Thìn bão lụt, nhiều nhà cửa bị tàn phá. Về sau này nhà máy xi măng được thiết lập tại Thủ Đức ở ngoại vi Sài Gòn, mà nguyên liệu đá voi do Hà Tiên, Rạch Giá cung cấp.

Mỹ Tho là cửa ngõ vào miền Tây. Nơi đây nổi tiếng có nhiều cây trái:

“Ai về chợ Mỹ quê em
Mua ổi xá lý để mừng bà con
Ôi này hương vị rất ngon
Anh ơi! Ăn thử hỏi còn đợi chi!”

Mận hồng đào với cái tên đẹp nổi tiếng ở Trung Lương cũng được con trai vùng này dùng làm hình ảnh để ví von với các cô gái:

“Quít rụng bờ ao ngọt ngào anh chuộng

Trái mận hồng đào rụng cuốn anh chê”

Cam sành ngon ngọt cũng được mượn để ví von tương tự:

- “*Khế rụng bờ ao thanh thao anh lượm
Ngọt như cam sành héo cuốn anh chê.”*

- “*Sầu riêng, măng cụt Cái Môn
Nghêu sò Côn Lợi, thuốc ngon Mỏ Càyl.*”

(Mỹ là Mỹ Tho. Cái Môn, Mỏ Càyl là những địa danh thuộc Định Tường, Mỹ Tho, tiếp cận Bến Tre)

Nét đặc trưng của miền Tây là nơi nào cũng có nhiều lúa gạo, cá tôm. Đặc biệt Bến Tre lại càng nổi tiếng hơn vì có những vườn dừa rộng mênh mông:

- “*Bến Tre nước ngọt lắm dừa
Ruộng vườn mầu mỡ, biển thừa cá tôm.*”

- “*Bánh tráng Mỹ Lồng*

Bánh phồng Sơn Đốc

Bánh dừa Giồng Luông.”

(Đặc sản và địa danh thuộc Bến Tre)

Nếu lúa gạo là nét đặc trưng chung cho các miền Tiền Giang, Hậu Giang thì dừa là nét đặc trưng riêng gắn liền với địa danh Bến Tre:

“*Thấy dừa thì nhớ Bến Tre*

Thấy bông lúa đẹp thương về Hậu Giang.”

Còn bông sen là vẻ tiêu biểu cho đồng Tháp Mười:

“*Thấy dừa thì nhớ Bến Tre*

Thấy bông sen, nhớ đồng quê Tháp Mười.”

“*Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh*

Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm

Muốn ăn bông súng mắm kho

Thì vô Đồng Tháp ăn no đã thèm.”

Cò bay thẳng cánh, đơn vị đo lường độc đáo chỉ đồng ruộng ngập nước Tháp Mười mênh mông, bát ngát, cho nên lời mời mọc về xứ này rất có thực chất

“*Ai về miệt Tháp Mười*

Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn.”

Những ai vì lý do nào đó phải rời khỏi xứ này thì không khỏi luyến tiếc, thương nhớ:

“*Anh đi anh nhớ Tháp Mười*

Nhớ kinh Vĩnh Tế, Vía Bà núi Sam

Nhớ canh bông súng, nhớ nụ cười Mỹ An.”

Đặc sản Hàm Luông:

“*Bánh tráng Mỹ Lồng*

Bánh phồng Sơn Đốc

Măng cụt Hàm Luông

Vỏ ngoài nâu, trong trắng như bông gòn

Anh đây nói thiệt sao em còn so đo.”

Cà Mau có nhiều cỏ lát, nên đặc biệt có nghề dệt chiếu:

“*Chiếu Cà Mau nhuộm màu tươi thắm*

Công tôi cực lắm, mưa nắng dãi dầu

Chiếu này anh chẳng bán đâu

Tìm em không gặp, anh gói đầu mỗi đêm.”

Để tạm chấm dứt phần giới thiệu về quê hương giàu đẹp, xin viện dẫn thêm vài câu ca dao tiêu biểu cho chủ đề để chuyển tiếp cho chương sau:

- “*Mênh mông biển lúa xanh rờn*

Tháp cao sừng sững trắng vườn bông cau

Một vùng phong cảnh trước sau

Bức tranh thiên cổ đượm màu giang san.”

- “*Đất ta bể bạc non vàng*

Bể bạc Nam Hải, non vàng Bồng Miêu.”

- “*Tôm càng xanh nước quơ râu*

Rừng vàng biển bạc còn đâu phải tìm.

- “*Xem vô phong cảnh quê mình*

Núi quanh sông quấn hữu tình nên duyên.”

Cảnh mà hữu tình nên duyên là do có con người, cho nên đề mục *Quê hương và con người* được trình bày tiếp theo sau đây.

(Trích từ chương 9 trong *Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt* của Nguyễn Văn Nhiệm)

BAÛ MỒI HẠNH

*

Nhịp gõ thời gian điếm bảy mươi!
"Nhân sinh thất thập" đến đây rồi
Giẫm lên lằn mức người xưa hiem
Mà ngỡ như còn giữa cuộc chơi.

Cố hữu bạt phiêu khắp vạn nẻo
Từ ngày lửa xám mặt quê hương
Rẫy nương ần nấu đời lưu xứ
Chữ nghĩa ích gì buổi nhiều nhưng!

Thỉnh thơ vào án văn đề bút
Gom nắng chiều thương rữ bóng đời
Hiu hắt tà dương rơi cuối ngõ
Chập chòn cánh nhận lạc xa xôi

Chiến hữu bao năm cùng tuyển trận
Sát kê vai giải gió dầm sương
Nung lời thề một lòng son sắt
Phút chốc tan đàn, ngựa lỏng cương!

*

Cầm bằng bảy chục an nhiên vậy
Sinh bất phùng thời chịu nổi trôi
Nửa chặng phong trần bao nghiệt ngã
Xoay theo con lóc tả toi đời!

Cùng cảnh truân chiến thuở đọa đầy
Đồng cam cộng khổ sốt chua cay
Ngược xuôi luân chuyển vòng đây đó
Rải rác trăm phương chịu lạc bày!

Lưới trời giăng mắc đần huyền ảo
Trũng thấp đòi cao những chập chùng
Đành chấp nhận băng trường vượt suối
Không dè, hoài bão hóa mộng lung

Bạn từng hòa vận xa xôi cả
Lời vọng băng ngàn khó ới nhau
Viết một vần thơ trăm nỗi nhớ
Đọc dăm cuốn sách vạn niềm đau!

*

*

Như thể đoạn trường đeo bốn mạng
Phải thân Kiều gãy khúc đa đoan
Tiền Đường nào tưởng đời quên lãng
Mảng lưới ngư ông quẳng giải oan

Gẫm lại cõi trần là giấc ngủ
Gốc hòe tỉnh dậy mộng bay xa
Xưa nay nhân thế toàn hư ảo
Không, sắc... kẻ nhau quả thật là!

Gởi chôn xa xăm nơi ần dẫu
Thâm sơn cùng cốc mười năm trường
Bước ra ngoài mặt mình trong kiếng
Nhấn nhúm da nhều tóc điếm sương

Giữa có và không nguyên một lẽ
Có rồi không chung gốc liền vòng
Nửa trang đời vào sinh ra tử
Buổi trôi tay cam chịu khóa còng.

*

Mất mỗi mòn trông vời cổ quận
Lòng mơ khắc khoải mộng tơ vương
Riêng niềm hoài vọng hồn du tử
Liễu lạnh trắng chìm rữ bến sương.

Bảy mươi mời rượu cùng ai nhĩ
Nhìn lại quanh đây chỉ một mình
Giáo dựng gươm treo ngoài ải vắng
Hương trầm xin bãi vọng vong linh

Sinh nhật bảy mươi không yếm tiếc
Trong vườn khuya khoắt đêm sao rơi
Ngâm thơ huyền mộng thay lời tiễn
Hồn lạc phiêu diêu cuối nẻo trời

Người chúc tụng nhau lên bậc lão
Ta cầu trăng rọi suốt thiên thu
Còn xưa dấu tích gò cương ngựa
Tiễn mộng xa xăm cõi mịt mù

Chẳng ước mơ gì câu bách tuế
Phương này vị đắng vốn triền miên
Rong rêu bám víu bờ nhân thế
Ba chục năm thêm... bảy muện phiền!

Đốt nến lên ngâm thơ lạc vận
Hồ trường nghiêng cạn giữa đêm trăng
Mảnh hồn tàn mạn loang trên giấy
Sinh nhật ta tròn bảy chục năm.

Hạ Thu Trần Quốc Phiệt



Ảnh của Nguyễn Huy Linh: Đồng Quê Việt Nam

Thi phẩm DÒNG CỎ NGUYỆT

Tác giả: Nữ sĩ TUỆ NGA

Phạm Thị Nhung

Giới thiệu

Phần II

2/ TÂM ĐẠO và THIỀN

Như trong tiểu sử cho biết, nữ sĩ Tuệ Nga sinh trưởng trong một gia đình Phật giáo thuần thành, ngay từ thuở nhỏ, Tuệ Nga đã là một Phật tử ngoan đạo, thuộc gia đình phật tử Minh Tâm (Chùa Quán Sứ Hà Nội). Mỗi tuần nữ sĩ được theo mẹ lên chùa lễ Phật, nghe giảng giáo lý và hằng ngày thực thi những điều răn giới của hàng con Phật. Thời gian này Tuệ Nga còn thơ dại, tuy chưa hiểu được những lời giảng dạy về đạo lý cao thâm của các chư tăng, cũng như chưa thấu đạt được những ý tứ thâm diệu trong kinh sách, nhưng... những chủng tử tốt lành của nhà Phật như từ bi, nhân ái... đã gieo rắc vào tâm điền cô bé ngay từ thuở đó, để rồi sau này lớn lên nhà thơ có khuynh hướng tìm về Phật pháp, tạo thành một nguồn thi hứng bất tận.

Thực vậy, quen sống hồn nhiên trong không khí yêu thương, đầm ấm của gia đình, Tuệ Nga còn là một thiếu nữ mẫn cảm, vốn có năng khiếu về thi ca, nên vừa đến tuổi thanh xuân, tuổi mộng mơ, trái tim bắt đầu biết rung

động trước những vẻ đẹp tươi mát của thiên nhiên, ngọt ngào của tình yêu... thì thơ xuất hiện. Thơ như dòng suối nguồn thanh khiết tuôn chảy dạt dào ... Không gian thơ của nữ sĩ lúc này những là :

- *Có nắng vàng như lụa*

Có nụ hồng vừa nở

Có mây trắng, mây xanh

Có tiếng chim ca lạnh lớt trên cành

Có tiếng ru con trưa hè êm ả...

Có làn gió mát rượi...

mát rượi tâm hồn ai...

(Không Gian Thơ)

-*Quà thơ một đóa cho anh*

Có hoa bên suối đẹp tình trầm hương.

-*Trầm hương bút lông tờ hoa*

Một vàng trăng sáng, ngát nhà trầm hương.

Cho đến khi trưởng thành, Tuệ Nga mới bắt đầu để ý tới thế giới quanh mình, tận mắt chứng kiến bao cảnh thặng trầm bề dâu của đất nước, còn mắt vô thường của thế sự, nhân sinh ... Chúng đã trở thành những nỗi ám ảnh, những thắc mắc luôn luôn hiện ra trong tâm tưởng nhà thơ :

-*Đời bao nhiêu chuyện tang thương*

Làm sao viết hết nỗi buồn thế nhân

Nên lòng tôi mãi phân vân

Nên thơ u uẩn... những vắn lênh đênh.

-*Hỏi đời mấy thuở nhiều nhưong*

Hỏi thơ, ngọc ngấn đôi đường từ sinh...

Đúng ra, kể từ khi nước mắt vào tay Cộng sản, vì hai chữ tự do, Tuệ Nga đã cùng gia đình cũng như cả triệu đồng bào khác phải bỏ nước ra đi, sống lưu vong nơi xứ người. Như đã trình bày ở phần I, tuy sống tại Mỹ Quốc nhưng Tuệ Nga không màng đến cuộc sống bon chen lợi danh chốn đô hội, mà đã chọn miền Portland, Oregon, nơi gần gũi với thiên nhiên núi non, sông biển để ẩn thân. Từ đây nhà thơ tha thiết tìm về đạo Bồ Đề qua những tặng kinh vàng, là những tặng kinh chủ yếu của Phật giáo, như Bát Nhã Tâm Kinh, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, kinh Di Đà v.v... mong được giải đáp cho những thao thức về cuộc đời, về kiếp người với mộng ước tu học để giác ngộ :

*-Dòng Cổ Nguyệt, mộng yên nguyên
Có người ngủ gục đầu trên Kinh Vàng.*

Hành trình vào đạo của Tuệ Nga từ đây mới thực sự bắt đầu.

Trước bao nhiêu giáo pháp cao siêu, nghĩa lý thâm trầm, uyên áo khó hiểu trong kinh Phật, lúc đầu nhà thơ không khỏi bối rối, tịt tịt :

*-Cái tôi ngờ ngẩn, cái tôi dại khờ
Cái tôi lạc lõng trong thơ
Cái tôi câm lặng... bơ vơ sâu dài.*

Để tìm trợ duyên, nhà thơ đã khẩn cầu Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, cũng như Đức Bồ Tát Quán Thế Âm soi sáng, dẫn đường:

*-Lũ chúng con bao kiếp đời làm lạc
Cha dung từ xin hướng nẻo con đi
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.*

*-Mẹ ơi Diệu Lý Đông Phương
Cho con nhuần thấm Tinh Thương
Nhiệm Mầu...*

*Bè Từ Mẹ cứu con thơ
Minh Tâm, Kiến Tánh hướng bờ Giác
Hoa.*

(Nhiệm Huyền Ánh sáng Từ quang)
Duyên lành đã gieo, nhân xưa trồng vốn sẵn? vào một ngày đẹp trời nào đó, nơi Rừng Mai Trắng, Tuệ Nga đã reo vui trong niềm hạnh phúc vô biên khi chợt hốt ngộ:

*-Rừng Mai trắng
Trong thâm tâm/Thâm tâm hiển hiện...
Kính lạy ngài/ Mầu nhiệm
Đấng Từ Bi*

*Người cha lành /đã mở lối con đi
Khai trí tuệ/ Đường Chân Như con tới.
Con đã thấy/ Tháp thoáng Trời Dao Lợi
Tiếng chim ca phơi phới gọi bình minh
Con đã thấy chim lạ hót lời Kinh
Con đã thấy lung linh sương như ngọc
Con đã thấy cây Đa La trở lộc
Mưa Nhân Duyên
Trái mát đầy hồn con...*

(Như Theo Năng Vẻ)

Và rồi Tuệ Nga đã khởi tâm phát nguyện tu đạo giải thoát:

*-Giữa cõi tạm kiêu sa trầm đắm
Ánh Từ Quang rọi sáng, con về
Con về nương Bóng Bồ Đề
Mẹ Hiền khai sáng u mê sạch lậu.
Tâm thành khẩn, con nguyện cầu
Nguyện xin dứt hết nghiệp sâu Luân Hồi.*

(Nhiệm Huyền Ánh Sáng từ Quang)
Cuộc sống tu đạo tại gia thường nhật của nhà thơ từ đó là tụng Kinh và Thiền:

-Lòng say Hoa Tạng vui kinh sớm
Trăng ngát Hương Thiên lắng mộng xưa.
(.Tụng Kinh, hành giả, trước hết phải
giữ cho thân tâm được trang nghiêm,
thanh tịnh; sau phải nhiếp tâm vào từng
lời kinh, miệng đọc, tâm quán tưởng; có
thể mới mong hiểu được giáo lý cao
siêu trong kinh điển Phật giáo .

.Tu Thiên tốt nhất là ngồi kiết già hay
bán già, lưng thẳng trong sự bình yên,
tĩnh lặng của thân tâm...Một khi đạt được
nhất tâm, trí tuệ phát khởi, thấy rõ được
thật tướng của các pháp; tạp niệm, vọng
tưởng liền dứt, khổ não đoạn trừ; chân
tâm thanh tịnh hiển hiện, là an nhiên tự
tại, là chân như, giải thoát.)

Đạo Phật là đạo cứu khổ, nên Kinh
sách nhà Phật hầu hết đều hướng về
mục đích giáo hóa chúng sinh giác ngộ
chân lý để cải tạo cuộc đời, không
những thoát khổ được vui mà còn đem
lại sự an bình cho xã hội.

Từ khi Tuệ Nga ngộ được lý kinh, lẽ
đạo giải thoát, thơ của tác giả hầu hết đều
mang khí vị Thiên, thanh tịnh, an lạc:

-Hồi chuông tỉnh thức điểm rồi
Con qua bao kiếp, bao đời long đong
Nhìn trời trong, nắng xanh trong
Con như thấy nắng trong lòng đang reo
Đồi xanh, núi thẳm cheo leo
Thời **Kinh Nhật Tụng** như theo nắng về
Nắng Bồ Đề, Nắng Bồ Đề
Mở **Tâm Bát Nhã**, thơ đề Chân Như.
(Như Theo Nắng Về)

-Ơi Trăng, Trăng bạn tâm giao...
Có Trăng làm bạn tháng ngày an nhiên...
Cùng trăng tỉnh thức tìm tu

Mênh mang Trăng bạc, Chân Như rạng ngời...
Ơi Trăng, em ở Trăng Thiên...
Mở trong Tâm Cảnh bức tranh Ưu Đàm.

(Vàng Trăng Huyền Diệu)

Càng tìm hiểu rõ lẽ đạo, lý kinh bao
nhiều thì lòng kính tín, niềm phấn khởi
tiên tu, sự an lạc tự tại càng tăng lên bấy
nhiều. Tất cả đó đã trở thành nguồn thi
hứng bất tận cho nhà thơ:

-Từ dòng trăng vô lượng
Kinh Hoa nở muôn màu...
Từ dòng **Kinh Thi Hóa**
Tiếng đời êm tiếng Thơ.

(Từ Dòng Sông Trăng)

Việc Thi Hóa lý Kinh, lẽ đạo đối
với Tuệ Nga, trước hết là một phương
cách đáp lại hồng ân của chư Phật, chư
Bồ Tát; nhờ những lời giảng dạy của
các ngài được ghi chép qua Kinh sách
lưu truyền lại hậu thế, đã soi sáng cho
nhà thơ giác ngộ, hiểu được lý nhân
duyên, luân hồi nghiệp quả và thoát dần
khỏi vô minh vọng chấp (chấp ngã
chấp pháp, nguyên nhân tạo nên bao
phiền não, khổ lụy)... mà có được cuộc
sống thanh tịnh, an lạc. Sau nữa, những
triết lý, những tư tưởng cao thâm trong
Kinh điển Phật giáo, khi đã được Thi
Hóa qua thơ Tuệ Nga, vô hình trung
trở nên giản dị, dễ hiểu. Tác giả xin đem
công đức này hướng về đời, trong tinh
thần “ Tự giác, giác tha”:

-Chuyển luân ai thoát vòng sinh tử
Một cõi trần hoàn Không Sắc Không.*
(Đằm Chiêu)

(* hai chữ ‘không’ ở đây chỉ ‘chân không’)

-Ai dệt tương lai /ai xây mộng tưởng

Trùng trùng nghiệp quả
Thăm thăm đường dài
Từng chặng biển dâu, bao mùa tang hải
Về đâu? Ai hỏi. Mộng ảo hư không...
(Mùa Xuân Gọi Thăm)

- Oi, thế sự thăng trầm
Oi, dòng đời như huyễn
Một cơn đại mộng qua
Không người cũng không ta!
(Nắng Xuân)

-Phút hốt ngộ biết đời là duyên nghiệp
Thì xá gì tôi hạt bụi nhỏ nhoi
Thơ như tôi luân hồi bao kiếp đời
Hỏi có đến được Cửa Trời không nhỉ?
-Tôi hoài vọng đi tìm Chân Thiện Mỹ
Lại như nghe trong tiếng thức âm vang
Là trần gian hay Thượng Giới Thanh Quang
Là Tâm đất, Tâm như vàng Nhật Nguyệt.
-Nguyện lòng xa rời ngũ trược
Kiếp đời, còn mất có không
Giữ gì! Theo ta vọng tưởng
Trần luân mãi chốn bụi hồng.
(Hạt Bụi Vô Thường)

-Hiểu nghiệp duyên buông xả
Là tự tạo cho mình
Con đường về Bến Giác
Chim lạ hót lời Kinh.
-Bầu trời xanh, gió thanh thanh, chim hót
Cánh trời cho... kho vô tận thiên nhiên
Dứt tạp niệm... ta sẽ hết ưu phiền
Nắng sớm trải trên Suối Nguồn An Lạc.
(Giữa Ruộng Vườn Nhân thế)
-Luân hồi/ vòng xích quẩn quanh
Hỏi ai soi bóng, tìm mình về đâu?
Hoa Nghiêm / sáng rỡ ngọc châu
Lời Kinh cứu khổ/ Thành sâu xóa tan...
-Lệ Từ Bi xóa vô minh...

Lệ Từ Bi xóa điều linh kiếp nản...
Quán Âm Đại Sĩ, Quán Âm
Thương đời gian khổ Quán Âm Cứu nản
Nhiệm huyền ánh sáng Từ Quang.
(Lệ Từ Bi)

-Nửa khuya chữ nghĩa lay mình
Về đâu giữa cuộc hành trình biển dâu?
Lời **Hoa Nghiêm**, ý Nhiệm Mầu
Như Chuông Trấn Quốc lắng sâu
nhân sinh...

Nam Mô Bổn sư Thích Ca
Con nghe trong gió âm ba **Kinh Hiền**
Một vùng hoa cỏ tịnh nhiên
Trầm hương bát ngát, nắng trên đời cười.
(Nửa Khuya)

-Ru tôi, trăng mỉm nụ cười
Nụ cười Ca Diếp cho đời an nhiên
Ru tôi, ngát tiếng **Kinh Hiền**
Hương lan đâu thoảng giữa đêm
nguyệt cài...
Trăng lên cao, Trăng rất tròn
Ơi Trăng mười sáu, đầu non dịu dàng
Đêm nguyệt tịnh, gió thênh thang...
(Nụ Cười Ca Diếp).

Ngay cả những lúc tâm trạng nhà thơ đang sâu muộn vì bị ngoại cảnh chi phối, như mưa rơi không dứt, tiếng nhạc buồn vọng lại, nhất là mỗi khi nghĩ đến quê hương (đang chìm đắm trong khổ nạn)... Nhưng kì diệu thay, chỉ thoáng nghe tiếng chuông, tiếng mõ vẳng lên, hay chợt nhớ tới kinh tạng nhà Phật, thì nguồn thi hứng ngát hương tinh thức lại dạt dào từng chương, từng chương tiếp nối:

-Hương nẻo trời quê, trắng tuyết sâu
Rừng phong hiu hắt lá vàng đau
Chợt thom Ý Huệ, Chuông Vi Diệu

Thoảng vắng chiều sương Mõ Nhiệm Màu.
(Chợt Thơm Ý Huệ)

*-Tháng chạp ơi mưa, mưa ngậm ngùi...
- Như thoảng đâu đây tiếng nhạc buồn
Nghe lòng một thoáng chút tơ vương
Mênh mang Hoa Tạng hương tình thức
Thơ ngát trầm hương chương tiếp chương...*
(Mênh Mang Hoa Tạng)

Tóm lại, cảm hứng Thi hóa kinh để đưa đạo vào đời, giúp đời hiểu đạo, tâm đạo của Tuệ Nga trong Thi phẩm **Dòng Cổ Nguyệt** như thế đã rõ.

Song tác giả còn bày tỏ niềm mơ ước, cầu nguyện của mình qua mấy câu thơ:

*-Đạo trong thơ / Đạo
trong đời*

*Hoa Nhân Ái,/ nở tuyệt
vời như Thơ.*

*-Nghe chiều đi... nghe âm vang tiếng kệ
Đạo vào đời nhân loại sống thương yêu
Ta ước mơ, ta cầu nguyện trong chiều
Đời lại đẹp hiền hòa Trăng Nguyên Thủy.
Ai hằng mơ, ai đi tìm Thiện Mỹ
Hương Đà La thường ở trái tim người.*

(Bóng Mây)

Theo tôi hiểu, Tuệ Nga muốn nói lên ước nguyện chung của mình đối với tất cả những bài kinh thi hóa đã được in rải rác trong 15 tác phẩm và được tác giả cho xuất bản tại hải ngoại từ năm 1982 tới 2013.

Vậy qua mấy câu thơ trên, Tuệ Nga đã mơ ước, cầu nguyện những gì ? -
“Hoa Nhân Ái nở tuyệt vời như Thơ”, -

“Nhân loại sống yêu thương” và - “Đời lại đẹp hiền hòa Trăng Nguyên Thủy”.

Phải nói thêm, từ mấy năm gần đây, một số không nhỏ những dòng kinh thi hóa ấy đã được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc và còn được truyền bá trên mạng dưới hình thức PPS, với những giọng ca truyền cảm cùng những hình ảnh diễn đạt đi kèm. Tất nhiên, những dòng kinh thi hóa ấy đã, đang và sẽ còn được phổ cập đến nhiều người hơn nữa. Niềm ước nguyện của Tuệ Nga hẳn thêm phần hy vọng ?

Nhưng... sống trong thời đại nhiễu nhương, niềm tin tôn giáo, đạo đức băng hoại như ngày nay, chúng ta thử hỏi, ước nguyện của nữ sĩ Tuệ Nga liệu có hy vọng trở thành hiện thực không hay chỉ là một kỳ vọng ? Dầu sao, theo thiên ý, tâm đạo của Tuệ Nga, tấm lòng từ bi, nhân ái chân thành của Tuệ Nga khi Thi Hóa Kinh là những mong truyền lại cho đời những gì nhà thơ đã học hỏi, đã chứng ngộ được sau nhiều năm tu học đạo giải thoát của chư Phật, chư Bồ Tát ; thì dù kết quả đạt được nhiều, ít thế nào, chúng ta cũng nên trân trọng, tán thưởng.

(Còn tiếp kỳ III)



TIẾNG THU NHÈ NHỆ

*Em từ mộng ước mới ra
Bước đi một bước, xa xa lại dừng
Người quen bỗng ngỡ người dung
Em ơi, em hỡi, thôi đừng nhìn nhau!
Nhìn chi mà nát lòng đau
Đường tình giờ đã thay sầu xót xa
Trắng gầy tàn rụng cánh hoa
Yêu đương tình tự.. như là phù vân..*

*Em đi .. đi mãi biệt tâm
Lá mùa thu vãn.. thì thắm bên thu
Thu sang tan lớp sương mù
Gió thu vàng lá.. cho dù ai mong..
Một đêm thức dậy dòng sông
Bước khua hè phố.. chợt lòng quặn đau
Con tim.. nghe những thì thào
Bờ môi rồi đã.. đổi màu hồn nhiên..*

*Rừng thu cây lá ngủ yên
Bầy chim thôi hót.. ưu phiền bay cao
Nắng thu lên, gió rì rào
Tiếng thu nhè nhẹ gõ vào hư vô...*

BÙI THANH TIÊN

VA, trời sang thu
ngày 1-10-13

LẠC NÈO THU

Ai biết lòng ta những héo khô
Nỗi buồn điệu vợ mỗi âm u
Âm vang từ cõi đời hư thực
Ru mãi trong tim điệu ngục tù.

Ta với tay lên cành lá úa
Nhớ mùa xanh thắm đã hoang vu
Trăm năm rồi cũng sầu ly biệt
Thương quá dòng đời dạ ngắt ngơ.

Tạm biệt xứ vàng hoa lá thắm
Đi xa còn lại những mong chờ
Bàn tay ấm áp vô biên đợi
Dòng mực tha hương mãi lững lờ.

Ta đau như thể hồn du mục
Cảm nhận tình thương khó tạ từ
Em ơi sâu thẳm trong hồn nước
Lơ lững mây chiều mới lướt qua.

Vấy tay từ già người như ngọc
Ta thấy lòng ta đau kiếp xưa
Tóc rủ bờ vai ai réo gọi
Mà cả tình ta gió lạnh mùa.

ĐẶNG NGUYỄN

Virginia, 7-2014

TRƯỜNG TÔI, SÔNG DINH, CẦU RẠCH HÀO NHỮNG CHIỀU CHỦ NHẬT

Cứ chiều chủ nhật, những ngày nắng ràn rụa trên ngọn cây, mái nhà. Bầu trời cao trong xanh, tiếng chim se se đang hót trên những cành nhánh cây khế quanh nhà Hiếu, là thế nào cũng có một báo hiệu: Chúng tôi 3 thằng, Hiếu, Hùng và tôi đạp xe ra cầu Rạch Hào để bắt nghêu.

Chúng tôi đi bắt nghêu rất là thường vào ngày chủ nhật trong năm đệ ngũ,

trường Sĩ Tài, Bà Rịa. Ba thằng trên ba chiếc xe đạp „cà tàng“ hướng về những dãy núi màu đen ở phía Vũng Tàu mà đạp xe. Gió hiu hiu trong ngày hè, nhưng nắng chói chang, áo trắng ngấn tay, quần xà lỏn, ba thằng học sinh đã in bóng mình dưới ánh nắng. Vừa đạp vừa trò chuyện. Trong chốc lát cầu Rạch Bồng cũng đang ở trước mặt. Vượt qua cầu Rạch Bồng chúng tôi tiếp tục



đạp về hướng cầu Rạch Hào. Con đường không lớn, những xe đồ lớn nhỏ ngược xuôi, chúng tôi phải chạy nép sát vào lề đường, nhưng khi xe chạy ngang qua, nhất là những chiếc xe đồ lớn, đã để lại những cơn gió nhỏ quét vào mặt chúng tôi một ít bụi của con đường. Nhỏ, nhưng cũng làm tối mày tối mắt. Bây giờ bên phải lề đường là những tảng đá núi thật lớn, được chính quyền chất nằm dọc theo để ngăn nước sông Dinh đang trôi ra biển Vũng Tàu làm lở con đường. Đây cũng là thủy lộ chính của những chiếc ghe nối liền xã Bà Trau và thị xã Bà Rịa. Ai là học trò xa xứ của xã Bà Trau, chắc không quên những chiếc ghe ngược xuôi này. Bên đầu của nó là phía sau chợ cũ Bà Rịa, gần dưới chân cầu bắt qua sông Dinh để qua Long Hương.

Lúc chúng tôi đạp xe đi bắt nghêu thường là lúc nước ròng, nước từ trong núi Dinh, đang chảy ào ào ra biển, nước sông từ từ cạn, nên không thấy một chiếc ghe đi xã Bà Trau hay ngược lại vào những giờ này, có chăng là những chiếc ghe câu nhỏ nhỏ. Đến cầu Rạch Hào, chúng tôi bỏ xe đạp ngay chân cầu, không có khóa, vì trời còn nắng chúng tôi cứ mặc áo trắng học trò mà lội xuống nước. Chúng tôi đâu có đi tắm trần dưới nắng thì rất lắm, mặc áo cho tắm lưng đỡ hơn. Mực nước sông Dinh chảy ra đến đây, giờ đang ở giữa bụng. Ba thằng đứng hàng ngang, mặt quay về hướng Vũng Tàu, lưng về hướng Bà Rịa. Từ từ chúng tôi đi thụt lùi về hướng Bà Rịa, gót chân, mũi chân mài, dùi xuống mặt đáy sông, nếu gặp vật gì tròn tròn, ắt hẳn đó là một con nghêu. Chúng tôi ngồi xuống lấy tay bắt bỏ vô túi nilon đang vắt hên hông. Nhưng gặp vỏ nghêu cũng không phải là ít. Nước sông Dinh

đang chảy ra, gặp lưng chúng tôi nước rỏ ra hai hàng. Nước chảy tương đối mạnh. Đứng lâu nóng rất da mặt da tay chúng tôi ngụp lặn xuống nước tìm cái dùi mát từ dòng nước.

Nhờ đi với Hiếu tôi mới biết cảnh bắt nghêu ở con sông nằm gần chân cầu Rạch Hào. Chớ từ nhỏ đến giờ ở biển Phước Hải, Nước Ngọt tôi đi bắt ngao với bạn bè, chị em trong nhà thường đơn giản hơn. Chúng tôi chỉ ra nơi bờ biển, gần con sóng biển đang tấp vào bờ để lại những chiếc bong bóng nhỏ màu trắng, lấy tay cào đất lên, lấy chân xoáy xuống cát biển, hất cát lên để tạo thành những vũng nước nhỏ nhỏ, thỉnh thoảng sẽ hiện ra những con ngao, nhỏ lớn đều có. Còn chân chân, chem chép rất là thường, nếu muốn bắt là đây cả rổ.

Nhờ những lần bắt nghêu với Hiếu, nên sau này khi đi Hòa Lan trong ngày hè đến khu vực bắt ngao, nghêu của xứ đề điều này tôi đã „xử lý“ một cách dễ dàng. Còn chỉ lại cho mấy thằng con cách bắt, nên sau đó kết quả mấy thằng con còn bắt lẹ và nhiều hơn cha. Nhưng dòng nước Hòa Lan nơi đây, lúc tôi đến bắt thường mực nước thấp nhất cũng là ngang ngực, nên khi chân báo có một con ngao dưới bàn chân thì không thể khom mình xuống thò tay bắt con ngao lên như thời gian còn nhỏ ở cầu Rạch Hào, mà phải lặn cả nguyên thân mình xuống nước để bắt.

Ở Hòa lan này ngao nghêu rất nhiều mặc sức mà bắt. Mấy con nghêu nhỏ như tôi, Hiếu và Hùng từng bắt ở cầu Rạch Hào thì ở đây chỉ có đi lượm, vì nằm đầy mặt biển khi nước cạn xa. Còn ngao, con lớn hơn nghêu, thì phải lặn hụp trong nước biển, bắt về cả xô, nhưng ăn không bao giờ hết. Ham thì bắt cho vui, rồi lại đổ về cho biển. Xứ người sao mà giàu quá. Trong khi xứ mình người nghèo giờ đang chật chiu

tùng con ốc, sợi rau!

Bắt đầu khoảng 2 tiếng đồng hồ nhắm mắt ngủ cho buổi chiều là tụi tôi kêu nhau chuẩn bị lên bờ. Lúc này nước bắt đầu lớn trở lại, nước biển ngoài Vũng Tàu đang đổ ngược lại về hướng Bà Rịa. Thủy triều lên xuống mỗi ngày. Gió biển ngoài Vũng Tàu đã thổi, hất vào mặt vào thân mình, cái lạnh lạnh từ nước biển đã bắt đầu. Khi mặt nước giữa dòng sông mà hơn ngực một chút là chúng tôi lên bờ để về.

Có hôm bắt không lâu, nhưng được nhiều, chúng tôi bỏ bắt, lội qua bên kia bờ, đập sìn rượt mấy con cá thòi lòi chạy có cờ, hay đến ngòi xuống dưới những tàn cây bần, cây đước (?), rồi nhìn lại về phía con đường và những xe cộ đang chạy qua lại. Đất nước đang có chiến tranh, nhưng hình như tuổi này chúng tôi chưa biết lo toan gì cả. Bà Rịa còn yên bình. Chúng tôi chỉ đi học, đi chơi với bạn bè khi có giờ rảnh.

Treo mấy cái túi nilon đựng nghêu trên xe đạp chúng tôi quay đầu đạp xe lại về hướng Bà Rịa. Gió biển Vũng Tàu thổi sau lưng, đẩy chúng tôi về nhà lạ hơn.

Nhà ba má Hiếu, cạnh Nhà Bảo Sanh tư Hữu Phước, thật là dễ. Ba má đã dễ mà các anh chị của Hiếu cũng vậy, rất dễ dãi với những thằng bạn của Hiếu. Chúng tôi bày chiếc bếp than nhỏ ngay trước sân nhà Hiếu, nhóm, thổi cho lửa lừng, để miếng thiếc lên và bỏ những con nghêu lên đó sau khi rửa sạch. Không lâu sau đó chúng tôi đã nghe tiếng xì xèo, nghêu bắt đầu mở miệng, nước chảy ra tràn lan trên mặt tấm thiếc. Trong lúc tôi và Hùng lấy đũa gắp những con nghêu đã chín ra đĩa, Hiếu vào nhà chuẩn bị đĩa muối tiêu chanh.

Nhớ là chúng tôi ăn từ từ, vừa ăn vừa nói chuyện qua lại, cười đùa, gần như không

có gì phải thúc hối, phải lệ làng. Buổi chiều xuống yên ả trên Bà Rịa. Quần áo ướt đã khô, trước nhà Hiếu, những chiếc xe Honda, người đi đường qua lại nhộn nhịp. Một buổi chiều như mọi buổi chiều trên con đường ngang Nhà Bảo Sanh Hữu Phước.

Rồi những năm sau đó. Mỗi đứa có mỗi con đường để đi trong đời. Trớ trêu thay ngày 30 tháng tư, bảy mươi lăm, chúng tôi lại gặp nhau lại ở Bà Rịa trong cái thế của những người bị thua.

Chúng tôi bị tập trung học tập ở cải tạo 3 tuần ở Bà Rịa, nơi trường các Bà Sơ. Hiếu là chuẩn úy. May cho Hiếu, nếu thiếu úy Hiếu phải đi học cải tạo ít ra cũng phải hai năm như các bạn khác mà tôi biết. Lĩnh bộ binh chuẩn úy, thiếu úy mà thoát chết trở về được sau ngày 30 tháng tư cũng là sự may mắn. Hai bạn tôi ở Sài Gòn, Quý và Viễn đã tử trận, cố thiếu Úy! Một người bạn khác, thiếu úy nhưng trở về mà lần đạn trở qua khoe miệng vẫn còn để lại muôn đời trên khuôn mặt, hàm răng bạn. Ôi chiến tranh!

Trong lúc học tập, tôi hỏi Hiếu sau ngày học xong Hiếu làm gì. Hiếu nói giọng không vui không buồn, trở về lại quê ở Hòa Long làm ruộng! Hiếu không hỏi tôi, như tôi hỏi Hiếu. Và chắc chắn là Hiếu cũng không có ý định rủ tôi ra cầu Rạch Hào để bắt nghêu như thời 13, 14 tuổi nữa rồi! Ngày vui đã qua, bây giờ ở lứa tuổi 21, chưa già, nhưng chúng tôi cảm thấy như sự cùng cực đã đè nặng trên vai trong những ngày sắp tới, dù đất nước ai ai cũng gọi là đã có hòa bình.

Rồi sau đó mỗi đứa lại mỗi ngã.

Sau một thời gian dài ở nước ngoài, tôi về thăm lại VN, và có gặp Hiếu và vài bạn bè thời 13, 14 tuổi. Trong buổi tiệc nhỏ, Hiếu nói với tôi, Văn hỏi đó tao với mày thân nhau nhưt, mày mà quên tao tao giận mày

lắm! Tôi đâu có quên bạn, nhưng sau vài tuần ở VN tôi cũng phải về Đức lại để đi làm, và rồi cũng phải tạm biệt bạn.

Đầu tuần vừa rồi nghe Th, nhà có tiệm cà phê Thanh Trúc, đường ra Chợ Mới gửi mail báo tôi biết „Hiếu đã mất Rồi!“. Và một người bạn khác, chị của Th, cũng viết một mail khác: „Hiếu ra đi cũng là tốt. Hiếu còn sống cũng khổ cho Hiếu và người nhà của Hiếu“. Thôi, cũng cầu nguyện Bạn ra đi thanh thản, linh hồn sớm về Niết Bàn, mọi ưu phiền cứ để lại dương thế cho người sau giải quyết. Sau này nếu có về VN, hứa sẽ cố gắng đi thăm mộ Bạn, thăm gia đình Bạn, và khi có dịp đi ngang qua chiếc cầu Rạch Hào, bên cạnh dòng nước từ sông Dinh chảy ra, chắc chắn tôi sẽ nhớ lại Bạn, người đã giúp tôi đỡ buồn của những ngày từ quê lên Bà Rịa ở trọ để đi học, trong trường Sĩ tải.

Chúng ta đã có thời dầm mình trong dòng nước này. Những ngày trẻ thơ, hồn nhiên, tươi mát.

VŨ NAM (Germany)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Trong Ban Biên Tập và là đại diện Cổ Thơm ở Đức.

Tên thật **Lý Văn Văn**. Sinh năm 1954 tại tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa).

Cho đến ngày 30 tháng 4, 75 vẫn còn là SVSQ Không Quân - nhập ngũ sau Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972.

Vượt biên cùng gia đình năm 1980, được tàu Cap Anamur của Tây Đức vớt.



Định cư ở Đức năm 1981, học nghề chuyên môn, học dở dang ở năm thứ 2 ngành Kỹ Sư Cơ Khí.

Bắt đầu viết văn từ năm 1985. Cộng tác với các báo: Ở Hoa Kỳ: Văn, Gió Văn, Cỏ Thơm, Hải Ngoại Nhân Văn, Đẹp, Đặc san Biên Đông... Ở Canada: Làng Văn, Sóng, Nắng Mới... Ở Pháp: Nhân Bản, Chiến Hữu, Tin Văn... Ở Na Uy: Pháp Âm. Ở Đức: Viên

Giác, Độc Lập, Tâm Giác...

Các tác phẩm đã xuất bản:

- Sau Ngày Tang - tuyển tập truyện ngắn - 1987
- Bên Dòng Sông Donau (Danube) - tuyển tập truyện ngắn - 1990
- Bên Này Bức Tường Bá Linh - tuyển tập truyện ngắn - 1993
- Nơi Cuối Dòng Sông - truyện dài - 1994
- Câu Chuyện Từ Con Tàu Cap Anamur - truyện dài - 1997
- Một Đêm Ở Genève - tuyển tập truyện ngắn - 2004

Góp Mặt Trong Các Tuyển Tập:

- Những Cây Viêt Miền Nam - 1990
- Truyện Hay Hải Ngoại - 1991
- 3 tuyển tập Văn Bút Âu Châu 1989, 1994, 1996
- Nỗi Nhớ Khôn Nguôi - 1994
- Trông Vời Quê Cũ - 1996
- Trông Con Vật Vã - 1999
- Tập Diễm Ngưng Huy - 2003
- Thi Văn Viễn Xứ - 2005
- Nam Phong Tuyển Tập - 2006
- Giai Thoại Văn Chương - 2006
- Thi Văn Viễn Xứ 2 - 2007

**HOW DO I LOVE THEE?
LET ME COUNT THE WAYS**
Elizabeth Barrett Browning

How do I love thee? Let me count the ways.
I love thee to the depth and breadth and height
My soul can reach, when feeling out of sight
For the ends of Being and ideal Grace.
I love thee to the level of every day's
Most quiet need, by sun and candlelight.
I love thee freely, as men strive for Right;
I love thee purely, as they turn from Praise.
I love thee with the passion put to use
In my old griefs, and with my childhood's faith.
I love thee with a love I seemed to lose
With my lost saints, – I love thee with the breath,
Smiles, tears, of all my life! – and, if God choose,
I shall but love thee better after death.

**EM YÊU ANH CÁCH NÀO?
HÃY ĐỂ NGUYÊN EM KÊ**
NNB dịch

Em yêu anh cách nào? Hãy để nguyên em kê.
Em yêu anh với cả chiều sâu, rộng và cao
Mà hồn em đạt được, đặc-biệt những khi nào
Hồn em tìm tới Vô Biên, Sùng Ân Thượng Đế.

Em yêu anh ở mức hàng ngày cần hơn cả,
Dù sáng nắng nôi hay tối trời nền lung linh.
Em yêu anh tự-nhiên, như người lúc bình-sinh
Cần quyền sống, trắng trong không màng khen bỗ bã.

Em yêu anh với cả nhiệt-tình ngày còn nhỏ
Em khóc thương, song khóc với tất cả niềm tin.
Em yêu anh bằng tình yêu người từ thiên cô

Dành cho các vì thánh của mình – bằng hơi thở,
Nụ cười, nước mắt cả đời em! Và nếu Chúa ưng,
Em còn yêu anh hơn nữa sau khi xuống mộ.

20-VII-2000

NGUYỄN NGỌC BÍCH (s. 1937)

Sinh 1937 ở Hà-nội, tiểu-học ở Vĩnh-yên, trung-học ở Chasseloup Laubat, Saigon, học-bổng Fulbright ở Princeton, Mỹ (B.A. Chính-trị-học, 1958), đại-học-viện ở Columbia University, New York (Á-đông-học, Văn-học cổ-điển Nhật), President's Fellowship sang Nhật (Kyōdai, Đại-học Kyoto, 1962-63) để thu thập tài-liệu cho một luận-án tiến-sĩ, M.A.T. về Giáo-dục Song-ngữ và Ngôn-ngữ-học lịch-sử (Georgetown University, 1985). Có theo học một số khóa học ngắn ở Đại-học Vienna và Munich (tiếng Đức), Madrid (tiếng Y-pha-nho), USDA Graduate School (tiếng Trung và tiếng Nga). Nhà giáo, đã từng dạy học ở Viện Đại-học Cửu Long, Sài-gòn ("Văn-minh Văn-hóa VN," "Việt-văn Diễn trình") và Khoa Chính-trị Kinh-doanh Đại-học Đà Lạt ở Sài-gòn ("Chính-trị Nhập-môn" và "Miền



Bắc CS," dạy chung với Ô. Douglas Pike) từ năm 1972 đến 1975. Sang Mỹ đã đảm nhiệm các môn "Văn-học VN" và "Văn-minh Văn-hóa VN" ở George Mason University (1979-1989), "Nhập-môn Triết-học Đông-phương" (dạy chung với Tiên-sĩ Đào Thị Hợi) ở Trinity College (1980-82), và huấn luyện giáo-sư ở Trung-tâm Giáo-dục Song-ngữ thuộc Viện Đại-học Georgetown (Georgetown University Bilingual Education Service Center, tắt là GU-BESC, thuộc SLL, tức School of Languages and Linguistics) từ năm 1980 đến 1986.

Sự-nghiệp:

Dịch-thuật: *A Thousand Years of Vietnamese Poetry* (Một nghìn năm thi ca VN, Alfred A. Knopf, 1975), *War & Exile: A Vietnamese Anthology* (chủ-biên, Chiến-tranh và Lưu đày: Tuyển-tập văn thơ VN hiện-đại, Trung-tâm Văn-bút Miền Đông

Hoa-kỳ, 1989, để đi dự Đại-hội Văn-bút Thế-giới ở Montreal, Canada, tháng 9-1989), *Trường Ca Lời Mẹ Ru / A Mother's Lullaby của Trương Anh Thụy* (dịch sang tiếng Anh, Cảnh Nam, 1989), *Hoa Địa Ngục / Flowers of Hell* và *Hạt Máu Thơ / Blood Seeds Become Poetry* (dịch thơ Nguyễn Chí Thiện, Tổ Hợp XBMD Hoa Kỳ, 1996), *From Enemy to Friend* (dịch "Mây Mù Thế Kỷ" của Bùi Tín, Naval Institute Press, Annapolis, MD, 2004), *Cung Oán Ngâm Khúc / Complaints of an Odalisque* (dịch và giới-thiệu thơ Ôn Như hầu Nguyễn Gia Thiều, East Coast Vietnamese Publishers Consortium, 2006), *Hỏa Lò / Hanoi Hilton Stories* (dịch với người khác 3/7 truyện của Nguyễn Chí Thiện, Yale Southeast Asian Studies, 2007), *Zenith* (dịch chung với Hòa và Stephen B. Young "Đỉnh Cao Chối Lợi" của Dương Thu Hương, Viking, 2012).

Biên khảo: *North Vietnam: Backtracking on Socialism* (Vietnam Council on Foreign Relations, Saigon, 1971), giới-thiệu về thơ VN trong Nguyễn Đình Hòa, chủ-biên, *Some Aspects of Vietnamese Culture* (Southern Illinois University, Carbondale, IL, 1972), *An Annotated Atlas of the Republic of Vietnam* (Embassy of Vietnam, Washington DC, 1973), *Hồ Xuân Hương: Tác-phẩm* (Tổ Hợp XBMD Hoa Kỳ, 2000), *Omar Khayyam - Rubaiyat: Thơ và Đời* (dịch và giới-thiệu thơ Ba-tư, Tổ Hợp XBMD Hoa Kỳ, 2002), *Tet, the Vietnamese New Year* (East Coast Vietnamese Publishers Consortium, 2004), *Tự Điển Chữ Nôm Trích Dẫn* (1 trong 7 soạn-giả, Viện Việt Học, 2009), *Lưu Hương Ký* (thơ chữ

Nôm và chữ Hán của Hồ Xuân Hương, Tổ Hợp XBMD Hoa Kỳ, 2011).
Mỹ-thuật, âm-nhạc: *Vietnamese Architecture* (dịch từ tiếng Pháp của Nguyễn Năng Đắc và Nguyễn Quang Nhạc, Embassy of Vietnam, Washington DC, 1970), *15 Ca-khúc mừng Giáng Sinh* (National Center for Vietnamese Resettlement, 1975), *Ngục Ca / Prison Songs* (thơ Nguyễn Chí Thiện do Phạm Duy phổ nhạc, NNB làm lời tiếng Anh hát đờc, VICANA, 1982), dịch một số bài trong Trần Cao Lĩnh, *Vietnam, My Country Forever* (nhiếp ảnh nghệ-thuật, Aide à l'Enfance du Viet Nam, Paris, 1984), tác-giả hai bài về huyền-thoại VN và thơ VN trong *Vietnam: Essays on History, Culture and Society* (New York: The Asia Society, 1985), dịch danh-mục hội-họa VN trong *An Ocean Apart: Contemporary Vietnamese Art from the United States and Vietnam* ("Nghìn Trùng Xa Cách," Washington, DC: Smithsonian Institution Traveling Exhibit Service, 1995), dịch các tiểu-luận về mỹ-thuật trong *Thái Tuấn: Selected Paintings and Essays* (Garden Grove, CA: VAALA, 1996).

Góp mục từ-điển: "Southeast Asian Literature," trong *Funk and Wagnalls New International Yearbook 1965*, "Southeast Asia," trong *The Oxford Companion to Women's Writings in the United States*, "Nguyen Chi Thien" trong *Mark Wilhardt, Who's Who in Twentieth-century World Poetry* (Routledge, London, 2002).

Góp mắt trong các tuyển-tập: Dịch thơ VN trong Dorothy B. Shimmers (chủ-biên, *Voices of Modern Asia*, New York: New American Library, 1973), có gần 40 bài thơ Việt trong

Katharine Washburn và John S. Major, *World Poetry, An Anthology of Verse from Antiquity to Our Time* (Thơ Thế-giới, một tuyển-tập từ thượng-cổ đến ngày nay, New York: Norton, 1998), và có thơ VN dịch trong khoảng 40 sách giáo-khoa Mỹ.

Có mục riêng trong Lê Bảo Hoàng, *Tác-giả Việt-Nam / Vietnamese Authors* (Sóng Văn, Montreal, Canada, 2005) và được giới-thiệu trong các sách của Hồ Trường An như *Giữa Đất Trời Giao Hương* (Gió Văn, 2008), *Núi Cao Vực Thẳm* (Tiếng Quê Hương, 2010), *Trên Nẻo Đường Nắng Tỏi* (Gió Văn, 2013).

Người ta nói gì về NNB?

Contemporary Authors, New Revision Series, Vol 15 (Gale Research Company, 1979 and 1985 editions).



VÀI LOẠI LỊCH PHỔ THÔNG

Phạm Văn Tuấn

1/ Lịch La Mã.

Lịch La Mã rất quan trọng đối với chúng ta vì đây là nguồn gốc của thứ lịch ngày nay. Vào thời cổ xưa, người La Mã kể ngày bắt đầu vào lúc mặt trời lặn. Họ chia ban ngày ra làm: sáng, trưa, chiều, và ban đêm gồm có: chiều, mặt trời lặn, đêm trường (nuit profonde), gà gáy (chant du coq) và rạng đông. Sự phân chia không rõ ràng này được người La Mã dùng mãi tới năm 263 trước Tây Lịch. Vào năm này, người La Mã chiếm được tại Catane một chiếc đồng hồ mặt trời do người Hy Lạp dựng nên. Vì chiếc đồng hồ này được thiết lập cho một tỉnh tại Sicile nên khi mang về La Mã, nó không thể nào chỉ đúng giờ được nhưng nhờ nó mà người La Mã mới có ý niệm rõ ràng về đơn vị thời gian.

Vào năm 753 trước Tây Lịch, Romulus thiết lập nên kinh thành Rome thì lịch đã có từ lâu. Người La Mã đã dùng các tháng căn cứ vào mặt trăng và một năm có 10 tháng, gồm 4 tháng dài (grand mois) với 31 ngày là các tháng 3, 5, 7 (quintilis) và 10. Sáu tháng kia chỉ có 30 ngày. Như vậy một năm của người La Mã chỉ có 304 ngày và được bắt đầu vào tháng 3. Mặc dù có một khoảng trống 60 ngày vào giữa tháng Chạp và tháng 3, không người La Mã nào quan tâm đến điều này cả, phải chăng họ không cần để ý tới các ngày tháng mùa đông lạnh lẽo?

Về sau vào khoảng năm 712 trước Tây Lịch, Vua Numa Pompilius mới thêm vào lịch tháng Giêng và tháng 2 khiến cho số ngày trong một năm là 354. Vì quan niệm số chẵn là số không may mắn và “số lẻ làm vừa lòng các thần thánh hơn” (l’impair plait aux dieux), nên người La Mã đã thêm vào lịch một ngày nữa để tổng số ngày là 355. Muốn tạo ra 2 tháng với 51 ngày mới này, người La Mã đã lấy bớt một ngày ở mỗi tháng có 30 ngày và vì vậy, tháng Giêng mới cũng có 29 ngày như 6 tháng kia, riêng tháng 2 là tháng cuối cùng trong một năm nên phải chịu hai điều thiệt thòi, đó là tháng ngắn nhất lại chứa đựng số ngày chẵn (28).

Trong một tháng, tên gọi các ngày cũng rất vô lý. Ngày đầu tháng được gọi là Calendes. Ngày Nones tới vào ngày thứ 5 hay thứ 7, ngày Ides (iduaire = phân chia) ở vào ngày thứ 13 hay 15. Nếu kể cả ngày Nones và ngày Ides, thì khoảng thời gian bao gồm các ngày đó là 9 ngày, vì thế mới có danh từ Nones (thứ 9)

Người La Mã tính ngày căn cứ vào ngày lễ sắp đến. Khi ngày Calendes đã đi qua, họ căn cứ vào ngày Nones, rồi họ kể ngày thứ mấy trước ngày Ides, tiếp theo là các ngày trước Calendes. Hai ngày trước ngày lễ, thay vì phải gọi là ngày thứ hai về trước (2è jour avant) lại được người La Mã gọi là ngày thứ 3. Sự nhầm lẫn một đơn vị này cứ được người La Mã dùng cho các ngày thường. Thí dụ về các ngày trong tháng Giêng (31 ngày theo lịch Julien) được kể như sau: (1) Calendes, (2) ngày thứ 4

trước Nones, (3) ngày thứ 3 trước Nones, (4) ngày trước Nones, (5) Nones, (6) ngày thứ 8 trước Ides, (7) ngày thứ 7 trước Ides, (8) ngày thứ 6 trước Ides, (9) ngày thứ 5 trước Ides, (10) ngày thứ 4 trước Ides, (11) ngày thứ 3 trước Ides, (12) ngày trước Ides, (13) Ides, (14) ngày thứ 19 trước Calendes, (15) ngày thứ 28 trước Calendes, (16) ngày thứ 17 trước Calendes, (17) ngày thứ 16 trước Calendes, (18) ngày thứ 15 trước Calendes, (19) ngày thứ 14 trước Calendes, (20) ngày thứ 13 trước Calendes, (21) ngày thứ 12 trước Calendes, (22) ngày thứ 11 trước Calendes, (23) ngày thứ 10 trước Calendes, (24) ngày thứ 9 trước Calendes, (25) ngày thứ 8 trước Calendes, (26) ngày thứ 7 trước Calendes, (27) ngày thứ 6 trước Calendes, (28) ngày thứ 5 trước Calendes, (29), ngày thứ 4 trước Calendes, (30) ngày thứ 3 trước Calendes, (31) ngày trước Calendes của tháng Hai.

Vì một năm của người La Mã có 355 ngày nên không lâu, người dân thấy rõ sự sai lệch đối với 4 mùa. Muốn điều chỉnh khuyết điểm này, người La Mã cứ 2 năm lại thêm vào một tháng thứ 13 có 22 ngày và tháng này được gọi là Mercédonius. Nhưng không hiểu tại sao tháng Mercédonius lại được xen vào giữa hai ngày 23 và 24 của tháng Hai. Nhờ cách xử dụng tháng phụ này, người La Mã đã làm cho một năm có 366 ngày và như vậy, vẫn còn sai lệch nhưng tới đây, họ chưa tìm được cách sửa chữa tiếp theo.

Sau nhiều cuộc sửa đổi bị thất bại vì bất đồng ý kiến, chính quyền La Mã đành trao trách nhiệm này cho Trường các Giáo Trưởng (le Collège des Pontifes) quyền ấn định cho các tháng nhuận số ngày thích hợp với từng hoàn cảnh. Chính vì đặc quyền này

mà “lịch” đã trở nên một nơi dinh dưỡng sự gian lận. Các giáo trưởng đã lạm dụng đặc quyền để làm cho năm dài thêm hay ngắn bớt với mục đích thiên vị các viên Tổng Tài (Consul) đang tại chức, hay làm hại những người chống đối họ. Việc làm này đã khiến cho công việc xác định các kỳ hạn thu và đóng thuế bị xáo trộn, các buổi họp tư pháp gặp cản trở, các ngày tết lễ rơi vào những dịp trái với thiên thời và quyền công dân bị xâm phạm.

Trước sự gian lận của các giáo trưởng, người dân tại mọi nơi đều đồng thanh đòi cải tổ lịch. Sự kiện này khiến cho nhà độc tài Jules César phải quan tâm tới lịch vào năm 63 trước Tây Lịch. César cho mời nhà thiên văn Hy Lạp Socigène khi đó đang sống tại Alexandrie, Ai Cập, làm cố vấn cho mình.

Hai thế kỷ về trước, Vua Ai Cập Ptolémée III Evergète đã ra một đạo luật chấp nhận một ngày phụ cho mỗi 4 năm 365 ngày và đại thiên văn gia Hipparque đã nhận xét vào năm 180 trước Tây Lịch rằng một năm ngắn hơn 366 ngày. Socigène cũng biết tới điều khám phá của Hipparque nhưng có thể vì cho rằng sai biệt 5 phút trong 1 năm không đáng kể, vì điều này chỉ làm sai lịch 1 ngày rưỡi sau 2 thế kỷ, nên Socigène đã đề nghị với Jules César cách sửa đổi bắt nguồn từ ý tưởng của Vua Ptolémée.

Để chấm dứt sự lộn xộn về lịch, Jules César quyết định rằng thứ lịch mới không liên quan gì đến mặt trăng, hoàn toàn căn cứ vào mặt trời và phải được làm cho thích hợp với 4 mùa. Muốn vậy, từ năm 708 La Mã (tức là năm 46 trước Tây Lịch), ngày Xuân Phân sẽ mãi mãi là ngày 25 tháng 3. César còn ấn định rằng cứ 4 năm có một

năm 366 ngày và ngày phụ sẽ được thêm vào tháng 2, tháng 28 ngày, ngắn nhất và cũng là xấu nhất.

Nhưng đáng lẽ cho tháng 2 này 29 ngày, César đã phải tránh né động chạm tới nhiều điều dị đoan của dân chúng bằng cách chấp nhận một quy tắc phức tạp. Theo người La Mã, các tháng dành cho các thần thánh dưới Hỏa Ngục (dieux infernaux) phải có số ngày chẵn, còn số ngày lẻ là của thần thánh nơi Thiên Đường (dieux supérieurs). Vì vậy quy tắc sửa đổi đã ấn định tăng gấp đôi ngày 24 tháng 2 để không làm thay đổi tên gọi các ngày trong tháng, và vì ngày này là ngày thứ sáu trước Calendes của tháng 3, nên được gọi là “bissexus (anté) calendes martias” (nguyên ngữ của chữ bissextile trong tiếng Pháp).

Đồng thời Jules César còn mang đầu năm về tháng Giêng, chứ không phải là tháng Ba như cũ. Để làm cho thứ lịch mới này thích ứng với các điều nhận xét thiên văn, năm 708 La Mã có 455 ngày, rồi sau đó là ngày mùng 1 tháng Giêng (năm 45 trước Tây Lịch).

Với thứ lịch mới này, thứ tự các tháng bị xáo trộn. Tháng Quintilis (hay thứ 5) trở thành tháng Bảy, tháng Bảy hóa ra tháng Chín (Septembre có nghĩa là 7), tháng Chín trở nên tháng 11 (Novembre bao hàm ý nghĩa thứ 9) và tháng Mười Décembre trong lịch cũ được gọi là tháng thứ 12. Mặc dù tên gọi bị sai lệch nhưng vì quen dùng, người La Mã không muốn sửa đổi.

Để ghi nhớ công trình của Jules César đã đóng góp vào cách cải tổ lịch, người ta gọi thứ lịch mới này là “Lịch Julien”.

Sự cải cách của Jules César khá chính xác. Nhà khoa học biết rằng năm chí tuyến

(année tropique) bằng 365.2422 ngày trong khi năm tính theo lịch Julien là 365.25 ngày, như vậy sự sai biệt mỗi năm là 0.0078 ngày hay 11 phút 11 giây đối với 4 mùa, khiến cho sau 4 thế kỷ, lịch Julien chỉ chậm đi 3 ngày, một khuyết điểm rất nhỏ so với cuộc đời của con người.

Một năm sau ngày sửa đổi lịch, Jules César bị ám sát chết. Việc thêm một ngày nhuận (jour bissextile) được trao cho các giáo trưởng (Pontifes) nhưng các vị này đã phát biểu đạo luật về lịch một cách sai lạc do câu “mỗi 4 năm” khiến cho các năm nhuận chỉ cách nhau bằng 2 năm thường. Trong vòng hơn 30 năm, việc thêm ngày nhuận vẫn được thực hiện một cách sai lệch như vậy, làm cho trung bình một năm là 365.33 ngày. Để sửa chữa lỗi lầm này, Hoàng Đế Auguste vào năm thứ 8 trước Tây Lịch, đã ra lệnh hủy bỏ các năm nhuận trong 12 năm, khiến cho tới năm thứ 5 sau Tây Lịch, Lịch Julien mới trở lại bình thường và việc tìm kiếm lại các ngày tháng vào các năm về trước gặp rất nhiều trở ngại.

Vào năm 325 trước Tây Lịch, dưới triều Hoàng Đế Constantine, Giáo Hội Nicée (le Concile de Nicée) đã ấn định ngày lễ Phục Sinh (Pâques) phải là ngày Chủ Nhật đầu tiên sau ngày trăng tròn thứ nhất (première pleine lune) của mùa Xuân. Vào năm đó ngày Xuân Phân rơi vào ngày 21 tháng 3.

Trải qua gần 4 thế kỷ, tới khi Jules César tìm cách cải tổ Lịch, phân điểm (équinoxe) đã đi trước 3 ngày đối với ngày ấn định. Nhưng ông Socigène lại tính là 4 ngày nên mới ấn định ngày Xuân Phân là ngày 25 tháng 3 vào năm 45 trước Tây Lịch. Sự nhầm lẫn ít nhất 24 giờ này do các

dụng cụ quan sát thiên văn kém chính xác và thật ra, vào thời kỳ đó cũng khó mà xác định lúc nào mặt trời đi qua thiên xích đạo (équateur céleste).

Qua nhiều thế kỷ, lịch Julien vẫn sai lệch đối với Phân Điem cho tới thế kỷ thứ 8, Giáo Hội La Mã mới tính ngộ rằng ngày Phục Sinh là ngày lễ của mùa Xuân lại được cử hành vào mùa Hạ. Tới thế kỷ 13, sự kiện này lại được mang ra thảo luận nhưng việc làm ra luật định không thành công.

Vào năm 1414, trong Hội Nghị Tôn Giáo Constance, Hồng Y Giáo Chủ Pierre d'Ailly đã trình bày trước Giáo Hoàng Jean 23 điều mà toàn thể các tu sĩ ý thức về việc ấn định ngày lễ Phục Sinh. Tới khi Hội Nghị Tôn Giáo Trente được tổ chức (1545/1553), các giáo sĩ cũng không tìm ra được một lối thoát nào cho ngày lễ Phục Sinh cả.

Năm 1582, Giáo Hoàng Grégoire 13 triệu tập một hội đồng các nhà bác học trong đó đáng kể nhất là nhà thiên văn kiêm tu sĩ Dòng Tên người Đức Clavius. Mục đích của việc sửa đổi lịch của Giáo Hoàng Grégoire 13 gồm hai phần: (1) phát biểu các quy tắc tổng quát ấn định về lịch sẽ dùng cho tương lai, (2) sửa chữa các nhầm lẫn gây ra bởi lịch cũ sao cho ngày tháng của lịch mới thích ứng với năm mặt trời.

Từ năm có Hội Nghị Tôn Giáo Nicée, 1257 năm đã trôi qua. Vì năm tính theo lịch Julien dài hơn năm mặt trời thực (true solar year) 11 phút 14 giây, tức là sau 129 năm, sự sai biệt là 1 ngày, nên tới năm 1582, ngày Xuân Phân sẽ rơi vào ngày 11 tháng 3 nghĩa là đi trước 10 ngày so với ngày đã được ấn định tại Hội Nghị Tôn Giáo trước kia. Vì muốn giữ ngày 21 tháng 3 làm ngày

Xuân Phân nên Giáo Hoàng Grégoire 13 đã quyết định rằng ngày tiếp theo ngày thứ Năm, mùng 4 tháng 8 năm 1582, sẽ là ngày thứ Sáu, 15 tháng 8 năm 1582, như vậy năm 1582 chỉ có 355 ngày và từ năm 1583, ngày 21 tháng 3 sẽ là ngày Xuân Phân.

Vì lịch Julien sai biệt so với 4 mùa mất 3 ngày trong 4 thế kỷ, nên muốn giữ cho sự trùng hợp của ngày Xuân Phân vào ngày 21 tháng 3, Giáo Hoàng Grégoire 13 còn ấn định thêm vài cách sửa chữa khuyết điểm.

Do sự sửa đổi kể trên, người ta thấy rằng: a) theo như quy luật cũ, cứ 4 năm lại có một năm nhuận. b) các năm thế kỷ (année séculaire) theo lịch Julien đều là nhuận, từ nay trở thành năm thường trừ khi số thế kỷ chia đúng cho 4. Vì thế các năm 1700, 1800, 1900 không còn là nhuận nữa trong khi các năm 1600, 200 đều có một ngày nhuận vì số 16 và số 20 chia đúng cho 4.

Thứ Lịch mới do Giáo Hoàng Grégoire 13 ấn định không khác biệt mấy so với Lịch Julien, ngoài các bổ khuyết về chi tiết và vì vậy người ta còn gọi Lịch Grégorien này là Lịch Julien Mới (le calendrier julien nouveau style).

Lịch Grégorien khá chính xác. Nếu tính số trung bình, nhà khoa học thấy rằng: (1) năm tính theo Lịch Julien = 365.25 ngày, (2) năm tính theo Lịch Grégorien = 365.2425 ngày, (3) năm chí tuyến (tropique) = 365.2422 ngày. Như vậy năm của Lịch Grégorien dài hơn năm mặt trời thực 0.0003 ngày và sự sai biệt chỉ lên tới 3 ngày sau 10,000 năm. Nếu như vậy, trong 3,000 năm, người ta chỉ cần sửa chữa 1 ngày, một việc làm quá dễ dàng, lại xét ra không cần thiết ngay bây giờ bởi vì Lịch hiện nay còn có thể xử dụng tới năm 4,000.

Thực ra độ chính xác khi tính lịch còn bị ảnh hưởng bởi nhiều lý do khác nữa. Đầu tiên, năm chí tuyến (tropicque) giảm đi 5 giây mỗi ngàn năm, rồi khoảng thời gian 1 ngày lại tăng lên 0.001 giây sau một thế kỷ vì sự ma sát thường xuyên của thủy triều đã hãm bớt chuyển động quay của trái đất. Các nhà khoa học tính ra rằng do Lịch Grégorien và do hai lý lẽ kể trên, sau 10,000 năm, ngày Xuân Phân sẽ tới vào tháng 3, đi trước ngày ấn định khoảng 8 ngày.

Ngay sau khi Giáo Hoàng Grégoire 13 công bố sửa đổi Lịch, thì tại thành phố La Mã và tại hai nước Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, thứ lịch mới được xử dụng ngay. Cũng vào năm 1582 tại nước Pháp và dưới triều Vua Henry III, việc cắt bớt 10 ngày được thực hiện vào tháng Chạp, sau ngày 9 là ngày 20 tháng 12. Tại nước Hòa Lan vào năm 1582, ngày lễ Giáng Sinh đi kế tiếp ngày 14 tháng 12 nhưng đạo luật đổi ngày này không được các tỉnh có tín đồ Tin Lành chấp nhận trong khi đó, các miền theo Cơ Đốc giáo tại hai nước Đức và Thụy Sĩ đón nhận sự cải tổ Lịch vào năm 1584. Tại nước Ba Lan, giới Cơ Đốc giáo đã chống đối việc sửa đổi lịch, một vụ hỗn loạn đã xảy ra tại Riga nhưng rồi Lịch Grégorien cũng được người dân dùng vào năm 1586. Năm sau, tới lượt nước Hung Gia Lợi dùng Lịch mới này.

Việc cắt bỏ 10 ngày làm cho thời gian mất hẳn tính liên tục, nên đã khiến nhiều xứ Cơ Đốc giáo cũng phản đối mãnh liệt trong khi đó, các tín đồ Tin Lành còn chống lại một cách lâu dài hơn. Nhà thiên văn danh tiếng Kepler nói rằng “các người Tin Lành ưa thích ngày tháng sai lệch với mặt trời hơn là đồng ý với Giáo Hoàng”. Sự chống đối còn được nhiều người góp công vào,

chẳng hạn như học giả người Pháp Joseph Scaliger với các bài chỉ trích. Tại nhiều nơi, người ta đã phải dùng binh lực để dẹp các vụ hỗn loạn. Cuối cùng các tín đồ Tin Lành tại Hòa Lan, Đức và Thụy Sĩ cùng dùng Lịch Grégorien nhưng trễ hơn một thế kỷ sau, vào khoảng năm 1700.

Hai nước Anh và Thụy Điển chính thức dùng Lịch Grégorien vào năm 1752. Tại nước Anh sau ngày mùng 2 tháng 9 là ngày 14 tháng 9: người Anh đã phải bỏ đi 11 ngày bởi vì năm 1700 đã đi qua. Như vậy tháng 9 năm 1752 là tháng ngắn nhất trong Lịch Sử của Đế Quốc Anh. Tại nước Anh, việc sửa đổi lịch đã khiến cho trên nhiều đường phố, các tín đồ Tin Lành vừa biểu tình, vừa hô khẩu hiệu “hãy trả cho chúng tôi 11 ngày”. Thêm vào đó, việc nước Anh chấp nhận đồng thời ngày mùng Một tháng Giêng làm ngày đầu năm càng làm uất hận các tín đồ trung thành với tập quán.

Tại các lãnh thổ có dân chúng theo Chính Thống giáo (Orthodoxe) như Nga Sô, Hy Lạp, Bảo Gia Lợi và Nam Tư, Lịch Julien vẫn được xử dụng tới tận đầu thế kỷ 20. Vì các năm thế kỷ 1700, 1800 và 1900 đều được tăng thêm một ngày, nên từ mùng Một tháng 3 năm 1900, lịch của tín đồ Chính Thống giáo sai biệt với Lịch Grégorien 13 ngày. Về sau Giáo Hội Chính Thống cũng bắt đầu dùng Lịch Grégorien khiến cho thứ lịch này có tính quốc tế.

2/ Lịch Giáo Hội (Calendrier ecclésiastique).

Lịch Giáo Hội La Mã có mục đích tính toán về các ngày lễ tôn giáo. Trong khi các thứ lịch khác chỉ căn cứ vào mặt trăng hay mặt trời, lịch Giáo Hội lại liên hệ tới cả hai. Giáo Hội phân biệt hai thứ lễ: ngày lễ có

định và ngày lễ lưu động, nhưng bởi vì có khi cố định đối với lịch mặt trời, có khi cố định đối với lịch mặt trăng, nên các sự cố định hay lưu động này không có tính chất đặc thù.

Lịch Giáo Hội là thứ rất phức tạp, các phép tính liên quan tới lịch được gọi là “comput” do chữ “computare” là “tính”. Mục đích của comput là xác định ngày Lễ Phục Sinh (Pâques).

Các ngày lễ tôn giáo đều phụ thuộc vào Lễ Phục Sinh. Ngày Chủ Nhật thứ 9 hay 63 ngày trước Lễ Phục Sinh là Lễ Chủ Nhật Thất Tuần (Septuagésime). Ngày Chủ Nhật của Hội Giả Trang (dimanche de Carnaval) hay Quinquagésime trước Lễ Phục Sinh 7 tuần lễ. Sau ngày đó là ngày Thứ Tư Lễ Di Hài (Mercredi des Cendres). Lễ Hiện Xuống (Pentecôte) đi sau Lễ Phục Sinh 7 tuần, trước ngày lễ này là Lễ Thăng Thiên (Ascension) rơi vào ngày thứ Năm. Ngày Chủ Nhật sau Lễ Hiện Xuống là Lễ Tam Vị Nhất Thể (Trinité). Còn nhiều ngày lễ khác nhưng quan trọng nhất vẫn là Lễ Phục Sinh.

Ngày Lễ Phục Sinh Do Thái (Pâques juive) bắt đầu vào ngày 14 tháng Nisan. Sở dĩ ngày trăng tròn này được chọn vì vào thời xa xưa, ánh sáng trăng rất cần thiết cho lễ khách ban đêm. Ngày 15 Nisan là ngày tiệc tùng rồi tới ngày 16 có lễ dâng lên Chúa một nhánh lúa nặng hạt: tại Palestine, lúa mạch chín sớm nhất sau ngày Xuân Phân, vào khoảng đầu tháng 4. Vậy người cổ xưa đã cử hành Lễ Phục Sinh Do Thái vào lúc trăng tròn đầu tiên của mùa Xuân.

Theo Giáo Hội La Mã, Chúa Jesus Christ đã cử hành 3 lễ Phục Sinh. Tới Lễ Phục Sinh thứ tư, vào trước hôm chết, Chúa Jesus đã đặt ra Thánh Thể (Eucharistie) và

buổi họp các Tông Đồ (la Cène) ở vào ngày thứ Năm, 14 tháng Nisan. Ba ngày sau, tức là vào ngày 17, Chúa sống lại. Vì vậy các tín đồ Thiên Chúa giáo muốn rằng Lễ Phục Sinh phải rơi vào ngày Chủ Nhật đầu tiên sau ngày trăng tròn của mùa Xuân.

Căn cứ vào các sự kiện theo thiên văn học, các nhà niên biểu (chronologiste) đều kết luận rằng sự phục sinh của Chúa Cứu Thế đã ở vào ngày Chủ Nhật, mùng 5 tháng 4 năm 33. Nhưng việc cử hành Lễ Phục Sinh đã được thực hiện vào nhiều ngày khác nhau: ngày 17 Nisan, ngày Chủ Nhật đầu tiên sau ngày 17 tháng Nisan. Một số tu sĩ lại theo ngày lễ Phục Sinh cổ Do Thái, tức là ngày 14 Nisan. Tuy nhiên, đa số tín đồ Thiên Chúa giáo và cả Giáo Hoàng đều chấp nhận ngày Chủ Nhật theo sau ngày 14 Nisan (vào tháng 3).

Sau 3 thế kỷ chưa tìm ra được một giải pháp ổn thỏa, Hội Nghị Tôn Giáo Nicée mới đề ra quy tắc mà ngày nay người ta còn áp dụng: “Ngày Lễ Phục Sinh là ngày Chủ Nhật sau 14 ngày mặt trăng và tuổi trăng này rơi vào ngày 21 tháng 3 hay liền sau đó” (Pâques est le dimanche qui SUIT le 14^e jour de la Lune que atteint cet âge au 21 mars ou immédiatement après). Theo như quy tắc này, Lễ Phục Sinh có thể rơi vào các ngày từ 22 tháng 3 tới 25 tháng 4, tức là ở vào một trong 35 ngày khác nhau.

Sau Hội Nghị Tôn Giáo Nicée và do các bất đồng ý mà Lễ Phục Sinh đã được cử hành vào các ngày không thống nhất, và tình trạng này còn tồn tại tới thế kỷ thứ 9 hay hơn nữa. Nhờ các điều tìm kiếm về comput julien của tu sĩ Denys le Petit mà từ thế kỷ thứ 6 tới năm 1582, Giáo Hội La Mã đã căn cứ vào đó để tính toán ngày Lễ Phục Sinh.

Vào năm 432 trước Tây Lịch, Méton đã khám phá ra tính chất sau đây: 19 năm mặt trời bằng 235 tuần trăng, như vậy sau 19 năm, các biến tướng (phase) của mặt trăng sẽ trở lại như cũ và do đó, người ta có thể tiên đoán về các ngày trăng tròn và điều chỉnh trước cho lịch có thể thích hợp cả với mặt trời và mặt trăng.

Lý thuyết của Méton rất đặc sắc: nếu gọi L là tuần trăng, B là năm chí tuyến, A là năm julien, thì $L = 29.530588$ ngày, $235 L = 6,939.6882$ ngày; $A = 365.25000$ ngày, $19 A = 6,939.7500$ ngày, $B = 365.242200$ ngày, $19 B = 6,939.6018$ ngày. Như vậy sau 19 năm julien, sự sai biệt là 1 giờ 30 phút hay 1 ngày sau 17 chu kỳ Méton (hơn 320 năm). Căn cứ vào chu kỳ Méton, các nhà khoa học đã lập ra Lịch Vĩnh Viễn chỉ các ngày trăng mới (calendrier perpétuel des nouvelles Lunes du comput julien).

Thực ra các tuần trăng không bằng nhau mà thay đổi trong khoảng 14 giờ. Sự sai lầm còn tăng thêm vì các ngày nhuận và cần đến 4 chu kỳ Méton mới có một số ngày chẵn (1 chu kỳ Méton = 6,939.75 ngày), nên việc tiên đoán về các biến tướng của mặt trăng chỉ được kể là gần đúng. Rồi các năm tháng cứ trôi qua, sau thế kỷ 16 sự sai biệt lên tới 3 ngày.

Vào năm 1582, khi Giáo Hoàng Grégoire sửa đổi lịch Julien thì đối với lịch mặt trăng, các số vàng (nombre d'or) cũng được thay thế bằng các gia số (epacte do tiếng Hy Lạp *épiaktos* là (số) thêm vào). Mặc dù cải tiến mới này, Lịch Giáo Hội vẫn chưa trùng hợp với mặt trăng. Sở dĩ có sự sai biệt vì các gia số chỉ trừ liệu về chuyển động trung bình của mặt trăng. Nhờ Khoa Thiên Văn mới, các nhà khoa học biết rằng do sự sai biệt mà Lễ Phục

Sinh lại có thể cử hành sớm hơn hoặc trễ hơn dự định 1 tuần lễ, có khi tới 1 tháng. Về sau các nhà khoa học dùng gia số và chủ tự (lettre dominicale) để tính ngày Lễ Phục Sinh trong lịch Grégorien. Cũng vì chu kỳ của các chủ tự (cycle dominical) là 28 mà một cuốn lịch có thể dùng lại 28 năm sau.

3/ Lịch Trung Hoa.

Vào năm 213 trước Tây Lịch, Tần Thủy Hoàng ra lệnh đốt sách, chôn học trò, làm cho ngày nay người ta khó lòng biết chắc chắn các niên biểu của người Trung Hoa vào thời cổ xưa. Người Trung Hoa cho rằng 20 thế kỷ trước Tây Lịch, tổ tiên của họ đã biết một năm có 365 ngày và đã dùng một năm 366 ngày tiếp theo 3 năm 365 ngày. Sự kiện này còn bị nghi ngờ nhưng chắc chắn, người Trung Hoa đã dùng lịch 12 tháng có 30 ngày và 29 ngày liên tiếp.

Người Trung Hoa đã kiểm soát lịch bằng cách dùng bóng của cây gậy (gnomon) đo lúc chính Ngọ vào ngày đông chí. Họ còn cho rằng đã tìm thấy một thứ chu kỳ 19 năm tương tự như chu kỳ Méton.

Người Trung Hoa tính lịch theo Can và Chi, bắt nguồn từ Kinh Dịch. Có 10 Can là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. 12 Chi được kể như sau: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Lịch của người Trung Hoa không những được tính căn cứ vào sự chuyển vận của mặt trăng mà còn dựa vào các hiểu biết về Lý Số. Sau một khoảng thời gian khá dài, Lịch Trung Hoa cũng bị sai lệch với bốn mùa. Vào năm 1629, Vua Trang Liệt đã nhờ 2 nhà truyền giáo tây phương là Rho và Terranz góp công vào việc sửa đổi lịch. Hai vị linh

mục này rất giỏi về thiên văn, đã xúc tiến việc cải tổ nhưng chưa thành thì linh mục Terranz qua đời. Công việc trên được linh mục Shall tiếp nối. Nhờ công trình của 3 nhà truyền giáo này mà Bộ Khâm Định Văn Niên Thư được hoàn tất. Đây là một bộ sách tính lịch rất giá trị, đã chứa đựng nhiều thay đổi theo nền Thiên Văn Học của phương Tây và cho các kết quả về ngày tháng từ năm 1624 tới năm 2020.

Tới đời Vua Khang Hy, Bộ Luật Thượng Khảo Thành cũng được làm xong với sự bổ chính của hai linh mục A. Pereyra và J. Royler. Một bộ luật luật thứ ba khá quan trọng ra đời dưới thời Vua Càn Long, là Bộ Khâm Định Hiệp Ký Biên Phương. Trong bộ luật này, người làm lịch đã chú trọng rất nhiều đến Lý Số và đã bỏ bớt một phần nào các yếu tố do nền Thiên Văn Học mang lại.

4/ Lịch Cộng Hòa (Calendrier Républicain).

Sau Cuộc Cách Mạng Pháp năm 1793, Hội Nghị Quốc Ước (Convention) đã ra một đạo luật ngày 6/10/1793 nói về cách dùng một thứ lịch mới. Các nhà cách mạng Pháp đã lấy ngày 22/9/1792 làm ngày đầu tiên vì do sự ngẫu nhiên, ngày tuyên bố nền Cộng Hòa rơi đúng vào ngày Thu Phân khi phân điểm đi qua kinh tuyến Paris.

Theo Lịch Cộng Hòa, một năm có 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày. Tên gọi các tháng được ấn định theo quy ước Fabre d'Eglantine, đều có một âm điệu rất kêu tai và có vần cuối phụ thuộc vào từng mùa.

Mùa Thu: Vendémiaire (tháng hái nho), Brumaire (tháng sương mù), Frimaire (tháng sương giá)

Mùa Đông: Nivôse (tháng tuyết), Pluviôse (tháng mưa), Ventôse (tháng gió)

Mùa Xuân: Germinal (tháng mầm lá), Floréal (tháng hoa), Prairial (tháng cánh đồng)

Mùa Hạ: Messidor (tháng gặt hái), Thermidor (tháng nhiệt), Fructidor (tháng trái cây).

Theo lịch mới này, một năm có 5 ngày phụ xếp vào cuối tháng Fructidor, rồi cứ 4 năm lại có thêm 1 ngày nhuận được gọi là Ngày Cách Mạng (jour de la Révolution). Các năm nhuận 3, 7, 11... không trùng hợp với các năm nhuận theo lịch Grégorien. Các ngày trong tháng được xếp đặt làm 3 đợt, mỗi đợt 10 ngày (décade) và các tên gọi như sau: primidi, duodi, tridi, quartidi, quintidi, sextidi, septidi, octidi, nonidi, décade.

Chủ trương của các nhà làm Lịch Cộng Hòa là muốn cho thứ lịch mới này được toàn thể các nước trên thế giới sử dụng, giống như họ đã dùng hệ thống mét. Nhưng thật là trái ngược khi các tên tháng kể trên lại chỉ thích hợp với bốn mùa của nước Pháp. Vì thế đây chính là yếu điểm bị chỉ trích của Lịch Cộng Hòa.

Lịch Cộng Hòa thực ra chỉ được dùng trong 12 năm. Hoàng Đế Napoléon đã ra đạo luật ngày 9/9/1805 hủy bỏ thứ lịch này kể từ ngày 1/1/1806 và như thế, năm Cộng Hòa thứ 14 bắt đầu từ ngày 23/9/1805 (tính theo lịch Grégorien) chỉ kéo dài 3 tháng 8 ngày./.



Phạm Văn Tuấn.

HOEN MÀU THỜI GIAN

Có ai “đập vỡ hoàng hôn” (*)
Khơi tro tàn lạnh sưởi hồn thương đau
Anh về góp nhớ ngàn sau
Gửi vào thiên cổ nhánh sầu tương tư

Có ai góp những tờ thư
Soi ân tình cũ bóng hư ảo nào
Anh về qua giấc chiêm bao
Tìm trăng đáy nước hỏi sao trên ngàn

Có ai buồn nỗi hợp tan
Núi ngày tháng cũ tiếc nhan sắc chiều
Anh về gom sóng cô liêu
Gửi thuyền viễn xứ giạt phiêu cuối trời

Có ai nhạt cánh sao rơi
Gói trong vạt áo khóc đời bể dâu
Anh về thương mấy nhịp cầu
Thương em tóc đã hoen màu thời gian

Hồ Công Tâm

(*) Chữ
của
Mịch
La
Phong



TUYỆT CHIÊU

Kìa kìa con công
hay múa
Em múa vũ điệu
đời nghiêng
Xoay xoay tôi liền
chóng mặt
Nhưng tim vẫn
muốn cuồng điên



Xòe xòe con công đôi cánh
Cong cớn trong mỗi đường cong
Đỏ đỏ lập lòe xanh xanh
Có tôi cánh môi trời trồng

Công ơi bờ lông óng mượt
Múa tiếp cho đời lên hương
Mềm tơ sâu tôi mấy lượt
Điệu thêm để giết một người

Tôi chết công còn thương không
Hay xưa công làm phù thủy
Xóa tóc là gió cũng phiền
Và tôi mấy nỗi hư không

Và tôi / em công hay múa
Vấn vợ múa hết đời mình
Cho tôi sầu kia vây bủa
Để chết như kẻ đa tình.

Nguyễn Thị Thanh Bình

Mùa Tựu Trường

*Đưa con tới trường về
Đường bỗng dài lê thê
Đưa con đi học xa
Nhớ ngày xưa con bé.
Mai sau con thành đạt
Chắc mới yên một bề.*

*Nhỏ to như kẻ lể
Vẫn những lời cũ kỹ
Nói với con bao lần:
Rằng con ơi nhớ nhé
Học thầy rồi học bạn
Học nói còn học nghe
Hãy cố công mài sắt
Ai nên người chả thế.*

*Con ơi con nhớ nhé
Mùa đông mưa, tuyết, lạnh
Đâu sẵn ngựa cùng xe
Ăn, ở, học...qua lại
Sớm hôm với bạn bè
Dẫu khó khăn chớ nản
Ráng đi chờ tới hè.*

*Và con ơi nhớ nhé
Người như sông có khúc
Lúc tuổi còn đang trẻ
Thời cắp sách đến trường
Ôi vô vàn đẹp đẽ!*

Nguyễn Phú Long



NGUYỄN PHÚ LONG

- Trong Ban Biên Tập của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.
- Sinh năm 1938 tại Sơn-Tây
- Khởi viết từ đầu thập niên 1960.
- Đã cộng tác với thi đàn Hoa Tiên, thi văn đàn Trầm Hương, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm...

ĐÃ XUẤT BẢN:

- Chút Nghĩa Cũ Càng (tập thơ, 1996)
- Biết Bao Nhiêu Tình (tập thơ, 2001)
- Ai Đắp Lũy Thầy (tập tùy bút, khảo luận, lịch sử 2005)
- Qua Mấy Nẻo Đường (tập tùy bút, 2007, Hết)
- Còn Vương Tư Lòng (tập thơ, 2009)
- Ngày Ấy Chưa Xa (Văn, thơ in năm 2011 chung với hai người bạn)
- Thơ Họa (Đường thi 2013, Hết)
- Chắp Nhật Đông Dài (Văn, thơ in chung với hai người bạn)

On the Pulse of Morning, Poem by Maya Angelou (1993) Mạch Sống Ban Mai

Bản dịch: **PHẠM TRỌNG LỆ**

Trong bài thơ “On the Pulse of Morning” văn thi sĩ, và giáo sư đại học nổi tiếng Maya Angelou đã nhân cách hoá, dùng **đá**, **sông**, và **cây** nói với con người rằng mình chỉ là một phần trên trái đất trong đó thiên-nhiên ban cho cơ hội đồng đều (“chân trời nhô về phía trước nhường bước cho người”), từ con khổng tượng mà bộ xương khô là dấu ghi lại thời gian ngắn nó ở trên trái đất, đến các di dân khác. Sông khuyên con người hãy cùng các giống khác từng tới giải đất này, tử tế với nhau vì hôm nay chúng ta bắt đầu một ngày mới. [Maya Angelou delivered this poem after President Bill Clinton’s Inaugural Address outside the Capitol, Washington, D.C. on January 20, 1993.]

On the Pulse of Morning

A Rock, A River, A Tree
Hosts to species long since departed,
Marked the mastodon,
The dinosaur, who left dry tokens
Of their sojourn here

On our planet floor,

Any broad alarm of their hastening doom
Is lost in the gloom of dust and ages.

But today, the Rock cries out to us, clearly,
forcefully,
Come, you may stand upon my
Back and face your distant destiny,
But seek no haven in my shadow.
I will give you no hiding place down here.

You, created only a little lower than
The angels, have crouched too long in
The bruising darkness,
Have lain too long
Face down in ignorance.

Your mouths spilling words
Armed for slaughter.

The Rock cries out today, you may stand on me,
But do not hide your face.

Across the wall of the world,
A River sings a beautiful song.
It says, come, rest here by my side.

Each of you a bordered country,
Delicate and strangely made proud,
Yet thrusting perpetually under siege.

Your armed struggles for profit
Have left collars of waste upon
My shore, currents of debris upon my breast.

Yet, today I call you to my riverside,
If you will study war no more.

Come, clad in peace, and I will sing the songs
The Creator gave to me when I
And the Tree and the Rock were one.

Before cynicism was a bloody sear across
your brow
And when you yet knew you still
knew nothing.

The River sang and sings on.

There is a true yearning to respond to
The singing River and the wise Rock.

So say the Asian, the Hispanic, the Jew
The African, and Native American, the Sioux,
The Catholic, the Muslim, the French, the Greek
The Irish, the Rabbi, the Priest, the Sheikh,
The Gay, the Straight, the Preacher,
The privileged, the homeless, the Teacher.
They all hear
The speaking of the Tree.

They hear the first and last of every Tree
Speak to humankind.
Come to me,
Here beside the River.
Plant yourself beside the River.

Each of you, descendant of some passed-
on traveler, has been paid for.
You, who gave me my first name,
You Pawnee, Apache and Seneca,
You Cherokee Nation, who rested with me,
Then forced on bloody feet,
Left me to the employment of other seekers

—
Desperate for gain,
Starving for gold.

You, the Turk, the Arab, the Swede,
The German, the Eskimo, the Scot,
You the Ashanti, the Yoruba, the Kru,
Bought, sold, stolen, arriving on a nightmare
Praying for a dream.

Here, root yourself beside me.
I am that Tree planted by the River.
Which will not be moved.

I, the Rock, I the River, I the Tree
I am yours – your Passages have been paid.

Lift up your faces, you have a piercing need
For this bright morning dawning for you.

History, despite its wrenching pain,
Cannot be unlived, and if faced with courage,
Need not be lived again.

Lift up your eyes upon
This day breaking for you.

Give birth again
To the dream.
Women, children, men,
Take it into the palms of your hands.

Mold it into the shape of your most private need.

Sculpt it into the image of your most public self.
Lift up your hearts
Each new hour holds new chances
For a new beginning.

Do not be wedded forever
To fear, yoked eternally
To brutishness.

The horizon leans forward,
Offering you space to place new steps of change.
Here, on the pulse of this fine day
You may have the courage
To look up and out and upon me, the
Rock, the River, and Tree, your country.

No less to Midas than the mendicant.
No less to you now than the mastodon then.

Here on the pulse of this new day
You may have the grace to look up and out
And into your sister's eyes, and into
Your brother's face, your country
And say simply
Very simply
With hope--
Good morning.

Maya Angelou

(Credit: Courtesy William J. Clinton
Presidential Library)

Tiểu sử:

Maya Angelou tên thật Marguerite Ann Johnson, là một nữ văn sĩ và thi sĩ da đen nổi tiếng của Hoa Kỳ, sinh năm 1928, ở St. Louis, Missouri. Khi thiếu thời, bà theo học ở Arkansas và California về âm nhạc, khiêu vũ, và kịch nghệ. Từng thủ vai trong nhạc



Bà Maya Angelou đọc «On the Pulse of Morning» trong lễ nhậm chức của Tổng Thống Bill Clinton,

kịch Porgy and Bess, Calypso Heatwave và Cabaret for Freedom (vở nhạc kịch này do chính bà viết và sản xuất năm 1960). Bà viết 7 cuốn tự truyện. Trong những tác phẩm tự thuật bà nói về thân phận của người da đen trong nền văn hoá đa hợp và vấn đề kỳ thị của xứ Mỹ. Những tác phẩm nổi tiếng là: I KNOW WHY THE CAGED BIRD SINGS (Tôi hiểu vì sao con chim bị nhốt trong lồng cất tiếng hát) (1969); GATHER TOGETHER IN MY NAME (Nhân danh ta các con hãy quây quần) (1974); THE HEART OF A WOMAN (trái tim người đàn bà) (1981); và ALL GOD'S CHILDREN NEED TRAVELING SHOES (Mọi con cháu của Trời đều cần giày đi) (1986).

Bà cũng viết nhiều tập thơ, trong đó có tập nhan đề JUST GIVE ME A COLD DRINK OF WATER 'FORE I DIE (Hãy cho ta một ngụm nước lạnh trước khi ta chết) (1971). Trong bài thơ On the Pulse of Morning bà đọc trong lễ nhậm chức của tổng

thống Bill Clinton, bà nhân cách hoá bằng cách dùng ẩn dụ ĐÁ, SÔNG và CÂY dạy cho người thấy mình chỉ là một phần của nhân loại trên trái đất trong đó thiên-nhiên ban cho muôn loài cơ hội đồng đều, từ con không-tượng mà bộ xương khô là dấu ghi lại thời gian ngừng ngủi mà nó ở trên địa-cầu, đến các giống di dân khác, con người đã từng tới giải đất này sống chung với nhau. Trái đất mà hình ảnh tượng trưng là Sông, Đá và Cây khuyên con người hãy bắt đầu một ngày mới bằng lời chào niềm nở.

Mạch Sông Ban Mai

Đá, Sông, Cây
Chủ nhà của những loài đã khuất từ lâu rồi
Gọi là giống không-tượng,
Con khủng-long, con vật đã để lại kỷ-vật khô
Của những ngày ở tạm ngừng-ngủi nơi đây
Trên nền đại-lục của ta,
Tiếng báo hiệu sâu rộng nào về sự tiêu diệt
nhanh chóng của chúng
Cũng lạc đi trong âm-đạm của cát bụi và
thời-đại.
Nhưng hôm nay, Đá cất tiếng gọi chúng ta,
rành rọt, mạnh mẽ
Lại đây, cho người được đứng lên lưng ta
Và nhìn thẳng vào số-mệnh xa-xôi của người.
Nhưng đừng lấy bóng ta làm nơi nương náu
Ta không cho người dùng ta làm nơi ẩn trốn.
Người được tạo ra chỉ hơi thấp hơn
Hàng thiên-thần một chút, người đã núp
quá lâu
Trong bóng tối bầm tím,
Đã nằm quá lâu
mặt vùi trong ngu-dốt.
Miệng tuôn lẩm lời
đầy giọng chém giết.

Đá lớn tiếng gọi chúng ta hôm nay, người
được phép đứng lên ta,
Nhưng đừng che mặt đi.

Bên kia tường thế giới,
Con Sông hát một bài ca êm-dịu,
Sông bảo rằng, hãy lại nghỉ bên bờ này.
Mỗi người các người như một xứ có biên-
cương bao-bọc
Mong manh mà tự hào lạ lùng
nhưng vĩnh-viễn giam mình trong vây hãm.
Các cuộc ganh-đua vũ-trang mưu lợi
Đã để lại những vòng đầy chất phé thái
Trên bờ ta, những dòng rác-rưởi trên ngực ta.
Vây mà hôm nay, ta gọi người lại bờ sông
Nếu người không còn theo đuổi chiến-tranh nữa
Hãy lại đây, khoác áo hoà bình và ta sẽ ca
các bài
Mà đáng Tạo-Hóa đã ban cho ta
Khi ta, và Cây, và Đá chỉ là một.

Trước khi lòng hoài-nghi là một vết cháy
sém đầy máu
Trên đôi mày người và khi người chưa biết vậy
Thì người chưa hiểu gì cả.
Sông cất tiếng ca, rồi ca tiếp.

Có một nỗi khát-vọng thực sự, muốn đáp lời
Con Sông biết ca và tảng Đá biết nghĩ
Họ đã nói vậy như người Âu-châu, người
Nam-Mỹ, người Do-Thái
Người Phi-châu, người da đỏ, người Sioux,
Người Thiên-chúa-giáo, người Hồi-giáo,
người Pháp, người Hy-lạp,
Người Ái-Nhĩ-Lan, trường đạo Do Thái, vị
linh-mục, viên tù trưởng bộ lạc
kẻ yêu đồng tính, người thích khác giới, vị
thầy giảng đạo
Người có đặc quyền, kẻ không nhà, nhà
giáo dạy học

Tất cả đều nghe
 lời Cây nói.
 Họ nghe. Họ nghe từ đầu đến cuối lời Cây
 Nói với loài người hôm nay,
 Lại đây với ta, lại đây, bên bờ Sông,
 Hãy chôn chân bên ta, nơi đây bên giòng Sông.
 Mỗi các người, con cháu kẻ từng qua đây
 như khách du-hành. Các người đã được trả
 lộ phí rồi
 Người, kẻ đã đặt tên đầu tiên cho ta, người,
 người da đỏ Pawnee, Apache, Seneca, người,
 xứ da đỏ Cherokee, đã từng ở lại với ta,
 Rồi bị bắt buộc, chân đầy máu, bỏ ta lại để
 cho các giòng khác dùng
 những kẻ câu-thực khác—khao khát vơ vét
 khao khát tìm vàng.
 Người, Thổ Nhĩ-Kỳ, Ả-Rập, Thụy-Điền,
 Đức, Eskimo, Tô Cách-Lan
 Người, giống Ashanti, giống Yoruba. giống
 Kru, các người bị mua,
 bị bán, bị cướp, đem đến đây trong con ác mộng
 cầu xin được một giấc mơ,
 Nơi đây này, mọc rễ bên ta đi
 Ta là Cây trồng bên Sông,
 Sẽ không bị nhổ đi trồng nơi khác đâu,

Ta là Đá, là Sông, là Cây
 Ta là của người--tiền vé tàu của các người
 đã được trả rồi.

Ngừng mặt lên các người, các người có một
 niềm khát vọng nhưc thấu
 cần có buổi bình-minh rạng-rỡ này lộ trên
 mặt người
 Lịch sử, dầu có những đoạn đau đớn thất ruột,
 cũng không thể xoá đi được, nhưng nếu
 biết đương đầu
 bằng lòng can đảm thì không cần phải sống
 lại nữa.

Hãy ngược mắt lên
 Nhìn ban mai vừa lộ dạng cho người,

Hãy nậy sinh thêm
 một giấc mơ nữa.

Đàn bà, trẻ em, đàn ông,
 Hãy đặt giấc mơ vào lòng bàn tay của các người
 Nặn nó thành hình của
 Khát vọng kín nhất của mình. Hãy tạc nó
 Thành hình ảnh đời công của các người
 Hãy để lòng phấn khởi lên
 Mỗi giờ mới mang đến những cơ hội mới
 Cho một khởi đầu mới
 Đừng mãi mãi chịu trung thành gắn bó
 với nỗi sợ hãi, đừng vĩnh viễn chịu cùm kẹp
 bởi thú tính hung bạo.



TT Obama trao cho bà giải thưởng
 Presidential Medal of Freedom năm 2011.

 Chân trời nhô về phía trước
 Nhường đất cho người đặt những bước đời mới,
 Nơi đây, theo mạch tim của một ngày đẹp
 trời hôm nay
 Người có thể can đảm
 Nhìn lên, nhìn xa, nhìn thẳng vào ta,
 Ta là Đá, là Sông, là Cây, là đất nước người.

Chân trời nhường ngần ấy đất cho người
ngần ấy cho kẻ giàu như Vương Khải,
Thạch Sùng cũng như kẻ hành khất nghèo-nàn
Ngần ấy cho người bây giờ cũng như ngần
ấy cho giống không-tượng ngày xưa.

Nơi đây, vào mạch thở của ngày mới này
Các người nên can đảm nhìn thẳng và nhìn sâu
Vào đôi mắt của người nữ đồng chủng,
Vào khuôn mặt người nam đồng chủng.
Vào xứ người
Và cất lời giản dị
Rất giản dị
Với hy-vọng
« Chào người ».

--**Phạm Trọng Lệ** dịch
Virginia 1/21/1993; sửa lại 5/18/2014

Tiểu sử GS Phạm Trọng Lệ

-Cựu hs Chu Văn An (Hà-Nội) - Nguyễn
Trãi và Chu Văn An (Sài-Gòn); tốt nghiệp
Đại Học Sư Phạm ban Anh văn, cử nhân
giáo khoa Anh văn Đại Học Văn Khoa
Saigon; certificate in
TEFL/TESOL,
SEAMEO/Regional English
Language Centre, Singapore.
-Học bổng Fulbright 1973-75
Bowling Green State
University, Ohio, MA in
American Studies 1975; MA
in English, 1977; MS in
Library Science, Catholic
University of America,
Washington, DC, 1986.
-Dạy 2 năm Anh văn đệ nhị cấp Trung học
Trịnh Hoài Đức, Bình Dương, tiếp theo dạy
8 năm ở Trung học Võ Trường Toản
Saigon, đồng thời ở trường Anh Ngữ Hội



Việt Mỹ VAA Saigon, và giảng viên môn
Translation và English Teaching Practice ở
ĐHSP Saigon, và English Teaching
Methodology ở Đại Học Cộng Đồng Tiền
Giang Mỹ Tho.

Tiếp theo học bổng Fulbright, học bổng
non-service doctoral fellowship của BGSU
và tiếp theo 2 năm doctoral teaching
fellowship, dạy English composition,
medieval literature và science fiction cho
sinh viên undergraduate ban cử nhân. Hoàn
tất các lớp thuộc chương trình tiến sĩ,
passed Prelims, đề tài "Cultural
Interference and Its Implications to the
Teaching of American Studies to Asian
Students" được chấp thuận, nhưng chưa
trình luận án.

-1978-2003 làm state law editor/analyst và
sau khi đỗ MS về Library Science làm
Reference/ILL librarian ở the Bureau of
National Affairs, Inc. ở Washington. Trong
những năm 1994 - 2014, phụ trách chương
trình Anh Ngữ Sinh Động Dynamic English
và mục Hỏi Đáp Anh Ngữ trên
đài VOA.

Dùng thì giờ rảnh rỗi đọc sách,
nghe nhạc, đọc thơ và dịch thơ,
viết báo, du lịch và... ăn ngon,
uống rượu cùng bạn bè. Đã viết
trên Hoa Thịnh Đốn Việt Báo
(mục Nói có Sách), Phụ Nữ Việt
(California), dịch một số bài thơ
của Du Tử Lê, Nguyễn Sa, dịch
truyện thiếu nhi trên Tuần báo

Việt Tide, viết bài trên tam cá nguyệt Cỏ
Thom (Virginia) và tam cá nguyệt điện tử
Firmament (Texas).

Cuối tuần lái xe thăm hai con trai và 3 cháu nội.

LE LAC D'AMOUR

Assis près du lac serein
Où reflète dans le miroir argenté
Ton image d'un soir lointain
De l'épinal, je te revois toujours.

Dans nos retrouvailles si calmes
Tu m'as parlé de nous deux
Même ces rayons roses d'automne
Sur l'eau si claire nous rappellent l'amour.

D'où viennent ces vagues incessantes
Qui effacent ton visage bien aimé
Dans la brume froide d'aisance
Où se fânent tant de sourires?

Le ciel change soudain de couleur
Guettant mes larmes inconscientes
Près du lac de tous nos espoirs
Comme je souffre de ton absence.

Je revois encore notre lac d'amour
Qui m'appelle un soir sans toi
Que reste-t-il dans les nuages tardifs
Où s'aiment tant de cigognes lamées

Où sont ces vagues d'antan
Qui nous guettent à chaque pas
Sur l'herbe du bonheur retrouvé
De toutes les feuilles fânées d'un soir.

Diễm Hoa

Vacances à Brugges 6/2014

CHUỘT NHÀ

Đỗ Bình

Cuối tháng tư đã vào xuân mà gió vẫn lạnh! Sáng nay màu trời xanh như ngọc thỉnh thoảng có những giải mây trắng hồng lơ lửng bay. Hàng cây bên đường đứng lặng yên, trên cành những cánh hoa còn đọng những hạt sương mai long lanh trong nắng như những viên kim cương muôn sắc.

Dưới nền trời xanh ngắt, một tòa nhà mái ngói đỏ màu đã xỉn nằm sừng sững trên cánh đồng bát ngát trông như một bức tranh ấn tượng, người ta gọi đó là khu nhà cổ được xây cất từ hồi Đế nhất thế chiến, nơi đây ít có người lui tới vì khá xa Paris. Lúc đầu dành cho những gia đình lính, sau khi chiến tranh thứ hai chấm dứt một số đông quân nhân được giải ngũ và họ đã rời gia đình đi nơi khác lập nghiệp nên nhiều phòng bỏ hoang chung cư bỗng trở nên vắng vẻ, tiêu điều, thiếu hẳn bầu không khí nhộn nhịp ồn ào thuở nào, và cái vỏ hào nhoáng khi xưa cũng dần tắt lịm theo thời gian!

Sau chiến tranh, nhờ tiến bộ khoa học nền kinh tế Âu Châu khởi sắc và phát triển mạnh, những phong trào thi đua mở mang đô thị nở rộ khiến những khu đất hoang mọc lên những tòa nhà cao tầng, những hiệu buôn lộng lẫy, những nhà máy, công ty, xí nghiệp lớn nhỏ đủ cỡ. Do đó người từ các thành phố khác đổ về đây lập nghiệp, phố xá trở nên sầm uất, ấy thế mà căn nhà gạch xưa vẫn còn bị hẩm hiu! Bộ mặt bên ngoài chung cư vẫn vậy, lớp sơn màu xám tro lâu ngày đã tróc ngả màu bạc phéch,

trông nó vốn đã cũ lại càng xơ xác hơn! Mãi đến gần cuối thập niên 70 vì dân số trong đô thị gia tăng, người ta đã sửa sang chung cư lại, sơn phết nó để cho thuê với giá rẻ. Khách đến thuê rất ít người bản xứ, đa số đều là người ngoại quốc từ những phương trời khác nhau như Bắc Phi, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha... đến Pháp lập nghiệp, trong đó có cả người Việt Nam tỵ nạn. Dù khác biệt về ngôn ngữ, chủng tộc hay tôn giáo, họ vẫn sống rất hòa đồng trong chung cư.

Khu nhà cũ năm xưa nay được khoác lớp áo mới, phía trước được trồng cây xanh lối đi, trong vườn hoa có những hàng ghế, cứ mỗi khi trời đẹp dân chung cư thường hay ra ngồi sưởi nắng. Góc phải công viên là một bãi cát nhỏ với cây cầu tuột bằng gỗ sơn xanh đỏ dành cho trẻ em vui chơi. Tuy đã được tân trang bề ngoài, nhưng bên trong khu nhà vẫn không thay đổi mấy! Nó có thể mới với những người vừa đến cư ngụ, nhưng lại rất cổ với những dãy cao tầng quanh đó. Tuy nhiên trong cái cũ kỹ ấy vẫn phảng phất thời vàng son, dấu tích của những người lính đã từng góp phần dệt lên những trang sử lẫy lừng cho nước Pháp. Phía sau khu nhà cổ vẫn bãi đất rộng đầy cỏ dại, có nơi đã mọc phủ lên cả thềm căn nhà kho, căn nhà dung để chứa đồ phế thải mà màu gạch ngói đã mốc, đã loang lổ trông lại càng hom hem lụp xụp! Chung cư đông người nên kho chứa đồ phế thải càng bừa bộn và chật chội vì những thùng và bao rác chất đống! Duy chỉ có trẻ con là thích, chúng đã biến một khoảnh đất của bãi cỏ hoang thành sân chơi đá bong, và nơi ấy cũng là nơi chó mèo đi dạo, thỉnh thoảng có cả những chú chuột lang thang đi kiếm mồi.

Ở xứ này người ta rất quý chó mèo và xem chúng như bạn, nên lũ chó mèo được cưng chiều, bảo vệ đảm sinh tật, lắm lúc chúng gặp chuột lại cong đuôi trốn! **Những mảnh đời trầm luân tục lụy đây bát nháo đâu chỉ xảy riêng cho loài người? Cứ thử nghiêng xuống cảnh đời của những loài thú khác nào có ít xôn xao?!**

Trời hôm nay đẹp nhưng còn lạnh, điều đó không ảnh hưởng đến sinh hoạt trong **căn nhà kho**, nơi chứa chấp căn bã, tụ điểm hò hẹn của loài chuột. Gia đình chuột Lắt cư ngụ trong một góc kẹt ở đây đã bao đời. Á nhóc chuột Lắt rất tinh khôn, tính hay ăn vụng, nhất là thứ vụng ngày nhưng ít bị bắt gặp chuột ta đâm tụt mẫn về sự khôn ngoan của mình. Đời đâu êm thắm và may mắn mãi, nhiều phen nó cũng phải chạy bỏ vĩa vì lân la sang những nơi lạ bị trê nít đuôi! Chuột Lắt con than với mẹ:

“-Loài người bọn chúng quả thật ác mồm lắm, mẹ ạ...Chúng đặt tên và xếp loại chúng ta vào loài chuột!”

Chuột mẹ nhìn con, âu yếm nói:

“-Con ơi ! Hơi đâu mà nghe mồm người, tâm địa của chúng còn hiểm độc hơn nhiều, con à! Lắm đứa còn bản hơn cả chuột nữa...thế mà chúng cứ vênh mặt, ngoắc mồm chê ông, chê ông làm ra vẻ đạo đức.... Cũng là mặt chuột trát son phấn đấy con!”

Chuột con rùng mình, thờ dãi:

“-Thảo nào lại lắm bọn đạo đức giả đến thế!”

Chuột mẹ chu mồm khẽ gãi vào đầu chuột con, thờ thề:

“-Chớ nên đi xa kiếm ăn, coi chừng chúng bẫy đấy!”

Chuột con gục gặc đầu lí nhí... dạ. Bỗng chuột con ngoắc đầu nói:

“-Đêm hôm trước lúc đi kiếm ăn, bởi trong bao rác con thấy được cây dổi thơm quá...Chuột Chù và chuột Cống ở cạnh đấy định giật cây dổi của con, nhưng may qua,ù con tha kịp miếng mồi và nhanh chân phóng vào góc kẹt, vừa ăn vừa quan sát. Con thấy chuột Chù và chuột Cống cũng phóng đuổi theo nhưng chúng lớn quá đành ở ngoài góc kẹt mà chờ mồm chửi.”

Chuột mẹ rùng mình, mặt biến sắc mắng yêu:

“-Mẹ đã nói con phải cẩn thận, chuột hay người vì miếng ăn thì cũng đều gian ác như nhau. Thế...chúng nó chửi con thế nào?”

Chuột con bồng tiu nghiu, buồn xo, trả lời:

“-Chúng chê chúng ta là loài chuột nhất...đồ lột choắt...đồ sống bản, chuyên bới rác!”

Chúng còn nói:

“-Đáng lý mẹ con chúng mày phải sống nơi kẹt cầu, ống cống như chúng tao, nhưng mày lại bỏ ổ, nay rúc vào gầm giường, mai chui vào xó bếp của nhà người ta để rình mò lén lút, chờ hễ có ai sơ hở hay lơ dểnh là thừa dịp bò ra ăn vụng những cơm thừa nước cạn. Thế...đã không biết xấu hổ mà còn bày đặt làm cao...đồ đượ!”

Chuột mẹ giận run lên, mắt đỏ ngầu, chu chéo nói:

“- Ồi giời ơi! Thật là xấu cho họ nhà chuột!”

Và nghiến răng, gằn giọng:

“-Chúng nó có tốt lành gì đâu con!”

Chuột mẹ bồng ngẩng đầu lên, mặt danh thép rít:

“-Con tưởng loài chuột Chù thom lắm sao? Con xem bộ dạng nó đầu đít chẳng cân xứng....đuôi thì ngắn cùn cớn, mõm lại chù dài ra, nhọn hoắc, trông mà thấy gớm. Cả làng chuột phải bỏ chỗ ở hang hốc mà đi vì cái mùi hôi đặc biệt của nó.! Thứ chuột rượn ấy chỉ biết hóng đực...nên lúc nào cũng ngúng nguẩy, cong tớn như đười!”

Chuột mẹ chép miệng nước bọt đỡ khô cổ, rồi lên giọng rủa tiếp:

“-Con tưởng chuột Cống sạch lắm hả? Hủi đấy! Trông nó to xác lại chuyên sống gặm cầu, kẹt cống rãnh. Con xem chân dung họ nhà mõm nhọn nào là chuột Đát, chuột Đồng, chuột Chũ, chuột Khuy, chuột Lang, chuột Bạch....Chẳng con nào giống nó cả!”

Chuột mẹ ghé sát đầu vào chuột con, xuống giọng nói khẽ như sợ có ai nghe trộm:

“- Nó xoi cả thịt chuột nữa, đấy con!”

Chuột con rùng mình lạnh xương sống, run run khẽ hỏi chuột mẹ:

“-Đâu có ai nghe mình nói chuyện, sao mẹ sợ dữ vậy?”

Mắt chuột mẹ đảo lia, tai vểnh ra, đầu ngoáy qua ngoáy lại, thờ đều, hạ giọng nói:

“-Con ngây thơ lắm...Là **chuột** mà chẳng hiểu chuột. Chuột là tổ sư của ngành rình mò và báo cáo đấy con....Con người mới học lóm sau này thôi!”

Chuột con giật bản mình vì sợ hãi. Chuột mẹ ngậm ngùi kết luận:

“-Rõ là lũ chuột!”

Chuột con nhướn cổ lên, thắc mắc:

“-Mẹ nói sao...con chưa hiểu?”

Mặt chuột mẹ đành lại, nói:

“-Con có biết loài người nhìn mình như thế nào không?”

Chuột con tròn xoe mắt, lắc đầu. Chuột mẹ ngậm ngùi nói:

“-Họ bảo mình là loài thú gặm nhấm, mõm nhọn, đuôi dài, thường phá hoại mùa màng và gây bệnh dịch truyền nhiễm Họ còn kháo nhau rằng "Trải qua bao biến chuyển của thiên nhiên và thời đại, có bao nhiêu loài thú đã tuyệt tích, thế mà loài chuột vẫn an nhiên tồn tại, không những thế, chúng còn sinh sôi nảy nở mỗi ngày một đông hơn. Mặc dầu con người rất ghê tởm loại thú này và tìm đủ mọi cách để tiêu diệt chúng nhưng người và chuột vẫn quây quần chung dựng nhau. Thường thì chuột vẫn tránh người. Lắm khi chuột đông quá khiến người lại phải tránh chuột.”

Chuột mẹ nói tiếp:

“-Con thấy chưa, ý niệm của con người thật ác độc Cái gì bản nhất họ trút lên đầu mình, ngay cả việc lên án giữa con người với con người cũng thế, hễ ai có hành động bản là họ ví là chuột. Thế có tức không chứ?!”

Chuột con mặt hóm hình bò ra khỏi góc kẹt, quay lại nói với mẹ:

“-**Chuột người đấy, mẹ ạ!**”

Hai mẹ con chuột cùng rít lên cười và bò đi kiếm ăn.

*

Sáng nay, chuột Lắt viếng nhà ông Giáo kiếm ăn, nó, tuy trời sinh có hơi lắt choắt nhưng bù lại rất nhanh nhẹn, giỏi lườn lách trong kẹt nhà, xó bếp, chuột ta biết được thói quen của người. Đợi lúc người trong nhà đi vắng mới mon men bò ra kiếm ăn mà chẳng ai quấy rầy cản trở sự vùng trộm. Lắt chạy lung tung hết phòng này sang phòng khác, rồi leo lên cả bàn thờ

nhảy múa. Lần đầu tiên trong đời nó được hưởng cái điểm phúc hiêm hơi đầy ắp vật chất lẫn không khí tự do như hôm nay. Lắt cong đuôi phe phẩy vui sướng, mõm chum lại nhọn hơn và rít lên âm điệu the thé. Nó tha hồ chọn lựa những phẩm vật ngon, lạ bày biện trên bàn thờ.

Chuột Lắt thoát nhìn cũng dễ coi, nhưng khi nó ghéch mặt lên mắt vừa ti hí lại sung húp; thêm mấy sợi râu lún phún trên mép nhúc nhích trông rất lém lỉnh và đều! Nó liếc về đĩa gà, mắt long lên và sáng quắc mùi thơm đã động não làm ứa đầy nước bọt, mấy sợi râu mép cũng co giật cong vút. Lắt liếm mép mon men lách mình qua nải chuối xanh, đĩa cam óng ả và những quả táo đỏ au thơm phức. **Lắt phân vân chưa biết dùng thứ nào trước, bỗng Lắt giật bản mình, khi thấy những ánh mắt rất nghiêm khắc trong bức ảnh thờ đang chăm chú nhìn nó!** Chuột ta sợ quá, lông dựng đứng, đuôi cụp xuống định phóng chạy, nhưng chân cứ những ra không giữ vững được thân mình; lại thêm tiếng người cười nói xôn xao ngoài hành lang càng làm nó cuống lên. Lắt hoảng hốt, những hương vị đầy quyến rũ của lúc đầu đã vụt mất... Nó thảm than: "*Chao ôi sao những phẩm vật bỗng sùng sững như ngọn đồi cản trở thế này?!*"... Nó cố thu hết sức nhắc chân nhưng không tài nào, như đã có ai đã nắm đuôi Lắt giữ lại! Nó ngoáy đầu, mắt đảo ngang dọc tìm lối thoát. **Nó điếng hồn như bị thôi miên khi liếc thấy những bức ảnh.** Nó muốn thu hình lại cho nhỏ bé hơn để lẫn khuất sau những đĩa phẩm vật, nhưng chân cứ mềm những ra, khụy xuống và thiếp đi trong sợ hãi... Khi tỉnh dậy, việc

đầu tiên nó liếc trộm những bức hình; thấy những ánh mắt vẫn bất động. Nó thảm nghĩ: "**Có lẽ những người này hiền hơn những lớp người ồn ào mà nó thường phải tránh hàng ngày....hình như họ đang mỉm cười!**". Lắt cảm như bị hoa mắt nên nhắm lại định thần rồi mở to ra quan sát, tất cả vẫn im lìm bất động, nó an tâm phần nào, vươn mình nhòm dậy ngoáy đầu nhìn thật kỹ, và chột hiểu: "**Thì ra tất cả chỉ là hình tượng giống như tượng đá mà có lần theo mẹ đi kiếm ăn nó gặp ngoài công viên!**".

Lắt chồm lên, nhún nhảy, cười ha hả. Nó hiểu rồi: "**Những hình tượng này đều là người chết, thế nào mà họ hiền đến thế!**" Nó bò lại thật gần bức ảnh, ngắm kỹ từng chân dung và nghĩ: "**Biết đâu chẳng có những khuôn mặt ác, lúc còn sống đã hiếp đáp gia đình nó chẳng?**". Có tìm nhưng chẳng nhận ra ai, Lắt tự nhủ: "**Chắc họ là những người xưa nên chưa biết những trò bầy chuột và dùng thịt chuột!**". Nó cảm thấy: "**Chỉ có người chết là tử tế và có thể sống chung được với họ!**". Lắt càng ngắm những di ảnh: "**Càng thấy họ dễ thương và mờ nhạt, trông buồn quá! Chẳng hiểu do bụi thời gian hay người chết thích mờ nhạt?**" Mãi ngắm những người tử tế, xuýt nữa Lắt quên mất cái bụng đang đói, nó bỏ mặc những hình tượng đang trầm tư, thoãn thoắt tiến về đĩa gà đang phoi mình mời gọi. Bộ lông nó xù ra, râu mấp máy vì con thêm đã cực điểm. Nó nhắm miêng đui gà, ăn ngấu nghiến, rồi rít lên sung sướng như chưa bao giờ hưởng được cái thú tuyệt vời này. Bỗng nó chột nhớ chuyện năm ngoái mà bùi ngùi, cái lần theo mẹ rời hang đi xa lắm, sang tận nhà

một người hàng xóm rất giàu ở đầu đường để kiếm ăn. Lắt còn nhớ mẹ bảo:

“-Phải đổi món mới thú! Nhưng thú đâu chẳng thấy mà xuyết nữa bỏ mạng cả mẹ con vì con mèo mun quá ác bên đó! Ôi...thoạt nhìn đã chết khiếp! Lưỡi nó đỏ lòm, mỗi lần liếm mép, răng nhe ra vừa nhọn vừa dài lóng lánh trông mà ớn lạnh....Huống chi nó lại to béo! Nhìn nó đi qua đi lại mà phát ớn...Nhất là tiếng kêu của nó như chuông ngân nghe lạnh thấu xương sống! Nó đã cụp tai vậy mà thính quá! Mẹ con Lắt núp ở trong kẹt, nín thở, nào dám cựa cựa, thế mà nó vẫn biết. Nó hầm hừ đi đi lại lại, chờn vờn quanh bếp, rồi đưa chân vào góc kẹt khều. Hú hồn! Tị nữa thì chộp trúng! Chụp hụt nó càng trở nên dữ dằn phát tiếng kêu lạnh lốt, rồi nằm phục trong tư thế sẵn sàng nhảy bổ để ăn tươi nuốt sống con mồi. Thời gian lúc bình thường thì nhanh quá, nhưng sao lúc này hình như bị dính lại! Bỗng tiếng động của ổ khóa vang lên, cánh cửa bật mở, chủ nhà đi chơi khuya về! Lại thêm một kẻ ác nữa xuất hiện, chắc lần này mẹ con mình lúá đời!! Chủ nhà bước vào nhà không biết mèo đang rình mồi; thấy nó nằm ì trước tủ bếp, lại tưởng là đói nên người chủ cúi xuống âm nựng, rồi cho ăn và uống sữa.

-Chao ôi! Sao nó lại hiền thế kia, nhanh vuốt của nó đâu? Nó không nhéo nữa kia! Nó rúc đầu vào cổ chủ như đang chia sẻ hơi ấm và được chủ bế vào phòng khách, đặt lên ghế đệm ngủ....Thật là bất công. Cũng là loài vật sống trong nhà, thế mà nó lại được thông dong và chủ nâng niu chiều chuộng. Còn loài chuột mình thì cứ phải lên lút, bị người xa lánh và ruồng bắt! Hú hồn, cũng nhờ người chủ

mang nó đi, vô tình đã giải thoát khỏi nguy hiểm cho mẹ con mình.”.

Chuột Lắt hồi tưởng lại chuyện cũ mà rùng mình rồi thở phào nhẹ nhõm như vừa thoát khỏi hiểm nguy. Nó tiếp tục nhâm nhi, tận hưởng những món ăn lạ, sau khi no nê, lăn ra ngủ. Đang ngon giấc, nó bỗng giật mình do những tiếng động ồn ào trước cửa. Mở choàng mắt, chân nó run lên vì thấy chủ nhà đã về. Sợ quá, Lắt cuống lên, đuôi cụp lại, đầu lấp ló sau bình hoa, mõm chõ về hướng chủ nhà, tai vểnh ra như muốn thu hết âm thanh của người để nghe xem đã bị phát giác ra chưa, nên không dám lao xuống.

Ánh nắng hắt vào căn phòng của nhà cụ Giáo từ phía lớp cửa kính tạo thành những mảng sáng vàng vọt, mờ đục, âm áp. Trên tường bộ tranh sơn mài cần ốc xa cừ óng ánh trong vệt nắng, dưới là chiếc truyền hình cũ, bộ bàn ghế loại đất tiền đã ngả màu đặt giữa phòng; bên cửa sổ là chiếc tủ cổ đầy sách cạnh chiếc đèn chụp. Nổi bật nhất vẫn là chiếc tủ thờ được đặt ngay lối vào. Cánh cửa mở ra, người chưa bước vào nhà mà tiếng cười nói đã vang ra mãi tận ngoài sân, nhưng trong tiếng cười nói đó hình như có ẩn chứa một nỗi niềm? Họ là ai? Có phải là những người biệt xứ nên trong lòng luôn ôm ấp một mối sầu quê hương nên mỗi lần gặp nhau họ tha hồ nói tiếng mẹ đẻ, họ thích bàn đủ chuyện, từ chuyện quốc tế đến quốc nội, họ tranh luận đủ mọi đề tài từ văn hóa, xã hội, quân sự đến chính trị. Họ thích lý luận, nhất là đề tài liên quan đến chính trị thường gây tranh luận rất sôi nổi. Cũng chính vì thế mà lúc đầu lớp người lưu vong này rất đông, xúm xít với nhau, sau dần dần mất vui, lớp này đi thì lớp khác tới. Hôm nay là ngày giỗ ông bà của cụ Giáo, và cũng là buổi họp mặt

nhóm bạn thân. Mở đầu câu chuyện được đưa ra bàn là chuyện ông đốc tờ Xanh Lơ, vì cả tháng nay bỗng dưng biệt tích khiến kẻ xấu mồm đã bảo ông về Việt Nam cưới vợ. Nghe thế, ông nổi cáu, than với bạn bè:

“-Thiên hạ ăn no lại rồn mỡ, chuyên bàn những chuyện tào lao! Bầm giập lăm moi mới thoát khỏi ách Cộng sản, nay về đó để chui vào rọ há? Ở ngoài này bộ hết đàn bà rồi sao...mà phải về tận quê lấy vợ?...Moi vắng mặt ít tuần là phải qua Thụy Sĩ để theo một khóa học nhân điện.”

Bạn bè thấy hoàn cảnh của ông cô đơn nên động lòng khuyển:

“-Này Mơ xừ Xanh Lơ, moi thấy toi đại gái quá, đã mất tiền mà vẫn phải nằm không, lấy quách em thom nào cho yên thân...già khú rồi đấy!”

Bác sĩ Xanh Lơ gân cổ lên cãi:

“-Ơ hay! Các ông lại lo con bò trắng răng ..Đại thế quái nào được!...Thế nào là đại? Nước mất biển, mất đất thì chẳng lo...mà lo mất chút tiền cho gái!...Moi, già meo rồi...lấy gái tơ về mà thờ há?!”

Cả đám bạn cười ồ lên, căn phòng rền âm thanh, sau đó trở lại yên lặng. Cụ Giáo bước vào nhà trong, đốc tờ Xanh Lơ đang chăm chú lật xem từng trang báo. Thi sĩ Viễn Mơ cắt bầu không khí yên lặng, hỏi:

“-Làm gì mà trầm ngâm thế, ông Bùui Trần?”

“-Đang nghĩ chuyện sinh hoạt cộng đồng.”

“- Ở Âu Châu một số nước người ta đã xóa bỏ biên giới và thống nhất tiền tệ, ông cứ mãi lo chuyện cộng đồng, ông đúng là "ăn cơm nhà vác gà voi"...nhiều năm thế mà chưa mệt há?!”

Nhạc sĩ Bùi Trần vừa cười vừa nói:

“-Nghịch dĩ cá đó, ông ơi ! ”.

Thời gian trôi nhanh quá, hăm thoát đã mấy chục năm xa xứ! Thời gian cũng làm sỏi mòn đi tinh thần đoàn kết của lớp người rị nạn! Bằng hữu thấy Bùi Trần còn hăng say trong sinh hoạt cộng đồng nên rất cảm phục, chỉ có những kẻ xu thời mới mĩa mai cho ông là kẻ đại. Có lần ông gặp một kẻ ác ý ở nhà một người bạn, hấn ta mượn hơi rượu điều cốt ông:

“-Nhìn ông chẳng Việt Nam chỗ nào, sao hăng thế?!”

Trông kẻ đối diện mặt phúng phính bơ sữa, mồm sặc mùi rượu, lấp bắp những lời yêu nước khẩu hiệu. Hôi đất nước còn mịt mờ khói lửa chiến tranh, lúc đó đất nước rất cần thanh niên nhưng chẳng thấy ông ta đâu? Ông ta lại cúi mặt, núp dưới chiêu bài phản chiến ở lì xứ người để tránh đạn mà không dám trở về dù Sài Gòn hay Hà Nội. Đến khi đất nước hết chiến tranh ông đỡ bài ca «con cá sống vì nước» ca ngợi tổ quốc, lấy cờ xây dựng lại quê hương về nước xoành xoạch như đi chợ...chẳng biết để kiếm gái hay kiếm ghê quyền lực? Những hạng người ấy chỉ biết đến quyền lợi cá nhân thì làm sao dám ở lại luôn với quê hương! Thế nhưng khi gặp các anh em cựu tù nhân chính trị Cộng sản, ông ta cứ ngoác mồm hùng hổ đòi tận diệt Cộng sản đến sợi tóc...như để che dấu một mặc cảm? Nếu như cứ im im mà hưởng thụ chắc đỡ xốn mắt hơn!

Ông Bùi Trần cau mày định không trả lời nhưng thấy nụ cười đều hiện trên môi của người đối diện nên nghiêm nghị nói:

“-Vâng, Thưa ông, chỉ có ông là người Việt Nam yêu nước, còn tôi chẳng phải !! Ông thuộc sử Việt Nam mà quên mất trang viết về giống Bách Việt ?! Trông ông, bơ sữa và men Tây ỉn đầy trong hơi

thờ, ngôn ngữ và điệu bộ, chắc sống ở xứ người lâu năm quá đã quen, nên ông không thấy rõ mình?! Còn tôi, quê hương ở trong tim! Tôi yêu Việt Nam vì nơi ấy có mẹ tôi, đất nước còn nghèo đói, và tự do, nhân quyền bị chà đạp! Ông thử ngắm bà vợ đầm, đám con của ông cùng bày cháu, chắc họ là Việt Nam chay?!”

Người đối diện xiu mặt ngượng ngùng, nhún vai và bỏ đi.

Người mặc chiếc áo khoác màu xanh đậm, có cặp mắt mờ màng, dáng cao gầy và mái tóc hoa râm bồng bênh rất nghệ sĩ đứng bên cửa sổ phòng khách là thi sĩ Viễn Mơ. Đó là một con người thật giản dị, thích thả hồn theo mây gió hơn là đứng trên bục giảng. Ông xem đời tựa mây khói, hợp tan. Dù là một giáo sư tiến sĩ toán nhưng ông lại không giải nổi những con toán đơn giản của gia đình, khi mà cuộc đời còn quá nhiều ẩn số! Dù tuổi đã ngoài sáu mươi nhưng trông ông rất trẻ, trên môi lúc nào cũng nở nụ cười... nào ai biết, có những niềm đau đã ẩn dấu trên môi?! Ngoài toán ra, ông còn rất thông thạo về nhiều ngoại ngữ, cứ mỗi lần có thi hứng, ông lại ứng khẩu dăm câu thơ "liên ngữ" Hán, Nôm, Anh, Pháp, Đức... Ông thích làm thơ chẳng phải để trở thành thi sĩ, nhưng vẫn cảm thấy hài lòng khi người ta gọi mình là thi nhân. Ông giải thích:

“-Học để lấy bằng cấp tuy có khó thật, nhưng chỉ cần cố gắng chịu khó, học năm nay không đỗ thì sang năm, học riết rồi cũng đỗ, Chứ làm thơ là phải do thiên phú, người làm thơ vốn có sẵn năng khiếu, cần đọc sách nhiều trau dồi kiến thức, bài thơ sẽ đẹp và sâu sắc. Nhưng nếu là nhà thơ chân chính thì phải có tâm hồn và phong

cách thanh cao! ". Bạn bè có kẻ chê, người phục nên có lần ông bị hỏi:

“-Ông quả đúng với cái tên Viễn Mơ, làm thơ đã khó hiểu, lại pha trộn ngôn ngữ, thế thì ai cảm được?!”

Mặc dù biết mình đang bị điều cợt, nhưng thi sĩ Viễn Mơ vẫn mỉm cười và nhỏ nhẹ trả lời:

“-Thơ là ngôn ngữ của ngôn ngữ, là nghệ thuật của nghệ thuật, do đó việc sử dụng liên ngữ trong thi ca là lẽ tự nhiên, làm đẹp ngữ nghĩa. Hơn nữa, thơ là tiếng nói của tâm hồn, chỉ cần xin các ông bỏ những bằng cấp của các ông ở nhà, nhớ khóa kỹ cửa lại, rồi đến đây xin lắng tâm hồn xuống cùng tầng số với tâm hồn tôi để nghe tiếng thơ...thì các ông sẽ hiểu ngay!”

Một người bạn trong nhóm, khôi hài nói:

“-Chúng tôi mà thả hồn theo ông thì lạc quách cả lối về...người ta lại tưởng một lũ điên đạo phớ thì chết!”

Cả nhóm ồ lên cười.

Tiếng động của chiếc phi cơ bay ngang làm chuột Lắt hoảng sợ tưởng có người trèo lên bắt nên phóng vào góc bàn thờ nằm im làm đổ chiếc bình đựng hoa. Mọi người cùng buột miệng:

“-Chuột! Chuột!”

Độc tở Xanh Lơ đứng phất dậy, hỏi:

“-Nhà cụ Giáo có chuột?”

Vị giáo sư già gật đầu nói:

“-Nhà này có chuột, các anh ạ! ... Ổ của nó là cái kho ngoài kia kia...”

Thi sĩ Viễn Mơ vỗ đùi cười rú:

“-Nhiều lúc sống với chuột còn khá hơn sống với người đấy, các cụ ạ!”

Nhạc sĩ Bùi Trần chen:

“-Thế thì cụ Giáo tha hồ nghe tấu khúc bốn mùa!”

Độc từ Xanh Lơ nhăn mặt:

“-Mọi nói thật, trong đời...mọi ghét nhất là chuột, thứ nhì là đĩa, thứ ba mới tới rắn!”

“-Thế ông không sợ cạp, beo hả?”

Nhạc sĩ Bùi Trần hỏi.

“-Là người ai mà chẳng có nỗi sợ riêng, cạp beo tuy dữ nhưng nó biết thân phận nên ở mãi tận rừng sâu, ai vào đó đâu...mà sợ...còn rắn có loài độc, có loài không...dù là loài độc, mình có đạp lên nó mới mổ...đĩa là loài hút máu, lại rất dai, nhưng vẫn diệt được...chỉ có loài chuột là bản thù không những nó gây bệnh dịch hạch còn chui vào nhà người phá phách!”

Nhạc sĩ Bùi Trần phá lên cười:

“-Nói như ông trên cõi đời này đâu chỉ có loài chuột...thế...bộ người không bản, không phá hoại sao?!”

“-Đúng như thế những thứ được gọi là bản và phá hoại thì đều đáng tởm cả ông ạ!”

Nói xong Xanh Lơ quay lại hỏi:

“-Cụ Giáo đã có cách nào diệt chuột chưa? Cụ tính nuôi đồ ăn hại đó mãi sao?”

Cụ Giáo uống hợp nước trà và chậm rãi trả lời một hơi:

“-Chẳng dẫu gì các anh, tôi cũng muốn diệt quách cái loài phá hoại đó đi, khổ nỗi nó đông quá! ...diệt con này thì nó lại sinh con khác, có khi còn dữ và phá hơn. Chỉ mới rêu đến tên nó, vậy mà nó đã chui vào tủ quần áo, vào giường, lại còn leo lên cả bàn thờ ông bà mình nữa chứ...Đừng xem thường nó, các anh ạ!”

Nhạc sĩ Bùi Trần đề nghị:

“-Muốn chuột khỏi phá bàn thờ chỉ có cách dời bàn thờ đi chỗ khác, chuột sẽ mất dấu, nói theo cách mới là "thất nghiệp".

“-Không được đâu, anh ạ...Ai lại dời bàn thờ gia tiên đi chỉ vì một con chuột?!”

Độc từ Xanh Lơ lắc đầu khua tay nói:

“-Ông tưởng dời đi mà được yên sao?...dời đi chỗ nào mà hủi không bò đến!”

Nhạc sĩ Bùi Trần rít hơi thuốc, mắt lim dim hỏi:

“-Thế ông đã nghĩ được cách gì chưa?”

“-Theo mọi nên kiếm một tay thiện xạ trong đám bạn cũ, đập một phát là 'toi đời' nhà chuột!”

Cụ Giáo hoảng lên, xoa tay:

“-Áy chết không được đâu, anh Độc ạ!”

“-Cụ sợ gì chứ?”, nhạc sĩ Bùi Trần hỏi.

“-Xin các anh bớt nóng, biện pháp ấy không được đâu...và lại tôi e rằng lâu ngày các ông ấy không còn dùng đến súng, lỡ bắn trật lại trúng vào di ảnh của ông bà tôi thì tội chết....”

Mặt độc từ Xanh Lơ đổi sắc, kéo gân cổ nói:

“-Cụ khinh chúng tôi quá!”

Cụ Giáo ôn tồn nói:

“-Áy chết nào ai dám nghĩ thế!”

Nhạc sĩ Bùi Trần nói chen vào:

“-Sá gì con chuột Lắt mà tốn viên đạn, tôi đề nghị làm một con chuột khổng lồ bằng giấy, đặt ở dưới bếp, lần sau chuột lắt có chui vào nhà sẽ ngán mà rút mất vì thấy sự to lớn của chuột đang chực ở đấy.”

Cụ Giáo bỏ tách trà xuống bàn, lắc đầu nguây nguây:

“-Đã tởm không muốn nhìn cái mặt chuột..., ai mà lại làm hình nộm chuột. Nhìn thấy nó mà bực mình chết sớm hả?!”

Độc từ Xanh Lơ bồng vồ đũa kêu cái đét, đứng dậy, nét mặt nghiêm nghị:

“-Các ông hờ một tí là sợ thì sao lũ chuột nó không lộng hành được!”

Đôi mắt của Đốc tờ Xanh Lơ bỗng sáng quắc, ông lướt tia nhìn chậm rãi vào ánh mắt từng người và đành mặt nói:

“-Chỉ còn cách đốt quách căn nhà này đi thì đám chuột cháy queo râu...và cả họ nhà chuột sẽ bơ vơ, chẳng còn cơ hội phá bần thờ tổ tiên nữa!”

Cụ Giáo cười ha hả nói:

“-Ồi giờ ơi! anh Đốc sắp điên rồi!...Xin anh! Nếu đốt căn nhà này không những ở tù mà mình lại phạm tội đốt bần thờ tổ tiên!”

Đốc tờ Xanh Lơ cũng cười ha hả nói:

“-Cụ lại sợ không có chỗ ở hay sao?...Xin cụ yên tâm. Nói thì nói vậy...đâu lẽ chỉ vì một con chuột nhất mà đốt nhà cụ?”

Mọi người quay sang nhìn thi sĩ Viễn Mơ đang trầm ngâm suy tư. Đốc tờ Xanh Lơ hỏi:

“-Sao ông Viễn Mơ suốt này giờ lại im lặng thế ...đang làm thơ hả?”

Thi sĩ Viễn Mơ bẽn lễn, nhỏ nhẹ:

“-Các ông bàn đến chuột mà tôi phát ngáy...Chuột hai chân vừa nhanh vừa gian ác...nhan nhãn khắp nơi sao không thấy ai đề nghị diệt?!”

Đốc tờ Xanh Lơ cười nói:

“-Đám chuột ấy mà bị diệt, thiếu gì kẻ phải tự tử vì bị phá sản nghề buôn chuột...”

Mọi người cùng phá lên cười. Thi sĩ háng giọng, nghiêm mặt nói:

“-Theo tôi...những gì thuộc về tính chuột, các vị đã bàn, do đó chỉ cần cho chuột ăn những món ăn của chuột; chẳng hạn chuột Chù vì hôi nên thích hào nhoáng thì cho nó món ăn có hình dạng mè đay và cái tên rất kêu...Chuột Cống ở bản lại thích ăn thịt đồng loại thì món ăn có hình đồ

la...Nhất là phải cho chúng ăn no, chỉ một thời gian, tôi tin nó sẽ mập ú, to lớn và nặng nề...lúc đó vì thân xác phì nộn, khệnh khạng, nó sẽ không thể nào leo lên bàn thờ được!”

Cụ Giáo cười rú lên:

“-Tôi hiểu rồi...Lúc đó nó sẽ là con chó con, con mèo trong nhà!”

Nhạc sĩ Bùi Trần thêm vào:

“-Nó hôi quá chó mèo nào chịu nổi nó!”

Đốc tờ Xanh Lơ vút giọng từng tiếng:

“-Lúc đó chó mèo sẽ xúm vào đuổi nó đi, các cụ ạ!”

Chuột Lát suốt này giờ nằm im, thấy mọi người mãi mê tranh luận, không ai chú ý nên phóng cái ào xuống sàn nhà và thoát mình biến qua cửa sổ trước sự ngỡ ngác của bao cặp mắt người. Cụ Giáo la lên:

“-Áy, đấy...các ông thấy chưa ? Bàn mãi cách diệt chuột mà nó..nó nằm sẵn trên bàn thờ từ lúc nào rồi!....”

Thi sĩ Viễn Mơ cười rú lên :

“-Tôi đã nói rồi...chuột và người là hai thực thể không thể tách rời nhau được!”

Cụ Giáo bần thần chưa biết nói gì thêm, mặt xịu xuống như cổ nén một ít nhiều bực bội.

Tiếng động cơ của những chiếc xe ủi và cần trục nổ đòn đang phá sập khu nhà kho, làm náo động cả bầu không khí bên ngoài, cụ Giáo mở cửa bước ra xem.

“-Chào cụ Giáo!”

“-Ai đó?”

“-Cháu Sơn đây mà!”

“-À, cậu Sơn ! Xin lỗi, ồn quá tôi không nghe rõ ! Cậu đang làm gì thế?”

“-Dạ, Cháu coi công xưởng này. Cháu đang cho nhân viên phá sập khu nhà kho để thiết lập một cơ sở thương mại nơi đây.”

“-À, ra thế!”

“ Khoảng đất hôi hám quá ! Mà ..chuột, chao ôi, sao nhiều quá ! Chúng có hay vào phá nhà Cụ không?”

“-Tránh sao khỏi! Chúng leo lên cả bàn thờ gặm nhấm hết cả các đĩa trái cây, còn làm đổ cả các tấm hình ông bà...”

“-Cụ yên tâm. Lần này chúng không còn vào phá nhà cụ nữa đâu. Chúng bị xe ủi đất cùng hai xe cần trục cán chết vô số, còn lại một ít, chắc phải tìm chỗ xa nào khác....”

“-Tốt quá! Cảm ơn Trời Phật. Cậu có rảnh vào xơi chén nước, nói chuyện cho vui...”

“-Cảm ơn Cụ. Cụ cho lát nữa, ủi xong chỗ này, con sẽ vào hầu chuyện cụ.”

Cụ Giáo bước vào nhà, mặt mày hớn hờ:

“- Các anh ơi... Khỏi lo, khỏi lo nữa rồi...”

“- Sao? Cụ đã tìm ra được cách diệt chuột?”

“-Không. Có điều chúng sẽ không còn ở đây được...Căn nhà kho chứa đầy chuột bỏ tồn tại cả gần thế kỷ nay bị cáo chung chỉ vì người ta sẽ biến khu đất hoang này thành một trung tâm thương mại!...”

Độc tở Xanh Lơ cười ha hả:

“-**Thế là toi đời lũ chuột!...Chỉ có kinh tế thị trường là diệt được chuột...ha ..ha...**”

Cụ Giáo liếc nhìn lên bàn thờ mà lòng cảm thấy nhẹ nhõm như trút được mối sầu.

Trong bãi rác của một khu vực chung cư khác. Hai mẹ con chuột Lắt đang nằm vật ra thở dốc:

“**Thật là khủng khiếp như động đất mẹ ạ!... Xíuýt ..tí nữa là con... xẹp lép rồi!** »

«**Mẹ cũng thế ! Lúc đoàn xe ủi đến, mẹ chỉ lo cho con không chạy kịp dưới sự xóc xới của bọn gian ác!**»

«**Bây giờ con mới thấy loài người quá thâm hiểm và gian ác! Họ chỉ muốn tiêu diệt hết loài chuột của mình!**»

«**Con ơi! Làm sao họ tiêu diệt hết được ; vì trên cõi đời này còn những nơi trú ngụ như hang hốc, cống rãnh, rác rưởi và sự vụng trộm thì ngày ấy chúng ta vẫn còn đất sống!**»

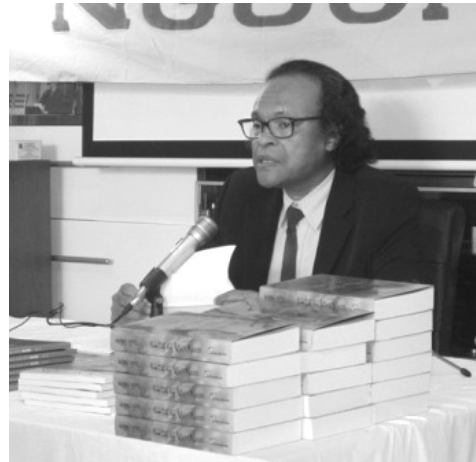
«**Ha...ha..ha.. Vậy con cũng giống người? »**

«**Cũng gần như thế. Họ là chuột hai chân, còn ta là người bốn chân đấy con!**»

Căn phòng cụ Giáo lại vang tiếng cười nói như pháo. Bên ngoài mấy cành liễu đơn trón mấy nụ hoa. Dưới dãy tòa nhà cao tầng, những vạt nắng chiều xiêng xiêng loang góc phố và khu công viên những sợi nắng vàng lung linh trải dài trên thảm cỏ biếc. Trong vũng sáng đậm sắc màu quê hương ấy... thoảng có niềm đau !./.

Đỗ Bình

(CLB Văn Hóa - Paris)



VĂN MINH DA VÀNG

khi những ngón tay da vàng
nhón chiếc kẹo chocolate màu đen
trên bàn tiệc của người da trắng
ánh sáng văn minh tràn vào Phương Đông
thế kỷ hai mươi viết lời nhân bản
bằng máu hồng trên bán đảo Đông Dương

khi những bàn tay da vàng
gom những đồng dollar màu xanh
trên cánh đồng tư bản bỏ vào túi riêng
ánh sáng văn minh vụt tắt
bởi lũ quạ đen che khuất mặt trời
theo bản ngã sinh tồn của loài ác điểu

khi những đóa hoa anh đào
nở thắm trong ký ức người da vàng lưu vong
sự khát khao tự do bùng cháy
cùng lúc tiếng chuông đánh lễ giao thừa
vang theo lời nguyện cầu quốc thái dân an
nền văn minh phương đông tái hiện
trong tim hằng triệu người dân Việt

khi những bàn tay da vàng hân hoan siết chặt
ngọn lửa nhân quyền đốt cháy mọi nhà tù
xây trong triều đại quyền lực quỷ ám
ánh sáng văn minh tràn qua mọi ngõ ngách
lũ người vong bản lộ diện và sám hối
tòa án lương tri phán quyết:
tất cả những ai phản bội tổ quốc quê hương
sẽ chịu án chung thân trong nỗi đau dân tộc!

CAO NGUYỄN

HOANG ĐƯỜNG

Chỗ muốn đến mà không đến được!
Động thiên thai cỏ mọc hoa chen
Vực đèo nối tiếp liên miên
Ngăn cách tiên tục thêm phiền lòng ai

Tóc bạc trắng ôm hoài ái ngại
Em mi xanh mộng trái đêm nồng
Ngực vun đồi núi chập chồng
Xanh xao thung lũng hút hồn thế nhân

Em nương theo tàn vân màu đỏ
Lên non cao thổi gió mùa xuân
Ta đang chơi với sông Tàn
Nghe em giễu cợt hện lần tái sinh

Em hỏa diệm trào tình khốc liệt
Uống đi nào say chết ai đâu
Cuồng ngôn đảo lộn sắc màu
Hồn chìm hoang tưởng gọi nhau ời ời

Ta thế tục vô thời mạt vận
Em ca nhi nuốt hận phong trần
Mù màu đen trắng phân vân
Tri âm đồng điệu chẳng lần gặp nhau

Tranh tố nữ phai màu thảm hại
Đóa hoa tình khép lại trong mơ
Bướm đêm đậu ở vườn thơ
Ta-Em lạc giữa giấc mơ hoang đường

LÝ HIẾU

VA 06/2014

NGƯỜI ĐÀN ÔNG QUYẾN RŨ

Thế nào là một người đàn ông quyến rũ? Chắc quý vị nữ lưu nhao nhao lên: điều đó phải hỏi chúng tôi chứ Nguyễn Lâm sao biết được. Nói đúng ra bài viết này thu thập ý kiến của nhiều người trong giới phụ nữ, gia đình, bè bạn, họ hàng, và các cựu nữ sinh của tác giả.

Khởi đầu hỏi ý kiến vợ trước. Bà vợ cười mím chi: “Nếu được chọn lựa lần thứ hai, sẽ là một người hoàn toàn khác biệt với anh”. Nghe mà giật mình. Nhưng nghĩ lại thấy có lý. Thứ nhất, mình chủ quan, cứ tưởng mình “ngon”, cứ tưởng bỏ! Thứ hai, con người sinh ra thông thường hay thay đổi quan niệm “sống”. Chợt nghĩ câu thơ “đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn” mà hết buồn! Biết mình võ cái ngu. Cô em dâu thì nói ngay, không đắn đo: “Người quyến rũ phải là người có power, có uy quyền. Phải là người “hét ra lửa, mưa ra khói”. Phải có cái oai. Ai thoạt thấy cũng nể sợ. Cô em họ thì cho rằng, thực tế là phải có tiền, giàu thì càng tốt “có tiền mua tiên cũng được”. Những lời nói của người thân làm mình thấy đau đầu, nhức nhối. Nghĩ đến mẹ. “Bà cụ” tôi góa chồng năm 32 tuổi - tuổi thanh xuân – đang ngồn ngộn sức sống. Vậy mà khi có người đến hỏi, muốn chấp nối tơ duyên, mẹ tôi đã chối từ. Tôi có

gặng hỏi lý do vì trong con mắt tôi ngày đó, người đàn ông đến sau cha tôi là một người học thức, có địa vị, đẹp trai. Mẹ tôi chỉ vẫn gọn: “Mẹ rất hạnh diện là vợ của ba dù thời gian chung sống không được bao lâu. Nhưng con biết đấy, ba con là người “trâu chết để da, người ta chết để tiếng” – làm sao mẹ dám bước thêm bước nữa?!”

Người nhà thì thế, còn bạn bè ra sao? Một bà bạn có đáng lang quân gầy yếu, bé nhỏ tuyên bố: Người tôi yêu phải cao lớn, vạm vỡ, đúng là một tượng phu. Chắc oai như Từ Hải “Râu hàm, hàm én, mày ngài / Vai năm thước rộng, thân mười thước cao”. Một bà khác thêm: cũng chưa đủ. Hấn phải có cặp chân mày võ tướng đen nhánh, xéch ngược, mũi trâu, miệng rộng, giọng oang oang như lệnh võ ... mới là đàn ông! Đó có phải là cái đẹp của phái nam trong sách tướng?! Một vị nữ lưu chêm vào: Không cần! Tầm cỡ nào cũng được miễn là “hấn” không có dáng ... đê đê (!). Chẳng hiểu đê đê là gì. Hỏi, mới vỡ lẽ là cái dáng thô kệch, đê tiện – lưng cánh phàn, chân vòng kiềng hay chữ bát, đi đứng xuệch xoạc, hoặc khúm núm. Có người lại phát biểu: Ôi! Khúm núm là tính của cái thàng dễ bảo, chịu khó nghe vợ. Có chồng như vậy mới khỏe,

không lo nó mất la mà y lét thấy gái là hai tròng mắt đảo loạn lên! Dễ sợ!

Một nữ sĩ nhỏ nhẹ: Tôi thích người “vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa” như chàng Kim trong truyện Kiều. Lại thêm một mẫu nam hấp dẫn nữa. Ô! Tôi khoái những trang thiếu niên tóc dài phủ gáy, vẻ bất cần đời - chắc là kiểu James Dean của thập niên 60! Không! Đàn ông phải có ria mép, khi nói hàm ria rung rung mới quyến rũ, khi hôn những sợi râu cứng gợi tình cọ xát trên môi má mình mới đã! Ôi cha! Sensual! Chắc là type Clark Gable. Rợn người thật! Cặp mắt phải sâu thăm thẳm mang nặng ý tình hay lạnh lùng khiến phụ nữ như bị xâm chiếm, bị mê hoặc. Thế ư?! Tôi, thì thích cái nhìn dã thú, man rợ như lột trần cả thân thể, cả tư tưởng của đàn bà. Lạ thật!

Mẫu đàn ông của tôi là nghiêm nghị, đứng đắn (kiểu tây gỗ?), lời nói phải cân nhắc chỉnh đốn ý tình. Tác phong có xa cách, khinh bạc mới hấp dẫn được nữ sinh như em. Một cô cựu nữ sinh của tôi tâm sự. Còn em thấy những đấng tu mi hói đầu lại nhiều đàn ông tính. Nghe đâu người nào rụng tóc là cơ thể tiết ra kích thích tố nam (testosterone) nhiều. Điều đó có đúng không nào?

Một giọng Huế yêu kiều cất lên: Tác phong càng xa cách khinh bạc càng là người mang nặng tâm sự u uẩn không được toại chí trong dĩ vãng. Đó là người có quá khứ đau thương. Sống với người như vậy hoặc mệt mình vì phải nhìn

nhìn hoặc làm người ta trở nên câm nín vì e ngại bà vợ khôn ngoan. Thế là đức lang quân phải “lụy”. Đâu có thoải mái!? Làm sao trò chuyện với nhau để “ý hợp tâm đầu”? Thật khó chịu! Tôi thích người cởi mở, dám nói và thành thật. Thêm nữa, một giọng Bắc đồng dục - phải nói đúng, có ích cho người nghe, không phét khoác. À mà nàng kia, sao lại thích tu mi nam tử không tóc? - Đã nói là hấn có nam tính vì hormone male nhiều trong huyết quản. Như vậy mới khiến mình cảm thấy rất “em gái hậu phương”, đầy nữ tính bên cạnh hấn. Và bụng phệ là người “tốt bụng”, là phát tướng phát tài. À, ra thế! Đó là kiểu lý giải của cô này. Ngộ ngộ!

Thế nào là thanh âm quyến rũ? Một giọng trầm ấm, một giọng nhẹ nhàng êm ái hay một giọng thanh cao vút mà không chói tai (kiểu tenor của Bằng Kiều) - giọng sao cũng được miễn là đừng áp úng, đừng cà lăm, đừng có vẻ nghẹn ngào “dặn” ra từng chữ, nghĩa là nói trôi chảy, dễ hiểu thì bọn ta mới thông cảm dễ dàng. Đâu đây, một giọng Quảng cất lên: thế mi không biết “dặn” ra từng chữ là có thời gian suy ngẫm để dễ bề bóng gió xa vời sao? Ô! Kinh nghiệm bản thân, những vị nào “áp úng không ra được nửa lời” lại nhà những người chồng chung tình vì “sự thể” đó tán gái làm sao được. Trên đời có những vị nữ lưu rất weird - thích những đấng râu mày vừa què què, vừa cù lằn. Đúng là “nhân tâm tùy mạng mỡ”.

Dáng thế nào là hấp dẫn nhỉ? Cô thì cho là phải điệu bộ như tài tử ciné Âu Mỹ. Cô thì nghĩ là cứ tự nhiên mới hay. Trịnh trọng, phô trương quá dễ thành giả dối, có khi lại dơ dáng, thô thối nữa. Cô thì thích vẻ cương quyết, cứng rắn. Cô khác lại chuộng vẻ ngây thơ trong sáng (có trở thành khờ khạo không nhỉ?). Chắc cô này giàu tình mẫu tử. Nhưng đa số các mệnh phụ tôi quen đều hãnh quý ông nhiều mặc cảm, tự ti lẫn tự tôn. Thiên nghĩ, mặc cảm rất “người” nhưng nên cố tránh, cố đẹp ... dần dần. Có phải không các trượng phu?

Rồi, một giọng nói thật êm ái làm tôi lắng nghe: Với em, người đàn ông em thương là người có lý tưởng, là người làm ích cho xã hội, là người có tính khí, có trí sắp đặt, theo đuổi sự nghiệp mà không cầu danh lợi cho bản thân, là người tâm hồn phóng khoáng,

biết cảm thông, yêu nghệ thuật, và có nhiều sở thích giống mình. Còn chị tránh xa những đấng mày râu nệ cổ, hủ lậu, những người khur khur ôm lấy cái cũ mà không thềm mở mắt nhìn thế giới tiến bộ chung quanh. Ái chà! Thế thì chúng ta suốt đời phải học! Mệt... nhưng đừng nghĩ thế. Cứ nghĩ là đúng sẽ cảm thấy tâm hồn tươi mát, thể xác trẻ trung. Có phải không, các bạn?

Còn ngoại hình có cần không? Không cần. Nhưng trong phim “Le bossu de Notre Dame”- mà tôi thích cả mấy chục năm nay - người đẹp Esmeralda rất xót xa anh chàng gù xấu xí Quasimodo nhưng chưa bao giờ nàng yêu chàng!

Vậy, nói sao đây?

NGUYỄN LÂN

Virginia ngày 3 tháng 8 năm 2014



Nhà văn Nhà Cách mạng **Hoàng Đạo** (1909-1948) và Hậu duệ NV **Nguyễn Lân**

Đề Trả Lời Một Nghi Vấn

Lê Mai Lĩnh

tặng người học trò thân yêu



Bảy năm làm lính
Tám năm, sáu tháng làm tù
Năm mươi sáu năm cầm bút xung phong
Giờ 72, mình vẫn không muốn làm người đào binh
Nhưng xin cho mình cái phép thường niên
Để gói đầu lên đĩa đàng trắng và làm thơ tình
Để tìm chút hồi âm của nụ hôn
Để lấy lại hơi thở bình sinh
Cho những ngày trận mạc mới.

Mình không bỏ ngủ
Mình không phản bội anh em
Mình vẫn hiện diện dưới cờ
Mình sẵn sàng xả thân cho đại nghĩa
Nhưng xin cho mình cái phép thường niên
Mình cần một chút là lướt
Mình cần một chút bay bướm

Mình cần một vòng tay ôm của một người tình
Mình cần một nụ hôn mặn chát của người yêu
Mình cần một cái liếc mắt sắc như lưỡi dao cạo
Và chấp nhận máu chảy, rùng rùng
Mình cần một lời thầm thì, ngọt như mía lau
Để quên đi mùi cay của thuốc súng, bom đạn
Mình cần một cái cắn môi của người học trò
Để thấy đạn thùng cũng chưa đau bằng cái cắn
môi của người học trò
Mình cần một đêm trăng mật
Để thay một tuần là quá thừa, cho một người
lính trận.

Hãy nhớ
Cấp cho mình cái phép thường niên
Để sau ngày hết hạn
Mình sẵn sàng cầm súng đi tới năm
vùng chiến thuật.

Mình không đào ngũ
Mình không phản bội anh em
Mình vẫn hiện diện dưới cờ
Mình hứa.
Nhưng mỗi năm ,xin hãy cấp cho mình cái phép
Để mình còn là CON NGƯỜI.

Lê Mai Lĩnh

15/7/2014



*Nữ Sĩ Tuệ Nga qua nét vẽ của
Họa Sĩ Thanh Trí*

Lá Phù Du

Thu vàng mấy lá rơi nhanh
Cây Tương Tư đứng giữa ghềnh phù du
Gió mùa thu, lại gió thu !
Vàng rơi bao lá thực hư cõi này
Một đời như thoáng mây bay
Nửa vòng thế kỷ cuối ngày buồn tênh
Xót thơ hay chính thương mình
Lạc loài ý gió chênh chênh trăng sầu

Biết rằng nước chảy qua cầu
Nhặt dòng thế sự lắng câu nhân tình
Bóng câu qua cửa giặt mình
Vàng rơi mấy lá lên đèn gió đùa
Trang thơ hoài niệm nghe mưa
Mưa âm thầm... lạnh đôi bờ sông Tương
Lại mùa thu nữa viễn phương
Lá vàng, vàng võ mấy chương u hoài

Sầu thu, ai gửi mây trời
Sầu mình, gió hát ý đời mệnh mông
Chiều nào lên đỉnh thanh phong
Bạn cùng mây trắng, bèo bồng mây qua
Mây qua cứ ngỡ là nhà
Gió mùa thu lạnh hay ta, thơ sầu
Thơ sầu thả gió về đâu
Bốn phương khói sóng lạnh màu phong ba

Lại đem thơ gửi giang hà
Lối mòn cổ tích Mai hoa nở vàng
Vào thu ai nhớ mệnh mang
Vàng rơi mấy lá mà vàng tâm tư
Quán đời thực thực hư hư
Vàng con dốc, Lá Phù Du đỏ vàng

Mây đầy trời, mây lang thang
Vàng trong cõi nhớ... Thu vàng, Lá bay ...

Tuệ Nga

ĐÔI DÒNG VỀ TÁC GIẢ

Tuệ Nga, tên thật là Trần Thị Nga, sinh năm 1936 tại Phủ Từ Sơn, Bắc Ninh. Phật tử gia đình Minh Tâm, Chùa Quán Sứ, Hà Nội. Làm thơ từ năm 17 tuổi. Hội viên Thi Đàn Quỳnh Dao, Sài Gòn. Hiện Tuệ Nga sống cùng gia đình tại thành phố

Beaverton, tiểu bang Oregon, vùng Tây Bắc Hoa Kỳ.

Tuệ Nga có trên 50 bài thơ phổ nhạc do các Nhạc Sĩ Từ Công Phụng, Ngô Mạnh Thu, Mạnh Bích, Mộng Lan, Trọng Nghĩa, Trúc Tâm, Nguyễn Nhu, Nguyễn Tuấn, Quý Luân, Y Vũ, Uy Thi Ca, Giác An, Vĩnh Điện, Công Hoán...

Tác Phẩm Tuệ Nga đã Xuất Bản :

- * Suối (Giải Văn Học Nghệ Thuật 1974)
- * Suối Trầm Tư (1982)

- * Mây Hương (Thơ Đạo 1987)
- * Chiều Phố Mây (1991)
- * Hoa Sương (1994)
- * Hoa Đài Dâng Hương (Thơ Đạo 1995)
- * Nửa Viên Trăng (1997)
- * Lan Hoa Thi Tập (Tuệ Nga Phương Hồ 1998)
- * Suối Hoa (1999)
- * Từ Giòng Sông Trăng (2005)
- * Về Bên Suối Tĩnh (2007)
- * Dòng Cổ Nguyệt (2013)



BÌNH MINH BIỂN VẮNG - Ảnh Trương Minh Châu

Những Ngày Xưa Thân Ái

TIÊU THU

Montréal đang vào thu. Trên con đường từ sở làm về, Thu đã thấy vài cây phong bắt đầu thay áo mới. Lá không còn xanh biếc như mùa hè, mà đã điểm lốm đốm những màu vàng, đỏ... Buổi sáng ra khỏi nhà đã phải khoác ra ngoài chiếc áo len. Lấm lấm còn loáng thoáng mưa. Nơi đây mưa nhẹ nhàng, y hệt những cơn mưa phùn xứ Bắc mà nàng đọc trong tiểu thuyết của những nhà văn gốc Bắc. Hình ảnh rất nên thơ.

Trời lạnh, nhưng trong lòng Thu càng lạnh hơn. Nàng đã chết điếng khi nhận được cú phôn của Mạnh gọi từ Cali chiều nay "Chị Thu, Vy yếu lắm rồi. Bác sĩ nói chắc không còn lâu nữa. Vy muốn gặp chị trước khi..." Mạnh nghẹn ngào không nói hết câu, nhưng Thu đã hiểu. Thu có cảm tưởng như trời đất quay cuồng. Nàng cố gắng trả lời Mạnh "Nói với Vy chị Thu sẽ sang sớm nhất có thể" và nàng cũng buông điện thoại, không thể tiếp tục vì cổ họng đã nghẹn cứng. Vy! Cô em con ông chú họ thân nhất của gia đình nàng. Thu và Vy thương yêu nhau như hai chị em ruột. Khi Thu từ Kontum xuống Sài Gòn để học năm chót tú tài, nàng đã ở nhà chú Kiên một tuần trước khi vào nội trú

Régina Pacis. Nhà chỉ còn chú thiêm, Vy và Hưng, anh rể Vy. Cô chị lớn tên Vân đã lấy chồng và đi xa. Cũng chính nơi đây nàng đã gặp Nhân, cháu của thiêm Kiên. Có thể Nhân sẽ là mối tình đầu của Thu... nếu như Định mệnh không bắt chàng lia đời quá sớm. Thu ngồi lặng yên, cặp mắt vô hồn nhìn ra cửa sổ. Ngoài kia từng sợi mưa lướt thướt, chơi vơi theo gió... và trong lòng Thu, những kỷ niệm cũng như thác lũ tràn về... Ngày đó! Ừ, ngày đó...

...Thu theo xe bus của hãng Hàng Không Việt Nam từ phi trường Tân Sơn Nhất về nhà ga ở trung tâm thành phố và người đến đón Thu về nhà chú Kiên là Vy và Nhân. Nhân có chiếc Citroen Deux Chevaux nhỏ nhỏ xinh xinh. Hôm đó Nhân từ chối lời mời của thiêm Kiên, không ở lại dùng cơm, nhưng hẹn tối hôm sau sẽ đến đón hai cô đi ăn chè Hiến Khánh. Vy không để Thu có thì giờ từ chối, đã vội vàng nhận lời.

Hôm sau, vừa ăn cơm tối xong là đã thấy Nhân lù lù vác xe đến. Không hiểu sao từ khi gặp Thu, Nhân thấy lòng mình kỳ kỳ, hình bóng cô bé cứ ám ảnh chàng mãi. Cách đây hai tuần, Vy nhờ Nhân ra nhà ga Hàng không ngoài đường Lê Lợi đón người chị họ từ Kontum xuống. Con bé có cho Nhân

xem hình chụp chung với Thư. Nhân thấy cô ta cũng khá xinh. Chỉ vậy thôi. Nhưng hôm qua gặp con người bằng xương bằng thịt, nụ cười của Thư khiến Nhân choáng váng và hôm nay, chàng rất mong được gặp lại nàng.

Vy mở cửa xe và ngồi vào băng sau. Vy đẩy Thư ngồi băng trước, con bé léo mép nói vì Thư là "khách" của anh Nhân nên ưu tiên. Thư ngồi cạnh Nhân mà ngượng nghịu nhìn thẳng ra phía trước. Nhân ghé qua nói nhỏ:

-Thư cứ tự nhiên. Đừng căng thẳng quá như thế mất vui. Anh không ăn thịt đâu mà sợ!

Thư đỏ mặt chống chế:

- Thư đâu có sợ anh, nhưng ngồi đây kỳ quá!

Nhân chỉ cười rồi phóng xe đi. Xe lên dốc cầu chữ Y, đột nhiên Vy hỏi:

- Anh Nhân và chị Thư có thấy cầu này có hình dáng lạ lùng không?

- Dáng chữ Y thì có gì lạ lùng? Nhân hỏi.

Vy tặc lưỡi:

- Mọi ngày anh thông minh lắm mà. Chữ Y là chữ đầu của chữ Yêu. Anh không thấy lạ sao? Anh không thấy đây là một dấu hiệu...

Đến đây thì Thư đã đoán ra cô em họ muốn nói gì rồi nên chặn ngang:

- Nhỏ này lộn xộn quá! Tại sao phải là chữ Yêu? Có thể là Yếu, là Yểu, là Yển, là Ý...phải không anh Nhân?

- Anh đồng ý với cách giải thích của Vy. Chữ Yêu là đúng nhất. Nhân vừa

nói vừa đưa mắt nhìn sang Thư. Ánh mắt thật nồng nàn. Con bé chỉ còn nước ngồi im, ngậm tằm. Và hơi bối rối nên vội đưa mắt nhìn ra ngoài cửa xe xem phong cảnh. Sài gòn ban đêm đèn đóm xanh đỏ lấp lánh. Nhân cố ý lái một vòng ra tận đường Nguyễn Huệ cho Thư ngắm cảnh nhôn nhíp của thành phố về đêm, trước khi vòng qua Tự Do thẳng qua đường Hùng Vương. Vào tiệm chè Hiền Khánh, Nhân hỏi Thư muốn dùng gì. Thư trả lời:

-Nơi đây nổi tiếng thạch chè, mình cứ gọi mấy ly thạch chè chắc chắn ngon.

Vy đòi ăn thêm bánh ngọt. Nhân bảo:

- Hôm nay anh bao. Cứ ăn thả giàn những món tụi em thích. Thư tự nhiên nhé.

Vy ghé tai Thư thì thầm:

- Bữa nay anh Nhân muốn lấy le với chị Thư. Tụi mình phải nhân cơ hội móc túi anh ấy cho bố công qua tận đây. Chị phải lựa món nào đắt nhất đi.

Thư bật cười:

- Anh ấy có lòng tốt mời mình mà sao em tính toán kỹ vậy?

- Xời, nhờ chị thôi. Mọi ngày đâu có hào phóng đến thế.

-Này, hai cô thì thầm nói xấu gì anh đấy? Thư ơi, em đừng bao giờ tin lời bé Vy nói xấu anh.

Vy nheo mắt cười cười:

- Bây giờ em hỏi thật. Anh Nhân muốn em nói tốt hay nói xấu anh với chị Thư đây?

Nhân làm ra vẻ hốt hoảng:

- Ấy, ấy! Hôm nay bé Vy muốn gì anh cũng chịu. Đừng làm mất điễm anh tội nghiệp!

Nói xong Nhân đưa mắt nhìn Thu. Chao ơi, nhìn ngoài thấy còn xinh hơn trong hình. Hôm nay Thu mặc cái áo màu xám đậm, có thêu một nhánh hồng đỏ một bên ngực. Màu áo tôn nước da trắng hồng của cô bé càng thêm trắng. Mái tóc đen mềm xỏa ngang vai, trông vừa ngây thơ vừa đáng yêu. Chỉ mới gặp hôm qua thôi mà xem chừng hình bóng cô bé khó mà thoát ra khỏi trái tim chàng. Nghe Vy nói Thu chưa có người yêu Nhân thấy hy vọng lắm. Thật tình ở tuổi hăm sáu, Nhân cũng từng quen, đi xi nê, đi ăn uống với một hai cô bạn gái, nhưng chưa bao giờ chàng cảm thấy trái tim mình rung động như lần này. Gia đình đang hồi thúc chàng lấy vợ. Lần này gặp Thu chắc chắn tim đúng đối tượng rồi. Nhân thấy lòng mình thật rộn ràng. Vui như chưa bao giờ vui thế!

Biết Chúa nhật Thu vào nội trú, Nhân rủ Thu và Vy thứ bảy tới đi ăn nhà hàng Thanh Thế, sau đó đi xi nê. Eden đang chiếu một phim tình cảm rất hay. Phim Angélique Marquise des Anges. Thu ngần ngại, nhưng Vy nhận lời ngay. Vy năn nỉ Thu một lúc, nàng đành phải ừ!

Lên giường rồi Vy chưa chịu ngủ, qua sang kê cho Thu nghe đủ thứ chuyện về Nhân:

- Chị Thu biết không, nhà dì Hai em có ba anh và hai chị. Nhưng tụi em

thương anh Nhân nhất. Anh ấy rất đàng hoàng. Thương và săn sóc, giúp đỡ tụi em nhiều lắm. Hiện tại có một chị tên Kim theo anh ấy quá trời. Chị Kim yêu anh Nhân từ lúc hai người còn học chung trường Hưng Đạo. Bây giờ chị ấy là Dược sĩ. Không biết mắc gì mà chị Kim cứ đeo theo anh Nhân. Anh sợ chết khiếp luôn. Chị ta tới nhà kiếm hoài mà anh Nhân trốn biệt. Dì em thấy chị ấy là Dược sĩ cũng muốn ghép vào. Nhưng anh Nhân em một mực lắc đầu. Em có hỏi tại sao? Anh nói không biết. Nhưng gần cô ấy, anh không cảm thấy may mắn rung động. Cứ y như gần một thằng bạn trai! Buồn cười quá hả chị? Nhưng từ khi anh ấy gặp chị thì khác hẳn. Em thấy anh ấy vui vẻ, cười luôn miệng. Em hỏi thật, chị thấy anh Nhân em thế nào?

- Chị mới gặp anh ấy có hai lần. Phải có thời gian mới nhận xét đúng chứ. Lòng người khó biết lắm em ạ.

- Nhưng em bảo đảm anh Nhân em là người tốt. Nếu không em đâu dám để anh ấy quen với chị.

- Dĩ nhiên rồi. Bây giờ thì chị xem anh ấy như anh Tiến của chị được chưa? Thôi ngủ đi cô nương. Mai chị phải đi ghi danh học rồi. À, hay mai Vy đi với chị. Sau đó chị em mình ra chợ Sài Gòn cho chị mua vài khúc vải may áo dài đi học.

- Được rồi. Mai em đi với chị. Em biết chỗ may áo dài đẹp lắm. Để em đưa chị đi may luôn.

Vy ngủ rồi mà Thư vẫn còn thao thức. Nàng nhớ mẹ, nhớ Kontum. Xứ thượng nhỏ và buồn, nhưng với Thư là cả một trời kỷ niệm. Nhớ con đường với hai hàng phượng vĩ rợp bóng của mái trường thân yêu. Con sông chảy ngược hình vòng cung ôm gọn cái thị trấn nhỏ bé. Nó có thể hiền hòa, chảy lững lờ vào mùa khô và cuộn cuộn hung hãn vào mùa lũ. Giòng nước phẳng phẳng cuốn trôi cả làng mạc, gia súc hai bên bờ. Thư nhớ vào những năm Đệ lục, Đệ ngũ theo đám bạn ra bờ sông rình xem những cô sơn nữ tắm khỏa thân. Các cô hồn nhiên nô đùa trong giòng nước trong veo, không một chút ngượng ngùng, phô bày những thân hình tuyệt mỹ. Những cuối tuần cả bọn đạp xe vào làng Thượng chơi. Mùa đông, những em bé trần truồng ngồi quanh đống lửa sưởi ấm. Mặt mày lem luốt, mũi dài lòng thông thấy mà thương. Thời nào thì đám người thiểu số này cũng đáng thương cả. Con người tàn ác nhất trong mọi loài. Càng ngày, bản làng người Thượng càng lùi sâu vào trong núi. Người Kinh ta thì "khai phá". Nhưng người dân tộc thiểu số không thích sống chung với quân "xâm lăng" nên cứ lùi dần, nhường đất cho người Kinh. Đôi khi Thư tự hỏi "Trên đời này có thiên lý không nhỉ? Nếu có thì tại sao những bất công muôn đời vẫn tồn tại?..." Câu hỏi không bao giờ có câu trả lời thỏa đáng! Thư chìm dần vào giấc ngủ...

Hôm sau Vy chở Thư đến trường Văn Học bằng Honda Dame. Trường Văn Học nhỏ, vì chỉ dạy lớp Đệ nhất. Trường có hai tầng. Lớp Đệ Nhất A của Thư trên lầu. Bà Hiệu Trưởng có vẻ nghiêm nghị. Thư thấy bà đánh son màu cam rất đẹp, rất hợp với nước da của bà. Ra ngoài, Vy cười và phát biểu:

- Em không bao giờ tưởng tượng được hình dáng "Con mèo ngái ngủ trên tay anh" của nhà thơ Nguyễn Sa lại như thế này!

- Thế Vy tưởng tượng bà ấy như thế nào? Thư hỏi.

- Thì ít ra cũng phải có vẻ yếu điệu, nũng nịu...

- Như một người tình bé bỏng chứ gì? Ôi trời ơi, em có biết bài thơ này thi sĩ Nguyễn Sa làm bao lâu rồi không? Từ thời hai người học bên Tây. Lúc đó bà Thúy Nga còn là sinh viên trẻ măng. Tất nhiên phải khác ngày nay xa lắc. Bây giờ bà ấy là Hiệu trưởng trường Văn Học nhá, cai quản một đám học trò mấy trăm đứa. Không nghiêm thì có mà loạn to! Nhứt quỷ nhì ma thứ ba là học trò mà. Đây không phải trường công như Chu Văn An, Pétrus Ký. Cũng không phải trường dòng như Tabert. Kỷ luật đâu có gắt gao. Thôi bây giờ tụi mình ra chợ An Đông ăn cơm gà Siu Siu!

Hai người lên xe nhắm hướng Chợ Lớn. Tiệm ăn đông nghẹt khách. May mắn hai cô tới sớm nên còn chỗ. Đến đây thì chỉ có món cơm gà. Quả là danh bất hư truyền. Những miếng gà luộc da

tương mỡ vàng thơm. Người đầu bếp chặt khéo mười miếng như một. Cơm nấu với nước luộc gà. Béo và thơm nức mũi. Ăn no rồi mà vẫn còn thòm thèm.

Dùng cơm xong hai cô lại tiếp tục chạy ra chợ Sài Gòn để mua vải. Chợ Sài Gòn đông. Người người chen nhau. Trời nóng mồ hôi nhỏ giọt. Tuy nhiên hàng vải, tơ lụa quá đẹp nên cánh đàn bà quên hết mọi sự. Cặp mắt dán trên những xấp vải màu sắc rực rỡ treo hàng hàng, lớp lớp trong các sạp vải nối liền nhau. Tới một cửa tiệm bán thuần soa và tơ tằm, Thư thích thú reo lên. Sờ tay vào những khúc tơ sống màu ngà, những khúc tơ chín màu vàng tươi mềm mại, óng ả khiến Thư thích mê toi! Cuối cùng Thư chọn một khúc tơ sống có chữ Thọ tròn, một khúc tơ mềm, dệt nổi những bông Cúc Đại đoá màu vàng óng ả. Vy ngạc nhiên hỏi:

- Chị Thư không thích áo soa? Em thấy khúc vải soa in bông hồng đẹp quá.

Thư áp hai xấp tơ lên má, mắt mơ màng:

- Chị thích tơ tằm em ạ. Chị mơ được mặc áo tơ tằm lâu rồi. Chị thích màu vàng mùa thu và yêu nhất hoa cúc!

- Không ngờ chị em lại có tâm hồn mộng mơ như thi sĩ vậy! Vy tặc lưỡi.

Nhưng em biết lúc chị mặc hai chiếc áo này, sẽ có khối người chết mệt đấy nhé. Đầu tiên là anh Nhân em. Thư lừ mắt làm con bé cười khanh khách.

Sau đó hai cô ghé qua Viễn Đông uống nước mía. Ly nước mía lạnh, có pha nước trái tắc thơm thơm. Uống tới đầu mát lạnh tới đó. Khoan khoái cách gì! Thư quen ở cái xứ nhỏ xíu êm đềm, cả ngày không nghe một tiếng còi xe. Xuống đây thấy sự nhộn nhịp của người đi bộ, dòng xe đủ loại chạy không dứt, bốp kèn inh ỏi cũng vui. Trên đường Lê

Lợi, Nguyễn Huệ dập dìu tài tử giai nhân. Nhiều cô mặc áo đầm ngắn cũn cỡn, lộ những bộ ngực kêu gọi và những cặp trường túc đầy hấp dẫn. Lác đác, vài cặp Mỹ- Việt dắt tay đi bát phố.

Lắm cô chỉ đứng tới nách anh chàng ngoại quốc. Thư đoán họ là những cô gái bán bar, cặp bồ với lính Mỹ. Những người con gái đáng thương trong thời ly loạn. Thư chắc họ không bao giờ muốn chọn lựa con đường gian truân này.

Nhưng "gặp thời thế thế thời phải thế!".

Biết làm sao hơn... Xã hội lên án họ. nhưng có bao giờ người ta đặt câu hỏi: "mình có được tự do lựa chọn xứ sở và gia đình để sinh ra" không nhỉ? Nếu có chắc tất cả đều chọn lựa được ra đời trong cung vàng điện ngọc. Kẻ hầu người hạ. Bên Mỹ bên Tây. Ai dại dốt chọn những xứ lam than, nghèo khổ, chiến tranh như Việt Nam để sống?!

Hai người theo đường Hai Bà Trưng chạy về phía Phú Nhuận. Tiệm Bích Hùng nằm góc Hai Bà Trưng và Yên Đỗ. Vy học với con gái ông chủ tiệm nên quen. Tiệm nổi tiếng may khéo ở đất

Sài Gòn. Qua khỏi Nghĩa Trang Mạc Đĩnh Chi Vy chỉ một con đường nhỏ:

- Chị Thu, đường này có tiệm bán món ốc nhồi và chả cá ngon lắm. Đặc biệt Bắc kỳ nhá. Hôm nào em dụ khị anh Nhân mời chị em mình đi ăn ở đây.

Thu dẫy nãy:

- Thôi Vy ơi. Ai lại bắt anh ấy bao hoài. Có khác nào mình bắt địa anh Nhân?

Vy cười khanh khách:

- Em bảo đảm anh Nhân sẽ vô cùng sung sướng khi được chị em mình cho phép anh ấy mời đi ăn.

Thu lắc đầu:

- Chịu thua cô luôn! Nhưng nói thật, chị không muốn anh Nhân hiểu lầm chị có gì với anh ấy nhé.

- Chị không cảm thấy tí gì với anh Nhân em sao chị Thu? Vy hỏi, giọng hơi buồn.

- Không. Quả thật là không. Chị chỉ xem anh ấy giống như anh Tiến không hơn không kém. Nếu nói về cảm tình nam nữ, rung động gì gì đó thì không có em ạ.

Vy tặc lưỡi:

- Không sao. Cảm tình có thể từ từ mà. Chị chưa có người yêu là anh Nhân còn hy vọng. Thu không biết trả lời sao đành lặng thinh.

Vy đi với mấy cô bạn từ trưa, nên buổi chiều, sau khi phụ chị người làm chuẩn bị bữa cơm tối xong, Thu ra sau hè đứng tựa vào cây dừa ngó mông ra cánh đồng. Nhà chú Kiên nằm trên đường Dương Bá Trạc, trước mặt là con

đường tráng nhựa và phía sau là đồng ruộng mát mắt. Vài cánh cò trắng ẻo oải bay la đà trên ruộng lúa xanh rập rờn theo gió. Rặng cây xa xa mờ mịt trong sương chiều. Cảnh vật thật êm ả nhưng buồn man mác. Nàng thả hồn bay tận đâu đâu nên không nghe thấy bước chân khẽ khàng đến gần. Một bàn tay đặt thật nhẹ lên vai khiến Thu giật mình quay lại:

- Ô, anh Nhân!

Nhân cười nhẹ:

- Xin lỗi làm Thu giật mình. Anh đến này giờ. Không dám gọi vì anh nghĩ Thu đang tìm cảm hứng để làm thơ.

Thật vậy, Nhân rời sở sớm hơn thường lệ một chút. Không về nhà mà ghé tiệm mua một ký thịt quay rồi đi luôn qua đây. Ba ngày không được gặp Thu, Nhân thấy lòng xốn xang, ray rứt. Nhớ, nhớ và nhớ cô bé tên Thu. Hình như lần đầu tiên Nhân biết thế nào là tình yêu. Chàng chưa bao giờ nhớ quay nhớ quắt một người con gái nào như đã nhớ Thu. Thế không phải là tình yêu thì là gì? Hôm nay Nhân nhất định qua gặp cho đỡ nhớ. Sau khi đưa thịt quay cho chị người làm, biết Thu ở sau hè, Nhân vội vàng đi ra. Nhìn dáng dấp mảnh mai của cô gái đứng tựa thân cây dừa. Mái tóc lả lơi theo gió, cặp mắt đắm chiều hướng về phía xa xa. Nhìn nửa khuôn mặt của Thu với sóng mũi cao, vàng trán trắng, đôi ngực thanh tân vừa phải, Nhân thấy nàng thật là người trong mộng của chàng. Nhân nhìn cô gái không chán mắt. Giá mà có máy hình

chàng sẽ ghi cái hình ảnh đẹp và thơ mộng này để làm kỷ niệm. Không lẽ đứng nhìn mãi như thế nên Nhân bước lại gần và không kềm được, đã đặt thật nhẹ bàn tay lên vai Thu, khiến nàng giật mình. Thu then thủng:

- Thu đâu phải thi sĩ mà ngắm cảnh là ra thơ hở anh. Nhưng mà anh Nhân xem kia, cảnh đồng quê đẹp như một bức tranh phải không?

- Thu có vẻ yêu sự tĩnh lặng hơn ồn ào? Nhân tò mò hỏi.

- Dạ. Em thích sống ở tỉnh nhỏ hơn là thành phố lớn. Kontum không có lớp Đệ nhất nên em phải về đây học. Tiếc thật đó.

Nhân hỏi dò:

- Nếu mai một lập gia đình, không lẽ Thu lại về Kontum?

- Ô! Anh Nhân không thấy Thu còn quá trẻ để nghĩ đến chuyện này hay sao?

- Cũng có lúc phải nghĩ đến chứ cô bé.

Thu lắc đầu, cười:

- Chắc là còn lâu lắm anh ạ. Chính anh còn gọi Thu là cô bé nữa kia. Thời này đâu còn sợ ế ở tuổi hai mươi như thời mẹ em. Hơn nữa em chưa có người yêu thì làm sao nghĩ đến hôn nhân. Anh Tiến em đã hăm tám mà còn chưa lập gia đình nữa là.

Nhân đổi đề tài:

- Người yêu của Thu chắc phải có điều kiện cao lắm nhỉ?

Nàng ngượng ngùng:

- Em có gì đâu mà dám đòi hỏi người yêu phải có điều kiện cao!

- Đối với anh, Thu đáng yêu nhất trong những người con gái mà anh quen. Nhìn thấy nét mặt hơi thảng thốt của con bé Nhân vội vàng tiếp, anh xin lỗi nếu những lời chân thật của anh làm em sợ. Nhưng mà Thu này, anh chỉ nói ra những gì anh cảm thấy trong trái tim. Tại sao anh không được nói lên sự thật? Anh nói Thu đáng yêu là vì em thật sự đáng yêu. Mà nếu anh có yêu Thu đi chăng nữa thì có gì không chính đáng?

Cặp mắt chàng nhìn Thu thật thiết tha:

- Dĩ nhiên anh không thể bắt buộc Thu yêu anh, vì đó là quyền của Thu. Nhưng anh cũng có quyền bày tỏ tình cảm chân thật của mình. Anh biết những lời tỏ tình của anh hơi vội vàng, nhưng anh mong rằng không vì thế mà em tránh né anh nhé. Chúng ta cứ cứ xử bình thường. Nếu Thu chưa có tình cảm gì với anh thì cũng không sao. Anh chờ. Anh nhất định chờ. Đồng ý không... cô bé?

Nãy giờ Thu đứng như bị trời trồng, mặc cho Nhân nói. Những lời tỏ tình của Nhân làm nàng choáng váng, tự hỏi sao chàng có thể yêu cô một cách chớp nhoáng như thế? Tất cả đàn ông đều như vậy sao? À, thì ra đây là coup de foudre mà nàng thường đọc trong tiểu thuyết! Nhưng sao lạ quá, những lời tỏ tình tha thiết của Nhân không làm nàng xao xuyến, rung động tí nào. Tuy nhiên Thu cũng từ tốn trả lời:

- Thu cảm ơn tình cảm của anh dành cho Thu. Nhưng hiện tại Thu phải

chuyên tâm cho việc học. Chuyện tình cảm Thư chưa dám nghĩ tới...

Nhân nhẹ nhàng cầm bàn tay Thư, giọng dịu dàng:

- Anh đã nói rồi. Em cứ yên tâm lo học. Yêu Thư là chuyện của anh. Anh không đòi hỏi Thư phải đáp lại. Hãy để cho thời gian làm việc. Biết đâu một ngày kia...

Thư còn đang ngần ngại chưa dám rút tay lại thì có tiếng Vy léo nhéo:

- Ui chao, anh chị trốn ra sau hè tâm sự lòng thông hờ? Làm em đi kiếm khắp nơi.

Thư vội vàng rút tay lại, thoáng đỏ mặt trước cặp mắt tinh quái của cô em họ:

- Tâm sự gì đâu. Chị ra đây ngắm cảnh trời chiều. Đẹp quá phải không anh Nhân?

- Ừ đẹp lắm. Nhân vừa trả lời vừa nhìn Thư cười tủm tỉm.

Thư mắc cỡ nói vội vàng:

- Thôi mình vào nhà đi. Chắc là sắp ăn cơm rồi phải không?

- Đúng rồi. Em tìm anh chị vào ăn cơm. À, em ở đây bao nhiêu năm rồi nhưng chưa bao giờ ra sau hè ngắm cảnh. Mà đẹp thật đó. Anh chị quả là có tâm hồn lãng mạn! Vy vừa nói vừa nheo mắt với Nhân. Thư mắng "nhỏ này lắm chuyện quá!" khiến con bé cười khanh khách.

Trong bữa ăn thấy Thư có vẻ trầm ngâm Nhân hơi hồi hận là đã tỏ tình sớm quá. Thật ra chàng không hề có ý định đó, nhưng lỡ buột miệng nói ra. Phóng lao thì phải... theo luôn chứ biết sao. Bây

giờ tới đâu hay tới đó. Đành phó thác đời chàng vào tay Ông Tư bà Nguyệt!

Bà thiềm Thư có lẽ thấy được tình cảm thằng cháu dành cho Thư nên cũng vun vào. Bà kể toàn tính tốt khiến Nhân phải kêu lên:

- Dì ơi, nghe dì kể chắc Thư dám tưởng cháu là ông Thánh hay ông thầy tu! Anh không "hoàn hảo" như lời dì đâu Thư nhé.

Thư cười:

- Dạ, nếu anh hoàn hảo quá Thư không dám đứng gần, sẽ mặc cảm!

Nhân rên ri:

- Thế thì dì hại cháu rồi! Dì ơi, nói lại hộ cháu đi.

Bà Kiên cười hiền lành:

- Dì đâu có nói ngoa. Anh Nhân tốt thật đó Thư. Cô nào lấy anh ấy sẽ sướng cả đời. Anh ấy thương và lo cho các em chu đáo cứ như là em ruột không bằng. Phải thế không các con?

Mấy cái miệng đồng thanh phụ họa, nhưng cốt để trêu ông anh họ:

- Đúng thế! Anh Nhân tốt nhất trên đời! Là người chồng lý tưởng. Vy thêm vào.

Mọi người phá lên cười. Nhân gãi đầu cười theo. Không khí thật vui vẻ khiến Thư cũng vui lây. Nàng không còn e dè như trước nên nói chuyện thoải mái. Lúc ra về, Nhân dặn:

-Thứ bảy mười một giờ rưỡi anh sẽ tới đón Hưng, Thư và Vy. Mình ăn xong sẽ đi ciné. Anh phải lấy vé trước sợ không có chỗ. Anh nghe nói thiên hạ đi xem đông như kiến.

Hung rụt rè nói:

- Hôm đó em dẫn bò em đi luôn có được không? Ái Lan cũng muốn xem phim này.

- Chuyện nhỏ! Anh mời bò em đi ăn luôn.

Hung nhảy cò:

- Hoan hô anh Nhân! Anh Nhân là số một La Mã!

- Khiếp! Chỉ một bữa ăn và một chầu ciné mà tôi được phong số một La Mã rồi đấy!

Hung cúi cổ ông anh họ, mi cái chọt vào má:

- Em nói thật mà. Anh Nhân em đáng yêu nhất!

- Thôi cậu ơi. Đừng có nịnh. Cái hôn này tôi xin trả lại để cậu mi em Ái Lan. Nhân đùa.

Nhìn cảnh tượng thân mật giữa anh em họ, Thu thấy lòng se thắt. Mẹ con nàng ở Kontum không có bà con ruột thịt. Tối lửa tắt đèn gì cũng chỉ có ba mẹ con. Cùng lắm nhờ đến bạn bè thân như vợ chồng bác Minh ở cạnh nhà. Lâu lâu cả nhà nàng mới về Sài Gòn một đôi lần. Vì thế dù họ hàng đông, tình cảm vẫn có phần nhạt nhẽo. May mà còn có gia đình chú Kiên. Có lẽ nhờ chú thêm hiền lành và các em dễ thương.

Thấy Thu đang vui bỗng chợt buồn, Nhân lo lắng hỏi:

- Thu sao vậy? Thấy trong người không khỏe à?

Thu gượng cười:

- Không sao đâu anh. Thấy anh và các em vui quá làm em chạnh nhớ tới mẹ em đang một mình ở Kontum. Tội nghiệp, chắc bà buồn và nhớ em lắm. Đây là lần đầu em xa mẹ.

Thu nói mà giọng sưng nước mắt. Vy và Hung chưa kịp nói gì thì Nhân đã nắm tay Thu bóp nhẹ, giọng tha thiết:

- Em đừng quá lo lắng. Bác gái từ từ sẽ quen mà. Ở đây đã có anh và em Vy, em Hung sẵn sóc Thu đàng hoàng. Nhớ viết thư báo tin với bác như thế cho bà yên tâm.

Thu mím môi cố nuốt vào lòng những giọt lệ sắp trào ra khóe mắt, gật gật đầu. Nhân buông tay Thu, nháy mắt với Vy rồi ra xe. Thật tình nhìn đôi mắt long lanh lệ của Thu, lòng Nhân thật xót xang. Chàng chỉ muốn đặt lên đó những chiếc hôn thật nồng nàn, thật âu yếm... Nhưng... có ăn gan rồng cũng chả dám! Cô bé sẽ vất giò lên cổ mà trốn luôn. Chả dại!

Vy choàng tay ôm vai Thu kéo vào phòng. An vị rồi con bé bắt đầu điều tra:

- Hôi chiều em thấy hai anh chị mùi quá trời!

- Mùi đâu mà mùi. Cứ tưởng tượng không à!

-Trời! Anh chị nắm tay nhau mà còn cho là không mùi?

Hiểu ra, Thu chóng chế:

- Đó là anh Nhân tự ý nắm tay chị chứ bộ!

- Chỉ nắm tay suông thôi sao?

- Thì anh Nhân nói yêu chị. Thư trả lời yếu ớt, mặt hơi ửng đỏ.

Vy thích chí vỗ tay:

- Thế mới là anh hùng. Dám yêu, dám nói! Em phục anh Nhân chỗ đó. Yêu ai là nói huych toẹt ra liền. Không thềm dẫu!

Thư đưa mắt nhìn lên trời, rên rĩ:

- Vy ơi là Vy! Tại sao có thể nói về tình yêu một cách... trần trụi không một tí rô măng tic nào hết vậy hở trời!? Bộ chưa có ai tỏ tình với Vy sao?

Vy cười dòn:

- Cũng có vài "thằng". Nhưng toàn là con nít ranh cỡ em nên em cho de tuốt! Em thích người yêu phải hơn em ít nhất là năm tuổi. Hơn càng tốt, họ sẽ chịu mình hơn. Như anh Nhân với chị đó. Thấy Thư lừ mắt, Vy vội hỏi tiếp:

- Rồi chị trả lời sao hở chị?

- Chị nói chị mắc lo học, chưa nghĩ đến chuyện yêu đương.

"Đường vào tình yêu có trăm lần vui có vạn lần buồn..." Vy hát nho nhỏ rồi nói "không biết anh Nhân em sẽ lạc vào con đường nào đây?" Không biết khi yêu, mình sẽ cảm thấy sao hở chị Vy?

- Hời vớ vẩn! Chị đã yêu đâu mà biết. Nhưng một ông thi sĩ gì đó chị quên mất, hình như là Huy Cận, đã viết:

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu

Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều

Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt

Bằng mây nhẹ nhẹ gió hiu hiu!

Đó, từ xưa đến giờ có ai cắt nghĩa được hai chữ Tình Yêu đâu mà hỏi chị?

- Vậy lúc nào chị yêu ai thì nhớ cho em biết nhé. Mà hình như người ta khổ vì yêu hơn là sung sướng phải không chị? Vy hỏi, ánh mắt mơ màng.

- Người ta chỉ khổ vì yêu không phải chỗ thôi nhỏ ơi!

Giọng Vy bỗng ngậm ngùi:

- Nhưng yêu là yêu. Biết thế nào là đúng chỗ? Như chị Vân em yêu đấm yêu đuối ông phi công của chị ấy, rồi bây giờ khổ quá trời. Trước kia cả họ tưởng đẹp như chị ấy sẽ sướng một đời. Không ngờ trái lại. Tối ngày ghen tương, khóc lóc phờ phạc cả người!

- Hồng nhan đa truân. Thôi thì cứ nhàng nhàng như hai chị em mình chắc khỏe!

- Thôi đi. Chị đẹp thua gì chị Vân em mà cứ khiêm nhường. Nếu không sao anh Nhân em gặp chị là yêu liền tù tì. Chị còn hơn chị Vân là tính chị không quá hiền lành nhu nhược...

- A! Muốn nói chị là bà chằng hả? Thư vừa nói vừa vớ cái gối ném vào Vy. Hai chị em cười khanh khách.

Trưa thứ bảy, khi xe Nhân đậu trước cửa thì Vy và Thư đã sẵn sàng. Vy mặc jupe plissée xanh dương, áo thun ngắn tay màu hồng trông thật trẻ trung. Thư mặc quần tây pattes d'éléphant màu kem, áo trắng, cài băng đô tím giữ cho tóc khỏi bay, trông thật thanh nhã. Tuy không trang điểm nhưng vẻ tươi mát, xinh xắn khiến Nhân nhìn không chớp mắt:

-Hôm nay Thư xinh quá!

Thư chỉ ngượng ngùng nói cảm ơn. Vy dẫu môi:

- Còn em?
- Vy thì lúc nào cũng xinh rồi. Đẹp "bẩm sinh" là lì! Nhân trên em.
- Tha cho anh. Vy cười dòn. À quên, anh Hưng đi trước đón Ai Lan. Hai người sẽ đến thẳng tiệm Thanh Thế. Hôm nay nhất định em phải ăn nửa con gà quay!

Thư tròn mắt:

- Bộ gà quay ở đó ngon lắm sao mà Vy đòi ăn tới nửa con?

- Em nói đùa thôi. Gà quay ở đó ngon tuyệt. Nhưng có món suông cũng trứ danh lắm.

Lần này Thư đòi ngồi dưới với Vy nhưng con bé lấu lỉnh:

- Nếu chị ngồi dưới này thì hóa ra anh Nhân là tài xế của chị em mình à? Chị phải ngồi trên vì chị là... chị. Vai lớn phải ngồi trên mà. Kính... lão đắc thọ. Hihihì!

Thư cốc lên đầu Vy mắng:

- Con nhỏ leo mép!

Cuối cùng đành chịu thua phải lên ngồi cạnh Nhân. Trên đường đi Vy tiếp tục mục ăn uống:

- Chị Thư đã đi ăn bún chả hẻm Casino chưa? Thấy Thư lắc đầu Vy tiếp, em sẽ đưa chị đi ăn. Bảo đảm chị mê toi. Còn bánh cuốn Tây Hồ? Chắc là chưa chứ gì. Chị ơi, chợ Vườn Chuối gần trường Régina Pacis có bún ốc ngon tuyệt vời. Cô bé quay sang Nhân:

- Anh Nhân có dám đi vô chợ Vườn Chuối ngồi xếp dưới đất ăn bún ốc với tui em không?

- Sợ gì không đi. Có đồ ăn ngon dù chân trời góc biển anh cũng đi.

- Thức ăn ngon mà còn phải đứng "đối tượng" đi ăn chung thì ăn mới ngon

phải không? Anh hứa rồi nhé. Em còn một lô địa chỉ khác nữa đó.

- Tha hồ cho các cô chọn. Anh tình nguyện làm tài xế đưa đi.

(Còn tiếp một kỳ)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ



Tiểu Thu là bút hiệu khi viết văn. Sinh năm 1947 tại Quận Cao-Lãnh- Đồng Tháp.

*Theo gia đình rời Việt Nam tháng 4-1975 và định cư tại Thành phố Montréal, Tỉnh bang Québec, Canada.

*Bắt đầu sáng tác năm 1987. Cộng tác viên thường trực Cô Thơm (Virginia) và một số đặc san, tuyển tập tại Canada, Mỹ, Âu Châu...

*Được nhà văn Hồ Trường An giới thiệu trong Tập Diễm Ngưng Huy, Giai Thoại Văn Chương và Bút Khảo Quê Nam Một Cõi.

* Tác phẩm đã xuất bản:

\-Sóng Nước Tình Quê 2002

- Tiếng Hót Vành Khuyên 2007

- Món Ăn Theo Bước Di Tàn: Tập

Truyện Ngắn viết chung 13 tác giả.

TRỜI VÀO THU

Tuổi trời thắm thoát đã vào Thu
Rừng lá vàng rơi dệt mộng mơ
Dĩ vãng đã qua nào tiếc nuối
Tương lai chưa tới há mong chờ
Vuốt làn tóc bạc khời thi hứng
Xoa nếp da nhăn gợi tử thơ
Nở đóa hoa lòng vui hiện tại
Thong dong ta nhẹ bước vân du.

TÂM MINH
(MùaThu-2014)

TÌNH THU

(Họa)

Xuân Hạ qua rồi nay đón Thu
Cứ vui như thể lúc đang mơ:
Anh về theo gió lòng xao xuyến,
Em đứng bên song dạ ngóng chờ.
Vài chiếc lá vàng bao ý nhị,
Một làn mây bạc rất nên thơ.
Đông sang còn hẹn nhiều tha thiết
Cho đỡ tủi buồn khi viễn du.

NGUYỄN-PHÚ-LONG.
(7/2014)

Ý THU

Họa

Khoảnh khắc này giao điểm ý thu
Nào ai ngỡ ngẩn lá vàng mơ
Đừng quên cây cỏ đang mong ngóng
Hãy nhớ người ta vẫn đợi chờ
Ngọn gió heo may run nét chữ
Mùa hoa cúc thắm họa bài thơ
Rượu mời chiếu trái thương đầu bạc
Đổi ẩm đất trời chuyện lãng du

PHAN KHÂM



Rừng Thu – Tranh Lê Văn Lai

GIÓ THU

(Họa)

Nắng đã vàng thu... lại Gió Thu
Ngược dòng ký vãng, cánh hồng mơ
Lối vào Hoa Tạng, Chuông Vi Diệu ...
Nẻo đến Chân Như, Biển Huệ Chờ
Gió sớm thanh thanh, Hương Tịnh Khiết
Mây chiều bát ngát, Tiếng Bình Thơ
Vào Thu ai gọi! Hồn Thiên Cổ ...
Trăng sáng đỉnh trời, Trăng lẳng du ...

TUỆ NGA
(Oregon Mùa Thu 2014)

MAN MÁC THU

(Họa)

Lãng đãng thời gian đếm bước Thu
Hoàng hôn man mác đẹp như mơ
Lá vàng xao xác không mong nhớ
Gió lạnh hắt hiu chẳng đợi chờ
Kỷ niệm chôn sâu trang sách sử
Tâm tư khép kín áng văn thơ
Song khuya vương ánh trăng phai nhạt
Chấp cánh bay theo giấc mộng du

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Thu 2014)



Bên Em Đón Nắng Thu - Ảnh: **NGUYỄN HUY LINH**

NGUYỄN HUY LINH
Electrical Engineer cho GE (15 năm),
đang là Hughes/DIRECTV.
Chụp hình chỉ là giải trí.
Đã chụp nhiều hình chim muông,
phong cảnh thiên nhiên.
Đã từng về Việt Nam để chụp hình
non nước Việt.



NON THIÊNNG YÊN TỬ

Ý Nguyên

Trong những lần về thăm miền Bắc trước đây, chúng tôi đã có ý định đi thăm chùa Yên Tử, nhưng có lẽ cơ duyên chưa tới nên kỳ này sau hơn ba ngày lưu lại thành phố Hạ Long thăm viếng họ hàng cùng là về quê tảo mộ, chúng tôi xếp đặt chương trình đi thăm Non Thiênng Yên Tử trên đường về Hải Phòng.

Chúng tôi đã đọc nhiều tài liệu nói về vùng “Đất Tổ Phật Giáo Việt Nam” nên sự tò mò đã thúc đẩy chúng tôi phải đi đến tận nơi hầu thoả mãn ước mơ tâm linh của mình. Tài liệu tham khảo cho biết Trúc Lâm Yên Tử thuộc địa phận xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Hầu hết các Chùa, Am, Tháp đều nằm trong khu rừng quốc gia Yên Tử, có hệ sinh thái đa dạng phong phú của rừng nhiệt đới Á châu. Núi Yên Tử là một đỉnh cao khoảng hơn 1,000m trong dãy núi Đông Triều vùng Tây Bắc. Yên Tử có nhiều tên gọi khác nhau: Tượng Sơn, Bạch Vân Sơn, Phù Vân Sơn, Linh Sơn... Danh sơn Yên Tử đã gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của vua Trần Nhân Tông, một vị vua hiền từ đạo đức, sau hai lần đánh đuổi được giặc Nguyên và Mông Cổ xây dựng lại đất nước an bình. Về sau Ngài nhường ngôi cho con là Trần

Anh Tông và xuất gia về Yên Tử tu hành, lấy pháp hiệu là Trúc Lâm Đại Đầu Đà, pháp danh là Điều Ngự Giác Hoàng. Ngài sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm (Tam Tổ: Đệ Nhất Tổ Trần Nhân Tông, Đệ Nhị Tổ Pháp Loa, Đệ Tam Tổ Huyền Quang). Từ đó Yên Tử trở thành Trung Tâm Phật Giáo của quốc gia Đại Việt. Với tinh thần nhập thế và yêu nước, giáo lý Thiền Phái Trúc Lâm của ngài trở thành nền tảng tư tưởng dựng nước và giữ nước đời Trần có ảnh hưởng lớn lao đến Phật Giáo Việt Nam sau này. Do đó, chùa Yên Tử không chỉ là một di tích lịch sử từ thời kỳ xây dựng đất nước của các vị vua chúa xưa kia, mà bây giờ còn được coi là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam. Hàng năm vào những ngày hội lớn, nhất là vào mùa lễ Hội Yên Tử, từ mùng 10 tháng Giêng AL, chùa Yên Tử đã tiếp đón không biết bao nhiêu Phật tử và du khách từ khắp mọi miền đất nước về chiêm bái.

Để chuẩn bị cho cuộc thăm viếng đặc biệt này, chúng tôi dậy thực sớm sáng ngày hôm đó. Cũng may thời tiết mát mẻ, bầu trời quang đãng để chịu có lẽ nhờ trận mưa tầm tã ngày hôm trước nên chúng tôi hy vọng cuộc leo núi sẽ thoải mái và thích thú

lắm đây. Cùng đi với chúng tôi có chú em họ của nhà tôi và một người cháu là tài xế. Chúng tôi cảm thấy yên tâm hơn vì hướng dẫn viên và tài xế đều là người nhà và hiện tại họ đều sinh sống tại tỉnh Quảng Ninh.

Từ thành phố Hạ Long, sau khoảng hơn một giờ lái xe chúng tôi đã tới địa phận thành phố Uông Bí. Mọi người có mặt tại chùa Trình (chùa Bí Thượng) trải qua một đoạn đường bậc thang dài và dốc. Chùa Trình nằm trong quần thể núi Yên Tử, trên một vùng rừng núi bao la dưới những hàng cây cổ thụ rợp xanh bóng mát. Trước tiên, chúng tôi phải vào trình bái Long Thần Hộ Pháp tại đây để có một niềm tin vững chắc cho cuộc hành hương được bình an. Có lẽ sự tin tưởng này đã là một tập quán tín ngưỡng không thể thay đổi của Phật Tử.

Rời khu chùa Trình, chúng tôi lái xe thẳng tới khu du lịch chùa Yên Tử. Vợ chồng tôi và chú em theo lộ trình tà tà qua các khu bán đồ lưu niệm, tôi chưa muốn mua sắm gì lúc này vì nghe nói còn phải leo núi cao, mang nặng chằng nên. Thời gian này đang trong mùa Lễ Phật Đản nên cờ xí treo giăng khắp nơi. Vào giờ trưa thấy bụng hơi cồn cào, gặp một bà bán bắp nếp luộc bên đường, tôi sà vào mua ít cái vừa đi vừa gặm cho chắc bụng. Nhìn sang hai bên đường thấy có nhiều quán ăn: "Cơm-Bún-Phở-Nhà Trọ bình dân" nhưng chúng tôi chả dám, vẫn vướng cái tật ngại ăn quán lạ bên đường. Tại đây cũng có xe ôm hoặc ô tô điện đưa đón du khách lên ga cáp treo,

nhưng chúng tôi lại muốn thử đôi chân và sức khoẻ của mình nên cứ thung thình theo lộ trình tiến bước. Được biết, du khách sẽ phải đi tới hai lần cáp treo cộng thêm những đoạn đường leo bậc thang đá ngoằn ngoèo mới lên tới chùa Đồng ở chót vót trên đỉnh núi. Thiết nghĩ thiên hạ lên được tới chùa Đồng chắc hẳn mình cũng phải lên tới nơi đó được chứ ! Đợi xem sự thử thách của chúng tôi sẽ chính xác đến cỡ nào? Tôi tin là mình sẽ hoàn thành cuộc leo núi này.

Đứng trước quầy bán vé, tôi thấy một bảng ghi giá vé, phía dưới có hàng chữ: "*Quý vị du khách trên 65 tuổi xin xuất trình thẻ CMND*". Tôi tò mò hỏi cô bán vé thế nghĩa là sao và được cô cho biết những ai trên 65 tuổi được miễn mua vé. Ồ, hay quá ! Thế là hai chúng tôi khỏi phải trả tiền vé. Tiết kiệm được 400 ngàn đồng VN (\$20US) để dành vào việc làm từ thiện coi bộ có lý. Riêng chú em phải chi ra 200 ngàn. À ra thế, có nhiều người lớn tuổi sức khoẻ không bảo đảm, có thể không leo lên được tới chùa Đồng ở trên đỉnh cao do đó không cần phải mua vé. Hai chúng tôi nhìn nhau mỉm cười thông cảm, thế ra mình đã "lão" rồi sao? Từ hôm rời Mỹ quốc, tôi luôn luôn cầu nguyện cho mình đừng gặp trở ngại nắng gió bất thường mà ngã quỵ thì hỏng hết chương trình du lịch, vì thế mấy ngày ở Hà Nội, Thanh Hóa, rồi Hải Phòng và Quảng Ninh chúng tôi rất dè dặt trong việc ăn uống và giờ giấc ngủ nghỉ cũng phải theo đúng mức vì rằng thời tiết nóng

nực ở Việt Nam đôi khi cũng làm chúng tôi chẳng cảm thấy dễ chịu chút nào.

Lúc xưa vì chưa có cáp treo, khách hành hương phải leo núi bằng chính đôi chân của mình cả ngày trời qua hàng ngàn bậc đá, đường rừng gập ghềnh dài tới 6km rất vất vả cam go, khiến đôi khi họ phải ngủ trọ ở dọc đường để tiếp nối cuộc hành trình vào sáng hôm sau. Ngày nay đã có tới hai đường cáp treo để thu ngắn những đoạn đường leo núi, giúp du khách dễ dàng trong việc tham quan núi Yên Tử. Và rồi chẳng mấy chốc chúng tôi đã leo tới nhà ga cáp treo thứ nhất (cáp treo Hoàng Long). Ngồi trong lồng kính của cáp treo, nhìn xuống thung lũng sâu thăm thẳm bên dưới, chúng tôi có cảm giác lâng lâng trước cảnh núi rừng hùng vĩ với những lớp mây trắng bồng bạc lơ lửng bồng bềnh phủ kín không gian. Tự nhiên tôi cảm thấy mình quá nhỏ bé và tầm thường trước vũ trụ bao la của đất trời trên đỉnh thiêng của núi rừng Yên Tử. Cứ thế giây cáp treo đưa chúng tôi lên cao dần. Trong tầm mắt chúng tôi toàn cảnh rừng núi trùng trùng, điệp điệp phủ đầy cây Tùng, cây Đại cao xanh, với rừng trúc xanh rì đan mắc chằng chịt vào nhau trông thực lạ mắt. Trúc mọc khắp nơi nơi, do đó chùa Yên Tử còn được gọi là Trúc Lâm Yên Tử. Xa xa, ngôi Thiền Viện và nhiều Am Thất ẩn hiện trong rừng cây trông như những bức tranh linh động, thật đẹp. Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử là nơi xưa kia đức vua Trần Nhân Tông tu hành, truyền kinh, giảng đạo. Rất tiếc

chúng tôi không thể viếng thăm được vì đường cáp không dừng gần nơi đây, phải đi bằng đường mòn khác, vả lại chúng tôi cũng không có đủ thời giờ để đi bộ đến nơi. So ra cáp treo tại núi Yên Tử có vẻ văn minh hơn đường cáp treo dài nhất nước Mỹ có tên Sandia Peek tại thành phố Albuquerque, New Mexico nơi chúng tôi sinh sống trước đây. Hai tuyến cáp treo Hoàng Long và Bạch Long được kiến trúc rất hiện đại đã tạo cho hệ thống cáp treo Yên Tử có một vẻ đẹp riêng biệt, mang đậm nét văn hóa Việt giữa núi rừng Yên Tử kỳ vĩ và được coi là một hệ thống cáp treo độc đáo nhất Việt Nam bây giờ.



Rời cáp treo thứ nhất, chúng tôi bắt đầu leo lên từng bậc thang đá nhẵn, đều đặn xếp bậc thực công phu thành từng

hàng, từng lớp. Tôi phân vân trong bụng và tự hỏi làm sao lúc xưa người ta có thể đưa được những tảng đá to như thế ấy từ dưới đất lên trên núi cao để xây dựng công trình như thế đúc khuôn? Nghĩ đến, mình phải cảm phục và biết ơn những bàn tay và khối óc của người xưa đã tạo dựng ra cảnh trí lịch sử này. Từng bước, từng bước chúng tôi cứ thế mà leo lên. Tôi vừa đi vừa lầm râm niệm Phật để làm ngắn lại đường dài.

Quả thực tôi không dám nhìn lên vì bậc thang quá cao và quá dài lại trơn tuột vì nước mưa còn đọng trên mặt đá, nên chỉ dám nhìn xuống chân mình theo từng bước, một cách thận trọng. Một tay cầm dù, tay kia cầm cây gậy tre mà nhân viên cáp treo đưa cho tôi khi bước ra khỏi ga cáp. Vì vậy cây gậy này đã giúp tôi lấy thăng bằng trong từng bước leo lên. Leo lên khoảng chừng vài chục bậc đá tôi lại dừng chân để thở, rồi lại tiếp tục leo thêm. Chưa gì mà tôi đã mệt khướt. Mệt thì mệt nhưng trong lòng vẫn cảm thấy nôn nóng và hăng say chưa thối chí khiến đôi chân vẫn thoăn thoắt bước đều. Tôi vẫn còn muốn ngắm nhìn cảnh sắc thiên nhiên của núi rừng trong làn mây trắng mong manh. Ôi! thực tuyệt vời, tôi dừng lại đôi phút, vươn hai tay lên khỏi đầu khoan khoái đón nhận làn không khí trong lành như đang len vào lồng ngực, tôi nhắm mắt để tận hưởng... một không gian tĩnh lặng huyền ảo! Còn gì khoái cảm cho bằng khi quanh tôi chỉ nghe tiếng chim ca ríu rít, gió rừng xào xạc hòa cùng tiếng mõ

lời kinh đều đều từ các Am Thất vọng ra. Ông xã tôi và chú em đi trước quá xa, đứng lại đợi tôi. Hôm nay là ngày thường và chưa đến ngày Lễ Phật Đản nên du khách đi hành hương không đông lắm. Hầu hết họ đến từ các tỉnh xa như Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Nha Trang và cả Sài Gòn. Thấy chúng tôi lớn tuổi mà còn leo núi khoẻ khoắn họ rất ngạc nhiên ngợi khen làm tôi lên tinh thần và phấn khởi leo lên, leo lên.

Theo lộ trình chúng tôi dừng lại chiêm bái Tổ Huệ Quang Kim Tháp nằm trong Lăng Quy Đức được xây dựng từ năm 1309 sau khi Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông viên tịch và đây chính là nơi lưu giữ xá lợi của Ngài. Trong tháp thờ tượng Phật Hoàng ngồi thiền. Để tháp được trang trí hoa văn sóng nước và đài sen khắc trạm tinh tế, phía sau là đường đi lát gạch Hoa Cúc mang đậm nét văn hóa và lịch sử đời Trần. Xung quanh Tháp Tổ là những cây Đại, cây Tùng cổ kính cùng nhiều ngôi Tháp, ngôi Mộ của các thiền sư đã tu hành ở Yên Tử, nên khu vực này còn được gọi là Vườn Tháp Huệ Quang. Từ đây chúng tôi sẽ phải leo lên một đoạn bậc đá rất cao và rất dài để tới ngôi cổ tự Hoa Yên. Chú em và nhà tôi sợ tôi leo lên không nổi, đứng đợi ở phía trên nhìn xuống ái ngại. Mô Phật! Tôi vừa niệm Phật vừa ra dấu cho hai người chứng tỏ sức khoẻ của tôi coi như OK và tôi có thể tiếp nối cuộc hành trình mới vừa bắt đầu. Cùng bước lên bậc thang với tôi lúc ấy có nhiều khách hành hương trông có vẻ ít tuổi hơn tôi nhiều nhưng họ

cũng phải dừng lại nhiều đoạn để nghỉ lấy sức. Có điều tôi nhận thấy mọi người đều lộ vẻ an vui tự tại. Nhiều người đem theo hoa quả và đèn nhang lễ Phật. Họ không dùng đến gậy như tôi mà vẫn thông thả bước lên bậc thang đá vững vàng, đúng là tuổi trẻ có khác. Và rồi chúng tôi đã lên tới chùa Hoa Yên sau một đoạn dài leo dốc bậc đá thực chật vật. Chùa này được coi là ngôi chùa chính trong quần thể chùa Yên Tử và còn có tên là chùa Cả, ngoài ra vì nằm trên độ cao của núi Yên Tử nên luôn luôn có mây mù che phủ do đó chùa còn có tên là Chùa Phù Vân hay Chùa Vân Yên. Trước cửa chùa có ba cây đại thụ trên 700 năm tuổi thọ do Tam Tổ Trúc Lâm vun trồng. Tôi ghé vào chùa khẩn vái và cúng dường trong khi ông xã tôi lo chụp hình cảnh núi rừng cùng những tàng cây cổ thụ.

Hôm đó, vì đến đây đã xế trưa nên chúng tôi không có đủ thời giờ để đi thăm viếng và chiêm bái hết mọi ngôi chùa nằm rải rác ở nhiều nơi trên núi Yên Tử như: Chùa Cẩm Thực, Chùa Bảo Sái, chùa Một Mái, chùa Giải Oan, chùa Suối Tắm, chùa Vân Tiên, tháp Vọng Tiên Cung cùng những thắng cảnh như Tượng Đá An Kỳ Sinh, Thác Vàng, Thác Bạc, Đường Tunnel Cổ, khu Mai Vàng Yên Tử và đặc biệt là suối Giải Oan. Riêng đạo tràng Giải Oan và suối Giải Oan đã ghi lại một di tích lịch sử của đời vua Trần Nhân Tông khi Ngài từ bỏ ngai vàng tìm về cửa Phật trên Núi Yên Tử. Được nghe kể, các cung tần mỹ nữ của ngài đã ngăn cản và khuyên Ngài trở về cung điện,

nhưng lời thỉnh cầu không được toại nguyện, họ bèn rủ nhau nhảy xuống giòng suối này tự vẫn. Nhà vua cảm thương chân tình của họ mà cho lập một ngôi chùa siêu độ để giải oan. Từ đó ngôi chùa và con suối này được mang tên Giải Oan... Rất tiếc, chúng tôi không có đủ thời gian để ghé thăm hai di tích lịch sử này. Hơn nữa, chân thì mỏi mà đường còn xa ... chúng tôi phải cố gắng leo thêm nhiều đoạn có bậc đá dốc chênh vênh để tới ga cáp treo thứ nhì (cáp treo Bạch Long) dẫn lên khu an vị tôn tượng Phật Hoàng và Chùa Đồng.

Khiếp đảm quá! càng leo lên càng thấy đường xa vời vợi. Nhìn lên thấy tượng Phật thật là gần, nhưng leo mãi chẳng tới nơi. Sợ quá, tôi như muốn bỏ cuộc trong khi những du khách từ chùa Đồng đi xuống khuyến khích chúng tôi “cố lên” “cố lên” – “Gần tới nơi rồi... Ráng đi *bu ơi, thấy* đầu sao không đi *bu* đi cùng?” Đang mệt lử, bước đi không nổi, nhưng bất chợt nghe mấy cô cậu trẻ tuổi nói giọng Bắc sau này hỏi han như vậy, tôi phì cười quay sang cảm ơn họ. Lâu rồi mới được nghe lại hai tiếng “*thầy bu*” sao mà thấy lạ thế, làm tôi nhớ lại thời kỳ thơ ấu của mình khi còn ở trong làng Đông Sơn, Thanh Hóa. Tôi đoán nguyên quán của các em phải là Nam Định hay Thanh Hoá gì đó. Biết tôi là người Bắc, họ xúm xít hỏi thăm, rõ là chân tình. Thoáng chốc tôi cảm thấy vui vui. Một kỷ niệm để nhớ mãi. Tôi theo chân khách hành hương len lỏi leo qua các kẽ đá và bậc thang khắp khếnh, trơn ướt. Từng

bước, từng bước chậm chạp mà leo. Lâu lâu đứng lại thở hổn hển tưởng như muốn đứt cả hơi. Lúc này tôi hơi choáng váng vì cảm thấy sức khỏe của mình có vẻ như xuống cấp đột ngột. Tôi dừng lại dưới một gốc cây có bóng mát, hít vào thật sâu và thở ra thật dài. Làm được vài động tác hô hấp như thế tôi thấy khỏe khoắn rồi lại tiếp tục dần bước leo lên. Càng lên cao không khí càng thoáng đãng, đâu đâu cũng thấy toàn một màu xanh lục thực đẹp mắt. Từng cụm hoa vàng, hoa tím đại mộc chen chúc cùng cây cỏ hai bên lối đi. Những gốc cây to bằng ba bốn người ôm trổ những cành lá tua tủa như những cánh tay khổng lồ vươn ra mời mọc. Không gian tĩnh lặng lạ thường như đưa hồn người vào cõi mộng. Lòng lâng lâng khó tả. Đúng là tôi đang ở chốn tiên bồng. Một cảnh sắc thiên nhiên quá ư là tuyệt mỹ! Xa xa nghe như có tiếng nước chảy róc rách đều đều. Đi được một quãng, gặp một con suối nhỏ từ triền dốc cao đổ xuống, tôi ghé vào vục nước lên hai bàn tay vẩy lên mặt. Nước suối trong vắt mát lạnh như đánh thức tôi trở về thực tại. Trên đường đi vài ba cô bé đứng mời chào du khách mua đồ lưu niệm và postal card in những thắng cảnh của núi rừng Yên Tử. Tôi cũng chẳng ngần ngại mua giúp các cô vài tấm. Giá một tấm là 10,000 đồng vn tính ra là 50cents. Thấy họ buôn bán chẳng biết lời lãi được bao nhiêu mà phải vất vả leo núi gian nan mời chào khách hàng rõ thực tội nghiệp. Tôi nghĩ, giúp được người nghèo như mua hàng cho

mấy cô bé này chẳng khác như mình đã làm được một việc thiện hoặc như cúng dường tam bảo.

Vừa leo núi vừa ngược nhìn lên phía trên, tôi thấy thấp thoáng ngôi tượng Phật Hoàng ẩn hiện sau màn sương mỏng. Tấm bảng chỉ đường đến ga cáp treo thứ hai đã hiện ra trước mắt. Tôi mừng ghê gớm. Đúng lúc này tôi gặp một toán du khách từ cáp treo bước xuống. Trong đó có một hai người lớn tuổi. Bạo dạn tôi ngỏ lời hỏi thăm và được biết có cụ đã trên 80. Tôi ngạc nhiên và rất thán phục. Vậy thì có lý do gì khiến tôi phải chùn bước nhỉ? Các cụ bảo tôi ráng niệm Phật đi. Phật sẽ hộ trì là đi tới nơi thôi!

Thế là chúng tôi đã đến được ga cáp treo thứ hai và lên tới khu địa linh Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Ôi! đúng là cảnh Phật non Tiên! Chúng tôi mê mẩn loanh quanh tại khu vực này để chụp hình và thưởng ngoạn cảnh sắc thiên nhiên. Tượng Phật được tạc bằng đá cẩm thạch và được trang nghiêm an vị trên một diện tích khá lớn giữa núi rừng hùng vĩ. Thời tiết trên cao thay đổi liên tục trong ngày, lúc nắng lúc mưa, hầu như luôn luôn có mây lẩn sương mù sà xuống, khiến màu sắc ngôi tôn tượng cũng thay đổi theo thời tiết - lúc tỏa sáng óng ánh dưới tia nắng soi, lúc mờ mờ, ẩn hiện sau màn sương mờ ảo trông thực huyền diệu. Tôi suýt xoa khen ngợi và chuyện trò cùng các bạn đồng hành, đồng đạo hiện đang đứng chiêm ngưỡng tượng Phật như tôi. Thực khó mà diễn tả nổi cảm xúc của tôi lúc đó. Hình như tôi đang

ngây ngất trước hiện tượng diệu kỳ của cảnh sắc và vật thể khác lạ như chưa từng thấy trong đời mình. Tôi chấp tay khấn lạy trước Phật đài như cảm nhận được sự linh thiêng nơi đất Phật.



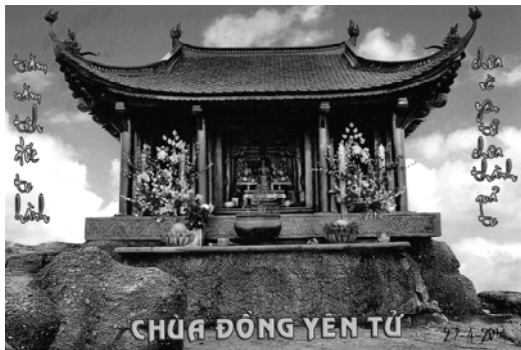
Giờ thì chúng tôi phải theo đường chỉ dẫn để lên Chùa Đồng. Đường bậc thang đá từ khu an vị tượng Phật Hoàng tới Chùa Đồng không xa lắm nhưng rất dốc và quanh co khó đi. Càng lên cao sương xuống càng dày và nặng hạt như mưa. Tôi luôn luôn phải che dù và chiếc gậy trong tay đã giúp tôi đi những bước vững vàng. Tôi có cảm tưởng như mình là một đứa trẻ con đang tập tễnh bước những bước đi đầu đời. Bây giờ nhìn lại những bức hình này thấy mà tức cười hết chỗ nói... nào là mũ, là khăn, nào là gậy, lom khom lẫm lẫm trên sườn núi trông như một lão bà trong phim kiếm hiệp. Cứ thế tôi chống gậy leo trên những bậc thang đá trơn ướt và rất thận trọng trong từng bước đi. Thế mới biết *"ở nhà nhất mẹ nhì con, ra đường lẫm kè còn ròn hơn ta"*. Tôi như muốn chào thua vì

thấy hụt hơi và hai đầu gối mỏi rã rời. Thực ra tôi vốn là một người năng động, tập thể dục hàng ngày, vậy mà lúc này đây sao tôi lại trở nên đuối sức đến thế. Hóa ra, tuổi đời của tôi đâu còn trẻ nữa. Phải chấp nhận thôi. Rồi chợt nghĩ tới câu nói của Nguyễn Bá Học: *"Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông"*. Tôi tự an ủi: *"Chắc mình không thuộc vào hạng người ngại núi e sông?"* Cứ thế tôi vừa leo lên vừa hít vào thở ra liên tục. Một cặp vợ chồng trẻ người Nam Định mà chúng tôi gặp từ dưới chân núi, giờ đây đưa tôi chai nước suối và nói: *"Bác uống đi để lấy sức - gần tới Chùa Đồng rồi. - Đã lên được tới đây mà bỏ cuộc thì uổng quá"*. Lời khuyến khích của họ quả đã thúc đẩy tôi vượt qua được thử thách. Thế là tôi lại lần từng bậc từng bậc quanh co theo vách đá cao ngất ngưỡng để leo lên, leo lên.

Ôi, chùa Đồng đây rồi! Ngôi chùa nổi tiếng là linh thiêng đang uy nghi ngay trước mặt. Chỉ còn phải leo một đoạn dốc ngắn nữa là tôi đã đạt thành sở nguyện. Mừng quá! tôi sẽ được thấy tận mắt ngôi chùa được đúc bằng đồng. Tôi sẽ đứng trên đỉnh cao nhất của núi Yên Tử để tự hào là mình còn phong độ! Ôi, mới sung sướng làm sao! tôi thở phào khoan khoái. Thế là lần này chúng tôi được toại nguyện về điều mong ước của mình mà ba năm trước đây chúng tôi chưa thể thực hiện được. Leo lên được tới đây quả là một việc quá lớn đối với tôi, vậy có điều gì đã khiến tôi vượt qua mọi

gian nan như thế chứ, thực khó giải thích!

Giờ đây đứng trước ngôi tam bảo nghi ngút khói hương tôi cảm thấy lòng mình tràn dâng một niềm tôn kính khó tả. Tôi bỗng nhớ lại đã đọc những tài liệu tại chùa Trình cũng như được nghe qua lời thuật của khách hành hương mới thấy công trình tạo dựng ngôi chùa Đồng quả là một kỳ công tốn tiền tốn bạc biết nhường nào !.



Được biết ngôi Chùa Đồng khởi thủy chỉ là một cái Am nhỏ, đơn sơ có tên là Thiên Trúc Tự, tọa lạc trên đỉnh non thiêng Yên Tử ở độ cao hơn 1,000m so với mặt nước biển. Nơi đây Tam Tổ Trúc Lâm và các thiền sư thường ngồi thiền để "*Thân hòa đồng trụ, giới hòa đồng tu*". Về sau này, vào thời điểm tái trùng tu, bằng nỗ lực của hàng trăm thợ đúc đồng chuyên môn được tuyển chọn từ tỉnh Nam Định đã phải làm việc vất vả ròng rã hơn một năm trời, dưới cái nóng như thiêu như đốt của những tháng hè, cũng như dưới những trận cuồng phong bão táp, mưa đá, sấm sét đầy trời để biến khoảng đất nhỏ cỡ 2m² thành một diện tích rộng đến 19m² dùng làm nền móng hầu hoàn thành ngôi chùa như ngày

hôm nay. Họ phải đúc từng chi tiết rời ngay tại chân núi Yên Tử. Mọi vật liệu để trùng tu ngôi chùa hầu như đều được vận chuyển theo đường đá dốc hoặc qua hệ thống ròng rọc tự chế dẫn lên đỉnh núi vì hệ thống cáp treo ngày ấy không thể chuyển tải các vật liệu lớn. Vào ngày khởi công, Phật tử từ mọi miền đất nước tề tựu về đây, tụng kinh niệm Phật và đóng góp tịnh tài, cúng đồ trang sức bằng vàng bạc vào các vạc nấu đồng nóng chảy với tâm thành là đóng góp công đức vào việc đúc chùa, đúc tượng. Chùa Đồng được tái khánh thành ngày 12 tháng 12 năm 2007. Kết quả là Chùa được đúc lại bằng đồng nguyên chất, nặng trên 70 tấn, chiều dài 4,6m, chiều rộng 3,6m, chiều cao 3,35m. Cho đến thời điểm này, có thể đây là ngôi chùa được đúc bằng đồng lớn nhất trên thế giới. Chùa được kiến trúc theo truyền thống của chùa Việt Nam với hệ thống các kệ, mái, đầu đao được trang trí tinh xảo. Bệ nền chùa được bọc đồng, đúc hoa văn. Bên trong chùa có hương án bằng đá chạm trổ hoa tiết rất tinh tế. Trong chùa thờ tôn tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Tam Tổ Trúc Lâm. Tuy gọi là chùa, nhưng vì diện tích khiêm nhường giống như chùa Một Cột ở Hà Nội nên Phật tử chỉ có thể đứng ở phía trước chiêm bái, lễ lạy chứ không thể bước vào bảo điện được. Ngày nay, du khách muôn phương về chùa Yên Tử, ai cũng mong được lên đỉnh núi cao thấp hương và chiêm ngưỡng ngôi chùa thiêng liêng có một không hai này.

Nói về tín ngưỡng dân gian, người ta không thể phủ nhận sự linh thiêng của ngôi chùa Đồng mà mình chứng đã cho thấy mặc

dù đường rừng dốc dốc, trơn tuột, lởm chởm rất nguy hiểm vậy mà chưa từng có tai nạn nào gây chết chóc cho ai bao giờ, và cũng chưa có ai bị sét đánh khi gặp trời mưa sấm sét ở trên đỉnh cao như thế mới lạ. Phật Tử còn có nhiều niềm tin khó mà lý giải về vùng đất Yên Tử trụ nhiều khí thiêng với những cây tùng bách, cây bách có hàng 700 năm tuổi đã dung nạp được lượng khí thiêng lớn lao, do đó người đau yếu thường tìm về đây để chữa bệnh bằng cách ôm lấy thân cây "tùng cổ" để mong nhận được một phép nhiệm mầu nào đó từ thân cây truyền sang. Họ nói, sau khi được thụ khí từ những gốc tùng cổ, ai nấy đều cảm thấy thân thể được nhẹ nhàng, khoẻ khoắn... như bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ (?). Ngoài ra dân gian còn tin vào những loại lá cây ở rừng núi Yên Tử có thể lấy về làm thuốc Nam chữa trị khỏi nhiều bệnh tật (?).

Lúc này mưa rơi nặng hạt hơn. Rất đông du khách và bà con Phật tử hành hương đã lên đây từ lúc nào không biết, họ đang tìm nơi trú ẩn và chen chúc dưới mái chùa Đồng, vây kín chung quanh ngôi cổ tự nhỏ bé, xi xụp thắp nhang khẩn vái. Cũng như mọi người, đứng trước ngôi tam bảo trang nghiêm, tôi lâm râm khẩn lạy Phật Tổ Như Lai như để cảm tạ đấng thiêng liêng đã ban cho tôi một niềm tin, đã hộ trì cho tôi có đủ nghị lực để hoàn thành ước nguyện của mình. Trong khoảnh khắc nơi đỉnh thiêng Yên Tử, tôi cảm nhận được sự bình an trong tâm hồn!

Dù cho mưa vẫn rơi và mây mù đan kín cả một vùng rừng núi, nhưng từ đây chúng tôi vẫn có thể thấy được cảnh sắc tuyệt vời của non thiêng Yên Tử trải dài dưới thung

lũng xa xa, trông thật thần thoại, thật quyến rũ khiến tôi liên tưởng tới những bức tranh Tầu có các cô tiên nữ đang nhảy múa trên mây từng mây. Người ta nói gặp được ngày nắng ráo, chúng ta có thể nhìn bao quát cả vùng Đông Bắc rộng lớn cùng những hòn đảo nhỏ thấp thoáng trong Vịnh Hạ Long. Loanh quanh ở đỉnh núi có đến gần cả giờ đồng hồ, mà trời chẳng có một chút nắng nào. Ông xã tôi có vẻ không được hài lòng vì đã ao ước sẽ chụp những bức hình độc đáo của chùa Đồng, nào dè thời tiết như vậy biết làm sao hơn là phải nhờ mấy chú chụp hình dạo theo sát chúng tôi mời mọc nãy giờ để họ chụp cho mình vài tấm làm kỷ niệm. Theo chân du khách, chúng tôi ghé vào mấy Gift Shop nhỏ dựng bên góc chùa để tìm mua ít quà làm lưu niệm cho con cháu trước khi rời nơi đây.

Huyền thoại về Non Thiêng Yên Tử không hẳn chỉ có thế, nhưng theo chương trình đã định, chúng tôi không thể nán lại lâu trên đỉnh cao này được vì phải lần bước qua hai tuyến Cáp treo xuống núi để về kịp chuyển phà chiều đi Hải Phòng. Từng bậc, từng bậc... tôi từ từ bước xuống. Ngoái trông về phía đỉnh non cao, ngôi chùa Đồng dần khuất sau làn mây trắng mỏng mỏng bồng bồng. Từ xa, tiếng mõ lời kinh vẫn còn dìu dặt vọng theo như để lại trong tôi một ước nguyện viên thành, cũng như đã ghi khắc trong tôi lời dạy của người xưa...

*"Trăm năm tích đức tu hành
Chưa vẽ Yên Tử chưa thành quả Tu"*

Ỡ Nguyễn
Maryland, June 2014

NỖI NHỚ THU XƯA

Đêm Thu sầu gió nỉ non lành lạnh
Đưa hồn vào nỗi nhớ cũ xa xăm
Ngoài hiên kia lá rơi khóc lìa cành
Chênh chênh buồn vàng trăng sông rĩ bóng

Biển hoài Thu rồi bạc phơ đầu sóng
Vương tương tư nên khắc khoải mong chờ
Nhớ Thu xưa biển xao xuyên ngẩn ngơ
Thầm mộng寐 theo sóng ngời ánh bạc

Rong rêu tìm Thu, lang thang phiêu bạt
Gọi tên hoài phiến đá cũng vẫn tro
Trong lặng câm phố núi chợt thẫn thờ
Thầm nhung nhớ một mùa Thu xa vắng

Thuyền Bến nhớ Thu, chơi vơi sầu đắng
Trách mây kia sao phủ kéo giăng đầy
Để mưa hờn ray rút suốt đêm nay
Thuyền không bến gọi Thu sầu ngược nước

Tình hoài vọng bao Thu xây mộng ước
Vần ngả nghiêng hòa nét chữ đong đưa
Thu nhớ người hay người nhớ Thu xưa
Nay xa vắng đếm sao khuya thỏn thức..

Uyên Phương Minh Nguyệt



TỰ NHIÊN

Dưng bỗng tự nhiên và ai đến
Như mưa rơi mát hạt chân tình
Như mây đổ nắng về ôm gió
Để tự nhiên ai chạm tim mình.

Và tình yêu tự nhiên như thể
Đến nhẹ nhàng tự thưở khai sinh
Khẽ giấc mơ đêm về khép mở
Thấy nghìn năm ai đã đợi mình.

Ý Anh

THU HOÀI CẢM

Thu về giăng sợi tơ vương
Dấu xưa hoài niệm sầu thương cung đàn
Gió thu ru chiếc lá vàng
Nắng chiều hiu hắt phai tàn ước mơ
Về đâu áo trắng ngây thơ
Tà bay góc phố già vờ chưa quen
Tan trường anh khẽ gọi tên
Bỗng nhiên cuống quýt bỏ quên thư tình
Theo sau anh nhật tám hình
Như quà lưu niệm chúng mình trao riêng
Bao thu xa vắng bên hiên
Mưa giăng nỗi nhớ treo nghiêng bóng đời
Còn ai thao thức phương trời
Đêm thâu dệt mộng xa vời hương yêu.

ĐT Minh Giang

TỨ PHƯƠNG HỌP MẶT SAN JOSE

Tôn Nữ Mặc Giao

“Tứ Phương” ở đây không có nghĩa là bốn phương trời đất, mà là bốn cô học trò của ban Việt Nhi lò Nguyễn Đức ngày xưa. Gọi tứ Phương cho oai chứ thật ra chỉ có tam Phương là có danh mà thôi! Tại có sự góp mặt của tác giả (Phương Tào Lao) cho nên gọi tứ Phương cho nó rậm đám. Đó là ba ca sĩ họ “Phương” trước 75 của ban Việt Nhi lò Nguyễn Đức, sau khi mất nước thầy trò tan đàn rã nghé. Vận nước đổi xoay chiều đã đẩy xô mọi người trôi dạt khắp bốn phương trời, kể Đông người Tây, kể Bắc người Nam, khắp thế giới chỗ nào cũng có người Việt. Phần buồn vì mất nước, nhớ nhà nhớ quê hương. Phần lo học hỏi lo ổn định cuộc sống mới nơi xứ người, cố gắng mau chóng hội nhập với xã hội để tự nuôi sống bản thân mình và lo cho gia đình. Ai cũng có trách nhiệm đè nặng trên vai, chẳng ai có thì giờ đi thăm viếng hoặc hỏi han nhau. Thoắt một cái đã ba bốn chục năm trôi qua, giờ thì ai cũng tóc đã điểm sương và “dấu ấn thời gian” không tránh khỏi ít nhiều trên những khuôn mặt của các “cô bé” ngày xưa chỉ biết đùa giỡn ca hát chưa hề biết lo âu buồn phiền. Thật đúng là:

Em 15 đáng nhỏ vai gầy

Em 16 trắng tròn thơ ngây

Mắt trong xanh chưa vương bụi trần

Mặc cuộc đời gió thổi mây bay...



Ôi những ngày xưa ấy tưởng không bao giờ tìm lại được, thế mà cuối tuần vừa qua (27 tháng 6/2014) chúng tôi lại có một dịp gặp nhau tại Bò 7 món Ánh Hồng trong khu Lion San Jose để mà ôn lại những kỷ niệm xưa và cười như nắc nẻ, vui không thể tả. Trước 75 không ai mà không biết ca sĩ Phương Hoài Tâm và Phương Hồng Hạnh, thật ra còn một ca sĩ nữa, đó là Phương Bích Hằng. Bộ ba này, nhạc sĩ Nguyễn Đức “tung ra” ra một lượt vào khoảng giữa thập niên 60. PHTâm và PHHạnh nổi như cồn, chỉ riêng ca sĩ PBHằng vì phụ thân chị mất đúng vào thời điểm đó, chị buồn và xuống tinh thần nên quyết định nghỉ hát luôn. Từ đó chỉ còn hai ca sĩ PHTâm và PHHạnh mà thôi! Các ca sĩ xuất thân từ lò Nguyễn Đức sau này đều mang họ Phương từ đó.



Phuong Hoài Tâm

Ở đây Xí Muội (XM) chỉ muốn nói đến ba ca sĩ họ Phuong thời thập niên 60 mà thôi! Ba ca sĩ họ Phuong này ai cũng đẹp cả, “mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”, giọng ca thì chẳng ai thua ai, mỗi người một giọng, chỉ tiếc cho chị Hằng bỏ nghề quá sớm. Sau cuộc đời đời và khi đã ổn định đời sống nơi xứ người rồi, ca sĩ PHTâm thời gian đầu thỉnh thoảng còn thấy hát lai rai, sau này chị học Cosmetic và mở business là rút lui luôn vào bóng tối. Ca sĩ PHHạnh yên bề gia thất (từ VN) với đảng phu quân bánh bao là một công chức cao cấp của chính phủ VNCH ngày xưa nên ra khỏi nước từ những ngày đầu đầu sôi lửa bỏng năm 75 và định cư tại Wiscousin. Họ cùng nhau hợp tác sản xuất búp bê biết nói (5 đứa) nên phải ở nhà “chăn vịt” (nuôi con) và chỉ hát độc quyền cho ông xã nghe mà thôi! Ca sĩ PBHàng như đã nói ở trên, không muốn theo nghiệp cầm ca nữa nên về làm áp trại phu nhân của chàng Hải Quân Đại Úy hào hoa, cao ráo đẹp trai, năm 75 chàng lái tàu đưa nàng về dinh USA ngon lành. PHTâm và PBHàng với XM đây định cư ở San

Jose, tuy cùng một tỉnh nhưng cũng ngàn năm một thuở nếu có dịp mới gặp nhau một lần, còn thì thỉnh thoảng nói chuyện qua phon hoặc email thế thôi!

“Ca sĩ” Phuong Tào Lao (là XM đó!) chỉ học “anh Hai” Nguyễn Đức đầu một hai năm gì đó rồi nghỉ luôn, nhưng đúng vào thời điểm của bộ ba Tam Phuong nên XM mới quen biết. Hình như XM có kể rõ trong lần tường thuật chuyên đi thăm thầy Nguyễn Đức ở Canada do Phuong Hồng Quê tổ chức năm 2007 rồi nên không muốn nhắc lại nữa! Ở cái xứ Mỹ này, tuy cùng một tỉnh mà nói đến chuyện gọi phon hẹn gặp nhau “nói chuyện chơi” coi bộ cũng khó, nói chi người đầu sông kẻ cuối sông. Cho nên ca sĩ PHHạnh từ khi sang Mỹ định cư ở Wiscousin rút êm vào trong bóng tối thoảng một cái đã 39 năm, không hiểu tuần vừa rồi cao hứng thế nào, cả hai vợ chồng làm một chuyên đến Santa Ana vài ngày rồi mới đến San Jose. Ở Santa Ana có Phuong Hồng Quê, vợ chồng chị Hoàng Oanh và Thanh Lan tiếp rước vợ chồng PHHạnh. Mấy chị em quây quần xum họp vui vẻ, cùng nhau đi chơi chỗ này đi ăn chỗ nọ không đủ ngày giờ luôn. Chị Hoàng Oanh cứ ôm lấy PHHạnh nói:

- Lâu lắm mới gặp lại Hạnh, để chị ôm lâu lâu một chút, không biết đến bao giờ mới gặp lại nhau nữa đây!

Chơi ở Santa Ana vài ngày, PHhạnh và phụ quân sẽ đến San Jose là trạm chót để thăm bạn bè vài ngày nữa, sau đó là bay thẳng về Wiscousin luôn. Nhìn lại thấy Santa Ana thua San Jose rồi chị Hạnh há! Ở đó chỉ có “hai Phuong” hà, trong khi San Jose mình có những “tứ Phuong” oai không thể tả.

Cuối tuần qua chúng tôi họp nhau ở Bò bảy món Anh Hồng, 39 năm mới gặp lại nhau, “hai Phương” ôm nhau thăm thiết (Tâm và Hạnh). Thoạt đầu chị Tâm không nhận ra chị Hằng, nhưng khi nhìn nụ cười có cái má lúm đồng tiền trên khoé miệng của chị Hằng, chị Tâm mới nhận ra đó là Phương thứ ba đồng môn của mình ngày xưa (thế đây! Ở gần nhau mà dễ thường có đến 20 năm rồi hai Phương mới gặp lại (PHTâm và PBHằng) cho nên mới không nhìn ra nhau. Còn “ngộ” đây thì đã gặp PHHạnh mấy bữa trước rồi và làm liên lạc viên cho bộ ba tam Phương này nên không tính. Mới đầu tưởng các ông xã cùng tham dự cho vui trừ ông xã chị Tâm đã mất, nào ngờ giờ cuối anh Nguyễn chồng PBHằng và người “yêu quâu” (ông xã XM) bận chuyện bất ngờ nên không có mặt. Tội nghiệp anh Tâm (chồng PHHạnh) trở thành guom lạc giữa rừng hoa, nhưng anh đâu có giận, vẫn hòa đồng nói chuyện rất hoạt bát vui vẻ nô như bập rang.

Có một chuyện vui về anh Hai mà chị Tâm đã kể trong cuốn Video thăm thầy ở Canada gởi cho PHHạnh năm 2007 (vì PHHạnh không có mặt trong dịp đó) không ngờ PHHạnh còn nhớ và nhắc lại:

- Tui tưởng chuyện anh Hai “xì trum” chỉ mình tui còn nhớ, không ngờ chị Tâm cũng nhớ mà kể ra. Cứ mỗi lần anh Hai ra đầu “hai, ba...” để tui mình bắt giọng là anh Hai lại lỡ xì trum một cái “tun” làm tui mình không nhịn được cười làm sao mà hát. Mà anh Hai lỡ tới hai ba lần, cứ hể “hai, ba...” là anh Hai lại làm “tẹt...tẹt...” tui mình

càng cười anh Hai càng giận, nghĩ lại hồi đó vui dễ sợ.



Phương Bích Hằng

Chuyện vui này, chị Tâm đã kể ra trước mặt anh Hai năm 2007 và còn thâu luôn video mà anh Hai còn không la, thì em viết lại nhằm nhò gì anh Hai há! Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò mà anh Hai. “Xì trum” là chuyện bình thường, ai mà không “tun” thì bụng truong bụng phình”. Ở Santa Ana không ai hay biết chuyện PHHạnh “xuống núi”, nhưng ở San Jose này có nhà “dzăng ba te” nhiều chuyện là XM đây, cho nên XM viết lung tung để may ra PHHạnh chịu hát lại, gần 40 năm rồi chưa được nghe lại giọng hát của chị. Nói thật XM rất mong, hay nói đúng hơn là muốn yêu cầu TT Asia làm sống lại bộ ba “tam Phương” ngày xưa. Chị PBHằng thôi thì không nói làm gì, vì chị hát ít quá nên không ai biết tiếng. Còn PHTâm và PHHạnh nói về dung nhan và thân hình thì vẫn oke. PHHạnh vẫn xinh, vẫn dịu dàng mình hạc sương mai, không thay đổi mấy. Nhưng PHTâm thì thay đổi nhiều, bây giờ mà TT Asia mời lại chị sẽ hết hồn luôn, khuôn mặt chị vẫn đẹp như xưa. Nhưng thân hình gì mà nhẹ tênh, gầy quá

chùng luôn! Chưa tới 100 bl cho nên mặc áo dài hết xây, không làm được tam Phương thì ta làm tứ Phương. PHTâm, PHHạnh, PHQuế và PHNgọc cũng được vậy! Nhất là PHHạnh, bỏ qua một giọng hát chuyên trị nhạc tiền chiến thiệt là uông.



Phương Hồng Hạnh

Trước khi chia tay, chúng tôi chụp một lô hình lưu niệm, thoát đâu XM chỉ chụp cho bộ ba tam Phương mà thôi! Sau PHHạnh kéo XM vào nói “tứ Phương luôn” làm XM cảm động và nhớ tới chị Hoàng Oanh trong buổi văn nghệ thăm thầy ở Toronto quá chùng luôn. Chị Hoàng Oanh là một ca sĩ đàn chị của ban Việt Nhi rất dễ mến, có lòng tốt và luôn lưu tâm tới đàn em. Chị thấy XM chẳng có “danh gì với núi sông” sợ XM tủi nên kéo XM hát chung bài Trường Làng Tôi với bộ tứ: Hoàng Oanh, Kim Loan, một đàn em tên Ô Mai và XM. Thật ra XM hiểu lòng tốt của chị Hoàng oanh, chị thương nên kéo XM hát chung để cho có mặt trong video chứ XM có phải ca sĩ đâu mà dám lên sân khấu. Nghĩ lại XM thấy sao hôm đó XM gan cùng mình, khi coi Video anh Hai la XM:

- Cái con nhỏ này mà hát mà cái miệng cũng không dám mở ra nữa!

Thật ra đâu phải XM không dám mở miệng, tới đoạn điệp khúc là để hai chị Hoàng Oanh và Kim Loan solo, cho nên XM mới hạ micro xuống. Nhưng con nhỏ Ô Mai nó cứ khi thì ngừng khi thì hát theo làm XM không biết phải làm sao nên cứ mở miệng hát cầm chừng mà thôi! Xin cảm ơn lòng tốt của chị Hoàng Oanh đã cố lòng “nâng đỡ” một đàn em vô danh tiêu tốt để em cũng có góp mặt chút xíu trong cuốn video thăm thầy ở Canada. Mong có một dịp nào đó sẽ được gặp lại chị trong đại gia đình Nguyễn Đức để em được sống lại kỷ niệm những ngày còn thơ. Cũng xin cảm ơn chị PHTâm đã ghép hình em vào hình bìa của cuốn Video thăm thầy khi tặng em, điều đó nói lên lúc nào chị cũng coi em là một phần tử trong gia đình Việt Nhi. Cũng như anh Hai đã nói: “Tuy em chưa thành tài, nhưng lúc nào anh Hai cũng coi em là học trò của anh Hai hết”. Xin cảm ơn hết tất cả mọi người đã rất thân thiện khi hợp mặt để XM không bị ngỡ ngàng và xa lạ...



Tôn Nữ Mặc Giao

CÂY MÙA THU VỚI NGƯỜI

Cây đã sống qua mùa đông rét mướt
Hứng tuyết sương nuôi cành mới đâm chồi
Trong âm thầm nắn nót nụ hoa tươi
Chờ dâng hiến cho đời bao sắc thắm

Cây đã sống qua mùa xuân êm ấm
Đón nắng hồng tô màu lá thêm xanh
Đón gió đưa nhẹ nhẹ lá ru cành
Cành với lá nâng niu chùm hoa nở

Cây đã sống qua mùa hè nắng đỏ
Chờ hạ vàng trên thân nám da khô
Vẫn hoài mong cho trái chín ai chờ
Trái ngọt mát dù thân cây cần cỗi

Cây đã sống qua mấy mùa thay đổi
Xuân có vui và Đông có lạnh lùng
Giữa hạ nồng cây có khát hay không?
Khi đã vất cho đời bao giọt nước

Cây có mỏi, nên khi hè vừa bước
Thu vội về để nhận lá vàng rơi
Thu ru cây ngủ giấc chết bên đời
Tim nhựa sống mong ngày hồi sinh mới

Người nhìn cây có bao giờ tự hỏi
Cây với người ai gian khổ hơn ai?
Lá trên cây còn có những lần thay
Người tron kiếp được mấy lần ngơi nghỉ

Nếu người được mùa thu ru giấc ngủ
Rũ nhọc nhằn năm tháng bám trên vai
Người sẽ đi không ngại quãng đường dài
Để làm lại những gì còn dở vỡ.

HUYỀN MAI HOA

AUTUMN TREES AND HUMANS

Trees have passed through the cold winter,
To nourish budding branches, receiving mist and snow.
In silence they create fresh flowers
To offer life so many beautiful colors to glow.

Trees have experienced the warm spring,
Welcoming rosy sunlight greener leaves to render,
Hosting the wind to softly lull the boughs
As twigs and blades cosset the blooms' splendor.

Trees have subsisted through the sand season,
Bearing summer on trunks tanned and barks dry,
Still waiting for ripe fruits so long longed for,
The fresh sweet produce, being stunted to defy.

Trees have survived so many changing periods,
Feeling merry in spring and numbed in cold.
Do trees suffer thirst in sultry summer
After dripping for life so many drops of water gold?

Do trees sense fatigue so when summer just left
Autumn hurries back to accept falling yellow leaves?
Autumn lulls trees to a deadly sleep on the sidelines,
Awaited resuscitation, to seek for sap that achieves.

Have humans, looking at trees, ever wondered:
Trees or humans are to endure more displeasure?
Leaves on trees can be changed many times;
How many times may humans all life rest at leisure?

If humans were lulled by autumn to sleep
To cast off their shoulders what has been downbeat,
They would advance up in spite of long distances
To perfect everything that is still incomplete.

Translation by **THANH-THANH**

TÔ CHÁO RẮN

(Nguyên bản Anh ngữ “The Bowl of Snake Soup” của LS. NGUYỄN HỮU HIỆU)

Nguyễn Hữu Hiệu làm luật sư tại Saigon và dân biểu Quốc Hội. Sau năm 1975 bị bắt giam tại các “trại cải tạo” từ 1975 đến 1985.

Sau khi ra trại tù, vượt biên. Có ở tại các trại tỵ nạn Thái Lan và Phi Luật Tân.

Đến Mỹ tháng giêng 1990. Học lại ở Mỹ từ đầu. Tốt nghiệp A.A. in Philosophy hạng danh dự tại Chaffey College (1993), B.A. in English Writing hạng ưu tại University of Redlands (1995).

Qua đời năm 2008 tại California (USA).

Tôi cảm thấy rất chóng mặt và mệt mỏi. Cái sân vuông vức của trại “học tập cải tạo” hôm nay hình như lại to hơn. Tôi tránh không nhìn vào chần song các cửa sổ ở hai dãy nhà tù. “Những cái chần song chết tiệt” tôi rửa thắm, chúng làm tôi quay cuồng như một con quay. Dựa trên một cây gậy chống để đi tôi cố gắng kéo lê đôi chân nhưng chúng chẳng còn đủ sức để lết nổi nữa.

“Nguyễn, bạn yếu quá vậy sao? Sao bạn không vào nằm trong trạm xá y tế?” Trương từ nhà đối diện chạy lại cầm tay tôi và hỏi một cách lo ngại.

“Đừng lo lắng gì, bạn ơi. Chỉ choáng váng thôi”, tôi mỉm cười và tiếp tục lết đi, nói chậm rãi: “Ngày hôm nay trạm xá y tế làm tổng vệ sinh. Hơn nữa thuốc men chẳng còn gì gần năm ngày nay rồi. Bác sỹ nói tôi trở lại phòng giam mà nghỉ ngơi.”

“Phải, tôi biết. Vào nằm nghỉ ở trong phòng bạn thì yên tĩnh hơn. Mọi người đều đi ra ngoài lao động suốt ngày. Thôi được,

hãy bám vào vai tôi, bạn Nguyễn, tôi dìu bạn tới đó.”

“Cám ơn bạn Trương rất nhiều. Tôi có thể tự đi đến đó với cây gậy này mà.” Tôi ngừng nói, thờ nặng nhọc, rồi nói đùa: “Bạn nên trở lại cái bếp của bạn đi nếu bạn không muốn nhận giấy để viết tờ kiểm điểm.”

Trong các trại học tập cải tạo thường thường chúng tôi tìm cách đùa rờn thật nhiều để quên đi thực trạng đời sống. Trương trẻ hơn tôi vài tuổi, là bạn đồng viên của tôi ở trong Quốc Hội miền Nam Việt Nam, và giờ đây anh ấy làm việc trong nhóm lao động tại nhà bếp trại.

Anh ấy rút tay ra khỏi nách tôi và nói rờn lại: “Bệnh thực sự của bạn chỉ là thiếu dinh dưỡng thôi. Tôi chắc rằng bạn chỉ cần có một tô cháo rắn, chỉ một tô thôi, là khỏi bệnh ngay đấy mà. Ăn xong là bạn có thể chạy được ngay đấy thôi. Tháng trước nhóm lao động làm việc ở lò gạch có bắt được một con rắn, cả ký thịt đấy! Tôi đã được dịp thưởng thức vài thìa cháo rắn rồi. Thật ngon tuyệt!” Anh ấy ngừng lại, nuốt nước miếng, rồi nói nhanh:

“Nhưng bây giờ chúng ta phải làm gì để kiếm ra rắn đây? Tôi luôn luôn trữ sẵn một ít đậu xanh để nấu cháo rắn đấy.”

“Ồ! Tôi qua tôi trông thấy một con rắn...”

“Ờ đâu vậy?” Trương ngắt lời tôi và hỏi một cách háo hức.

“Nằm mơ ấy mà”. Cả hai chúng tôi đều cùng phá ra cười.

“Cười là một liều thuốc bổ. Nghe bạn cười tôi thấy dễ chịu quá. Thôi được rồi, nên ngủ một chút đi, bạn Nguyễn ạ. Khi nhà bếp có cháo tôi sẽ mang cho bạn. Bây giờ cứ việc mà nằm mơ tiếp về chú rắn của bạn đi nhé!” anh ấy lại cười nữa. “Cố mà bắt cho được chú rắn đó mà đưa tôi để tôi nấu cháo ngon lành cho bạn ăn.”

Trương nhìn tôi một cách suy tư và nồng nhiệt trước khi đi. Với cây gậy chống

tôi tiếp tục lê đôi chân đi chậm chạp. Đầu óc tôi mãi suy tư về giấc mơ của mình.

“Nếu tôi giết được con rắn đó rồi, giả dụ như giấc mơ của tôi trở thành hiện thực, đã nấu nó, thì tô cháo rắn bây giờ đã xong xuôi và sẵn sàng cả rồi.

Đôi vẫn hoàn đôi. Nếu tôi chặt con rắn ra, một con rắn trắng, như Lưu Bang, người sáng lập ra nhà Hán trong nước Trung Hoa cổ xưa, rồi trở thành một ông Vua; vương quốc của tôi cũng sẽ tan biến đi khi tôi tỉnh giấc.” Tôi giật mình thức giấc. Tôi lập tức nhắm mắt lại. Mặt đất quay cuồng và rung động dữ dội. Tôi bật nói: “Không! Không! Tôi chẳng bao giờ muốn làm Vua cả; Tôi không muốn làm Lưu Bang; Tôi chẳng thể giết các bạn tôi và gây chiến với các lân bang như vị anh hùng này.”

Thời gian gần đây tôi cảm thấy cái gọi là “nhân quả” đã chi phối một cách chặt chẽ mọi hành động và ý chí của tôi. Tôi sẽ chết dễ dàng. “Ít nhất tôi đã làm một việc thiện. Tôi đã tha không giết con rắn trắng. Nhân quả sẽ thay đổi.” Tôi mỉm cười và nhớ lại rõ ràng giấc mơ của tôi tối hôm qua.

Tôi đang cuộc đất gần hàng rào ở cuối trại, một nơi hoang vu và xa xôi. Chỉ có mình tôi lao động tại đây. Một cái gì giống như một mẩu vải trắng lòng thông dưới hàng rào kẽm gai làm tôi chú ý. Tới gần để coi. Đó không phải là một mẩu vải mà là một da rắn vừa lột ra, mới tinh. “Chắc chắn là con rắn còn đang ắn núp quanh đâu đây, nó vừa mới lột da ra đây thôi!”

Tôi tự hỏi và giơ cao cây cuốc trong tư thế sẵn sàng đánh rắn, mắt thì liếc quanh để tìm con mồi. Tôi thấy ra ngay chú rắn trong một bụi cây ở cọc kẽm gai cuối hàng rào. Đó là một con rắn trắng, cuộn tròn lại như một vòng tròn màu bạc cỡ bằng cái nĩa. Tôi nhắm kỹ ngay đầu rắn để lấy cuốc đập nhưng bất chợt tôi nhìn thấy đôi mắt rắn. Đôi mắt bất động và u ám.

“Tại sao lại ngừng tay lại như thế? Tại sao lại không đập nữa?” Tôi như văng vẳng nghe thấy những lời này vọng về từ một nơi xa thẳm nhưng rất rõ ràng. Tôi bỏ cuốc xuống và nhìn lại con rắn. Toàn thân con rắn mang một màu trắng bạc, nhưng cặp mắt nó lại nâu sậm. Con rắn bất động như một xác chết ngoại trừ lưỡi nó thỉnh thoảng thè ra ngoài để thở, tuy nhiên không có dấu hiệu gì có thể cho là tiếng nói đó từ trong miệng đó phát ra.

“Bạn nghĩ gì thế? Bạn không thấy đôi à? Bạn không muốn một tô cháo rắn à?”

“Tôi đang đói muốn chết đây. Tôi muốn một tô cháo, bất cứ cháo gì cũng được. Nhưng tôi không thể giết con rắn này. Nó chẳng làm hại ai cả và lại chẳng có thể tự vệ được. Cặp mắt nó rất giống cặp mắt của những bạn bè tôi đã từng nhìn chúng tôi, những tên tù còn sống sót. Nhìn một lần chót trước khi chết trong các trại học tập cải tạo.”

“Bạn có biết khi chém một con bạch xà là điềm tốt báo hiệu có thể xưng Vương như trường hợp của Lưu Bang không? Đừng bỏ lỡ cái cơ hội quý báu vô giá này chứ.”

“Không, không”, tôi cương quyết trả lời cái tiếng nói vọng từ nơi xa thẳm đó, “Tôi chẳng tin vào cái điềm này. Giết một sinh vật vô tội có tri giác để khởi đầu cho một giấc mộng lớn, con người ta có thể dễ dàng tàn sát nhân dân mình khi nắm quyền!”

“Bạn không từng chứng kiến hoặc hay biết những trường hợp của những nhân vật lịch sử nổi danh trong chế độ Cộng Sản mới đây hay sao?”

Tôi mỉm cười. Nhờ ở tiếng “tù và” đi sẵn đột nhiên vang lên đã đánh thức tôi dậy kịp thời và như thế tránh khỏi phải bàn cãi về những bàn tay vấy máu nhân loại này.

Với chiếc gậy chống tôi lê đôi chân tê bại đi. Cuối cùng tôi cũng trở lại tới nơi của tôi. Tôi đứng dựa vào bức vách bằng tre để thở trước khi vào trong phòng. Chẳng có

một ai. Chẳng có tiếng động. Tôi đặt chiếc gậy xuống sàn tre và nằm xuống chỗ tôi. Tôi cảm thấy dễ chịu vô cùng với sự yên tĩnh này. Trong vài năm ở trại học tập cải tạo tôi đã luôn luôn ước muốn cái giây phút yên lặng này.

Tôi mở mắt để tận hưởng cái sự thích thú đó, nhưng những chấn song cửa sổ song song trước mắt tôi hình như đang quay cuồng một điệu luân vũ.

“Nếu có ai lấy cái chăn mà che những chấn song này đi thì thú vị quá”, tôi nghĩ thầm, nhưng tôi cũng dự biết rằng vào giờ này tất cả các bạn bè của tôi đang làm việc cực nhọc ngoài đồng.

Tôi thử xoay người. Nằm đè lên phía tay phải tôi thấy dễ chịu hơn. Tôi đếm hơi thở. Tôi tập du già (yoga) mỗi ngày. Hơi thở của tôi dần dần trở nên dài hơn và nhẹ hơn.

Thình lình tôi nghe thấy một tiếng huýt gió nhẹ. Tôi lắng nghe, lại thêm tiếng nữa, tiếng động rất nhẹ này. Có thể có người đang đi vào phòng tôi. Tôi sẽ nhờ và những cái chấn song chết tiệt kia sẽ bị che phủ đi. Tôi sẽ lại nằm ngửa ra và hưởng cái sự yên tĩnh hiếm hoi này. Thật là hy vọng biết mấy! Tôi nghĩ thế.

Tiếng huýt gió bây giờ có vẻ tới gần hơn. Tôi nghe thấy rõ hơn. Thật là lạ. Đó không phải là tiếng người. Đó là tiếng rít. Tôi liếc nhìn về phía phát ra tiếng rít đó. Tôi hoảng kinh. Cả người tôi bỗng mềm nhũn như một bị bông. Mồ hôi đọng lại trên trán tôi. Mồ hôi thào ra ngoài châu thân. Trước mặt tôi, cách khoảng hai thước rưỡi tây là một con rắn lớn đang nhìn trừng trừng vào tôi.

Tôi muốn kêu cứu nhưng tôi chẳng còn đủ sức để làm chuyện đó nữa. Tôi nhận ngay ra rằng dù có kêu cứu cũng vô ích, chẳng có ai nghe được tiếng kêu này.

Con rắn vẫn ngừng bò trên đường đi của nó và nhìn chăm chú vào tôi. Thình thoảng

lưỡi nó, một cái lưỡi màu đỏ và đen, thè ra thụt vào như đe dọa. Tôi liếc nhìn quanh thử tìm một đồ vật chi để tự vệ. Chỉ có cái sàn tre trụi. Chẳng có gì có thể dùng làm vũ khí để chống cự được. Tôi hối hận đã không giữ cây gậy chống dưới gầm giường.

Tôi chợt nhớ đến cái hộp đựng nước (cái hộp sữa bột Guigoz quen thuộc trong các trại học tập cải tạo) mà tôi để ở đầu giường. Tôi thu hết tàn lực để vớ lấy nó. Tay phải tôi đã vớ tới hộp, sờ được vào hộp, nhưng chẳng còn một chút sức lực nào nữa. Tôi đã thử nhiều lần để nhấc cái hộp đựng nước lên thử thể nhưng tôi không làm nổi. Tôi biết rồi. Tôi lâm vào một tình trạng hoàn toàn vô vọng.

Tôi nằm bất động quay nghiêng về phía bên phải và nhìn vào con rắn.

Bây giờ con rắn chỉ còn cách tôi một thước. Thân nó rất đen và bóng láng. Nó dài cỡ hai thước tây. Đầu nó hình tam giác. Rắn loại này rất độc. Cặp mắt nó lạnh như thép. Cái lưỡi màu đỏ và đen đầy nọc độc thò ra thụt vào.

“Hãy giết tao đi! Hãy giết tao đi hắc xì! Đã bao năm tù trong những trại học tập cải tạo tao chán ngấy cái cảnh nửa sống nửa chết này rồi. Tao biết mày thù ghét con người. Loài người thì độc ác, xảo quyệt và hay ăn sống nuốt tươi. Chỉ có nhân loại mới có hiện tượng những kẻ độc ác hành hạ người lương thiện...” tôi nói như đang trong một giấc mơ. Tôi muốn nói thêm nữa nhưng chẳng còn sức mà thốt lời ra được.

Con rắn đen hình như điếc. Nó lặng yên một cách lãnh đạm. Một sự yên lặng tràn ngập căn phòng và trong khắp không gian.

Thật quả là một sự lặng gió trước khi bùng ra bão tố. Cả người và rắn đều nhìn nhau bất động. Tôi chẳng còn nghe thấy tiếng gì khác ngoài tiếng mạch đập trong thái dương tôi. Tôi chẳng còn nhìn thấy gì khác ngoài cái ánh sáng lạnh như thép loé ra từ cặp mắt

chết chóc của rắn. Thời gian hình như bắt tận... Nhưng số mệnh là số mệnh.

Sau khi ngừng lại và nhìn trừng trừng vào con mồi bất động của nó, con rắn đen huýt gió, rít lên một âm thanh tang tóc kéo dài rồi tiếp tục bò tới.

Một lần nữa tôi lại hoảng kinh lên. Tôi vội nhắm mắt lại. Tôi cảm thấy toàn thân như hệt hững, như bị rơi vào một nơi trống rỗng. Tất cả đều trống rỗng và tối đen, rồi tôi quên tất cả.

Tôi không biết tôi đã ngất đi bao lâu nữa. Khi tôi mở mắt ra tôi đã thấy anh ấy ngồi ngay cạnh tay tôi, và tôi nghe thấy tiếng anh ấy kêu tôi một cách lo lắng:

“Nguyễn! Nguyễn! Tỉnh lại đi Nguyễn! Tỉnh lại đi!”

Tôi mở to mắt, liếc nhìn xung quanh, nhưng không nhận ra được gì cả.

“Đây là nơi nào thế? Anh là ai? Anh nói gì vậy? Tôi còn sống không?” tôi hỏi anh ta liên tiếp như thế.

“Đừng nói rồn chứ ông bạn”, anh ấy cười, nhấn mạnh: “Đây là trại học tập cải tạo Thanh Phong. Tôi là Trương, bạn anh đây. Bạn và tôi cùng đang sống trong trại này nhận ra tôi chưa? Bạn ra mồ hôi nhiều quá.”

“Anh thật tử tế với tôi quá anh Trương ạ”, tôi cười. Tôi đã nhận ra anh ấy. Rồi tôi thở một hơi thật dài và ngồi dậy.

Trương đưa một tô cháo lớn cho tôi thân mật nói: “Đây là tô cháo mà chúng ta mong ước. Sau khi ăn xong bạn có thể chạy được ngay. Tôi bảo đảm vậy đó.”

Tôi cảm thấy vui vẻ với lời của bạn tôi. Tôi cảm thấy rất dễ chịu. Sức khoẻ tôi hình như bình phục lại nhiều. Bây giờ tôi hoàn toàn tỉnh trí lại. Tôi nhìn bạn tôi với vẻ cảm ơn và hai tay bưng lấy tô cháo lớn.

“Ồ! Cháo ngon quá!” Tôi cười hỏi một cách sung sướng: “Làm sao anh có được tô cháo này vậy?”

Trương, hình như chỉ chờ hỏi có thể, trả lời một cách hăng hái và kiêu hãnh: “Khi tôi lấy đũa gắp để gắp đôi thừng nước tôi trông thấy một con rắn đen lớn, dài đến hai thước, bò ngang qua sân bếp.” Anh ta phá ra cười, nói: “Con rắn hình như muốn dâng hiến cuộc đời cho chúng ta vậy. Nó bò rất chậm. Chỉ cần đập một cú là tôi đã giã ngay đầu nó. Nghĩ đến bạn tôi vội nấu tô cháo này. Đậu xanh và thịt rắn thật là hợp với nhau nhất là về phương diện dinh dưỡng. Anh nên ăn ngay bây giờ đi. Cháo hãy còn nóng đó.”

Tôi tự nhiên cúi đầu và nhắm nghiền mắt lại. Tôi tránh né chẳng muốn nhìn gì. Tôi phải thú nhận, tôi muốn ăn cháo để cho bạn tôi vui lòng, nhưng tôi quên thế nào được con rắn đen. Con rắn đen đã tha mạng cho tôi rồi nó còn bò rất chậm chạp như muốn hy sinh thân nó trong bàn tay của Trương để cung cấp cho tôi một tô cháo đầy dinh dưỡng hầu cứu mạng tôi.

Tôi mở mắt ra và không cảm được tiếng thở dài. Tôi nhìn Trương và đưa lại cho anh ta tô cháo.

“Đây chẳng phải là một điều bí mật gì, anh Trương ạ. Đây quả thật là một sự thực diệu kỳ. Cuộc đời này không vô nghĩa lý đâu.”

Trong tận cùng tâm khảm tôi cảm thấy dễ chịu. Thật sự thoải mái. Tôi nhìn vào cặp mắt mở lớn của bạn tôi, mỉm cười rồi tiếp tục nói: “Để tôi thay quần áo, bộ đồ này ướt đẫm mồ hôi rồi, tôi sẽ kể cho anh nghe về chuyện con rắn đen.”

Tôi đứng dậy và chẳng cần nhờ đến cây gậy để đi nữa, tôi bước vững vàng về phía mấy cái kệ để quần áo ở cuối căn phòng rộng trước cặp mắt ngạc nhiên của bạn tôi, anh thích thú bưng tô cháo rắn còn đang bốc khói.

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(chuyển ngữ)

THU THÁNG CHÍN

Em chờ đợi trong đêm mưa tầm tã
Anh ở đâu rồi...! Nắng trở về Tây!
Tiếng chim hót, nhạc cung nghe mới lạ
Rớt vào lòng nhịp điệu gió lùa mây.

Trong ngày tháng, sống cô đơn em đợi
Một chút gì qua sưởi ấm làn môi!
Trời se lạnh khiến tâm tư mồn mõi
Dòng thời gian sao chưa nổi tính đời?

Thu tháng chín trời mưa đen buồn khóc
Lá vàng rụng bay theo từng cơn lốc
Mưa, mưa hoài dâng nước mắt mùa Thu
Gió thổi dài đưa tiễn bước phiêu du.

Thấp thoáng Thu qua tràn đầy lối nhỏ
Ướt đầy cây rừng lá chết ngủ mơ
Ôm nỗi khổ đấn đo cùng nỗi nhớ
Anh còn xa... Còn ai để đợi chờ?

Hoàng Bạch Mai



«CHIẾC CẶP DA»

CỦA PIERRE GAMARRA

Pierre Gamarra, sinh tại Toulouse ngày 10-07-1919, mất tại Argenteuil ngày 20-05-2009. Ông là một nhà văn, phê bình gia, tiểu thuyết gia, thi sĩ, ký giả và trước tiên là một nhà giáo. Ông nhận được nhiều giải thưởng văn học và cũng được biết đến nhiều qua những tác phẩm dành riêng cho thanh thiếu niên. Các bài tiểu luận, kịch, truyện kể, thơ... thường được giảng dạy cho học sinh ở các trường học.

Mon Cartable (Chiếc Cặp Da) là bài thơ nổi tiếng của ông. Đa số học sinh tuổi nhỏ, bắt đầu cắp sách đến trường, biết đọc, biết viết, đều được biết đến và yêu thích.

Mùa thu cũng là mùa tựu trường, hiển nhiên không thể quên, trong chiếc cặp da ấy dành riêng cho tuổi thơ, chất chứa rất nhiều thứ, có lẽ cũng một phần nào còn là kỷ niệm của người lớn. Nhưng tại sao ở câu cuối bài thơ lại lúng lờ làm như không có đoạn kết? Phải chăng theo ý ông, trong muôn vàn kỷ niệm chồng chất của một đời người, chỉ có một thứ đáng yêu quý nhất không bao giờ có thể mờ phai. Đó là hoa hồng dành cho mẹ và kẹo sô-cô-la dành cho bố.

MON CARTABLE

Mon cartable a mille odeurs,
Mon cartable sent la pomme
Le livre, l'encre et la gomme
Et les crayons de couleurs.

Mon cartable sent l'orange,
Le bison et le nougat,
Il sent tout ce que l'on mange
Et ce qu'on ne mange pas.

La figue, la mandarine
Le papier d'argent ou d'or
Et la coquille marine
Les bateaux sortant du port

Les cow-boys et les noisettes,
La craie et le caramel
Les confettis de la fête
Les billes remplis de ciel

Les longs cheveux de ma mère
Et les joues de mon papa
Les matins dans la lumière
La rose et le chocolat.

Pierre Gamarra
(1919-2009)

CHIẾC CẶP DA

Cặp tôi có cả nghìn mùi
Mùi táo, mùi vở, mực, rồi cục gôm.
Những cây viết chì màu thơm.
Cặp tôi cũng ngửi ngọt lừm mùi cam.
Bò rừng, kẹo sữa, thấy ham
Thứ ăn được, thứ không làm gì ăn.
Trái vả, trái quít, giấy vàng,
Giấy bạc, vở ốc lại càng mê ly
Tàu rời khỏi bến chớ gì
Cao bồi, hạt dẻ, phấn ghi, kẹo màu.
Nụ hoa giấy của hôm nào
Những hòn bi nhuộm thắm màu trời xanh
Tóc dài của mẹ rành rành
Và gò má bố sáng in ánh đèn
Hoa hồng, sô-cô-la đen.

Nguyễn Mây Thu
(Bài dịch - Paris, 01-08-2014)

VÌ SAO?

(Thanh Quang chọn lọc và lược dịch từ cuốn “Why” của Joel Levy, nhà xuất bản Zest Books, ấn hành năm 2012)

(I) Thiên Nhiên

Vì sao mặt trời chiếu sáng?

Mặt trời là một quả cầu khí hơi khổng lồ cân nặng 2,200 tỷ tỷ tấn (333,000 lần trọng lượng trái đất), chứa chất hydrô là phần chính, quả cầu này tạo ra sức hút mạnh đến nỗi nhân của bốn hạt nguyên tử hydrô bị nghiền nát, ép chặt vào nhau và kết dính, tạo ra những nhân helium. Trong quá trình này, một phần rất nhỏ khối của mỗi nhân biến thành năng lượng, và mặt trời nổ khủng khiếp, mạnh hơn bốn triệu quả bom nguyên tử nổ ra trong mỗi một giây đồng hồ, làm ra hơi nóng, phần kia biến thành ánh sáng, chiếu tới và làm nóng trái đất cách xa nó 92 triệu dặm.

Vì sao nước đông thành đá?

Một phân tử nước chứa một nguyên tử ôxy và hai nguyên tử hydrô. Trong dạng lỏng, những phân tử này rất năng động, tương tác với nhau và rất mau lẹ tạo ra rồi lại phá đi những kết nối hydrô, làm cho chúng kết dính với nhau thành chất lỏng, thay vì bay xa nhau như những phân tử của một chất hơi. Khi nhiệt độ xuống thấp, những phân tử này bớt

năng động và chạy chậm lại rồi dính với nhau làm thành nước đá.

Vì sao trời mưa?

Trong một vũng nước, một số phân tử nước di chuyển nhanh như khi nước sôi, do đó biến dạng thành thể hơi. Hơi nóng giữ nước nhiều hơn không khí lạnh mà lại loãng hơn, nên có khuynh hướng bay lên cao. Nhiệt độ giảm dần với chiều cao, nên hơi nước đó đóng thành hạt nhỏ li ti dưới dạng mây hay sương mù. Một lúc nào đó thì một số sẽ kết dính vào nhau thành hạt mưa và rơi xuống đất.

Vì sao nước biển mặn?

Nước mưa từ trên trời rơi xuống ngấm qua đất đá, kết hợp với nhau tạo thành suối rồi chảy ra đến sông. Trong quá trình đó, nước hòa tan những khoáng chất, trở nên mặn hơn, rồi khi tất cả những dòng sông trôi về biển cả, thì trong một quá trình dài đến hàng trăm triệu năm, số lượng khoáng chất hòa tan làm nước biển trở nên mặn như ngày nay vậy.

Vì sao có động đất?

Vỏ trái đất được tạo thành bởi nhiều lớp đất đá trượt lên nhau và cọ xát vào nhau. Đôi khi sự trượt lên nhau đó không nhẹ nhàng, chúng vướng vào nhau và gây ra nhiều sức ép đến nỗi rách tung và tạo ra nhiều năng lượng cũng như những gợn sóng tạo nên núi lửa.

CÓ TA...

Có ta, mà chẳng có ta.
Hiểu ra như vậy, Ta Bà nhẹ không.
Ta bà chẳng khác ta ông.
Hiểu ra như vậy, nhẹ không Ta bà.
Làm sao phá được cái ta?
Nói thì dễ ợt. Làm à? Khó thay!
Ai mà thấu được lẽ này,
Thực hành cho tới, chứng ngay Niết Bàn.

Kim-Vũ

Vì sao nước biển xanh?

Một ly nước lã trông như không có màu, nhưng thực ra nó có màu xanh rất lợt. Nếu nước thật nhiều như nơi biển cả, nước trở thành có màu xanh đậm hơn. Ánh sáng mặt trời rọi lên mặt biển màu trắng, nghĩa là gồm đủ các màu trong quang phổ. Một số tia nắng phản chiếu ngược lại, còn đa số thì đi sâu vào trong nước. Những phân tử nước hấp thụ một số màu hay tần số ánh sáng nhiều hơn những màu hay tần số khác. Những màu được hấp thụ nhiều nhất là đỏ, vàng và lá cây. Còn lại là màu xanh lơ. Một phần ánh sáng tiếp tục đi sâu hơn nữa vào lòng biển, còn một số lần trong các phân tử nước và đi ngược trở lại để đến mắt chúng ta.

Vì sao gió thổi?

Khi một nơi nào trên mặt đất nóng hơn nơi khác, không khí ngay nơi đó trở nên nóng hơn và bay lên cao. Áp suất sẽ xuống thấp, và không khí từ những nơi áp suất cao hơn chuyển đến, tạo nên gió.

Vì sao gỗ cháy?

Cháy là một phản ứng hóa học trong đó một vật chất kết hợp với khí ô xy và tỏa ra năng lượng dưới dạng ánh sáng và nhiệt lượng thấy được nơi một tia lửa. Vật chất đó bắt đầu ở một tình trạng năng lượng cao, và khi hợp với khí ô xy thì đi xuống dạng năng lượng thấp hơn và do đó cũng bền vững hơn. Gỗ tự nó thì không cháy, mà khi nó nóng tới khoảng năm trăm độ F thì bị bẻ ra, và một phần biến thành khí hơi. Chính khí này cháy chứ không phải tự gỗ cháy.

Vì sao vũ trụ giãn nở?

Theo lý thuyết Vụ Nổ Lớn Big Bang, vũ trụ bắt đầu bằng một điểm nhỏ li ti rồi giãn nở với một vận tốc ba tỷ tỷ tỷ lần nhanh hơn vận tốc ánh sáng. Vài sát na sau đó, xuất hiện các hạt dưới nguyên tử di chuyển tứ tung với tốc độ ánh sáng. Sau đó, vì tương tác với không trường Higgs mà một số hạt này từ vô hình tương trở nên có hình tướng, hút vào nhau mà tạo nên trọng lực. Tuy nhiên chúng không dính lại với nhau thành một cục vì sự hiện diện của một loại năng lực mà ta không nhìn thấy và tạm gọi là lực đen, đi ngược lại với trọng lực, chiếm khoảng 70% dung tích vũ trụ, và làm cho vũ trụ ngày càng giãn

nở nhiều hơn. Ngoài ra, còn khoảng 20% dung tích là vật chất đen. Toàn bộ vật chất mà ta nhìn thấy được, gồm các thiên hà, định tinh, hành tinh, lỗ đen, và tinh vân, chỉ chiếm có 5% toàn bộ dung tích vũ trụ mà thôi.

(II) Con Người

Vì sao đàn ông to lớn hơn đàn bà?

Đàn ông cao hơn đàn bà 8% và to lớn hơn đàn bà từ 15-20%. Một lý thuyết cho rằng ở giai đoạn tiền sử người vượn, đàn ông có nhiều vợ. Trong thế giới loài khỉ vượn gần giống con người nhất, loài tinh tinh có khuynh hướng sống lộn xộn giữa đực và cái và giao hợp qua lại đồng đều. Nhưng trong loài khỉ đột, thì con có lưng bạc có nguyên một loạt con cái phục vụ và rất hay ghen. Nếu có con khác đến lúng xúng là anh chàng quật ngã ngay. Đem so kích thước thì tinh tinh đực và cái có kích cỡ gần nhau, trong khi khỉ đột đực lớn hơn con cái nhiều. Những hóa thạch cho thấy sự thay đổi kích cỡ này bắt đầu muộn nhất cũng khoảng 150,000 năm trước.

Vì sao máu con người màu đỏ?

Máu người chứa nhiều chất sắt, chất này có thể thấy trong một chất đậm gọi là huyết cầu tố. Những tế bào gọi là hồng huyết cầu có hình dạng giống như chiếc bánh doughnut boi trong một chất lỏng gọi là huyết tương chảy liên tục trong mạch máu con người. Có hàng tỷ hồng huyết cầu trong mỗi con người, mỗi một mili lít máu chứa khoảng năm triệu tế

bào này. Tổng số lượng máu chỉ chiếm có bảy phần trăm trọng lượng cơ thể mà thôi. Tim bóp và chuyên máu đi khắp cơ thể với một tốc độ cực nhanh. Một hồng huyết cầu đi ba vòng quanh cơ thể trong một phút, và trong một ngày đi được tới mười hai nghìn dặm đường.

Vì sao chúng ta quên?

Mô hình giải thích trí nhớ của con người chia làm ba giai đoạn. Đầu tiên, thông tin tràn ngập óc con người qua những ghi nhận từ ngũ quan chuyên tới. Nếu không chú ý ghi nhớ thì thông tin này hoại diệt rất nhanh. Giai đoạn thứ hai gọi là trí nhớ ngắn hạn, nếu không chú tâm ghi nhớ thì cũng lại bị hoại diệt, và được thay thế bởi những thông tin khác tiếp theo. Giai đoạn thứ ba là trí nhớ dài hạn, những thứ còn in dấu mãi trong não bộ con người. Khả năng dung chứa thông tin trong con người được phỏng định là tương đương với dung lượng phát ra từ một máy truyền hình chạy liên tục ngày đêm trong ba trăm năm liền.

Vì sao chúng ta không nghe được tiếng còi gọi chó?

Con người chỉ có khả năng nghe được âm thanh ở trong khoảng những tần số giới hạn. Âm thanh có tần số quá cao được gọi là siêu âm. Người ta dùng Hertz là đơn vị để đo tần số. Một Hz là một lần rung trong một giây đồng hồ. Đa số trong loài người chỉ có thể nghe âm thanh nằm giữa 20 Hz và 20 kHz. Loài chó thì lại có thể nghe được âm

thanh ở những tần số cao hơn, khoảng 20Hz đến 22kHz. Những chiếc còi gọi chó gây ra tiếng động rất lớn mà chó nghe được nhưng con người thì lại không. Những âm thanh với tần số thật thấp thì được gọi là hồng ngoại âm (infrasound). Hươu cao cổ nói chuyện với nhau dùng hồng ngoại âm mà ta lại tưởng là chúng câm. Cọp dùng hồng ngoại âm để làm con mồi choáng váng. Cá voi xanh gây ra âm thanh hồng ngoại lớn đến nỗi một người bơi cạnh cổ cá voi này thì óc sẽ biến thành thạch giêlatin. Núi lửa và sóng thần gây nên hồng ngoại âm, và người ta tin rằng nhiều loài động vật tránh được những thiên tai này do bắt được những âm thanh báo động ấy và kịp tẩu tán trước khi thiên tai ập đến.

Vì sao đàn ông có núm vú?

Ai cũng biết đàn bà cho con bú qua núm vú. Còn đàn ông sao không sản xuất sữa mà lại có núm vú làm chi vậy? Núm vú được dùng như là tiêu chuẩn để đặt tên cho những loài động vật có vú. Tuy nhiên ngựa đực không có núm vú, và chuột cũng vậy. Đàn ông có núm vú là bởi vì không có lý do gì mà đàn ông lại không có núm vú. Khi bào thai ở trong giai đoạn đầu thì không phân biệt giới tính, và khoảng tuần lễ thứ tư thì núm vú bắt đầu mọc lên. Chỉ đến tuần lễ thứ bảy thì mới bắt đầu có sự phân giống và hoóc môn về giới tính mới bắt đầu sản sinh gây tác dụng. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp hoóc môn của mẹ có thể tác động tới bào thai và đưa nhỏ con

trai khi sinh ra có thể chảy sữa như đàn bà. Vú cũng có thể mọc to lên và chảy sữa. Và đàn ông cũng có thể mắc chứng ung thư vú như đàn bà vậy.

Vì sao con người không thể ăn cỏ

Con người không thể ăn cỏ như trâu bò vì ruột người không mang vi khuẩn có thể phá vỡ chất cellulose, một chất hữu cơ tạo nên phần chính của cây cỏ. Trong bài thơ “Con Trâu” nhà thơ Nguyễn chí Thiện nói:

Con trâu khỏe như hổ,

Nó chủ yếu ăn cỏ,

Vậy trong cỏ phải có

Chất bổ, đúng không anh?...

Và nhà thơ kết luận:

”Tiếc thay, người khác trâu!”

Thông Tin thêm

Năm 1911, nhà vật lý học Ernest Rutherford thử bắn những hạt dưới nguyên tử (sub atomic particle) vào một lớp phim mỏng bằng vàng. Một số những hạt đó lọt qua, nhưng một số khác thì bị bật trở lại. Rutherford khám phá ra là nguyên tử không phải là một khối đặc như vẫn thường được quan niệm. Sau đó thì người ta tìm thêm ra được rằng nguyên tử giống như một thái dương hệ tí hon, với phần lớn khối lượng nằm trong một nhân ở giữa, và nhiều điện tử còn nhỏ hơn nữa xoay quanh nó. Giữa những vật thể này là khoảng trống không, chiếm tới 99 phần trăm dung tích nguyên tử!

PHÁT VŨ (San Jose)

Em đi
 Lạc mất bước ra
 Bỗng lòng tôi rơi
 người ta đây tôi
 Tìm em quên nỗi
 này cười
 Anh em đang muốn về với thi ca
 Phan Khâm
 Văn Hoá

TIẾNG RU CỦA MẸ

Con về thăm mẹ, mẹ con đâu
Hôm một ngày qua quá thăm sầu
Nhìn thấu đáy mồ con tưởng mẹ
Nụ cười tươi, mẹ bảo sao lâu!

Con quyết về thăm những bấy nay
Nhưng nhiều công việc vướng vấp đầy
Khó khăn bao nỗi lòng chua xót
Xa cách ngàn trùng con về đây.

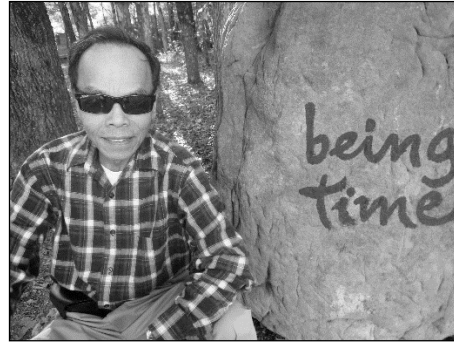
Con về thăm mẹ chẳng bao ngày
Phần mộ con xây tu sửa ngay
Trần quý lòng thành con cung kính
Mẹ hiền an nghỉ vui chốn này

Con thấp nén hương phần mộ mẹ
Thấp cùng những mộ quanh khu này
Xóm giềng qua lại vui cùng mẹ
Xin mẹ cho con phận đó đây.

Con nhớ cội nguồn giòng sữa mẹ
Hà cơm mớm nước suốt từng đêm
Hò ơ.. mẹ hát ru con ngủ
Tiếng mẹ theo con khắp mọi miền.

PHAN KHÂM

Tiểu Sử **Nhà Thơ PHAN KHÂM**
Sinh năm 1942 - Nhâm Ngọ tại Tỉnh Quảng Trị
Cựu Sĩ Quan QLVNCH.
Cộng tác với Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm, gửi
thơ đăng một vài tạp chí và website.
Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm.



Tác phẩm đã xuất bản

- Thi tập BÊN DÒNG THẠCH HẪN – Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm xuất bản 2002
- Góp mặt trong CỤM HOA TÌNH YÊU Thi Tập FLOWER OF LOVE - FLEURS D'AMOUR) do Vietnamese International Poetry Society xuất bản năm 2002
- Góp mặt trong LƯU DÂN THI THOẠI bút luận 25 năm thơ Việt hải ngoại do Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn xuất bản tại California năm 2003
- Góp mặt trong thi tập HOÀI CẢM thơ Đường Luật Xương Họa do Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm xuất bản 2003
- Góp mặt trong MỘT PHẦN TƯ THỂ KỶ THI CA HẢI NGOẠI TẬP 5 do Nhóm Văn Hóa Việt Pháp xuất bản tại Paris năm 2005
- Góp mặt trong GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG Nhà văn Hồ Trường An biên tập do Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm xuất bản năm 2006.
- CD và DVD ƯỚC MƠ những tình khúc thơ phổ nhạc, đã phát hành
- CD và DVD MÙA CỔ TÍCH những tình khúc thơ phổ nhạc, đã phát hành
- Sẽ phát hành Thi Tập THIÊN THU RÓT MẬT thơ Phan Khâm Thư Họa Vũ Hối Em Từ Lục Bát Bước Ra 101 do Cơ Sở Cỏ Thơm phát hành.

Let's Sing This LOVE SONG

I see the light in your eyes
I found the window
in your soul
We're traveling on the road
of Hope
into the future.
Let's leave behind
Let's put aside
All the Sadness
All the Angry
All the Trouble
So we will be
IN PEACE
Peacefully
Brothers.
Do you hear the music
In the air?
Do you see the light
In the sky?
There's hope
In the dark.
There's joy
In the heart.
Let's sing
THIS LOVE SONG
This Love song
Will open
Every-body heart.

Let's sing
This Love Song.
This Love Song
Will empty
The Lonely!
The Hatred!
The Sadness!
Let's sing
This Love Song
You're no more suffer!
Let's sing
This Love Song.
This Love Song
Will heal all the trouble between us.
This Love Song
Will mend
The trouble world,
This Love Song
Will bring all together.
This Love Song
Will do the Magic!
This Love Song
Will open all Hearts!
This Love Song
Will bring you
PEACE.
Let's sing
Sing aloud
All together
NOW.

Yen Vi

SOI BÓNG THỜI GIAN

Trích trong tập truyện Ngắn “ĐOÁ PHÙ DUNG”

Phong Thu

Ngày mai là sinh nhật thứ sáu của bé Alena, cháu nội của ông Frank, do đó sáng nay ông dậy thật sớm. Đánh răng rửa mặt xong, ông ăn điểm tâm và uống một ít cà phê trước khi đi. Ông phải lái xe từ New York đến Maryland mất độ năm tiếng đồng hồ. Đối với lớp trẻ, thì đoạn đường này đâu có thấm vào đâu nhưng đối với ông nó dài và rất khó khăn. Ở lứa tuổi bảy mươi, mắt ông đã kém, lưng đau, tay chân luôn nhức mỏi và ông không đi đứng được bình thường. Bác sĩ khuyên ông nên mở bể lấy nước trong n ão ra nhưng ông sợ lắm. Già rồi sống nay chết mai, mở xẻ làm chi cho khổ. Ông nghĩ vậy hay đúng hơn ông sợ cảnh đơn chiếc của mình không ai chăm sóc và ông cũng không muốn làm phiền đến các con. Bé Alena là đứa cháu nội duy nhất của ông. Thật ra, ông có tất cả bốn người con, hai trai hai gái. Hai cô con gái đã có chồng, còn hai đứa con trai chỉ có Bob là lập gia đình. Vợ Bob đã sinh cho ông một đứa cháu gái kháu khỉnh và lanh lợi. Ông lập tức lái xe xuống thăm vợ chồng Bob và nhìn mặt đứa cháu nội. Ông mua cho bé Alena rất nhiều đồ chơi và một cái giường khá đắt tiền. Ông rất yêu bé Alena nên hàng năm dù đường xa, mưa

gió hay bão tuyết ông cũng về thăm cháu vài lần. Ông nhớ vòng tay nhỏ xíu, cái má lún đồng tiền và nụ cười ngây thơ của nó. Con bé mến ông nên đeo ông như đĩa mỗi khi ông về thăm. Và cứ mỗi buổi sáng, khi ông nội chưa thức dậy là nó đến phòng gõ cửa để tin chắc rằng ông nội vẫn chưa trở về New York. Ông nhìn tấm hình của bé Alena và cười một mình.

- Mới đó mà đã sáu tuổi rồi. Thời gian đi nhanh quá! – Ông lẩm bẩm.

Ông Frank xách cái vali cũ kỹ lên và bước ra sân, ánh nắng hè ấm áp làm cho ông cảm thấy dễ chịu và sảng khoái. Trên sân cỏ, mấy chú chim đủ màu sắc nhảy nhót, riu rít tìm bắt côn trùng. Cây lê năm nay không có một cái bông dù trời mưa nhiều và nắng chan hoà. Cây bom thì trái đã rụng đầy sân. Mấy chú chim cứ chuyền trên cành và mấy chú sóc nhỏ có cái đuôi dài như cây chổi lông gà đã ăn hết quả chín, cho nên chưa bao giờ ông hái được một trái gì to, thơm và còn nguyên vẹn. Bãi cỏ xanh mượt hôm qua ông đã cắt tỉa cẩn thận. Mấy luống hoa Comanche màu đỏ, xen lẫn màu vàng nhạt và vàng sậm ông đã tưới thêm thuốc cho nó nở hoa và tươi tốt. Ông Frank đã chuẩn bị tất cả để khi ông vắng nhà mọi việc đâu vào đấy. Từ lúc li dị vợ, ông về đây sống với ba mẹ, khi ba mẹ ông lần lượt qua đời căn nhà

này đã trở nên hiu quạnh. Nhà có ba phòng ngủ, hai phòng tắm, nhà bếp, phòng khách rộng thênh thang, ông vẫn ở căn phòng nhỏ nằm quay mặt ra vườn. Ông không muốn thay đổi tất cả những gì mà thuở sinh thời mẹ ông đã bày trí trong nhà. Đôi lúc cảm thấy hiu quạnh, ông buồn ngồi hàng giờ nhìn di ảnh của mẹ cha mà lòng bùi ngùi đau xót. Tại sao ông ra đời? Tại sao mọi người đều bỏ rơi ông? Không ai hiểu ông cả. Khi ông li dị, toà án phán quyết rằng tất cả con cái ông không được mang theo một đứa nào và hình như chúng cũng không thích gần ông. Ông là một người đàn ông kỳ quặc có đúng không? Bất công. Tại sao ông lại mất tất cả? Hơn ba mươi năm, các con đã lớn. Tất cả đã lập gia đình trừ thằng Willie. Đứa con gái thứ ba cuộc đời lận đận. Nó có chồng hai lần và hai lần li dị, một mình phải nuôi ba đứa con. Ông phải gởi tiền nuôi nó hàng tháng. Đứa con gái kế cuộc sống cũng ổn định nhưng thằng con trai út đã gần bốn mươi mà không có nghề nghiệp gì chắc chắn. Nó lông bông và không biết mình phải làm gì. Chỉ có Bob là có nhà cửa, con cái đàn ông hoàng. Thằng con trai lớn của ông, kết quả của cuộc tình thời trai trẻ đã dẫn ông vào cuộc hôn nhân bất đắc dĩ. Ông lắc đầu mấy cái để cố xua đuổi cái dĩ vãng đau buồn cứ đeo cứng theo ông, nhưng làm sao ông quên.

Ông Frank leo lên xe và nổ máy, chiếc xe lăn bánh chạy bon bon trên đường nhựa. Ông mở mấy tấm kính để gió lùa vào xe nhưng ông phải đóng nhanh cửa lại vì lỗ tai ông bị ù và mắt ông

không nhìn thấy rõ ràng. “Mình đã quá già nua. Cuộc sống con người thật ngắn ngủi. Có ai ngờ rằng trong chớp mắt mình đã trở thành một người đàn ông vô dụng” – Ông Frank nhủ thầm. Ông cứ mường tượng nhớ lại mọi việc xảy ra trong đời mình và cứ ngỡ rằng nó mới hôm qua. Thời gian đang lùi lại phía sau và ông nhớ như in hình bóng của thời thanh xuân cách đây năm mươi năm.

* * *

Frank sinh ra trong một gia đình trung lưu tại thành phố New York, ba mẹ Frank chỉ có hai con, Frank và chị Zoe. Chị Zoe lấy chồng khi vừa tròn hai mươi tuổi và theo chồng về Florida sống. Ông là đứa con trai độc nhất nên được cha mẹ cưng chiều hết mực. Frank ham chơi nên đã bỏ dở dang việc học hành sau khi tốt nghiệp trung học. Anh thích lang thang đi chơi với bạn bè và nhẩy đầm, đánh bida, golf hơn là tiếp tục chương trình Đại Học. Thế rồi trong một bữa tiệc cưới của bạn bè, anh đã gặp Joyce – một cô gái trẻ, đẹp, con của một thương gia nổi tiếng và cũng là chủ nhân của một hãng sản xuất xe vận tải. Nàng đẹp lộng lẫy và kiêu sa khiến các chàng trai cứ liếc mắt đưa tình. Frank cũng bị lôi cuốn trong khoé mắt xanh biếc màu nước biển của nàng. Nhờ vóc dáng cao lớn, đẹp trai, thanh lịch, cộng thêm cái tính trầm tư ít nói, Frank đã đánh bật nhiều đối thủ đang đeo đuổi theo Joyce. Frank đã thực sự chiếm trọn trái tim nàng. Mối tình thơ mộng, đậm đà kéo

dài được một năm thì Joyce báo tin nàng đã có thai. Frank lúng túng chưa biết xử lý ra sao. Phần vì cả hai tuổi mới vừa hai mươi, Frank chưa có nghề nghiệp, tài sản, tiền bạc để có thể bảo bọc vợ con. Lập gia đình ở tuổi hai mươi để làm gì? Sự ràng buộc hôn nhân sẽ làm cho Frank không còn được tự do. Mặt khác, anh không thể bảo Joyce phá thai vì đó là giọt máu của anh. Gia đình Frank lại đạo công giáo và cha mẹ không chấp nhận cho anh làm điều tội lỗi. Joyce cũng báo cho ba mẹ nàng hay về tình trạng của mình. Ông bà lập tức gọi Frank đến và nói rằng ông bà sẵn sàng giúp anh và Joyce làm lễ cưới. Đám cưới của cả hai rất lớn và mọi chi phí ba mẹ Joyce chi trả. Joyce là đứa con gái duy nhất của gia đình nên ba mẹ cô không muốn cô sống xa ông bà. Frank được ba vợ giới thiệu đi làm trong một hãng sản xuất máy bay quân sự. Nhờ sự thông minh, cần mẫn chịu khó học hỏi chẳng bao lâu Frank đã có một vị trí vững vàng trong công ty. Hai vợ chồng Frank mua được một căn nhà gần bên ba mẹ vợ và dọn ra ở riêng. Bob ra đời, thằng bé dễ thương, bụ bẫm đã làm cho căn nhà rộn lên những tiếng cười. Hai năm sau, Joyce sinh đứa con thứ hai. Cô bé Lusiana có bộ tóc vàng hoe và nụ cười duyên dáng như mẹ. Joyce bận rộn hơn với hai con. Nàng lo chợ búa, cơm nước, nhà cửa, áo quần suốt ngày nên không còn thời gian dành cho Frank nhiều. Frank bắt đầu chán cuộc sống đơn điệu, tẻ nhạt. Hàng ngày, anh phải dậy sớm đến sở và từ sở về nhà rồi ngủ. Chẳng lẽ ở tuổi chưa tới ba mươi anh phải bị ràng buộc trong khuôn khổ

của gia đình, bốn phận và trách nhiệm? Đi làm về có tiền nuôi cả nhà thế là đủ. Frank hối tiếc việc lập gia đình quá sớm và đối xử với vợ khác xưa. Anh bắt đầu đi chơi với bạn bè và tham dự những cuộc khiêu vũ. Lúc đầu, anh chỉ đi vào ngày cuối tuần sau này hầu như ngày nào cũng đi và đến nửa đêm mới về nhà. Nếu Joyce cần nhàn thì anh bắt đầu gây sự. Những cuộc cãi vã xảy ra như cơm bữa khiến anh càng xa lánh mái ấm gia đình. Joyce vẫn nhẫn nại, nàng chỉ còn hy vọng anh mệt mỏi với những cuộc rong chơi rồi sẽ hồi tâm. Nàng sinh thêm hai đứa con, một gái và một trai. Từ một cô gái còn ở tuổi ham chơi, Joyce đã biến thành một bà mẹ quá sớm với những gánh nặng gia đình, với những năm tháng vò vó một mình phòng không đơn lẻ. Người đàn bà trẻ đau khổ khóc thầm cho số phận hẩm hiu. Hình ảnh đẹp đẽ và tình yêu ban đầu đã dần dần nguội lạnh trong tim nàng. Nàng ôm bốn đứa con trong tay, ngày qua ngày nhận lấy đồng tiền của một người chồng không còn tha thiết gì đến gia đình. Cho đến một hôm, Frank đi chơi về rất khuya và thấy Joyce vẫn còn ngồi một mình trên bộ sofa. Đã hơn quá nửa đêm về sáng. Nàng không xem ti-vi, không mở đèn. Căn phòng vắng lặng và tăm tối, chỉ có chiếc đèn ngủ nhỏ đặt trên bàn toả ra ánh sáng dịu nhẹ. Frank nhìn kỹ Joyce, mái tóc nàng đã cắt thật ngắn và chiếc áo ngủ màu nâu nhạt trở nên rộng thùng thình, trông nàng già nua và tiêu tụy đi rất nhiều. Sự thay đổi của vợ hình như anh không còn để ý đến, nhưng hôm nay thấy lạ anh hỏi:

_ Sao giờ này còn ngồi đây không chịu đi ngủ. Để nhà cửa tối om như cố đám ma.

_ Tôi muốn chờ anh về – Joyce trả lời mà mắt nhìn đâu đâu.

_ Đừng có chờ tôi cho mệt xác. Tôi muốn về giờ nào tôi về – Frank cộc lốc nói.

_ Tôi biết anh không còn yêu thương tôi và chẳng màng đến các con. Hôm nay, tôi muốn nói với anh một chuyện quan trọng mà tôi cứ do dự mãi. Thành Bob đã mười bảy tuổi, nó sẽ vào Đại Học ở tiểu bang Chicago. Hai đứa con gái đã vào trung học và thằng út đã lên tám. Đây cũng là lúc chúng ta nên li dị nhau cũng vừa.

Frank nghe hai lỗ tai mình lùng bùng, anh vẫn còn chưa tin vợ anh đã thốt ra câu đó. Anh hỏi gặng lại:

_ Cái gì? Cô muốn li dị tôi?

Giọng Joyce vẫn nhỏ nhẹ nhưng quả quyết:

_ Tại sao tôi phải chịu đựng sống chung với một người đàn ông bê tha, rượu chè và không bao giờ biết yêu thương, giúp đỡ vợ con. Ông không bao giờ ở nhà và về nhà là chỉ biết gây gỗ, làm khổ vợ con. Các con đã bị khủng hoảng tinh thần. Còn tôi thì đã quá ngao ngán.

Frank giec mình xuống bộ sofa gần bên vợ. Anh đập tay xuống bàn, men rượu đã làm cho cơn giận của anh bùng phát dữ dội, anh chì chiết vợ:

_ Bà không đi làm ngày nào. Một tay tôi làm ra tiền lo cho mẹ con bà có nhà cửa, chăn êm nệm ấm. Vậy chưa đủ hay sao?

Mắt Joyce mở trừng trừng nhìn anh. Nàng lên giọng:

CHÙM THƠ TỬ TUYỆT

Em qua phố cũ nắng tàn
Nghe mùa thu rụng khế khàng lá thu
Chp chồn bóng dáng người xưa
Nhớ thương tàn giữa cố hương này.

Mấy lá vàng phai rụng trước thềm
Lời ru thánh thót thoảng êm đềm
Nắng vàng chênh chếch chiều hoang dại
Trong gió đàn ai tiếng dịu mềm.

Lãng đãng vào thu gió lạnh buồn
Sương dâng mù mịt khắp muôn phương
Xa đưa vắng tiếng chuông chùa vọng
Chiếc lá vàng phai rụng cuối đường.

Nhìn lá vàng phai rụng cuối đường
Nghe lòng xao xuyến nỗi niềm thương
Chao ơi vạn nẻo đường chia biệt
Biết có nơi nào chẳng vắng vương.

KIỀU ANH

_ Tôi không phải là con ỏ. Tôi cần tình yêu và sự chăm nom của một người chồng. Anh không có điều đó. Ngày mai, tôi và các con sẽ trở về nhà ba mẹ tôi, còn anh phải treo bảng bán nhà. Giấy tờ li dị tôi đã ký xong. Anh có muốn hay không

tôi không còn cần biết tới. Tôi đã quá mệt mỏi. Tôi muốn chấm dứt cuộc hôn nhân ngục tù này.

Joyce nói một hơi. Nàng không cần nghe Frank phân trần nên bỏ vào phòng đóng kín cửa và úp mặt xuống gối. Những giọt nước mắt đau đớn, tủi phận cứ thi nhau chảy ướt đầm chiếc gối. Frank chột hời hợt nhưng do thói kiêu hãnh anh hét lên:

_ Cô muốn vậy thì tôi sẽ chiều.

Sáng hôm sau, Frank dậy rất muộn. Ngày chủ nhật mà nhà vắng tanh. Anh đi vòng quanh tìm các con cũng không thấy. Anh vào phòng chúng thì thấy tất cả quần áo, sách vở đã biến mất. Frank tỉnh hẳn người. Anh thực sự hoảng sợ khi không thấy các con quây quần trên bàn ăn và Joyce đã từ bỏ anh. Frank chạy vào phòng khách. Anh nhìn thấy tờ li hôn đã đặt sẵn trên bàn và Joyce đã ký tên. Frank gọi điện thoại đến nhà mẹ Joyce nhưng không có ai trả lời. Anh đến tìm nàng thì không ai tiếp và nói với anh một lời nào. Các con vì không gần gũi với anh nên chỉ buồn bã nhìn anh. Frank biết rằng hạnh phúc đã chấp cánh bay cao. Khi Bob thức sự vào Đại Học thì cũng là lúc hai vợ chồng anh đã ra tòa li dị. Tòa án phán quyết tài sản anh chỉ mang theo một phần ba. Hàng tháng anh còn phải trợ cấp tiền để nuôi các con. Joyce không cho anh mang theo một đứa con nào vì anh không hề chăm nom cho chúng. Anh trở về sống với ba mẹ và thỉnh thoảng đến thăm các con. Sau này, anh mới phát hiện ra rằng vợ anh đã có người yêu khác

Bé Alena biết ông nội về thăm nên suốt buổi sáng cứ hỏi Bob: “Ba ơi! Mấy giờ nội lên?”. Bob làm bộ nhướng mắt nhìn lên trần nhà đoán: “Khoảng một giờ.” Ngồi ăn cơm, mắt nhìn ti-vi nhưng nó cứ chốc chốc lại vén màn nhìn ra đường. Nghe tiếng chuông vang lên là chạy ra mở cửa. Bé Alena reo lên khi thấy ông Frank đứng sừng sững với cái va-li và một gói quà lớn trên tay.

_ Ba ơi! Nội lên – Vừa reo cười, nó vừa ôm chân ông Frank cứng nhắc.

Một nụ cười hiếm hoi nở trên đôi môi luôn khép kín và trầm mặc của ông:

_ Nội nhớ con lắm? Con nhớ nội hôn.

Đôi mắt đen tròn như hạt nhãn mở to. Bé Alena thỏ thẻ:

_ Con cũng nhớ ông nội lắm.

_ Ngày mai ông nội sẽ cho con món quà đặc biệt.

Bé Alena theo chân ông vào trong. Bob từ trên lầu đi xuống hỏi:

_ Ba có mệt không? Có bị kẹt xe không ba?

_ Sáng nay đường xá thành thang nên ba đến đây sớm.

_ Ba đưa cái va li cho con rồi nằm nghỉ đi.

_ Ba không mệt đâu.

_ Ông nội ơi! Mình chơi trò trốn tìm đi nội.

Bob cười mắng yêu con:

_ Để cho ông nội nghỉ ngơi. Chiều mình sẽ ra công viên chơi – Quay sang ông Frank, Bob nói tiếp – Con phải viết cho xong lá thư gửi công ty, ba cứ nằm nghỉ cho khỏe.

Bé Alena kéo ông đến sofa, ra dấu cho ông ngồi xuống rồi mở ti-vi. Chương trình truyền hình dành cho thiếu nhi đã

bắt đầu từ lâu. Nó ngồi trong lòng ông nội và bi bô hát líu lo. Chốc chốc hai ông cháu cười phá lên. Nửa tiếng sau, nó đã ngủ vùi trong lòng ông. Ông Frank cố gắng nâng cháu lên và mang nó vào phòng. Ông cẩn thận đặt nó lên giường rồi nhẹ nhàng đi ra ngoài. Mỗi lần đến thăm vợ chồng Bop, ông cảm thấy vui vui trong lòng. Cuộc sống đơn độc đôi lúc làm cho ông buồn và cô đơn. Đôi khi, ông gọi điện thoại nói chuyện với Bob hai ba tiếng đồng hồ nhưng từ ngày ông mua cái máy điện toán, ông thường gửi e-mail cho Bob. Có lẽ Bob là đứa con trai duy nhất hiểu, thông cảm và gần gũi ông hơn những đứa khác. Thời gian như một giấc chiêm bao. Chưa gì mà tóc ông đã bạc trắng, lưng ông đã còng và tay chân run rẩy không còn bước vững vàng. Đời người tàn nhanh như một ngọn đèn bạch lạp. Hạnh phúc gia đình đổ vỡ đã đẩy ông vào cuộc sống đơn độc. Tại sao ông chưa lấy vợ khi bà Frank đã lấy chồng? Hơn ba mươi năm, ông ôm mối hận tình và mối tình đó còn vương vấn đến bây giờ. Có tiếng mở cửa và Lina, đứa con dâu của ông đi chợ về. Thấy ông ngồi một mình nên hỏi liền:

_ Thưa ba mới lên. Anh Bob đâu rồi sao để ba ngồi một mình?

Ông lại cười và khó nhọc đứng lên. Cái dáng cao lớn của ông trùm phủ cả thân hình mảnh dẻ nhỏ bé của Lina. Ông cúi xuống hôn lên má nàng và nàng cũng hôn trả lại. Ông Frank cảm thấy ấm áp và được an ủi phần nào khi về thăm vợ chồng Bob. Ông luôn nghĩ chỉ có vợ chồng Bob và bé Alena là còn quan

tâm và yêu thương ông mà thôi. Lina hỏi han ông đủ điều:

_ Ba khoẻ hôn ba? Đạo nầy con thấy ba gầy hơn. Ba có thường đi chơi golf ngoài trời hôn?

Ông vượt cái đầu hói của mình và chậm rãi trả lời:

_ Ba đi vào những ngày cuối tuần thôi. Đạo nầy chân ba yếu quá! Ba đi đứng rất khó khăn nên không đi chơi thường xuyên như mọi hôm.

_ Ba à! Ba sống một mình buồn lắm! Ba lại già quá rồi! Ba bán nhà về sống với tụi con. Tụi con sẽ chăm sóc cho ba.

Ông Frank rất cảm động khi nghe Lina nói nhưng ông biết thế giới của ông là chiếc bóng đơn lẻ. Ông không còn thích ồn ào, náo nhiệt. Tâm lý con người thật phức tạp. Khi có gia đình thì chán nản mệt mỏi, thích tự do bay nhảy và cho rằng sống như vậy như ở "tù". Đến lúc hạnh phúc đã vượt khỏi tầm tay thì tiếc nôi, hối hận thì đã muộn. Cũng như ông, sau khi được "tự do" ông lại không thêm đi đây đi đó. Ông chán cảnh rượu chè, đàn đúm và nhảy nhót thâu đêm. Ông từ chối tất cả những lời mời của bạn bè và chỉ chui rúc trong nhà. Ông tự trừng phạt mình và thường đến nhà thờ cầu nguyện. Ngoài thời gian đi làm, ông đi thăm các con và chở chúng đi chơi. Bây giờ tuổi đã bóng xế về chiều, ông sợ đơn độc và sợ nỗi buồn nhưng ông yêu căn nhà yên tĩnh của riêng ông. Ông im lặng rất lâu rồi nói với Lina:

_ Ba sống quen rồi. Các con còn có cuộc sống riêng. Các con lo cho con cái đủ

rồi. Ba không muốn làm phiền đến các con.

Bob từ trên lầu đi xuống. Anh lấy ngón tay chỉ vào mũi vợ và nói:

_ Ba không thích ồn ào đâu. Bé Alena quậy quá ba chịu sao nổi.

Ông Frank bật cười:

_ Vợ con thì bao giờ cũng lo cho ba. Ba cảm thấy vui khi các con còn quan tâm đến ba.

Hôm sau, Bob chở ông và vợ con đi ra chợ mua cho bé Alena chiếc xe đạp. Con bé vui sướng cười suốt ngày. Nó nhìn chiếc xe màu tím sậm với hai cái bánh lớn và hai cái bánh nhỏ với cái mũ an toàn mà mê tít thò lò. Đêm đó, sinh nhật của bé Alena. Lina làm mấy món ăn đơn giản và một cái bánh kem nhỏ. Con bé chỉ mong thổi xong chiếc đèn cây cuối cùng và mở quà ra xem. Ông nội mua cho nó hai cái quần Jean, một tấm thiệp chúc mừng. Bà nội và ông nội hai gởi cho Alena hai bộ đồ đầm màu vàng và xanh da trời. Ba mẹ mua cho bé sách vở, một đôi giày và một cái nón mũ lưỡi trai. Bé Alena nhảy lưng tưng. Nó ôm hôn mọi người. Sau bữa ăn, nó bắt đầu ngồi vẽ tranh. Nó vẽ hình ông nội và bà nội nắm tay nhau. Nó viết lên nghệch ngoạc mấy chữ sai lỗi chính tả và cố gắng giải thích với ông Frank rằng nó yêu ông và bà nội lắm. Nó hỏi ông một câu hết sức ngây thơ:

_ Nội ơi! Sao nội không ở chung với bà nội cho vui? Mỗi lần con về New York chơi, con gặp được ông ngay mà không cần lái xe đi xa. Ba thỉnh thoảng bảo rằng không có đủ thời gian đi thăm ông nội. Con nhớ ông lắm lắm.

Con bé biết nịnh đầm ghê lắm. Nghe nó nhắc Joyce làm lòng ông se thắt nỗi buồn. Ông hôn nó mấy cái và nói:

_ Ông nội không thể sống chung với bà nội. Bà nội giận dai lắm.

_ Hừm! Sao lạ vậy? Hôm nào con sẽ hỏi bà nội cho ông nội về ở chung nha.

Ông Frank phì cười. Trẻ con tâm hồn như một tờ giấy trắng.

* * *

Sáng sớm, khi ông thức dậy, bé Alena đã đi học sớm. Lina đã đi làm và Bob vẫn còn ngủ. Bob làm việc khá khuya nên anh còn mệt mỏi. Ông Frank chuẩn bị hành lý và trở về New York. Đi có vài hôm là đã nhớ nhà. Ở đây có con, cháu vui cửa vui nhà nhưng ông thích cuộc sống yên tĩnh. Ông nhớ cái sân golf sau nhà, nhớ luống cà chua mới ra hoa, nhớ bụi hoa Pyrethrum vừa hé nở, nhớ cái tổ chim non trên hàng kiếng trong vườn. Ông thêm được nghe tiếng chim quen thuộc vào mỗi buổi bình minh. Và mỗi sáng thức dậy, ông có thể ngồi lặng im hàng giờ trên chiếc ghế dài nằm xem những trận tranh giải golf toàn quốc và được ngắm nhìn ánh sáng mặt trời chói loà bên khung cửa kính.

Ông thay quần áo và nhìn trên bàn đã thấy cà phê pha sẵn. Đưa con dâu đã nướng xong cái bánh mì có trét bơ sữa và mút dâu tây. Ông ăn uống chậm chạp và đọc vài tờ báo ở trên bàn. Bob đã thức dậy. Anh hỏi ông:

_ Ba ngủ được không?

_ Được.

_ Ba về rồi chừng nào trở lên đây?

THU KỶ NIỆM

Em nhớ hoài mùa thu năm ấy
Mùa thu cuối cùng ta gặp nhau
Em cứ ngỡ thu đi không trở lại
Nay nắng vàng chào đón thu sang
Em sẽ giữ thu trong kỷ niệm
Thu hiền hòa nắng ấm biển êm
Thu lá đỏ cùng nhau dạo bước
Thu mây bay lơ lửng trời xanh
Thu bên hiên ngắm hoa mới nở
Thu nhìn thuyền trôi cánh hoàng hôn
Em cứ ngỡ thu reo sầu muộn
Nhưng thu đem giây phút êm đềm
Người đã đi cho lòng xao xuyến
Nhưng vẫn hoài mãi mãi trong tim

Diệm Trân

_ Ba chưa biết nữa.

_ Chân ba yếu quá! Con lo ghê đi.

Ông Frank ăn miếng bánh cuối cùng rồi đứng dậy. Ông tiến lại bàn viết mấy chữ cho Lina và Alena: “Cảm ơn con đã chăm sóc cho ba trong hai ngày qua. Ba thật vui và hãnh diện khi con đã ban tặng cho gia đình họ Branno một đứa cháu xinh đẹp, thông minh. Ba sẽ nhớ các con nhiều lắm”. Ông Frank bắt tay Bop và nhắc nhở:

_ Nhớ chăm sóc cho vợ và bé Alena.

_ Con hiếu. Ba yên tâm.

Bob hiểu nỗi lòng của ông. Hình như càng cuối cuộc đời, ba anh càng trầm tư hơn. Ông quan tâm nhiều đến số phận của từng đứa con và ông muốn bù đắp lại tất cả những gì mà ngày xưa ông không bao giờ làm. Anh không còn giận và phiền trách ông như xưa khi thấy ông chọn lựa cuộc sống đơn độc để sám hối những lỗi lầm ông đã gây ra. Bob mang hành lý ra xe cho ông. Ông Frank lên xe và vẫy tay chào Bob.

Ông đã trở về New York được một tuần. Mùa hè đã thực sự đến và mưa cứ rộn ràng rơi trên cửa kính. Hai hôm sau, mưa tạnh hẳn, bầu trời trong xanh như pha lê, ông ngồi một mình nhìn ra sân cỏ tràn ngập nắng. Ông thấy một cô bé hàng xóm đang chạy chơi trong sân nhà. Ông chợt nhớ bé Alena. Ông quay lại nhìn tấm hình bé Alena đặt trong phòng khách và bất giác nhìn thấy tấm ảnh lớn của Joyce và ông cùng các con chụp chung bốn mươi lăm năm về trước. Bất giác ông ứa nước mắt. Đã bao mùa lá rụng, đã bao nhiêu thời gian trùm phủ cuộc đời ông nhưng những gì ông đánh mất không bao giờ tìm lại được. Ông đã soi mình trước bóng thời gian để tìm lại một thời thanh xuân đã thực sự bỏ lại sau lưng. Ông ao ước, nếu thời gian ngược dòng, ông sẽ làm lại từ đầu và tình yêu đối với Joyce và các con sẽ trọn vẹn hơn, tràn đầy hơn.

Ôi! Tuổi trẻ mong muội, gốc nghếch người đã thực sự phản bội ta!

PHONG THU

ĐIỆP-VỤ SA MẠC

TRUYỆN GIÁN ĐIỆP «ZC 18»

PHƯƠNG-DUY TDC

I- Szomurú Vasárnap.

ZC 18 ngồi trước chiếc đàn dương cầm nơi phòng khách của ông tổng giám đốc hãng điện tử Viet-Tech.

Holland đang nói chuyện với ông Hòa, bỗng nàng quay lại nói với Thanh Bình:

“Anh có thể đàn cho em hát bản “*Szomurú Vasárnap*” được không?”

Holland muốn thử tài của Thanh Bình ZC18 có hiểu nàng yêu cầu nhạc khúc gì.

ZC 18 nói:

“Vâng, Anh dạo đoạn mở đầu để em bắt giọng vào nhé, nhớ vào cho đúng, đừng sai nhịp.”

Nói xong, đôi tay ZC 18 nhẹ nhàng lướt trên các phím đàn.

Từng ba nốt nhạc theo nhịp chậm buồn vang ra những âm thanh trầm trầm.

Không khí trong căn phòng đang lạnh. Cái lạnh của một mùa đông tại Paris, xa quê hương, cô đơn... lại càng lạnh lẽo hơn khi nàng Holland cất lên giọng hát:

“ Chủ nhật buồn

Đi lê thê

Cầm một vòng hoa để mê

Bước chân về với gian nhà

Với trái tim cùng nặng nề

Xót xa gì?

Oán thương gì?

Đã biết nuôi hương chia ly

*Trót say mê, đã yêu thì
Đầu vô duyên còn nặng thế...”*

...

“Nhớ thương tôi

Đến với tôi, thì muộn rồi!

Trước quan tài

Khói hương mờ bốc lên như vạn ngàn lời

Đầu qua đời

Mắt tôi cười vẫn đăm đăm nhìn về người.”

Hát xong, Holland cười với ZC 18:

“Anh cũng giỏi nhạc đấy nhỉ!”

Ông Hòa nói:

“Cô Holland không biết ZC 18 biết tiếng Hungary mà lại đổ một bản nhạc nổi tiếng của Hung thì ... ZC 18 trúng tủ!”

ZC 18 hỏi Holland:

“Cô biết bản nhạc cô vừa hát, tựa đề là gì trong tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt?, tác giả là ai?”

Holland nín thinh... một lúc sau mới nói:

“Em thích bản nhạc này, nhưng thú thật... em không biết gì hơn, ngay cả tựa đề trong lời Việt.”

“Ông Hòa giải thích:

“Bản “*Szomurú Vasárnap*” có đầu đề tiếng Pháp là “*Sombre Dimanche*”, tiếng Anh là “*Gloomy Sunday*” và nhạc sĩ Phạm Duy đã đặt lời ca bằng tiếng Việt rất hay mà cô hát đó là “*Chủ nhật buồn!*”.

ZC 18 vui miệng, nói thêm:

“Nhạc sĩ dương cầm người Hung Gia Lợi tên Rezsó Seress sáng tác nhạc khúc buồn này

để diễn tả tâm trạng buồn chán vì thất tình của chàng năm 1932.

Khi bài hát được phổ biến ở châu Âu, đã xảy ra những chuyện ly kỳ và chết chóc.

Một thanh niên ở Berlin cầm súng bắn vào đầu mình để tự tử. Trước đó đã nhiều lần anh than phiền với bạn bè là khi nghe bài hát này, anh ta bị ám ảnh bởi lời ca và âm nhạc của nó. Anh rơi vào trạng thái trầm cảm, không muốn sống, không muốn sinh hoạt, thậm chí không muốn nói nữa... và cuối cùng là tự tử.

Vài ngày sau một cô gái Đức ở Berlin treo cổ tự tử dưới chân còn để bản nhạc này.

Báo chí châu Âu loan tin những sự kỳ lạ này, không những các vụ tự tử xảy ra ở Berlin mà cả những nơi khác như Hung, Pháp, Mỹ... và nhiều nơi trên thế giới nữa. Làm cho chính tác giả, nhạc sĩ Rezso Seress cũng phải ngạc nhiên không ngờ bài hát của mình càng ngày càng đem lại cho giới trẻ khắp thế giới một tai họa khủng khiếp đến nỗi người ta gọi bản nhạc này với một nickname mới “ Hungarian suicide song “ (Bài ca tự sát của người Hung) .

Bản nhạc in ra bao nhiêu tiêu thụ hết bấy nhiêu và người chết vì bản Sombre Dimanche lên cao nhất vào năm 1936 làm nhiều nhạc công, ca sĩ sợ và không ai dám trình diễn bản nhạc này.

Bài hát bị cấm một thời gian dài ở vài nước. Có lẽ nhờ sự khốc liệt của trận đại chiến thế giới lần thứ Hai xảy ra ở Âu châu trong thời gian này nên không còn ai để ý đếm thêm bao nhiêu người trẻ thất tình đã tiếp tục đi vào cõi vĩnh hằng vì bản nhạc Chủ Nhật Buồn này.

Cuối cùng chính tác giả của ca khúc lãng mạn thất tình “Szomurú Vasárnap” cũng nhảy lầu tự tử từ căn apartment của ông tại thành phố Budapest, Hungary vào ngày chủ nhật 13 tháng giêng năm 1968 sau ngày kỷ niệm sinh nhật lần thứ 68 của ông!”

II- Chuyến nghỉ mùa đông ở Đông Âu.

Theo thông lệ, sau mỗi lần tham gia một công tác điệp vụ gay cấn nào, dù thành hay bại, ông tổng giám đốc Hòa cũng thưởng cho nhân viên thân tín của mình một chuyến nghỉ phép do nhân viên tự chọn.

Ông tổng giám đốc hăng diện tử Viettech rất sành tâm lý điệp viên thân tín: ông không muốn nhân viên dưới quyền ông căng thẳng thần kinh sau lúc vào sinh ra tử nên thường cho họ thư giãn một thời gian để đủ sức khỏe và tinh thần mà thi hành những điệp vụ kế tiếp.

Kỳ này, sau điệp vụ “Hải đảo thơ mộng” ở Đài loan, ông Hòa cho ZC 18 và ZC 88 đi nghỉ phép hai tuần lễ.

Holland đề nghị nghỉ phép ở Đông Âu mà nàng chưa có dịp sang công tác ở các nơi này.

Ông Hòa chấp thuận ngay.

ZC 18 chán đi du lịch bằng phi cơ, nên đề nghị với Holland đi tàu hỏa tốc hành, vừa an toàn, vừa lãng mạn khi cùng người đẹp đồng nghiệp trên toa tàu couchette nhiều ngày giờ.

Thành phố đầu tiên hai người dừng chân là Hamburg, Đức. Thành phố này lớn thứ nhì của nước Đức. Dân số trên 1 triệu 800 ngàn. Hamburg có kỹ nghệ đóng máy bay dân sự nổi tiếng của Đức và Liên hiệp

Âu châu: hãng Airbus, với những chiếc phi cơ khổng lồ A380 chở được 850 hành khách.

Thành phố cảng Hamburg nằm cạnh con sông Elbe ở miền Bắc nước Đức, cách biển North Sea (Bắc Hải) 150 km. Tàu thuyền lưu thông từ ngoài đại dương vào cảng rất dễ dàng thuận lợi.

Những nơi nổi tiếng tại Đức, nói chung và thành phố Hamburg, nói riêng, không lạ gì với điệp viên ZC 18, nên đi với Holland, chàng xem như một hướng dẫn viên du lịch cho nàng.

Bảy ngày đêm dừng lại Hamburg, ZC 18 đã đưa người đẹp Holland đi viếng những nơi nổi tiếng như bến cảng, các khu phố buôn bán nhộn nhịp, các lâu đài cổ, viện bảo tàng, các khu chợ trời lớn nhỏ, bỗng chàng chợt nhớ tới Chợ Tinh ở khu phố Reeperbahn tại quận Saint Pauli ở Hamburg. Chỉ là nơi rất nổi tiếng với du khách đàn ông, đực rựa thôi với băng đề “Chỉ đàn ông trên 18 tuổi mới được vào” nên ZC 18 không giới thiệu cho Holland biết địa điểm bí mật này. Chàng đã du hí ở Chợ Tinh nổi tiếng này nhiều lần mỗi khi đến công tác tại Hamburg.

Khu này có cửa hàng với băng hiệu lớn “Condomerie”. Bên trái cửa vào tiệm này treo một cái “bao cao su” (condom) rất lớn làm du khách phải chú ý khi đi ngang qua nơi này.

Nhưng có một nơi rất quen mắt trên con đường Reeperbahn dẫn vào “khu Đèn Đỏ” Chợ Tinh mà chàng chưa vào, đó là Nhà Hàng Việt Nam với băng hiệu chữ rất to bằng đèn màu “Hanoi Vietnam”, phía trên nóc có hàng chữ “Vietnamesische-Asiatische Kuchen” và phía dưới có hàng

chữ phụ đề Anh ngữ: “Hanoi, Asia Buffet”.

Ở Đông Âu và Đức, chữ Buffet không có nghĩa quán ăn “bao bụng” như ở Hoa Kỳ mà có nghĩa là nhà hàng bán món ăn đã nấu sẵn tương tự quán ăn “Fast food” bên Mỹ vì bên cạnh có thêm một băng phụ đề Anh ngữ: “Asia Quick Food”.

Sau nhiều ngày cuộc bộ đi xem nơi này, nơi khác, ZC 18 thấy Holland thấm mệt, nên chàng đề nghị với nàng:

“Ta đi đến hãng xe buýt du lịch Graf mua vé từ Đức sang Budapest, Hungary chơi nhé!”

Holland hỏi lại:

“Sang đó làm gì? Có gì đặc biệt không?”

“Có, mà thiên cơ bất khả lậu. Cứ đi, rồi biết!” Thanh Bình ZC 18 ỡm ờ trả lời kèm theo một nụ cười bí hiểm như nụ cười của nàng kiều nữ trong tranh Leonardo Da Vinci thuở nào.

III- Budapest, một chiều đông buồn.

Xe buýt du lịch hãng Graf đã đưa Holland và Thanh Bình đến Budapest đúng giờ. Hai người tìm quán ăn và khách sạn để trú qua đêm.

Budapest mùa đông rất lạnh. Dù có sưởi vẫn cảm thấy rùng mình. Nhưng điệp viên ZC 18 và đồng nghiệp ZC 88 vẫn không thấy lạnh vì họ đã đắp mền da người trong lúc ZC 18 còn tu thêm vài ngụm rượu mạnh đựng trong chai Scotch whisky hình đẹp đẹp mà chàng thường mang theo người.

Sáng hôm sau, hai người thức dậy sớm, sau khi dùng điểm tâm. ZC 18 đưa Holland xuống ga xe điện ngầm đi đến

nhà hàng Kulacs Etterem. Một nhà hàng không nổi tiếng về món ăn lạ hoặc ngon mà nổi tiếng nhờ nhạc sĩ Hungary tên Rezso Seress với bản nhạc “Ma quái” Szomorú Vasárnap Chủ nhật Buồn đã làm chết nhiều người!

Chính tại nhà hàng này, nơi người nhạc sĩ tài hoa Rezso Seress từ năm 1934 đến năm 1950

đã đánh đàn. Bản Chủ Nhật buồn đã từng làm tan nát con tim của những kẻ bị thất tình đồng điệu với tác giả.

Hiện nay, hàng ngày tại đây vẫn có ban nhạc phục vụ cho thực khách.

Có sẵn một CD thu âm bản Chủ Nhật buồn khi khách muốn thưởng thức... để hồn bay theo những nốt nhạc trầm buồn nhớ đến người bạn làm mình thất tình nay đang ở một nơi nào trên hành tinh này hay đã về miền miền viễn xa xôi!

Uống xong ly café hương vị đặc biệt Hungarian, Holland ôm hôn Thanh Bình một nụ hôn dài để cảm ơn chàng đã đưa nàng đến địa điểm lịch sử hiếm quý này.

IV-Sa mạc bốc lửa.

Đang vui chơi bên nàng Holland chưa hết thời gian nghỉ phép, điệp viên ZC 18 nhận lệnh của ông Hòa bỏ chuyến du lịch để thi hành điệp vụ mới.

ZC 18 từ già Holland đáp chuyến bay sớm nhất đến nơi hẹn. Holland về lại Paris trong lòng đầy luyến tiếc những ngày vui vừa qua.

Xe Jeep quân đội ra đón ZC 18 tại phi trường rồi đưa chàng đến ngay nơi công tác. Chuyến này chàng phải đi xuyên qua

một đoạn sa mạc bốc lửa với hai nghĩa đen và nghĩa bóng : trời nóng vô cùng và vùng lửa đạn ác liệt.

Nghe thuyết trình viên nói đến sa mạc làm điệp viên ZC 18 nhớ lại một lần công tác nhiều năm trước đây phải vượt qua sa mạc Gobi ở Mông Cổ một người dân địa phương đã kể cho chàng nghe những nguy hiểm khi đi trên sa mạc:

“Đối với dân Mông Cổ thường xuyên đi ngang qua sa mạc Gobi phải cảnh giác một loại quái vật mà người dân địa phương gọi “Allghoikhorkhoi”. Allghoikhorkhoi trong ngôn ngữ Mông Cổ là “con giun khổng lồ” dài từ 3 đến 5 mét. Lúc bình thường nó nằm dưới mặt cát sa mạc, hàng năm cứ vào một thời gian nhất định nó ngóc thân mình cao ngất ngưỡng lên khỏi mặt cát và lúc lác di chuyển đi tìm mồi. Loại côn trùng này có thể giết chết con mồi một cách nhanh chóng ở cự ly gần bằng nọc độc cực mạnh hoặc phóng ra luồng điện dài vươn tới những con mồi cách nó khoảng vài mét. Có người nói loại quái vật này có thể phun ra ra một chất độc màu vàng có tính ăn mòn cao giống như dung dịch axit sunfuaric. Ban đêm nó có khả năng phát ra dòng điện cực mạnh đủ sức giết chết tại chỗ một con lạc đà.”

ZC 18 nghĩ, không biết vùng sa mạc mà chàng sắp đi qua còn có loại quái vật nào nữa không. Nhưng chàng có vũ khí và phản xạ nhanh lại tác xạ chính xác thì cứ « wait and see » - đợi xem, ngại gì!

Sau khi vượt qua sa mạc khô khan, nóng bỏng, chàng và đồng đội leo lên vùng núi đá thấp và từ trên cao nhìn xuống phía bên kia là đồng bằng có nhà dân sinh sống.

Toán quân đi lũng trên núi đá tìm các ngách hoặc cửa động vì nhận được tin tình báo cho biết bọn khủng bố đang trú ẩn và huấn luyện những tên ô-m bom tự sát ở nơi này.

Đã hai ngày qua, toán quân vẫn chưa thấy dấu hiệu gì khả nghi. ZC 18 đang ngồi dựa lưng vào vách đá lớn, chàng thấy một làn khí trong núi đá bốc ra. Quan sát kỹ chàng báo cho đồng đội biết đó là khói vì người có mùi khét.

Toán chuyên môn đã đến đào vách đá và tìm ra lối vào hang. Để tránh tổn thất khi phải giao tranh với quân khủng bố và những tên ô-m bom tự sát dưới hầm sâu ở dưới núi. Toán công binh đã gài chất nổ để tiêu diệt quân khủng bố. Nhiều tiếng nổ lớn tiếp theo tiếng nổ đầu tiên do toán công binh kích hỏa.

Qua ngày hôm sau, các toán quân đã xâm nhập vào hầm. Hầm rất rộng và có nhiều ngõ ngách. Nhưng không còn tên khủng bố nào sống sót. Nhiều tài liệu, bản đồ, có giá trị nhất là danh sách những tên khủng bố đã được huấn luyện và đã tung vào năm vùng trong cộng đồng thế giới ở Iran, Afghanistan, Iraq, Palestine, Do thái, Nam Dương, Úc, Anh, Pháp, châu Phi, Ấn độ, Trung quốc, Thái lancùng những nước nào có cộng đồng người hồi giáo quá khếch trú ngụ..

Về lại Paris, khi gặp ông tổng giám đốc hãng Viet-Tech, điệp viên ZC 18 mới biết vì sao chàng có mặt trong cuộc hành quân này. Nguồn tin tìm ra địa điểm khu hầm là do cơ quan điệp báo của ông Hòa cung cấp nên ban chỉ huy hành quân muốn có người của Viet-Tech tham gia để biết kết quả.

Ông tổng giám đốc ngỏ lời khen ZC 18 và nói thêm là đã rất tiếc không để cho ZC 18 và ZC 88 vui trọn những ngày nghỉ phép ở Đông Âu . Ông hứa sẽ đền bù lần khác.

Holland đã nhân dịp này cảm ơn ông tổng giám đốc đã tạo cho nàng được có dịp đến “cái nôi” của nhạc phẩm “Szomorú Vasárnap” do nhạc sĩ dương cầm người Hungary Rezső Seress sáng tác năm 1932.

© PHƯƠNG-DUY TRƯƠNG DUY
CƯỜNG

TIỂU SỬ TÁC GIẢ



Tên thật: **TRƯƠNG -DUY-CƯỜNG**
Bút hiệu: **PHƯƠNG-DUY TDC**

- Sinh ngày 26 tháng 11 năm Bính Tý (8 tháng 1, 1937) tại Faifoo (Hội-An, Việt Nam).
- Cựu học sinh Institut de la Providence Huế.
Cựu học sinh Trường Quốc-Học Huế, Ban Văn Chương (1954-1957). Cựu sinh viên Đại-học Văn-Khoa Huế. Cựu học viên hàm thụ âm nhạc trường Universelle, Paris (1952-1955).

Cựu học viên hàm thụ hội họa trường
CDEPSM, Monte Carlo, Monaco (1953-1956)

Dạy học:

Từ 1959 đến 1963 tại các trường trung-học
Nguyễn-Duy-Hiệu, Phạm-Hồng-Thái,
Trần-Quý-Cáp (Quảng-Nam)

Quân-sự:

Động-viên học khóa 16 Sĩ Quan Trừ Bị tại
Liên-trường Võ-khoa Thủ-Đức (1963).
Khóa Huấn-luyện Phụ-tá Quận-trưởng do
Học-viện Quốc-gia Hành-chánh tổ-chức tại
trường SQTB/TĐ (1964). Khóa Bộ-binh
cao-cấp tại trường Bộ-binh Long-Thành.
Cựu sĩ-quan cấp Tá Quân Lực Việt Nam
Cộng Hòa (VNCH), đã được ân-thưởng 22
huân-chương, huy-chương QLVNCH, huy-
chương Hành-chính dân-sự của chính-phủ
VNCH và huy-chương Quân-lực Hoa Kỳ.
Cựu tù-nhân chính-trị trong 9 trại tù của
Cộng Sản. Định-cư tại Hoa Kỳ theo thành-
phần HO (1991).

Sáng-tác:

- Từ 1956 đã có nhiều ca-khúc âm-nhạc
được ấn-hành và trình-bày trên các Đài
phát-thanh Sài Gòn, Quân Đội và Huế.
- 1955-65: viết báo Phổ Thông (Saigon) và
Mầm Sống (Huế).
- Từ 1991 đến nay viết trên trăm truyện
ngắn, ca khúc, bài khảo-cứu, lịch-sử, đã
đăng ở nhật-báo Việt-Nam, Thời-Báo (San
Jose), Tuần báo Trống Đồng (Nam
California), Tự-Do (Texas), Tiếng Vang
(Sacramento) và trên một số giai-phẩm,
đặc-san, nguyệt-san, tuần-báo tại các tiểu-
bang khác ở Hoa Kỳ cùng trên trang báo
điện tử: quanvan.net, vietnamdaily.com,
nguoiohoian.info, quangdabaccali.blogspot.com
Tác phẩm đã phổ biến trên internet:
- ĐIỆP-VIÊN ZC 18 (tập truyện gián điệp)

- MICHIKO (bút ký du lịch)
- MỘT THOÁNG LIÊU TRAI (tập truyện
ma quái)

Tác phẩm đã phát hành:

- HAI TẤM THẺ BÀI (tập truyện viết về
đời lính và tù cải tạo) do PHI-ANH xuất
bản năm 2011

- BIỂN TÌNH (tập truyện tình cảm) do PHI-
ANH xuất bản năm 2014

- CD TÌNH KHÚC TDC do ca sĩ Thanh
Trà trình bày (2006)

Tác phẩm: (in chung)

Quảng Đà (Đặc San Biên Khảo Văn Học
Nghệ Thuật) các năm: 1992, 1993, 1994,
1995, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001,
2002, 2003 và 2004; Bút Hoa (Tuyển Tập
Thi Văn của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại /
TBHK), các tập 3, 4, 5; Thi văn viễn xứ
(Tuyển tập, số 2, 3)

Sinh-hoạt đoàn-thể:

Cựu hội viên Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội
(trước 1975); Hội-viên Hội Văn-học
Quảng-Đà (Nam California); Hội-viên Văn-
Bút Việt-Nam Hải Ngoại; Hội viên Hội
Nhà Văn Việt-Nam Lưu-Vong; Thành viên
Văn Đoàn Đồng Tâm.

TẠP CHÍ CỔ THƠM

có bán tại

WASHINGTON MUSIC

Eden Center

6795 Wilson Blvd. #26

Falls Church, VA 22044

Tel. 703 538 4979

LET ME GO

When I come to the end of the road
And the sun has set for me
I want no rites in a gloom filled room
Why cry for a soul set free?
Miss me a little, but not for long
And not with your head bowed low
Remember the love that once we shared
Miss me, but let me go.
For this is a journey we all must take
And each must go alone.
It's all part of the master plan
A step on the road to home.
When you are lonely and sick at heart
Go the friends we know.
Laugh at all the things we used to do
Miss me, but let me go.

When I am dead my dearest
Sing no sad songs for me
Plant thou no roses at my head
Nor shady cypress tree
Be the green grass above me
With showers and dewdrops wet
And if thou wilt remember
And if thou wilt, forget.
I shall not see the shadows,
I shall not fear the rain;
I shall not hear the nightingale
Sing on as if in pain;
And dreaming through the twilight
That doth not rise nor set,
Haply I may remember,
And haply may forget.

Christina George Rossetti
(1830-1894)

ĐỂ TÔI RA ĐI

Khi tôi tới cuối đường đời
Vàng dương theo lặn cuối trời xa xôi
Đừng bày nghi lễ cho tôi
Đầy phòng sầu muộn thêm khơi não nề
Hồn tôi thanh thản, khóc chi?
Nhớ tôi thoáng chốc, chớ hề nhớ lâu
Không cần cúi thấp mái đầu
Nhớ yêu thương lúc cùng nhau cận kề
Nhớ tôi nhưng để tôi đi.
Đoạn đường ai cũng phải về trước sau
Du hành đơn độc tránh đâu.
Trò chơi tạo hóa nhiệm màu lạ chi
Bước đầu trên nẻo thác về.
Khi người cô độc và tê tái lòng
Hãy tìm hợp bạn tương đồng.
Cười như xưa lúc mình cùng đùa vui
Nhớ tôi hãy cứ nhớ thôi
Để tôi đi nhé, thanh thoi trên đường.

Khi tôi chết, hỡi người thương,
Xin đừng hát khúc sầu vương não nùng
Mộ tôi hồng thắm đừng trồng
Chẳng cần bóng bạch, bóng tùng buồn lơ
Hãy giăng cỏ mượt xanh tươi
Đón mưa gieo hạt, hứng trời mù sương
Tùy người hé nụ nhớ thương
Hoặc theo cánh gió xuôi vườn lãng quên.
Tôi nào thấy bóng tối đen,
Nào còn cảm nhận êm đềm mưa rơi;
Nào nghe chim hót tuyệt vời
Họa mi dường đã rối bời đau thương;
Tôi mơ qua ánh vừng dương
Đâu còn mọc, lặn cuối đường chân mây
Đôi khi nổi nhớ dâng đầy
Đôi khi quên lãng lòng đầy lạnh lùng.

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

Cho Vợ Hiền Yêu Dấu

Vũ Đức Nghiêm

(Tác giả viết trong lao tù của Cộng Sản)

Đêm 6 tháng 3 năm 1983

Trong một tuần qua, bố đã viết cho mỗi con ít hàng tâm bút; những đứa con sản nghiệp quý báu nhất trong cuộc đời lứa đôi của Bố mẹ suốt 29 năm qua, từ ngày bố mẹ quỳ trước bàn thờ ngày 18 tháng 7 năm 1954 tại nhà thờ Hà Nội.

Bố luôn luôn nghĩ tới ông bà ngoại, biết ơn ông bà đã ban cho bố một viên ngọc quý báu nhất trên đời, cũng như bố cảm ơn mẹ đã cho bố 7 viên ngọc sáng long lanh. Mỗi viên một sắc thái, dù chưa tròn lành nhưng lòng bố yêu dấu vô cùng.

Có lẽ mẹ con nhớ đêm 24 tháng 9 năm 1974 trong chương trình phỏng vấn trên đài Sài Gòn của ca sĩ Quỳnh Giao, khi được hỏi là bố ưa thích bản nhạc nào nhất trong số những ca khúc bố đã viết, bố trả lời: "Tôi có 7 đứa con, đứa nào tôi cũng yêu thương như nhau cả".

Tương lai! tương lai! Lúc nào trong tâm khảm bố cũng âm vang lên hai tiếng đó như một điểm hội tụ của mọi suy tư. Thế mà, đã ngót 8 năm nay bố hoàn toàn bất lực, hoàn toàn giao phó cho mẹ đảm nhiệm trách vụ nặng nề đó. Khi các con lớn đã bước vào đời, thì mẹ lại tiếp tục gánh nặng ấy đối với các con nhỏ.

Bố muốn đóng góp một chút gì vào công việc vĩ đại ấy để chia sẻ những nỗi cực nhọc của mẹ, nhưng bố thật là đau lòng mà thú nhận rằng bố chẳng làm được tích sự gì cả!

Nói lên điều đó để mẹ hiểu rằng bố biết ơn mẹ vô vàn đã hoàn tất chu đáo việc nuôi dạy các con cũng như gây dựng gia đình cho các đứa lớn.

Đêm 7 tháng 3 năm 1983

Những ngày Tết vừa qua, tâm tư bố hướng về những kỷ niệm, mà kỷ niệm thì tràn đầy những ảnh hình yêu dấu.

Hình ảnh mẹ lúc bố gặp lần đầu tiên cách đây 39 năm. Khi mẹ còn là cô bé 13 tuổi ngây thơ, khép nép, cắp sách đến trường thi Tiểu học. Những lần chơi ping pong đầu tiên, những xúc động nhẹ nhàng trong lòng cậu bé tuổi 14 khi tạm biệt "người-sẽ-là-vợ-mình" 10 năm sau.

Những ngày sau đó, trong lòng bố có một sự thay đổi rõ rệt. Đã biết buồn man mác, mơ mộng vẫn vợ...

Ngày 24 tháng 9 năm 1944, bố đơn ca bài Mừng Hôn Lễ của J. Sebastien Bach trong đám cưới anh chị Lý. Bố còn nhớ bài đó cung Mi bemol Trưởng, chú Ngọc đàn Harmonium đệm cho bố. Đang khi hát, một bóng dáng mảnh khảnh, mặc áo dài xanh bước vào nhà thờ. Tim bố đập nhanh hơn, giọng hát cao vút hơn vì tiếng hát này để gửi gắm cho cô bé đó.

Những ngày hè 1945, cô bé áo xanh tản cư về quê. Cậu bé 15 tuổi mới ở Hà Nội về sau ngày đảo chính Nhật Pháp, nhìn thấy cô bé đang ngồi gồi đầu, mái tóc buông dài tha thướt, lòng thật xúc động sau một thời gian xa nhau. Những ngày gần gũi của đôi tâm hồn trong trắng không vẩn chút bụi nhơ, cùng học chung bài chữ Hán trong sách "Trị Ká Kác

du” của Chu Pạc Lừ Sín Sán (“Trị gia cách ngôn” của Chu Bá Lư Tiên Sinh).

Gần nhau trong một khung cảnh êm đềm và thơ mộng của quê hương, hôn thơ lai láng và bắt đầu bài thơ thứ nhất (phỏng theo ý thơ La Fontaine - Nguyễn văn Vĩnh dịch).

"Em khoe rằng tóc em dài "

"Em khoe đôi mắt không ai đẹp bằng "

"Rồi em đi lại tung tăng "

"Nào ngờ vương lưới anh giăng trên đường "

"..... "

"Em ơi, em đẹp vô cùng "

"Em yêu anh nhé, em đừng yêu ai "

Thời gian qua, những bức thư đầu tiên trở đi chỉ là những thăm hỏi của hai tâm hồn thơ dại, cho đến tháng 6 năm 1949, bỏ thi đỗ Trung Học Phổ Thông.

Ông nội cho phép bác Lý dẫn bố vào thăm ông bà ngoại. Tháng 7, ông nội vào Thanh Hoá định xin cử hành lễ cưới nhưng có lẽ vì 2 đứa còn con nít quá nên ông bà ngoại chưa thuận.

Gần 3 tuần lễ bên nhau, biết bao kỷ niệm êm đềm. Lần trao hôn đầu tiên. Đêm trăng đẹp ở Cầu Bó với sự chứng kiến của bác Lý.

Ngày 18 tháng 7 năm 1949, từ biệt người yêu trở về quê, cậu trai 19 tuổi khóc sưng cả mắt, những cố gắng giấu mọi người; ngồi dưới thuyền, ông nội trông thấy chắc là người sẽ cười cậu bé si tình mềm yếu.

Bản nhạc tình đầu tiên, "Níu lại thời gian", " Đôi mắt nhưng huyền "được viết trong dịp đó ghi lại những xúc động chia ly.

Ngày 16 tháng 10 năm 1949, Pháp nhảy dù ở Phát Diệm, trường Nguyễn thượng Hiền di tản vào làng Ngô Xá gần Hậu Hiền, tạo cơ hội cho đôi trẻ gần nhau. Những ngày nghỉ cuối tuần: trên đường Rừng Thông, chợ Vạn Lộc, chợ Rùm.

Tháng 1 năm 1950: một cái Tết buồn, một cuộc bất hoà làm suýt tan vỡ tất cả.

Chàng trai đại dột, giận dỗi bỏ nhà ra đi Việt Bắc rồi 8 tháng sau lại trở về, để rồi vào Hà Nội tháng 9 năm 1950. Cậu học sinh mơ mộng và lãng mạn đã bị loá mắt về những hình ảnh xa hoa, rục rờ của Hà Nội 36 phố phường, quên mất người vị hôn thê ở xa.

Năm 1951, cậu trai thi xong Tú Tài I rồi bị gọi nhập ngũ. Vị hôn thê vào thành, những cuộc tình đã bắt đầu lung củng. Hai bên cùng có những lỗi lầm vì vụng về và khờ dại, những lỗi về phía chàng trai nhiều hơn.

Cuộc tình càng lúc càng lung củng, đi đến giai đoạn muốn đổ vỡ vì chàng trai mê Thu Nguyệt một cách điên cuồng khi còn là sinh viên sĩ quan ở Nam Định. Rút cục, cuộc phiêu lưu này không đi đến đâu.

Giáng Sinh năm 1953: sau buổi lễ, 2 chiếc xe đạp chạy song song từ đường Ngô Trạm, qua phố Hàng Da, Julien Blane, rẽ sang Gambetta, đi loanh quanh qua các phố phường của Hà Nội yên ngủ để rồi chỉ về nhà ở số 7 Phan Huy Chú lúc đã khuya. Bác Lý ra mở cửa, thấy 2 đứa đi với nhau, mỉm cười.

Ngày 18 tháng 7 năm 1954, vào lúc hội nghị Genève đang hồi gay gắt nhất, tại nhà thờ Hà Nội, Mục Sư Trần Văn Đệ đã làm lễ thành hôn cho 2 kẻ yêu nhau từ 10 năm trước nhưng đã trải qua một giai đoạn dài trong thử thách, giận hờn và lạnh nhạt tưởng chừng không thể nối lại được.

Đám cưới thật đơn sơ. Cô dâu mặc toàn trắng, khăn voilette trắng, giày mule trắng, và trước lúc lên xe hoa, chú rể đã ôm một bó Glaioul trắng đến tặng cô dâu.

Chú rể thì ăn mặc "cả đần "không chịu được! Một bộ complet trắng rộng thùng thình, quần quá dài (mượn của Ông Ngọc) nên phải xắn ở thắt lưng quần lên 2 vòng, cravate đỏ, giày đen quá chật (mượn của anh Lý).

Suốt 3 năm đi lính không sắm được 1 bộ đồ, ngoài 1 bộ pyjamas mua trước ngày cưới, nên đành phải mặc bộ đồ mượn một cách

thật là ngượng ngùng, lúng túng hết sức vậy đó. Tuy nhiên, mọi việc tiến triển tốt đẹp, và sau khi làm lễ hôn phối, cô dâu chú rể quỳ trước bàn thờ, trao nhẫn, nhận quà tặng và lời chúc mừng...

Hai chiếc xe vedette cổ lỗ đít tròn có kết hoa cho mọi người về phòng cưới ở đường Gambetta. Những người có phương tiện riêng - phần lớn là xe đạp - cũng đi theo. Sau bữa tiệc trà đơn giản - vô cùng đơn giản - 2 họ ra về.

Đêm xuống dần, gió rì rào ngoài hàng cây sấu ven đường. Trăng 19 rải ánh sáng dịu dàng trên cảnh vật, rọi vào phòng cưới. Hai vợ chồng mới mãi ngắm trăng quên cả thời gian. Mãi đến khi bụng đói mới nghĩ đến bữa ăn tối, đường ra phố có tiệm ăn thì xa, xe cộ về khuya ít léo hánh tới khu vực này. May sao có hàng sực-tắc (mì mằn thắn) đi qua. Chú bé rao hàng cầm 2 que tre hình cong gõ vào nhau thành tiếng. Đôi tân hôn ăn bữa mì hợp cần thật no. Không có rượu mà sao cũng say nhỉ?

Sau đó chú rể vào phòng tắm. Có lẽ vì ở dơ một phần, và cũng vì đi hành quân liên miên, ít tắm giặt, nên chú rể ở trong đó khá lâu. Cô dâu vào phòng tắm sau đó và mất công quét dọn nhà tắm vì ống cống bị tắc, không biết có phải vì nhiều ghét quá chăng!

Đêm tân hôn qua đi trong hạnh phúc tuyệt vời. Sáng hôm sau, hai đứa lách thếch xách vali quần áo về nhà Ông Ngọc.

Em yêu dấu ơi!

Thế là em đã là vợ của anh rồi. Gần 30 năm qua, biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn, cười khóc, khi thăng trầm, phút vinh quang, lúc tủi nhục, em đã chia sẻ với anh.

Người ta thường nói: "Anh có thể thất bại trên đường đời. Công danh, phú quý, sự nghiệp, hoài bão tan tành, nhưng nếu anh thành công trong đời sống lứa đôi, có thể nói là anh đã thành công."

Anh có thể khẳng định với em là nếu Thượng Đế cho anh một cuộc sống khác nữa, nếu anh trẻ lại 30 tuổi, thì người anh lựa chọn làm bạn đời sẽ chỉ là em, và chỉ có thể là em mà thôi! Bởi vì sau 29 năm em về với anh, em đã ban cho anh những ngày hạnh phúc tuyệt vời, những đứa con ngoan hiền, thuận thảo. Những ngày sống xa mình và các con, anh đã được sưởi ấm vì tình thương yêu của vợ con, lòng thủy chung tuyệt đối của em và một niềm tin vững chắc vào sự an bài của Thượng Đế đối với chúng ta.

Ôn lại những ngày qua, nhiều lúc anh thật là hối hận vì đã bao lần làm em khóc vì Anh. Anh, con người quá ích kỷ, độc đoán, tham lam, lãng mạn, mơ mộng ngoan cố và đầy những tính xấu khác. Đó cũng là lý do anh không thành công trên đường đời. Đáng lẽ anh đã phải thực tế hơn, cởi mở hơn, chiều chuộng em, săn sóc các con nhiều hơn nữa. Đáng lẽ anh đã phải làm tất cả mọi sự trong khả năng cho đời sống vợ con hạnh phúc hơn. Đáng lẽ anh đã phải sống gương mẫu hơn, đạo hạnh hơn để xứng đáng với em, để làm gương cho các con nhưng anh đã buông thả với những ngày phóng túng như một kẻ hoang đàng để rồi tự bào chữa một cách chủ quan và ương ngạnh. Đáng lẽ, đáng lẽ..., đáng lẽ anh đã phải bị trừng phạt nặng nề hơn thế nữa, nhưng do lòng nhân từ của Thượng Đế, anh vẫn được yên lành qua báo ngày thử thách gian khổ. Viết tâm sự với mình ít hàng để vợ chồng mình hiểu nhau hơn và thương nhau hơn nữa, và tha thứ cho nhau.

Bây giờ các con lớn đã trưởng thành (đã có những con chim đủ lông cánh bay đi xa, thật xa rồi) và những con nhỏ đang chập chững chuẩn bị vào đời. Trách nhiệm của em thật nặng nề, nhưng anh tin là em đủ can đảm vượt qua mọi gian nan, vững bước đi trên khổ đau cũng như em đã làm suốt trong thời gian anh xa vắng. Mong em luôn mạnh khỏe, kiên trì chịu đựng mọi sự thử thách. Cũng như anh suốt mấy năm qua anh học bài học "nhẫn nhục "

Chữ nhẫn có 2 phần:

1 "nhẫn": mũi nhọn - 2 "âm": trái tim

Nhẫn là sự chịu đựng mũi nhọn đâm vào lòng, cho dù có đau đớn đến mấy cũng kiên trì can đảm chịu đựng. Tiếc thay đôi lúc anh cũng vẫn còn khuyết điểm, còn để cho lòng tự ái nhỏ nhen, tính ích kỷ, sự nóng nảy làm cho mình lầm lẫn khi xử sự. Nhưng anh tin rằng với lòng thương yêu đối với gia đình, anh sẽ làm mọi sự vì em và các con để xứng đáng với sự hy sinh và lòng mong mỏi của vợ con.

Những dòng tâm bút viết cho các con trong những lúc tâm hồn hướng về gia đình thường là sau một ngày lao động mệt nhọc, hãn là còn thiếu sót nhiều. Có nhiều chi tiết, những việc xảy ra hồi còn nhỏ của các con mà bố đã quên lãng, mong mẹ và các con bổ khuyết và khai thác, viết nối tiếp để làm tài liệu sau này.

Mẹ cũng khuyến khích cu Vi nên sang ông Ngọc và bà Ký để tìm hiểu thêm về các bậc tổ tiên, từ ông bà nội tới cụ cố nội (cụ Hàn), cụ cố 4 đời (cụ Phủ), cụ cố 5 đời (cụ Chánh). Cây có cội, nước có nguồn, ăn trái nhớ kẻ trồng cây, làm người nhớ ơn tổ tiên. Nếu có thể, cu Vi nên làm một sơ đồ theo hệ thống của từng thế hệ.

Bố đi vắng, Dũng cũng vậy, cu Vi bây giờ là trai lớn, phải thay bố mà làm việc này mỗi khi con rảnh việc, sau đó viết cho bố biết

việc này còn đã tiến hành được đến đâu. Bố rất mong con lưu tâm đến đề nghị của bố.

Nếu các con thắc mắc về Bùi Vũ Dương thì bố xin nói qua về bút hiệu đó. Họ Bùi là tượng trưng họ của bà nội, người đã cho bố cuộc đời và lòng thương yêu tuyệt đối của tình mẫu tử. Hơn 50 năm trong cuộc sống đầy rẫy thăng trầm, bố vẫn nghĩ rằng tất cả rồi sẽ qua đi, chỉ có Tình Thương Yêu là vĩnh cửu. Tình Thương Yêu phát xuất từ Thượng Đế và vì Thượng Đế chính là Tình Yêu Thương nên chúng ta là con cái của Ngài, có nhiệm vụ duy trì, phát huy tình yêu thương đó. Tình Yêu Thương bao la đối với vũ trụ, thiên nhiên, quê hương, tổ quốc (nói một cách trừu tượng) và cụ thể là tình yêu loài người, tình yêu cha mẹ, con cái, anh em, bạn bè, tình yêu đôi lứa, vân vân.

Do đó, bố mong các con hiểu rằng bố đã có nhiều lầm lỗi nhưng tất cả đều được xóa bỏ bằng Tình Yêu Thương. Chỉ có Tình Yêu Thương là Vĩnh Cửu nên sau này và mãi mãi bố chỉ muốn ca ngợi Tình Yêu Thương mà thôi.

Còn Vũ là họ của ông nội, người đã cho bố mầm sống, cũng như xa hơn nữa là cụ Hàn, cụ Phủ, cụ Chánh. Vũ là các con những kẻ mang trong mình dòng máu đó để tiếp nối giòng họ. Sau hết Dương là họ của ông Ngoại, dòng dõi các cụ Tô Dương Lâm - Dương Khuê - Dương Tiến lừng lẫy văn học của làng Vân Đình, Hà Đông, là họ mẹ các con, người đã thương yêu, chung thủy hết lòng đối với bố, hy sinh hết cả vì các con, nuôi dạy các con thay bố. Bố mong có dịp in các bản ca khúc của bố và sẽ đề bút hiệu này thay vì tên thật, kể cả các bài hát Tôn Vinh cũng vậy.

Vũ Đức Nghiêm

Gái Ngoan...

Điểm Châu (Cát Đơn Sa)

Đề mừng ngày có được thẻ xanh chính thức, cô Tình sau nhiều lần dụ khi, ngọt ngào, đã được ông chồng cho đi chơi Việt Nam hai tháng để thăm bà chị lớn, với số tiền tiêu vặt là một ngàn đô la! Chỗ ở của hai mẹ con thì ông đã có người bạn cùng sở cho mượn tạm căn phòng nhà bà con, gần chợ Tân Định. Tạm trú trong hai tháng đưa hai trăm là đủ.

Ở nơi đó, nghe nói là còn có chỗ để nấu bếp phía đằng sau, vì mọi người thường hay đi làm, ít khi ở nhà, nên cô Tình tha hồ mà xử dụng nấu nướng, không sợ phiền. Đó là ông chồng cô nghĩ như vậy, chứ không biết cô đâu có tài nội trợ mà cần bếp núc!

Cô Tình tiếp nhận số tiền ít ỏi của chồng mà trong lòng vui khôn tả, không hề lo sợ! Cô biết trong hai tháng trời, số tiền này chẳng thấm vào đâu để cô chi tiêu! Chỉ nội đi sắm sửa, ăn chơi một vài lần là hết! Đi chơi về cô tính sổ ông chồng vì đã có thẻ xanh.

Duy có thằng cu Bin năm tuổi thì tuy không đòi hỏi gì, nhưng vấn đề ăn uống cũng phải cẩn thận đôi chút, nó mà bị đau là khổ lắm! Cô sẽ nhờ con gái chị Hai coi sóc nó cho cô đi chơi!

Về Việt Nam là cơ hội cho cô bay nhảy, gặp lại mấy thằng bồ cũ! nhất là úp mở cho tụi nó biết “họ” là ba của thằng Bin! Cũng vì chuyện này mà cô Tình năn nỉ ỉ ôi ông chồng có quốc tịch Mỹ, xin cho được về thăm chị Hai vì nhớ chị quá!

Chồng cô từ ngày có thằng Bin, thường rung đùi khoe với thiên hạ, ngụ ý dù ông cao tuổi, nhưng cũng sản xuất ra một thằng con trai quý tử nối dòng ngô nghĩnh! chứ đâu biết nhiều khi lại là “tò vò mà nuôi con nhện”, hay sự thật như thế nào!

Còn cô Tình, từ ngày làm hôn thú với ông già gấp đôi tuổi, cô phải giả vờ đóng vai “vợ hiền, vợ ngoan” trong hơn bốn năm, cho đến khi có giấy tờ chính thức cư ngụ hợp pháp mới “vùng lên” lật ngược thế cờ. Lâu nay không được tung hê ăn chơi, bó giò trong nhà với ông chồng kẹo, quê mùa, chuyên môn câu giờ không chịu đi làm giấy tờ... cũng cực hình lắm rồi!

Vấn đề tiền bạc thì không lo, cô đã có cách làm ra tiền, nhiều tiền là khác khi về Việt Nam!

Bên đây, chỉ mình chồng cô đi làm, nên ông ta nắm hết tiền bạc, mỗi tháng đưa cô năm chục muốn tiêu gì thì tiêu, còn tiền chợ hàng tuần ông chở mẹ con đi một lần, mua thức ăn tồn vài chục do ông thanh toán, chủ yếu là có đủ sữa và tã cho cu Bin, còn thì cô phải tính toán sao cho cả nhà đủ ăn trong tuần, mà thức ăn không đến nổi tệ!

Được cái ông chồng cô ăn uống cũng thích sự đậm bạc, do chính tay ông nấu lấy thì mới ưng, thức ăn kham khô giống như tính hà tiện sẵn có của ông, tức là rau chằm với tương chao, hay cá khô nướng là ngon rồi!

Riêng cô Tình, mỗi khi ông chồng vừa đi làm, thì cô cũng leo ngay xe bus ra phố mua đủ thứ, khi thì bánh hỏi, nem nướng, vịt quay, heo quay, phá lấu v.v... đem về ăn một mình, thức ăn còn dư thì giấu kỹ trong tủ lạnh, nói dối chồng là của mấy người “share” phòng, để hôm sau xoi tiếp.

Tiền đâu mà cô Tình chi tiêu phũ phê? Có đó... chuyện này thì chỉ có cô biết, và sẽ tiết lộ sau!

Buổi chiều khi chồng đi làm về cả nhà ăn cơm chung, cô giả vờ khép nép ngồi bên chằm mút chút đỉnh, chứng tỏ mình là con người “ăn để mà sống”! Đôi lúc ông chồng cũng thắc mắc vì vợ ăn ít quá, mà không thấy ốm yếu chút nào!

Ông chồng cô Tình hơn cô hai mươi lăm tuổi. Sự suy nghĩ cũng như thể xác của ông nhìn chán chết! Ông có phong cách ốm như con cò ma lại đen thui, nhưng trên khuôn mặt xấu trai còn kéo lại cái mồm nhọn, cũng may nhờ có tiếng nói lạnh lạnh mà làm cho tụi Mỹ nó nể! Ông chuyên về ghi giờ và phân công nhiệm vụ cho ấy thẳng “giữ an ninh” trong sở, nên không sợ thất nghiệp, lương lậu cũng tạm tạm!

Có người hỏi tại sao cô Tình hơ hớ như thế lại chịu đèn ông già ốm yếu? thì cô trả lời cũng chỉ vì “tình hình đất nước

phải thế”! Nếu hỏi thêm “hai người gặp nhau ở đâu?” thì nhất định cô sẽ lờ qua chuyện khác, không trả lời!

Chỉ có chị Hai bên Việt Nam mới biết cách đây mấy năm, cô Tình qua Mỹ theo gia đình một cặp vợ chồng chủ còn trẻ để giữ đứa con cho họ. Ông bà chủ này thuộc diện con ông cháu cha, họ rất giàu có và thường xuyên đi du lịch khắp nơi trên thế giới một cách dễ dàng.

Nhưng khi qua đến Mỹ, ông chủ thích ăn chơi về đêm ở những bar rượu bên Việt Nam cảm thấy thiếu gái, nên để ý đến người giữ trẻ của mình, cho dù bà chủ không xấu và cũng là con nhà giàu sang, còn quyền uy hơn nhà ông!

Chuyện gì đến cũng đến, trong lúc cô Tình còn đang say sưa tình ái với ông chủ, và mang hoài bão ảo tưởng ông sẽ bỏ vợ để cặp với mình thì bị bà chủ bắt gặp tại trận! Khỏi nói thì cô Tình phải xách gói ra khỏi cửa ngay lập tức, trong lúc ông chủ trẻ thì run như cây xậy, xua đuổi cô như hủi, lại còn đổ thừa cô dụ dỗ ông ta! Có lẽ vì nghĩ đến thế lực to lớn của bố vợ đối với gia đình mình sau vụ này!

Cũng may là bà chủ dẫn con thịnh nộ vì không muốn mất thể diện lẫn mất chồng, thế là cô Tình được mời xách valy ra khỏi nhà, hoặc bà trả về Việt Nam ngay tức khắc. Cô Tình đâu có muốn về lại quê hương nghèo khổ, mà chọn đi lang thang giữa phố đông người, cùng tính cách tóm một ông nào có bằng công dân Mỹ để cấp vô! Sau cùng cô đói bụng, vào quán bán

thịt dê để ăn “nhựa mật” món cô thích. Khi đang cắm cúi gặm đùi dê, thì cô bắt gặp cái nhìn có vẻ lén lút của ông Đánh, chồng cô sau này chiếu tướng về phía mình!

Vài lần như vậy và sau cùng cô cười với ông. Nụ cười “nghiêng thùng đổ nước” của cô đã hớp hồn ông Đánh! Ông không ngờ đàn bà con gái cũng chịu đèn ông! Thì ra nhan sắc của ông cũng không đến nỗi tệ!

Cô Tinh vào đề ngay:

- Anh có vợ chưa?
- Sao em hỏi vậy?
- Vì không muốn bị đánh ghen...

Ông Đánh nở mũi vì ánh mắt của những gã đàn ông chung quanh nhìn mình, ông lắc đầu, khoe:

- Anh độc thân, chưa từng lấy vợ!
- Thiệt sao?

Thế là sau đó họ quán vào nhau! Già đầu, nhưng ông Đánh là trai tân, chưa biết mùi vị cũng như mùi mợ đàn bà! Nghe cô Tinh phịa ra tầm bậy tầm bạ câu chuyện cô lang thang trên đất Mỹ, ông thương quá. Tối hôm đó, cô Tinh đeo theo ông về nhà, nói đúng hơn là một căn phòng ông “share” với người khác, vì cô đã điều tra, biết ông có quốc tịch Mỹ!

Cặp với ông Đánh mới có hơn tháng, cô biết mình dính bầu. Cô cũng chưa biết chắc là con ai! Nhưng cô vái trời đừng phải là con của ông già thì đứa nhỏ sẽ xấu đui! Cô muốn đây là con của ông chủ trẻ tuổi đẹp trai, vì đứa con của họ mà cô

từng giữ rất kháu khỉnh để sau này cô còn có cơ hội mà xử vợ chồng tên chủ!

Thế là cặp Đánh-Tinh đưa nhau đến Toà Thị Chính làm hôn thú ngay sau đó. Ở với ông Đánh, cô Tinh quyết lấy cho được cái thẻ xanh xong, cô mới tính tới những việc khác! Cho nên việc ông keo kiệt, xấu trai, không chịu chơi, cù lùn cù là... cô đều gắng chấp nhận, không thành vấn đề! Ông sẽ bị cho de bất cứ ngày nào cô muốn!

Mỗi khi ông có mặt trong nhà là cô chỉ cần nhỏ giọng, nghe theo những gì ông đề ra là yên nhà yên cửa! Cô làm việc gì cũng lén lút sau lưng ông không hề biết, lại tưởng vợ ngoan, thuần phục mình!

Mỗi ngày ông Đánh gặp vợ con chỉ có vài tiếng, từ năm giờ chiều đến chín giờ tối là ông đi ngủ, để ngày hôm sau đi cày sớm! Từ khi lấy vợ, bỏ tiền để dành ra mua được căn nhà, vì nhà đang xuống giá, ông mắc nợ ngân hàng một trăm ngàn, nên làm 10 tiếng một ngày để có thêm tiền!

Nhà của ông, dĩ nhiên vợ phải ký vào giấy tờ là không được chia của nếu ly dị. Đang trong tình trạng gấp gáp, cô Tinh ký ngay. Ông chồng cô cù lùn như không hề “dại gái”! Là người tính toán, ông chia năm xẻ bảy căn nhà để cho thuê, thu vào mỗi phòng ba trăm rưỡi, tính ra cũng bộn... nhưng tiền của ông, ít ai biết có bao nhiêu, kể cả cô Tinh.

Khi sanh ra cu Bin, cô cũng chưa đem nó đi thử máu xem con ai? Vì cô

cảm thấy chưa cần biết gấp lắm, nhìn nó cũng xinh xắn. Cứ từ từ, để đi Việt Nam “hù” mấy thằng bò cũ trước, rồi khi trở về Mỹ hãy hay!

Về đến Việt Nam, tới nhà trọ lấy chìa khoá xong, bỗng dung cô Tình cảm thấy thích căn phòng này, vì nó vừa có máy lạnh, giường ngủ rộng rãi, vừa tự do, không ai dòm ngó! Tốt hơn là ở chung với nhà chị Hai! Căn phòng này còn đẹp và tiện nghi hơn cả phòng của cô ở Mỹ hiện nay.

Chị Hai của cô tiếp đãi em gái và cháu với bàn tiệc nhiều món ngon cô thích, như là ốc bươu nhồi thịt, lươn xúc bánh tráng, lẩu canh chua cá bông lau, mực dìm may ra cô cảm động cho các cháu ít tiền, dù chị biết con em mình coi đồng tiền lớn như bánh xe bò, chỉ ăn tiêu cho chính mình... nhưng nay cô đã mang danh Việt Kiều, biết đâu đổi tính!

- Thằng Tâm nó thường tới đây hỏi thăm tin tức của em.

Nghe chị Hai nói, Tình nghĩ đúng là thằng nhân tình này cô đã nhớ đến nhiều nhưt trong bọn. Tâm con nhà đại gia, nó là đứa cô dễ vùi tiền nhất.

Ăn cơm xong, buổi tối, cô Tình đưa cho con gái chị Hai một trăm đô. Đây là tiền nhờ con nhỏ coi giùm bé Bin trong hai tháng. Thằng bé có thể ngủ lại với nó luôn, còn Tình phải về nhà kia ngủ vì chồng cô muôn vậy. Lý do đó khiến chị Hai không thể phản đối, và Tình có đi đâu cũng không ai biết mà lờ ra tiếng vào!

Sau đó, Tình gọi cho Tâm lấy hẹn:

TÌNH CŨ

Tôi gọi tên em tình cờ
như một ngày mùa đông
tự nhiên thấy nắng
đã lâu rồi không gặp...

Em hiện ra... tuyệt đẹp
như một con cá chép
biến thành rồng

Em nhìn tôi xa lạ
Xa lạ hơn những người bản xứ
Xa lạ hơn những người
tôi chưa từng quen biết

Em quay mặt đi
Đôi mắt biếc
vàng trán nhô ra khỏi lọn tóc mây
Tất cả tự nhiên
Biến tôi thành tượng đá!

NGUYỄN BẠCH

- Em đây cung ơi, nhớ cung quá. Mình gặp nhau, em cho anh biết một tin quan trọng...

Ngoài Tâm ra, Tình còn gọi thêm cho hai người bạn trai khác nói những câu tương tự, những người này khác nhóm bạn, nên họ không thể nào biết nhau.

Tình về nhà trọ nghỉ ngơi, cô không muốn gặp Tâm ngay, càng kéo dài sự chờ đợi, càng làm cho Tâm phải chi nhiều tiền và việc đầu tiên là cô ra chợ ăn hàng cho đã miệng!

Đúng như sự suy nghĩ của Tình, khi nghe nói mình có con, Tâm quýnh lên, đòi gặp cho được thằng bé. Những người kia cũng vậy, họ còn trẻ, xa nhau đã mấy năm, giờ Tình có nói gì cũng tin, làm sao mà xác nhận được ngày tháng, để tính toán biết có phải con mình hay không!

Tình là một cô gái sống thác loạn theo thời đại, chỉ biết mình có chút nhan sắc, trai thích là ung chịu lên giường, như trong phim ảnh ngoại quốc, ít khi nghĩ đến hậu quả hay danh tiết của người con gái! Không những thế, cô lại tự hào về sự đắt kếp của mình!

Cha mẹ mất sớm, chị Hai nuôi cô cùng đàn con đông đảo của chị, nên ít có thì giờ để giáo dục cô em gái đến nơi đến chốn. Ngày người bạn cho biết có đôi vợ chồng cần người coi trẻ, đưa đi du lịch qua Mỹ luôn, thì chị Hai vội giới thiệu Tình, mong con em mình nhờ đi đây đó tìm được tâm chồng đang hoang có quốc tịch, hầu mai sau giúp chị có sơ mui gì cũng nên.

Chị Hai biết rõ tính nết cô Tình! Với ai, cô cũng chỉ có “thu vào” chứ không bao giờ “chi ra”, đức tính đó khiến mọi người, kể cả trong nhà ngán ngẫm! Nhưng họ vẫn đành đưa, bởi bây giờ cô là Việt Kiều chứ đâu có giỡn! và dù sao thì cô cũng là em ruột của chị!

Còn Tâm, anh bỏ cũ cô Tình, nghe cô thủ thỉ về đứa con giống Tâm như đúc, đã bằng lòng chi năm chục triệu để được gặp mặt con, mà Tình làm bộ nói sẽ nhờ người bạn đưa từ bên Mỹ về giùm, tốn hai vé máy bay khoảng hơn hai ngàn đô. Hai người bạn trai khác cũng thế, nhưng Tình moi được ít tiền hơn. Thế là Tình có tiền khơi khơi để tiêu xài!

Chưa hết, Tình còn nói với chị Hai:

- Chị cứ giữ cho em mười cây vàng, khi nào cần tiền em lấy một ít bán.

Đây là số vàng mà khi còn cặp với một ông chủ tiệm vàng, Tình đã moi được của ông ta, và vàng lúc đó chưa lên giá như bây giờ. Khi đi Mỹ, sợ mất nên cô gởi cho chị một nửa cất giùm, vì thế cô có tiền chi tiêu là vậy.

Một ngày đưa con đi gặp nhân tình, hai mẹ con tản bộ ra chỗ hện xe tắc xi đầu ngõ, đang đi cho nhanh vì trời có vẻ muốn mưa, thì nghe tiếng bà già:

- Mời cô mua khoai?

Giọng khàn khàn của bà cụ già yếu, lưng đã còng mà cổ ngược lên nhìn cô mời mọc. Trước mặt cụ là cái mẹt có ít củ khoai vàng cong queo, không hấp dẫn khách hàng mấy.

- Cô mua giùm mấy củ khoai, khoai đào ở nhà, coi xấu nhưng ngọt bù lằm.

Bà cụ giọng khản khoản, cặp mắt nhìn mong cô mua. Tình cau mặt, muốn bước đi thật nhanh, dù trong bốp cô chứa đầy những xấp tiền dây cộm. Cô thấy bực mình vì bị bà già níu kéo, mời mọc.

Cu Bin trì tay cô lại:

- Khoai, khoai...

“Cái thằng này, bộ con nhà bần tiện sao... lại đòi ăn khoai!”

- Thôi, mình đang đi ăn sáng, chỗ này sang trọng lắm.

Nhưng cu Bin có vẻ chưa chịu đi. Cô đành phải nói:

- Rồi, chút nữa mẹ mua...

Bà già bán khoai mừng rỡ:

- Cô mua hết giùm nhà cháu!

- Khoai bà bán bao nhiêu?

- Hết mớ này hai mươi ngàn.

Tình móc ra tờ mười ngàn thả xuống cái mẹt:

- Vậy bà giữ đi, nếu tôi quay lại trả hết thì sẽ lấy khoai...

Mục đích là Tình muốn “thí” cho bà già, vì thằng con cứ níu tay đứng đó không chịu đi, chứ nào cô có thiết tha gì mớ khoai lỏm cộm đó!

Hai mẹ con vào đến cửa nhà hàng thì trời mưa xuống xối xả. Bên trong ấm áp, sang trọng. Khuôn mặt gã tình nhân tươi cười, hớn hờ, những món ăn thơm phức đón chờ...

- Mưa càng lớn càng ăn ngon miệng! Cô Tình gật đầu công nhận lời nói đó. Nhưng thằng cu Bin lại lằm bằm:

- Mưa ướt khoai của Bin hết!

Trời đất, thì ra thằng nhỏ vẫn còn lưu luyến, thắc mắc về mấy củ khoai! Làm như cha nó là một trong những người bên Việt Nam chuyện ăn khoai buổi sáng vậy!

Tâm nhìn cu Bin thương mến:

- Hôm nay “ba” muốn đưa cu Bin đi chơi.

- Không được, trời có vẻ chưa dứt mưa, em phải đưa con đi sắm thêm quần áo cho nó mặc đi chơi. Anh muốn đi thương xá Tax bây giờ không? Mình mua đồ cho con rồi khi nắng lên, đưa nó đi chơi Đầm Sen luôn.

- Được chứ, anh đi với hai mẹ con...

Vào trong thương xá, không những mua quần áo, mà Tình còn lôi bạn trai qua những tiệm bán vàng, kỳ kèo mua cho cu Bin sợi giây chuyền 24 carat, mặc dù cu cậu dầy này không chịu đeo! Nghĩa là đi chơi với bất cứ ai, Tình cũng đem con ra để nạo tiền đàn ông cho được! Hai bạn trai sơ cua sau vài lần gặp con, thấy tốn kém quá, đã tự động tắt phôn trốn biệt. Mấy cậu đều nghĩ: Cho dù là con của mình, nhưng cuộc sống bên Mỹ của nó quá tốt, mình không cần phải lo!

Mấy ngày sau, Tình đi ra ngõ cũng ngại gặp bà già bán khoai, chỉ sợ bà lại mời kéo nài nỉ mua... nhưng may quá, không thấy bóng bà. Hôm nay cu Bin lại đi với mẹ ra chỗ đón xe, đến khúc quanh sợi giây giày thằng bé tuột ra, đang ngồi xuống giúp cột lại giầy cho nó, thì Tình nghe bà bán xôi nói với bà bán bánh mì:

- Bà ngoại bán khoai nuôi cháu mới chết rồi!

- Trời đất... Sao vậy?

- Tuần trước bán ế, nghe nói bà ngoại cứ ngồi dầm mưa đợi khách lấy khoai. Nhiều người tội nghiệp mua giùm cho nhưng bà không chịu bán, nghe đâu có ai đó trả tiền rồi mà chưa lấy mấy củ khoai! về nhà bị cảm thương hàn, hai ngày sau nặng quá đưa vào nhà thương rồi đi luôn.

- Tội nghiệp, còn mấy đứa cháu cô út ai nuôi?

- Chắc vào nhà mồ cô hết chứ sao!

Nghe người ta nói đến đây, Tình hiểu ra sự thể, nhưng cô vẫn không thương cảm, mà bỏ ngoài tai mọi chuyện. Cô thờ phào nhẹ nhõm khi thấy sẽ không còn bị làm phiền. Đời là thế, ai bảo bà ta dễ tin làm gì!

Sự suy nghĩ như cô Tình trong nhân thế không phải là hiếm! Thời nay, người ta thường sống ích kỷ, chỉ biết cho mình và không bao giờ nghĩ đến hoàn cảnh, thân phận người khác!

Một tháng sau thì cô Tình bị Tâm đến nhà chị Hai chửi cho một trận vì dám lừa tiền. Anh chàng này khôn ngoan nghe ai đó bày vẽ, lén bứt tóc cu Bin đưa đi thử nghiệm coi có phải cu là con ruột của mình? Thì được trả lời là “không phải”.

Sự việc này đã không làm cô Tình nao núng!

*“Bắt thang lên hỏi ông Trời
Lấy tiền cho gái có đòi được không!”*

Bởi vì cô Tình là một người rất đa tình, y như cái tên của cô vậy! Không có Tâm hay những bạn trai cũ, thì cô cũng

kiếm được bạn trai mới dễ dàng như trở bàn tay. Nghề của cô mà!

Trong hai tháng ở Việt Nam, cô gặp nhiều người nhìn bề ngoài có tiền, hay có mã đẹp trai. Một là hãnh diện với các người khác, hay là móc hầu bao lấy tiền của họ! kiểu yêu cuồng sống vội!

Đàn ông cũng có gã thương cô thật, nhưng chỉ cặp kè một hai tuần, là họ đã đổi ngược vì sự dễ dàng luyện ái nơi cô, cũng như bản tính của cô là thích thay đổi mới lạ!

Đến ngày trở lại Mỹ, cũng có vài anh chạy xe đến nhà chị Hai đưa những gói quà cho cô Tình cầm về, với những lời thương mến chân tình!

Chị Hai lắc đầu, lầm bầm:

- Sao mấy thằng này ngu dốt, nó nói gì cũng tin!

Còn cô Tình, cô tiếp tục gọi cho những anh nhân tình ỏn ẻng... Ôi, tiếng của cô nghe êm ái ngọt ngào làm sao!

- Em về bên nhớ anh lắm, cần gọi gì cho em, anh cứ ra công ty chuyển tiền là được, dễ lắm, y như bên Mỹ gọi về đây thôi.

Nói xong, cô mỉm cười hài lòng với mưu kế của mình, cho mấy thằng đàn ông thương cô lọt trông té lỗ cả đám! Đây rồi khi cô về, sẽ đem thằng cu Bin đi thử máu xem nó là con của anh chủ hay ông chồng cũ là... biết rõ rồi, cô sẽ có cách moi tiền thiên hạ!

Cửa nhà chị Hai mở rộng để những gánh hàng quà rong đi vào cho cô Tình ăn mặc sức trước khi ra máy bay. Cho đến khi

cô thấy một bà ôm mẹt khoai lang luộc đứng nhìn vào, thì mới nhớ đến cu Bin. Cô quay đầu vào trong, gọi lớn:

- Cu Bin ơi, ra mà ăn khoai.

Cô Tình gọi, rồi những người trong nhà gọi, sau đó tất cả đồ xô đi kiếm nhưng vẫn không thấy bóng dáng thằng bé đâu!

Lúc đầu thì ai cũng nghĩ thằng bé chạy chơi quanh đây hay là ngủ ở đâu đó nhưng kiếm nát hết trong nhà vẫn không thấy, cô Tình bắt đầu nghe chột dạ!

- Trời ơi, thằng này mà “mất tiêu” thì lấy ai ra cho cô kiếm tiền khi về Mỹ đây!

Cô nghĩ vậy và chạy ra ngoài ngõ tìm thằng con. Nhưng rồi cho đến gần tối, còn vài tiếng là phải ra phi trường lên máy bay, cu Bin vẫn bất âm vô tín!

Người nhà bắt buộc phải đi báo Công An. Chị Hai và đứa con gái giữ cu Bin khóc bù lu bù loa, mấy đứa nhỏ trong nhà đưa mắt sợ sệt nhìn nhau.

- Cả nhà có chuyện gì vậy?

Tiếng của ông Ba kéo vang lên. Ông biết nhà này có đứa con nít Việt Kiều về chơi, nên hay ghé qua để kéo kẹo cho nó nhìn, thằng bé rất thích thú coi trò này.

- Ông có thấy cu Bin đâu không?

- Không... sao vậy?

- Ai bắt cóc nó mất tiêu rồi, nếu ông thấy đứa nào mặc áo đỏ tươi, thì nhớ để ý giùm!

- A... có, hồi chiều đạp xe qua khu gò mối bên kia, tui thấy một thằng mặc áo đỏ tương giống như thằng Việt Kiều

nhà này, tui nhỏ đang đi bắt dế com ngoài đó...

Vừa nghe ông nói, ba bốn đứa con trai trong nhà đã phóng như bay ra ngoài, chạy về hướng Gò Mối tức khắc. Bà Hai, cô Tình lật đật chạy theo, ông kéo kéo cũng co giò mà đạp cho kịp mọi người.

Bà Hai vừa chạy vừa cầu cho gặp được thằng cháu dễ thương. Con bé gái giữ cu Bin cũng cầu nguyện y như má nó. Chỉ có cô Tình là nghĩ: “hay có thằng bồ nào nó bắt cu Bin để làm tiền lại mình! Lạy Trời cho con gặp được thằng cu Bin để còn về Mỹ “uy hiếp” người khác!

Cuối cùng thì cũng tìm lại được cu Bin trong đồng cỏ lúc trời nhá nhem, trên tay nó đang cầm một ống lon sữa bò cũ, mím cười chạy đến bên dì Hai khoe mấy con dế bự bên trong, mặc cho má nó vừa tức vừa thở phào nhẹ nhõm!



Diễm Châu và ViVi

NẾP SỐNG MỘC MẠC CỦA NGƯỜI AMISH

Nguyễn Quốc Khải

Cách thủ đô Washington khoảng hơn 2 giờ lái xe về phía Bắc, có một cộng đồng Amish nhỏ bé với gần 30,000 người sinh sống trong quận Lancaster thuộc vùng đông nam của tiểu bang Pennsylvania, giáp với Maryland. Khoảng 30,000 người Amish khác sống ở các quận còn lại của Pennsylvania. Trên toàn nước Mỹ có khoảng 220,000 người Amish cư ngụ rải rác trong 27 tiểu bang trong vùng Mid-West và Mid-Atlantic. Chỉ có một số ít sống ở miền nam và phía tây của sông Mississippi. Người Amish định cư đông nhất tại Ohio, Pennsylvania, và Indiana và một số sống tại Ontario, Canada. Trong khi dân số Amish ở Bắc Mỹ gia tăng, cộng đồng Amish ở Âu châu đã hoàn toàn biến mất. Giáo đoàn Amish cuối cùng tại Âu châu giải tán vào năm 1937.

Trốn tránh kỳ thị tôn giáo, một số người Amish sống trong vùng biên giới ba nước Thụy Sĩ, Đức và Pháp và một phần tại Hòa Lan đã di cư đến nước Mỹ vào giữa Thế Kỷ XVIII. Đợt di cư thứ hai vào đầu Thế Kỷ XIX. Từ ngày đến đất Mỹ họ hầu như được hoàn toàn tự do sống theo giá trị của người Amish và hành đạo Thiên Chúa Giáo theo lối Amish. Người Amish nói ba thứ tiếng: Anh, Đức và thổ ngữ Pennsylvania Dutch. Họ gọi tất cả những người không phải Amish là English, có nghĩa là những người nói tiếng Anh. Nền văn hóa rất đặc thù của người Amish hàng năm đã thu hút cả hơn 8 triệu du khách đến vùng Lancaster, còn được gọi là Pennsylvania Dutch Country.



Hình (1): Người Amish di chuyển bằng xe ngựa hai bánh.
Một số đường làm một làn riêng cho xe ngựa.

Người Amish sống khiêm nhường, giản dị và tuyệt đối không đề cao cá nhân. Khiêm nhường thường đi đôi với sự phục tùng trong đời sống của người Amish. Theo triết lý Amish, kiêu hãnh là một điều liên quan đến chủ nghĩa cá nhân, thường đưa tới kiêu căng và làm hại đến phúc lợi của một xã hội an bình. Họ muốn người đời nhớ đến họ qua việc làm và thành quả, không phải là tên tuổi và hình ảnh về thân xác của họ. Giáo điều Amish ngăn cấm người Amish chụp hình:

“Người không tạo cho người một hình ảnh, hay hình ảnh của bất cứ thứ gì ở trên thiên đàng hay ở dưới trần thế, hay ở trong nước dưới đất.”

(“Thou shalt not make unto thyself a graven image, or any likeness of anything that is in heaven above or that is in earth beneath, or that is in the water under the earth.”)

Người Amish không treo hình ảnh của họ ở trong nhà hay mang theo người. Do đó, họ không thích người khác chụp hình họ. Người Amish luôn luôn vị tha, nhưng có một điều làm họ thất vọng và khó chịu là bị người khác chụp hình. Một số người Amish sống về nghề du lịch cũng hiểu rằng rất khó cho tất cả 8 triệu du khách vì họ mà đến thăm vùng Amish mà lại không được chụp hình. Những công ty du lịch khuyến cáo du khách chỉ nên chụp hình từ xa để không thấy rõ mặt người Amish hay chụp hình phía sau lưng. Do đó, để tôn trọng văn hóa của người Amish, bài viết này chỉ trình bày một số hình theo tiêu chuẩn như vậy.

Người Amish theo Thiên Chúa Giáo, thờ phượng Chúa Jesus, nhưng không theo lục lệ rửa tội lúc mới sanh (baptism) mà đợi đến tuổi trưởng thành mới làm. Họ không trưng bày hình ảnh Chúa Jesus và thập tự giá. Do đó, những người Amish bị gọi là những người chống rửa tội (anabaptist) tại Âu châu. Sau một thời gian phân tán, ẩn náu về miền quê để trốn tránh hình phạt kể cả tù đầy hay bị hành quyết, phong trào chống rửa tội được phục hồi tại Âu châu bởi ông Jakob Ammann vào cuối Thế Kỷ XVII. Những người theo ông Ammann được gọi là Amish từ đó.



Hình (2): Một gia đình Amish đối diện với một gia đình tiêu biểu người Mỹ.

Đến tuổi trưởng thành (16), những thanh thiếu niên Amish được tự do quyết định về niềm tin tôn giáo. Họ được tự do nếm mùi của thế giới bên ngoài trong vài năm trước sự làm nger của cha mẹ: lái xe hơi, xem TV, đọc báo, nghe nhạc, khiêu vũ, ... Cũng trong tuổi này, thanh thiếu niên gia nhập những nhóm cùng tuổi để kết bạn. Những người không muốn rửa tội, có nghĩa là không muốn theo đạo Amish, từ từ tách ra khỏi cộng đồng. Những người đã rửa tội, nhưng không theo giáo lệ Amish, sẽ bị tách biệt và ra khỏi đạo. Trung bình khoảng 20% thanh thiếu niên bỏ “đạo Amish”, chọn một nếp sống mới. Trung bình sáu trong bảy đứa con trong gia đình tiếp tục theo niềm tin của cha mẹ. Do đó, “đạo Amish” vẫn tiếp tục phát triển nhờ dân số gia tăng.

Khi một người Amish rút khoát ra đi, giáo hạt và gia đình cắt đứt mọi liên lạc với họ như một hình phạt dành cho người bỏ đạo. Trao đổi thư từ cũng rất giới hạn. Nếu trở về thăm nhà, họ thường bị đón tiếp lạnh nhạt, không được ngồi ăn chung một bàn với gia đình, thậm chí chỉ được đứng ngoài vườn hay ngồi chơi ở ngoài hành lang. Những cuộc phỏng vấn của PBS trong phim tài liệu “The Amish: Shunned” cho thấy một số người bỏ đạo Amish vì nhiều lý do: luật lệ Amish quá khắt khe hay không hợp lý đối với họ, môi trường sinh hoạt xã hội của thanh thiếu niên quá giới hạn, nếp sống ở nông trại cực nhọc và thiếu tiện nghi, và thế giới “văn minh” bên ngoài hấp dẫn hơn và có nhiều cơ hội tiến thân. Cá nhân không có chỗ đứng trong cộng đồng. Người Amish mặc đồng phục như một tập thể thuần nhất.

Với trình độ học vấn chỉ đến lớp 8, không biết một kiến thức nào khác ngoài công việc của nông trại, sống trong một xã hội khép kín, với những liên hệ chặt chẽ với gia đình, người thanh niên Amish khó lòng mà rời bỏ làng xóm. Một số thanh niên Amish bỏ đi lại quay về vì không quen thuộc với thế giới bên ngoài. Có lẽ vì lý do này mà một số người bỏ đạo Amish trước đây đã đứng ra tổ chức nơi tạm trú, giúp cho những người đi sau.



Hình (3): Hai em gái Amish bán nước và kẹo bánh cho du khách ngồi trong xe ngựa wagon.

Người Amish không tích cực truyền đạo. Họ chào đón những người khác vào đạo, nhưng rất ít người theo họ. Tuy nhiên số người Amish trên đất Mỹ nói chung gia tăng. Tại một vài khu định cư, nhân số Amish gấp đôi trong vòng 20 năm nhờ vào mức sinh sản của các gia đình Amish cao. Trung bình mỗi gia đình có 7 đứa con. Tuy nhiên con số 10 con hoặc hơn không phải là điều bất bình thường. Gia đình nông dân nào cũng thường có con đông vì nông nghiệp cần sức lao động. Trẻ em trên 5 tuổi đã bắt đầu giúp đỡ cha mẹ làm việc lật vạt trong nông trại.

Cộng đồng Amish sống sót và phát triển đến ngày nay trong thế giới máy móc tân tiến nhờ vào một chiến lược song hành: chống đối và thỏa hiệp. Họ xây dựng một hàng rào văn hóa để bảo vệ cộng đồng qua những biểu tượng đặc thù của Amish: ngựa, xe buggy, đèn dầu kerosene, thổ ngữ, y phục, và lập gia đình với người trong nhóm. Họ chống lại văn minh kỹ thuật bằng cách sử dụng thổ ngữ, trẻ em Amish chỉ học hết bậc tiểu học, cấm máy truyền hình và máy điện toán, cấm sử dụng điện xoay chiều, và giới hạn tiếp xúc với người ngoài.

Theo truyền thống thờ phượng tại nhà ở vùng quê tại Âu châu để tránh bị chính quyền đàn áp, những người Amish tiếp tục sống tại vùng thôn quê và không xây dựng nhà thờ tại Hoa Kỳ. Họ làm lễ tôn giáo vào sáng ngày Chủ Nhật hai tuần một lần tại tư gia trong nông trại, nhà kho, hay nhà chứa dụng cụ. Họ cùng hát những bài thánh ca bằng tiếng Đức, nhưng không có nhạc, hoa, hay nến. Sau lễ tôn giáo kéo dài 3 giờ, họ tụ tập ăn trưa và thăm viếng nhau.



Hình (4): Màu sắc của người Amish.

Bộ luật của người Amish gọi là Ordnung không viết thành văn bản mà truyền miệng từ thế hệ này qua thế hệ khác. Ordnung bao gồm những luật lệ ấn định nếp sống và niềm tin của người Amish: Ngôn ngữ chính là thổ ngữ Dutch. Đàn ông độc thân phải cạo râu sạch sẽ và khi lấy vợ phải để râu cằm thay vì đeo nhẫn cưới. Quần áo không có nút nhưng dùng móc và dây cho cả đàn ông và đàn bà. Trẻ em mặc quần áo giống như người lớn. Đàn ông đội mũ rom khi làm việc, và mũ ni rộng vành màu đen khi xuất hiện trước công chúng. Vào mùa đông và tại “nhà thờ” đàn ông mặc áo khoác màu đen. Đàn ông không dùng thắt lưng nên quần không có khoen nhưng giữ quần ngay ngắn bằng dây treo. Y phục tiêu biểu của phụ nữ bao gồm mũ vải màu trắng che đầu và tóc, áo dài một mảnh từ vai đến chân, một áo choàng không có tay (màu đen cho đàn bà có chồng và màu trắng cho phụ nữ độc thân), và

một miếng vải che từ thắt lưng trở xuống (màu đen cho đàn bà có chồng và màu trắng cho phụ nữ độc thân). Vải dùng may quần áo cho đàn ông và đàn bà Amish đơn thuần một màu như màu đen, nâu, xanh lá cây, xanh da trời, và màu tím hồng lavender.

Y phục của người Amish thể hiện đức tính giản dị của họ. Do đó người Amish được gọi là những người mộc mạc chất phác (plain people). Một người phụ nữ Amish chỉ có bốn bộ đồ: một bộ để mặc hàng ngày, một bộ để giặt, một bộ dự phòng cất trong tủ, và một bộ lễ phục.



Hình (5): Người Amish dùng ngựa hay lừa để cây, bừa, cắt cỏ, bón phân.

Người Amish không lái xe hơi mà dùng xe ngựa. Xe dài chở nhiều người gọi là wagon. Xe nhỏ có cửa xô xung quanh bằng plastic gọi là “buggy”. Những thứ bị ngăn cấm khác bao gồm TV, Internet, phim ảnh, âm nhạc, ly dị, nữ trang kể cả đồng hồ. Người ta nhận thấy cũng có nhiều điều xem ra mâu thuẫn trong xã hội Amish. Thí dụ như người Amish không được dùng xe kéo (tractor) ở ngoài đồng, nhưng được sử dụng xe này trong nhà kho, hoặc không được sở hữu xe hơi nhưng lại được dùng xe hơi do người không phải là Amish lái, không được có điện thoại ở trong nhà, nhưng lại có quyền sử dụng điện thoại tại những trạm dừng ở bên đường. Người Amish thường hẹn giờ để liên lạc với nhau, nhất là trong việc kinh doanh. Người Amish không được dùng hơi đốt hay điện từ các đường ống hay dây hay dẫn vào nhà, nhưng lại được phép dùng hơi đốt từ các bình propane hay điện từ những bình điện hay tự sản xuất bằng quạt gió hay quạt nước, máy phát điện chạy bằng diesel hay gasoline.

Nhìn từ bên ngoài người ta thấy cộng đồng Amish có vẻ đồng nhất. Nhưng phân tích kỹ, người ta thấy có những khác biệt từ giáo hạt này qua giáo hạt khác vì cộng đồng Amish tổ chức rất giản dị và lỏng lẻo. Thí dụ quần áo có khuy không được chấp nhận trong nhiều giáo hạt, nhưng lại được chấp nhận ở những giáo hạt khác. Máy vắt sữa bị cấm nhiều nơi, nhưng lại được chấp nhận ở những nơi khác. Vấn đề thụ tinh nhân tạo gia súc cũng gặp tình trạng như vậy. Trong một số giáo hạt, trẻ sơ sinh được sanh tại nhà dưới sự chăm sóc của bà mẹ đỡ đẻ. Tại một số giáo hạt khác, các bà mẹ được đưa vào bệnh viện để sanh con. Xe đạp

bị cấm dùng tại Lancaster, Pennsylvania nhưng được cho phép tại những vùng định cư của người Amish tại miền Mid-West.

Luật lệ của người Amish tại mỗi giáo hạt rất cứng rắn. Mọi thành viên phải tuân theo từ màu sắc, kiểu y phục, trang trí và xây cất nhà cửa. Tuy vậy, “Đạo Amish” không phải là một tổ chức có trên có dưới chặt chẽ như những tôn giáo chính thống khác như Thiên Chúa Giáo và Tin Lành. Mỗi giáo hạt Amish nhỏ bao gồm khoảng 25-35 gia đình mà thôi. Giáo hạt phân chia theo dân số Amish và ranh giới thiên nhiên như giòng suối, con sông, hay một công trình xây cất như đường xá. Đứng đầu mỗi giáo hạt là một giám mục (bishop), hai người thuyết pháp (preacher), và một trợ tế (deacon). Ban giáo lý này quyết định và giải thích mọi giáo lệ trong phạm vi Ordnung. Trong mỗi giáo hạt còn có thể có trường học, thư viện lịch sử, và cơ sở phát hành.



Hình (6): Thiếu nữ Amish cắt cỏ bằng ngựa.

Ngoài ban lãnh đạo của mỗi giáo hạt, cộng đồng Amish không có một cơ quan chính thức nào khác trên bình diện vùng hay quốc gia, ngoại trừ Ủy Ban Lãnh Đạo Amish Toàn Quốc (National Amish Steering Committee). Ủy Ban này được thành lập vào năm 1967 để đại diện toàn thể người Amish trên đất Mỹ giải quyết một số vấn đề gây tranh cãi liên quan đến luật lệ của tiểu bang và liên bang như từ chối nhập ngũ vì lương tâm, phân chia vùng, an sinh xã hội, lương bổng của công nhân, mang mũ cứng tại khu vực xây cất, huy hiệu cho xe chạy chậm, cưỡng bách giáo dục.

Trong nửa đầu của Thế Kỷ XX, cộng đồng Amish hỗ trợ giáo dục công cộng, khi các trường học ở vùng quê chỉ có một phòng học và nằm trong sự kiểm soát của địa phương, và không tạo ra một đe dọa lớn nào đối với giá trị Amish. Vào giữa thế kỷ vừa qua, nghĩa là cách đây hơn 50 năm các trường lớn được thành lập thay thế các trường nhỏ và áp lực cho học sinh học lên bậc trung học theo luật của chánh quyền liên bang ngày càng tăng đã gây ra nhiều xung khắc giữa cộng đồng Amish và chánh quyền tiểu bang. Hậu quả là một số nhà lãnh đạo Amish bị bắt giữ hay bị tổng giam vào tù. Tối Cao Pháp Viện của Hoa Kỳ vào năm 1972 đã bênh vực lập trường của người Amish về hệ thống giáo dục đến lớp 8.

Chánh Án Tối Cao Pháp Viện Warren Burger đã tuyên bố như sau:

“Không thể giả sử rằng đa số của ngày hôm nay là ‘đúng’ và Amish và những người khác là ‘sai’. Lối sống thay đổi khác thường, nhưng không can thiệp vào quyền và lợi ích của những người khác, không thể bị kết án bởi vì nó khác biệt.”

(“There can be no assumption that today's majority is 'right' and the Amish and others like them are 'wrong.' A way of life that is odd or even erratic but interferes with no rights or interests of others is not to be condemned because it is different.” Warren Berger, 1972).



Hình (7): Trẻ em Amish mặc quần áo giống người lớn: mũ rom (mùa hè), quần có dây treo.

Ngày nay đa số trẻ em Amish theo học trường đạo của người Amish. Chỉ có một số ít theo học tại các trường công tại thôn quê. Những môn học như khoa học và giáo dục sinh dục không nằm trong chương trình học của người Amish. Các trường Amish cũng không có những thứ tiêu biểu tại các trường công như thể thao, nhảy múa, ban nhạc, ban đồng ca, điện toán, truyền hình, câu lạc bộ, nhà ăn. Phần lớn giáo viên là phụ nữ. Mỗi giáo viên phụ trách cả 8 bậc khác nhau. Một học sinh có thể học cùng một cô giáo trong suốt 8 năm liền và cũng có thể các trẻ em trong một gia đình học cùng một giáo viên. Các cô giáo thường bỏ dạy khi lập gia đình.

Xã hội Amish theo truyền thống gia trưởng và một vợ một chồng. Người Amish tin rằng “Đứng trên người đàn ông là Chúa; và trên người đàn bà là đàn ông; đứng trên Chúa là Thượng Đế.” Mặc dầu phần lớn giáo viên là phụ nữ, nhưng đàn ông thường giữ vai trò chỉ huy. Phụ nữ có thể đề cử đàn ông vào những vai trò mục vụ, nhưng họ không đảm nhận một vai trò nào trong giáo hạt. Người phụ nữ có cùng lá phiếu như đàn ông nhưng không cùng một tiếng nói như đàn ông. Nhà và con cái là lãnh vực của người vợ, tuy nhiên lời nói của người chồng xem ra có tính cách quyết định trong mọi vấn đề trong gia đình.

Trái với sự hiểu lầm thông thường, người Amish sử dụng dịch vụ y tế tân tiến trong một giới hạn nào đó. Người Amish trông nhờ vào các nha sĩ, y tá, và y sĩ tại những trung tâm y tế địa phương. Họ không dựa vào lý do tôn giáo nào để chống lại phương pháp y tế hay thuốc

mới nhất. Nhưng những người Amish tin rằng Thượng Đế là đấng cuối cùng có thể chữa được bệnh. Những người Amish thường không mua bảo hiểm y tế thương mại. Cộng đồng Amish luôn luôn có kế hoạch để giúp đỡ tài chính cho những thành viên phải chịu những chi phí y tế lớn. Những người Amish không phản đối việc mổ xẻ hay những cách chữa trị tinh vi, nhưng họ ít khi muốn sử dụng những phương pháp cứu mạng sống nhân tạo.



Hình (8): Người Amish phơi quần áo ở ngoài trời. Một số gia đình Amish có máy giặt chạy bằng hơi propane.

Hôn nhân trong cộng đồng Amish ổn định giới hạn số đơn vị di truyền căn bản (gene). Thỉnh thoảng xảy ra những trường hợp anh em họ bậc hai lập gia đình với nhau. Hôn nhân trong họ hàng gần trong một xã hội khép kín có thể gây ra một số vấn đề về sức khỏe. Một loại bệnh lùn, còi cọc và bệnh điếc xảy ra với tỉ lệ cao tại một số khu định cư của người Amish. Ngoài ra một vài bệnh khác thấy thường hơn trong cộng đồng Amish như hội chứng Crigler-Naijar rất khó trị có thể làm hư óc và hội chứng và bệnh hỗn loạn sinh hóa di truyền glutaric aciduria.

Hôn nhân của người Amish thường được tổ chức trong thời gian từ cuối tháng 10 đến đầu tháng 12. Một cộng đồng Amish lớn có thể có đến 150 đám cưới trong một mùa, 15 đám cưới có thể được tổ chức trong cùng ngày. Cặp trai gái có thể quen biết nhau trong một hay hai năm trước khi họ tuyên bố hứa hôn với nhau. Thanh niên trẻ thường lấy nhau ở khoảng tuổi 20 – 25. Người Amish không dùng thiệp cưới. Chú rể đích thân đến thăm viếng và mời họ hàng và bạn bè tham dự đám cưới. Lễ cưới được tổ chức tại nhà cô dâu vào những ngày thứ Ba hay thứ Năm trong tuần.

Vợ chồng Amish mới cưới không đi hưởng tuần trăng mật như trong các cộng đồng khác, nhưng họ viếng thăm họ hàng vào những ngày cuối tuần trong các tháng mùa đông. Trong những lần thăm viếng như vậy, vợ chồng mới cưới nhận được quà cưới, thường gồm có đồ đạc. Đàn ông có vợ không đeo nhẫn mà để râu cằm. Bố mẹ của chú rể và cô dâu chia sẻ chỗ ở với vợ chồng mới cưới, xây thêm một căn nhà trong nông trại, hoặc mượn thêm một nông trại khác. Gia đình chú rể thường chia cho hai con một số súc vật làm việc trong nông

trại, máy móc và đồ đạc. Gia đình cô dâu thường cho các con gà hay súc vật khác, bát đĩa, khăn bàn, khăn trải giường, và một số vật dụng trang bị trong nhà.

Trước đây phần lớn những người Amish sống về nông nghiệp. Ngày nay đất nông nghiệp ngày càng hiếm và giá ngày càng lên cao, gia đình tăng trưởng thêm, khuynh hướng đô thị hóa ngày càng mạnh, đã làm thay đổi đáng kể đời sống của người Amish. Kể từ thập niên 1970, một số người Amish di cư đến những vùng khác hoặc áp dụng phương pháp thâm canh, tập trung vào việc nuôi gia súc. Cách thứ ba là chuyển sang làm nhiều nghề khác nhau: mở tiệm bán đồ đạc, giày dép, thực phẩm, và dụng cụ. Một số trở thành thợ làm đồ gỗ, sơn nhà cửa, sửa ống nước, kế toán và xây cất. Một số việc tại nhà như làm bánh, bán hoa, đồ tiểu công nghệ, và quilt. Ngày nay, số người sống về nông nghiệp đã giảm một cách rõ rệt chỉ còn chiếm khoảng 45% dân số.



Hình (9): Bên trong phòng ngủ của một cặp vợ chồng Amish.

Người Amish hỗ trợ và tôn trọng chính quyền, tuy nhiên họ giữ một khoảng cách an toàn đối với chánh quyền để bảo vệ sự độc lập của tôn giáo. Một số vấn đề người Amish không đồng ý với chánh quyền như chiến tranh, sử dụng vũ lực, kiện cáo, cưỡng bức, và án tử hình. Người Amish không được phép tham gia vào bất cứ một tổ chức chính trị nào hay giữ một vai trò công vụ nào. Bỏ phiếu được xem như một vấn đề cá nhân, tuy nhiên rất ít người Amish tham gia bỏ phiếu. Những người bỏ phiếu thường là những người trẻ lưu tâm đến công việc kinh doanh của họ.

Những người Amish trả nhiều thứ thuế như thuế lợi tức liên bang và tiểu bang, thuế bán hàng hóa, thuế bất động sản, và thuế tài sản cá nhân. Về trường học họ phải trả cả thuế trường công lẫn trường Amish. Người Amish coi thuế an sinh xã hội là một chương trình bảo hiểm, không phải là thuế, nên họ được miễn đóng thuế này. Quốc Hội Hoa Kỳ đã thông qua hai đạo luật vào năm 1965 và 1988 để miễn thuế an sinh xã hội cho người Amish tự tạo ra việc làm hoặc làm việc cho một cơ sở kinh doanh cũng của người Amish. Vì không tham dự vào chương trình an sinh xã hội, những người Amish không được hưởng tiền già và các dịch vụ Medicare và Medicaid. Người Amish chống lại sự giúp đỡ của chính phủ vì nhiều lý do. Thứ

nhất, giáo hạt Amish coi việc bảo đảm an sinh xã hội là trách nhiệm của họ. Thứ hai, những trợ giúp của chính phủ sẽ làm giảm vai trò của giáo hạt Amish. Thứ ba, người Amish lo ngại rằng bàn tay giúp đỡ họ cũng sẽ kiểm soát họ.



Hình (10): Xe ngựa “buggy” tượng trưng cho văn hóa Amish.

Thật là may mắn cho người Amish khi họ đến định cư tại Mỹ. Tôn giáo của họ đã được bảo vệ trên đất tự do này để được sống còn trong hơn 300 năm qua. Tuy nhiên cộng đồng Amish đã biến đổi khá nhiều do ngoại cảnh. Họ sẽ tiếp tục chịu nhiều áp lực đáng kể, hữu hình và vô hình, từ thế giới bên ngoài trong lãnh vực kỹ thuật, kinh tế, và xã hội mà người Amish không thể làm ngơ. Điện thoại di động, cà phê dùng ngay được, máy xén cỏ, máy giặt và tủ lạnh chạy bằng hơi propane đã âm thầm xâm nhập vào xã hội Amish.

Dù giới hạn tiếp xúc với thế giới bên ngoài, những người Amish không sống cô lập trên một ốc đảo. Họ chung đụng với hàng xóm láng giềng, mua bán làm ăn với những người không phải là Amish, gặp gỡ hàng chục triệu con mắt tò mò của du khách, đụng chạm với thế giới máy móc hàng ngày. Đặc biệt với kỹ thuật không dây ngày càng phát triển, người ta nối kết với nhau qua những làn sóng vô hình. Đây là những nhân tố tạo ra sự thay đổi.

Nếp sống vật chất của người Amish sẽ chuyển biến gần với thế giới của “người English”. Hình ảnh nên thơ của những chiếc xe ngựa “buggy” chạy trên đường làng quanh co ở miền Lancaster một ngày nào đó có thể sẽ biến mất. Nhưng đó là cái giá phải trả cho sự tiến bộ kỹ thuật của con người.

Tài liệu tham khảo:

- Donald B. Kraybill, “The Amish of Lancaster County,” Stackpole Books, 2008.
Lucy Hanley, “The Amish in Words and Pictures,” John Hinde USA, Inc. 1999.
Lucy Hanley, “Amish, the Older Order in Words and Photos,” Americana Souvenirs & Gifts.
PBS, “The Amish, A People of Preservation,” Heritage Productions, 2006.
PBS, “The Amish: Shunned,” American Experience, 2014.

Hình và bài viết của: Nguyễn Quốc Khải (22-8-2014)

Cứ tưởng dễ...

Hồng Thủy

Hôm nay trong sở có chuyện hơi bực mình, trong người lại không được khoẻ nên Thành bỏ về sớm hơn thường lệ. Xa lộ 495 hồi này hình như lúc nào cũng bị kẹt xe làm Thành đã mệt lại càng mệt hơn.

Mở cửa bước vào nhà, Thành thấy giày dép của 3 đứa con để lung tung, mỗi nơi một chiếc. Vớ của chúng vứt ngay dưới chân cầu thang. Tự nhiên Thành cảm thấy bực bội với mấy đứa con mà bình thường Thành rất cưng chiều chúng. Thành la thật to:

Mấy đứa đâu hết rồi, sao giày dép để bừa bãi vậy.

Không có tiếng trả lời, Thành bước lên lầu ngó vào phòng các con, thấy đứa nào cũng đang chúi đầu vào cái ‘laptop’ hoặc cái ‘ipad’. Thành bực mình gằn giọng.

Có nghe bố nói gì không mà không thấy đứa nào trả lời hết vậy?

Cả 3 bộ mặt ngơ ngác, thằng anh lớn vội hỏi

- Bố nói gì vậy bố?

Bố nói tại sao các con để giày dép bừa vậy?

Thằng nhỏ nhất trả lời ngay

- Đâu có sao, tụi con vẫn để như vậy mà bố.

Thành ngán ngẩm đi về phòng đóng sầm cửa lại....Mấy đứa trẻ nhìn nhau

mắt mở to ngạc nhiên, nói với nhau bằng tiếng Mỹ ‘What’s wrong?’

Vào phòng ngủ, Thành thấy ngay một đồng quần áo đã giặt sạch đồ lộn tung phèo trên mặt thảm như một ngọn núi nhỏ. Bước vào phòng tắm Thành lại thấy bàn chải tóc, máy sấy, khăn tắm để bừa bộn. Chàng bực mình lẩm bẩm. “Vợ với con, đúng là mẹ nào con nấy, một lũ bừa”

Thay quần áo xong, Thành nằm dài trên giường bật TV coi rồi ngủ thiếp đi.

Tiếng thằng con lớn đánh thức Thành dậy.

-Bố ơi, mẹ nói xuống nhà ăn cơm.

Ngồi vào bàn ăn Thành nói ngay

Hôm nay mệt, về nhà sớm anh mới để ý thấy nhà mình từ các con tới em, bừa bãi một cách dễ sợ.

Uyên đang bung tô canh đặt lên bàn, nhìn chồng một cách khó chịu.

-Anh vừa nói cái gì vậy? Em chỉ có 2 tay chứ có 4 tay đâu mà vừa đi làm, vừa phải lo cơm nước, mệt muốn chết lại còn bị hạch hoẹ nhà cửa bừa bãi nữa. Anh cứ lo cơm nước đi, em sẽ dọn nhà sạch như lau như li cho anh coi.

- Lo thì lo chứ sợ gì, nấu cơm có gì ghê gớm đâu mà kể công.

Uyên không bỏ lỡ cơ hội

- Được rồi, bắt đầu từ ngày mai anh lo nấu cơm, em sẽ lo dọn dẹp nhà cửa. Bảo đảm nhà sẽ đẹp như nhà mẫu.

Hôm sau trước khi đi làm, Uyên không quên nhắc chồng.

-Hôm nay anh nấu cơm nhé. Đi làm về em sẽ lo dọn dẹp nhà. Đồ ăn hết rồi,

anh nhớ ghé chợ mua, anh muốn nấu gì thì mua cho đủ. Nấu đơn giản thôi, có cơm ăn mà không phải nấu là em vui rồi.

Trên đường đi làm về, Thành suy nghĩ nên ghé chợ nào mua thức ăn. Tại sao mình không ghé Whole Foods mua đồ ăn ‘organic’ nấu cho ‘healthy’ nhỉ, vợ mình chuyên môn hà tiện đi chợ Đại Hàn mua đồ rẻ. Nghĩ như vậy, chàng vừa đi vừa huýt sáo. Bước vào chợ, lấy xe đẩy lòng chàng lảng lảng với ý nghĩ : “Ta sẽ cho nàng biết tay, làm cơm có khó khăn gì đâu mà làm như quan trọng lắm, tối ngày kể công.”

Đứng trước chỗ bán thịt, Thành suy nghĩ ‘nên mua gì nhỉ, thịt heo, thịt bò hay thịt gà. Thôi, ăn thịt gà cho lành, nhưng mà nấu món gì với thịt gà chứ. Thành nhớ Uyên hay làm thịt gà cà-ri hoặc thịt gà kho xả ớt. Thành nghĩ hai món này làm hơi mất công. Thôi, làm gà quay là tiện nhất, chỉ việc cho con gà vào oven là xong. Nhưng mà không biết phải ướp cái gì vào con gà cho ngon nhỉ. Thật là lười thôi rắc rối. Mình chẳng bao giờ để ý đến mấy cái vặt vãnh này. Thôi làm steak vậy, mua mấy miếng thịt bò bỏ lên lò nướng là xong. Món này thì Thành có thể làm được vì dễ ợt. Mua thêm mấy cây sà-lách nữa là xong, à mua thêm bánh mì ăn cho đúng điệu, khỏi phải thổi cơm. Trên đường đi ra trả tiền Thành thấy mấy con gà quay nằm ngon lành trong tủ kính. Thành tiếc rẻ, biết vậy mình

mua con gà này có phải tiện không, khỏi lo nấu nướng gì hết. Thành nghĩ, thôi để ngày mai mua cũng được, hôm nay ăn bò, mai ăn gà, perfect. Thành hí hửng xách túi đồ ăn về nhà. Cho mấy mẹ con ăn cơm tây cho lé mắt luôn, tưởng bố sợ làm cơm lắm sao.

Đến bữa ăn mọi người ăn uống vui vẻ, há hê. Các con khen bố làm steak ngon quá làm Thành phỉnh cả mũi. Uyên hỏi

-Anh mua thịt bò ở đâu vậy?

Thành trả lời

-Whole Foods đó.

Uyên than

-Trời đất ơi, đồ ăn ở đó đắt chết, ăn hàng ngày mà mua đồ ở đó thì vỡ nợ.

-Ừa, mua đồ ở đâu nấu ăn ngon thì thôi chứ, bộ phải đi kiếm mua đồ ở chỗ rẻ nữa hả? Tiền nào của nấy, đắt mới ngon chứ.

Uyên cãi.

-Vậy chứ từ xưa đến nay có bao giờ anh thấy em nấu cơm thức ăn không ngon không? Rẻ mà vẫn ngon mới hay chứ. Đi chợ kiểu của anh lương mình tiêu sao đủ.

Thành lèm bèm

-Đúng là được voi đòi tiên, người ta nấu cho ăn ngon lại còn bày đặt chê đắt với rẻ.

Hôm sau cả nhà được ăn gà quay với salade.

Ngày thứ 3 Thành đổi sang cá salmon nướng, nhưng vẫn ăn với salade.

Thằng con lớn bắt đầu than

-Bố ơi, 3 ngày ăn mấy món nướng với salade rồi. Mai bố nấu canh mồng toi với tôm và thịt kho trứng giống mẹ làm được không?

Thành bực mình

-Chúng mày sống ở Mỹ phải ăn theo lối Mỹ mới đủ chất bổ. Bày đặt canh với thịt kho vừa phải nấu lách kích vừa chả bổ béo gì.

Cả ba đũa nhao nhao, ăn cơm bố nấu ngán quá.

Hôm sau tan sở, Thành đành phải lái xe đi chợ Đại Hàn. Ghé vào hàng rau, Thành đi lòng vòng tìm mãi mới thấy rau mồng toi gói trong bọc plastic, Thành lấy vội một bọc rồi đi tìm mua trứng và thịt heo.

Về đến nhà, thay quần áo xong, Thành ngán ngẩm bắt đầu làm cơm. Vừa xé bịch rau mồng toi ra, Thành thấy mấy cành rau lá nào cũng lốm đốm chấm vàng và nâu. Chàng lẩm bầm ‘chết rồi rau hư hết thế này làm sao ăn được. Chàng bực mình chửi thề “sh...” rau vậy mà dám bán cho người ta. Chàng ngồi thừ người suy nghĩ, bây giờ lấy gì nấu canh đây.....

Chàng vội gọi cho vợ kể lễ sự tình. Uyên nhẹ nhàng.

-Tại anh chưa bao giờ đi chợ nên không có kinh nghiệm, mua rau mồng toi em không bao giờ mua rau để sẵn

trong bịch nylon hết, họ luôn luôn để rau không ngon hoặc bị hư lẫn lộn với rau tốt. Em phải kiếm những chợ họ để rau ở ngoài cho mình lựa.

Thành than:

- Trời ơi, nội mua rau mà cũng phải công phu như vậy sao?

Chàng hỏi vợ cách làm thịt kho trứng. Nghe vợ dặn phải rửa thịt thật kỹ với muối, xong còn phải đun nước sôi để trứng trước khi cho mắm muối để kho và còn phải làm nước màu, rồi còn phải luộc trứng và bóc vỏ trứng nữa. Vợ chàng còn định dặn thêm, Thành vội ngắt lời

-Thôi đủ rồi, em về lẹ lên mà làm cơm, nhớ đi mua rau mồng toi khác nhé.

Thành nói vớt vát một câu cho đỡ ngượng

-Em chiều các con quá nên chúng hư hết rồi, bày đặt đòi ăn cơm theo lối Việt Nam. Chiều con thì về mà nấu cho chúng ăn.

Uyên không ngạc nhiên, chỉ thấy tội nghiệp ông chồng. Nàng lẩm bầm một mình.

-Cho biết thân, cứ tưởng nấu ăn hàng ngày là dễ lắm.

Hồng Thủy

Tiểu Sử Tác Giả:

Bắt đầu viết văn từ 1958 với bút hiệu Mộng Huyền . Có bài thường xuyên trên trang Học Sinh và Phụ Nữ của Báo



Ngôn Luận và mục Mỗi ngày một truyện ngắn của báo Tiếng Chuông .

Ngừng viết khi lập gia đình. Bắt đầu viết lại tại Hoa Kỳ 1986.

Chủ biên Đặc San Trung Vương vùng Hoa Thịnh Đốn .

Phụ trách mục Cánh Nạn Miền Đông của Nguyệt San Phụ Nữ Việt ở Cali 10 năm.

Phụ tá Chủ Bút và phụ trách trang Phụ Nữ Nguyệt San Kỷ Nguyên Mới .

Trong ban biên tập Tam Cá nguyệt san Cỏ Thơm.

Thành viên Câu Lạc bộ Văn Học Nghệ Thuật vùng Hoa Thịnh Đốn .

Phó chủ tịch nội vụ Văn Bút vùng Đông Bắc Hoa Kỳ.

Tác phẩm :

Tuyển tập Những Cánh Hoa đại màu vàng, Xuất bản 2010.

Viết chung trong các Tác Phẩm :

Tuyển tập Truyện ngắn Phụ Nữ Việt ở Cali 1994.

Du Tử Lê Tác giả và Tác Phẩm .

Ba cuốn Tuyển tập Phụ Nữ Việt 2006. 2007. 2008.

Tuyển tập Thơ Cỏ Thơm.

Hiện cư ngụ tại Maryland cùng chồng, các con và các cháu.



Thu Trên Thềm Vắng - Ảnh **Phan Anh Dũng**

Rơi từng cánh thu vàng

Phạm Tuân & Nguyễn Tường Vân

Ballad

The musical score is written in a single system with six staves. It begins with a treble clef, a key signature of two flats (B-flat and E-flat), and a common time signature (C). The melody is written on a single line. The lyrics are placed below the notes. The score includes measure numbers 3, 6, 9, 12, and 15. The piece concludes with a double bar line.

Rơi, như lá thu rơi trong chiều vàng, Lòng
3 ta theo lá thu rơi trong bàng - hoàng ! Mùa Thu đến lâu rồi, Lòng
6 ta héo lâu rồi, Còn đâu màu tươi thắm vàng theo lá thu !
9 Thu, thu đến chỉ cho tâm tình hoài, Lòng ai như lá thu bay theo dòng
12 đời ! Tình ái có rã-rời, Tuổi sống có u-hoài, Đời
15 trôi theo cánh lá thu vàng tả - tơi ! Từng

Rơi từng cánh thu vàng

17
cánh lá rét-mướt từng cánh rơi vàng từng cánh lá lứt-thuột từng cánh

20
rơi ! Ta đứng ngắm đám lá từng cánh rơi như con người đời

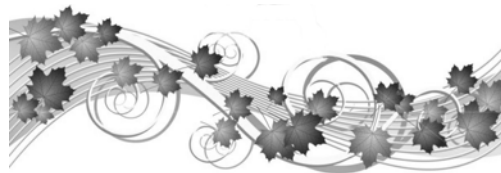
23
trôi vào mây khói thế thôi ! Ôi, bao lá thu rơi theo dòng

26
đời, thời gian như bóng câu trôi theo lòng người ! Tuổi

29
xuân đã qua rồi, Mâu tóc cũng phai rồi, Đời

31
ta như cánh lá thu theo mùa rơi !

2



TIẾNG HÁT THỦY TINH CỦA CA SĨ QUỲNH GIAO

Phan Anh Dũng



Hai hôm trước (23 tháng 7, 2014) tôi nhận được thông báo từ Nhạc sĩ Phạm Anh Dũng (Santa Maria, California) là Ca sĩ Quỳnh Giao vừa qua đời. Tôi bàng hoàng vì không ngờ chị ra đi quá nhanh ở tuổi 68. Sở dĩ tôi nói quá nhanh là vì chỉ mới vài tháng trước, tôi được tin chị lâm bệnh nặng nên phải tạm thời ngưng chương trình "Câu Chuyện Văn Nghệ với Quỳnh Giao" ở Người Việt TV do Nam Phương, rồi Lê Hồng Quang đồng phụ trách. Lúc ấy, tôi thầm nghĩ: "tội nghiệp cho ca sĩ Lê Hồng Quang, anh vừa mới bắt tay cộng tác với ca sĩ Quỳnh Giao mục văn nghệ thật lý thú này!"

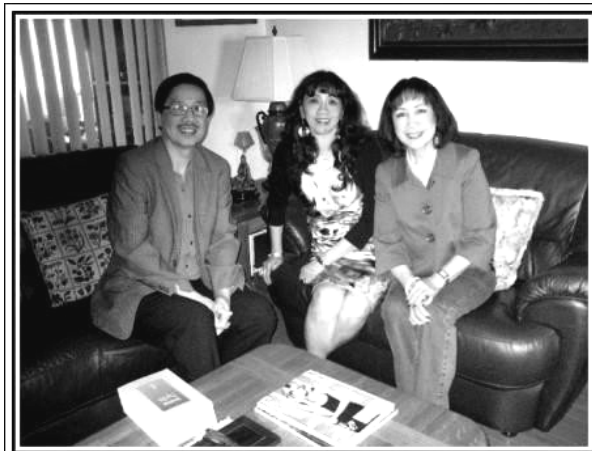
Trong khi thực hiện một số chương trình về nhạc ở website Cổ Thơm, thỉnh thoảng tôi liên lạc và xin phép dùng một số bài viết hay nhạc chị đã trình bày, thường là những bản nhạc xưa ít phổ biến, thí dụ như bài "Mùa Hoa Phượng" của hai nhạc sĩ Lê Đô và Văn Hạnh. Tôi nhớ lại một kỷ niệm đẹp khó quên: nhân dịp qua Nam California vào tháng 3 năm 2012, Tâm Hào và tôi đã gặp một số nghệ sĩ như Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa, Ca sĩ Lê Hồng Quang tại studio dạy nhạc, Nhạc sĩ Thanh Trang, Nhạc sĩ Tuấn Khanh tại quán phở "Hoa Soan Bên Thềm Cũ", và 2 Họa sĩ Vi Vi và Cát Đơn Sa (ở San Diego) ... Chúng tôi có đến thăm Ca sĩ Quỳnh Giao tại tư gia ở Fountain Valley. Căn nhà xinh xắn, vườn tược gọn ghẽ, trang trí thanh nhã và dĩ nhiên không thể thiếu cái đàn piano ở phòng khách. Chị vui tươi, trẻ trung với quần jean xanh, niềm nở chào đón "khách phương xa". Sau đó, chị ký tặng một số sách "Tập Ghi Quỳnh Giao" vừa ra mắt vào tháng 10 năm 2011 (đây là tuyển tập một số bài viết tạp ghi đã đăng ở báo Người Việt). Tuy ở xa nhưng chị vẫn theo dõi tin tức của anh chị em văn nghệ vùng Hoa Thịnh Đốn.

Theo thiên ý, ca sĩ Quỳnh Giao là một người có thực tài về nhiều khía cạnh nghệ thuật. Ngoài ca hát, chị còn đàn và dạy piano, viết văn, làm chương trình "talk show" TV ... Chị được nuôi dưỡng trong một môi trường âm nhạc lý tưởng (Mẹ là danh ca Minh Trang, kế phụ là nhạc sĩ Dương Thiệu Tước). Bề dày kinh nghiệm của chị từ sự học hỏi và thực hành hầu như mỗi ngày từ ban Thiếu Sinh Nhi Đồng (của danh ca Minh Trang), ban Tuổi Xanh (của Kịch sĩ Kiều Hạnh & Phạm Đình Sĩ), ban Tây Hồ và Tiếng Tơ Đồng (của Nhạc sĩ Hoàng Trọng), ban Tiếng Nhạc Tâm Tình (của Ca sĩ Anh Ngọc) v v... Chị cũng được huấn luyện chính thức từ các giáo sư nổi tiếng của Trường Quốc Gia Âm Nhạc như Bà Đỗ Thế Phiệt, Nhạc sư Hùng Lân ...Quỳnh Giao tốt nghiệp thủ khoa ngành dương cầm và nhạc pháp năm 1963. Trong thời gian này, chị vẫn theo học ở trường Trung Học Gia Long. Nghệ danh Quỳnh Giao là do Nhạc sĩ Hoàng Trọng đặt cho khi chị bắt đầu hát trong ban Tây Hồ khi mới 15 tuổi.

Ca sĩ Quỳnh Giao có giọng hát soprano, thanh, mỏng, có kỹ thuật cao về đơn ca và hát bè. Danh ca Châu Hà đã từng nhận định: "*tiếng hát Quỳnh Giao vẫn trong, chưa hề vẫn đục, tôi đặt tên cho giọng hát này*

là Giọng Hát Thủy Tinh" khi Bà giới thiệu Quỳnh Giao hát nhạc phẩm "Yêu" của Nhạc sĩ Văn Phụng năm 1988.

Nhà Văn Hồ Trường An, trong tập sách "Chân Dung Những Tiếng Hát - quyển 1, xuất bản năm 2000", tặng danh hiệu cho Quỳnh Giao là "Tiếng Ca Mở Nẻo Lam Kiều" và Ông có một số nhận xét như sau: "*Quỳnh Giao thường hát những bài chọn lọc, có phẩm chất cao. Cô không chiều theo thị hiếu của khán thính giả tạp nhạp. Cô nhắm vào khách sành điệu ít ỏi, dù nghìn người chỉ có một người đi nữa. Cô hát những bản có nhiều chỗ lên cao để cô có thể biểu diễn giọng kim cao vút và sáng nguy nga, sáng lồng lộng của mình như "Chiều Về Trên Sông" của Phạm Duy, "Tiếng Dương Cầm" và "Mưa Trên Phim*



Phan Anh Dũng & Tâm Hào thăm Ca sĩ Quỳnh Giao tại tư gia ở Fountain Valley, California. Trên bàn là sách "Tập Ghi Quỳnh Giao", tác giả ký tặng một số bản hữu miễn Đông Hoa Kỳ (tháng 3, 2012)

Ngà” của Văn Phụng, “Hẹn Một Ngày Về” của Lê Hữu Mục, “Tiếng Thời Gian” của Lâm Tuyền, “Hoài Cảm” và “Thu Vàng” của Cung Tiến...

Càng lớn tuổi, cô càng luyện giọng siêng chăm hơn nên làn hơi cô thêm mạnh, chuỗi ngân càng đẹp tuyệt vời. Rõ ràng là đây là rượu bỏ đào càng để lâu càng nồng ngát say sưa. Tiếng hát cao vút không gợn đục bởi tình cảm suốt murót của Quỳnh Giao một khi cất lên như đưa tâm hồn khán thính giả đến tận nẻo Lam Kiều in trên mây xanh nổi chập chùng mây trắng để họ bước vào cõi tiên."

Ca sĩ Duy Trác, một giọng hát hàng đầu của tân nhạc Việt Nam trước 1975, đã thân ái giới thiệu như sau (trong một chương trình nhạc chủ đề về Quỳnh Giao năm 2004 cho đài VOVN ở Houston): "Một thi sĩ có định nghĩa như thế này: 'Tiểu sử của một nhà thơ là thơ của người ấy, kỳ dư chỉ là chú thích'. Đối với một ca sĩ, có lẽ cũng không có gì khác. Ngoài tiếng hát, tất cả những gì liên quan tới tiếng hát chỉ là những lời nói thêm. Vậy thì, chúng ta hãy trở lại với tiếng hát Quỳnh Giao và những gì người nghe nhận được từ tiếng hát ấy: Quỳnh Giao hát rõ ràng, thoải mái, có vẻ như cô không cần đến một sự cố gắng nào khi hát. Sự hòa nhập của Quỳnh Giao đối với những bài mình hát là một sự hòa nhập được dẫn đo hẵn hoi. Hình như khi hát Quỳnh Giao còn muốn khẳng định sự tách rời giữa tiếng hát, bài hát và người nghe, dù

đó là một sự liên hệ hỗ tương. Cái khoảng cách cần thiết, sự thật thì người ta cũng chẳng thể nào xóa bỏ được và chỉ khi nào người ta ý thức rõ ràng như thế, việc thường thức mới thật sự nghiêm chỉnh."

Có lẽ là một ngạc nhiên cho phần lớn người yêu âm nhạc Việt Nam: Quỳnh Giao có ngón đàn piano khá điêu luyện, đã từng trình tấu solo hay đàn với dàn nhạc khi còn trẻ. Chị còn sáng tác một số ca khúc, thí dụ như: “Bâng Khuâng”, sáng tác năm 1965, âm điệu cổ điển, được cố nhạc trưởng Vũ Thành khen ngợi.

Quỳnh Giao đã cộng tác nhiều năm với Báo Người Việt, giữ mục viết tạp ghi văn nghệ, phần lớn viết về ca nhạc sĩ Việt Nam trước 1975 và ngoại quốc. Bài viết của chị dễ đọc, dí dỏm, dựa trên kinh nghiệm sống thực cộng thêm khảo cứu. Chị có phong cách nói chuyện lưu loát, duyên dáng với người cộng tác và nghiên cứu kỹ lưỡng nên nhịp nhàng, lời cuốn khi giữ mục "Câu Chuyện Văn Nghệ với Quỳnh Giao" ở Người Việt TV.

Dưới đây là một số trích đoạn từ tiểu sử chính thức, được gia đình của Ca sĩ Quỳnh Giao phổ biến:

"Ca sĩ Quỳnh Giao sinh tại Vỹ Dạ của cố đô Huế vào ngày 8 tháng 11 năm 1946 với quê danh là Nguyễn Phước Công Tăng Tôn Nữ Đoàn Trang . Thân phụ là Nguyễn Phước Ưng Quả, hiệu Vân Hán (1905-1951), một học giả uyên bác được giới khảo cứu Việt học của Pháp kính trọng,

từng là Hiệu trưởng trường Quốc Học tại Huế, Giám Đốc Nha Học Chánh Trung Phần thuộc Bộ Học của nước Việt Nam thời Pháp. Cụ Ứng Quả mất vào năm 1951 tại Bộ Học sau một cơn trụy tim, thọ 46 tuổi, khi Quỳnh Giao mới lên năm. Thân mẫu của Ca sĩ Quỳnh Giao là danh ca Minh Trang, có khuê danh là Nguyễn Thị Ngọc Trâm, là con gái của Thượng Thư Nguyễn Hy. Bà Ngọc Trâm sinh năm 1921, tốt nghiệp Tú Tài Pháp, làm biên tập viên và xướng ngôn viên song ngữ Pháp-Việt trong lãnh vực phát thanh từ thời Pháp. Bà lấy nghệ danh Minh Trang từ khi hát cho đài Pháp Á vào buổi bình minh của nền tân nhạc Việt Nam. Danh ca Minh Trang đã tạ thế vào tháng Tám năm 2010 tại California Hoa Kỳ.

Ở tại Huế đến khi lên bảy, Quỳnh Giao mới vào Sài Gòn sống với thân mẫu và kế phụ là Dương Thiệu Tước, một nghệ sĩ đã góp phần khai phá nền tân nhạc cải cách, nhạc sư đàn Tây Ban Cầm và là cháu nội của danh sĩ, Thượng thư Dương Khuê. Từ năm 1968, Quỳnh Giao còn dạy dương cầm tại gia về nhạc cổ điển Tây phương và lập gia đình, được một con gái là Dzuong Ngọc Bảo Cơ sau này tốt nghiệp cử nhân về Giáo Dục tại Hoa Kỳ.

Khi biến cố 1975 bùng nổ, Quỳnh Giao cùng gia đình di tản vào Tháng Tư và được anh ruột đón về miền Đông Hoa Kỳ. Tại miền Đông, Quỳnh Giao mở lại lớp dương cầm tại

gia và yểm trợ rồi đón nhận thân mẫu cũng các em vượt biên qua Mỹ. Trong thời gian này, Quỳnh Giao thực hiện lấy hai băng cassette có chủ đề "Hát Cho Kỷ Niệm" vào các năm 1983 và 1988. Tự đệm lấy dương cầm với phần phụ họa của Văn Phụng và vài nhạc sĩ, Quỳnh Giao trình bày lại những ca khúc đẹp nhất của tân nhạc với lời giới thiệu của các nghệ sĩ Vũ Thành, Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Cung Tiến, Thái Thanh, Kim Tước, Châu Hà, Mai Thảo, Lê Văn, Duyên Anh, Bùi Bảo Trúc, Phạm Văn Kỳ Thanh, v.v... Qua năm 1986, Quỳnh Giao cũng được nhà văn Duyên Anh mời trình bày đĩa nhạc "Còn Thoáng Chiêm Bao." Cùng giai đoạn ấy, Quỳnh Giao cộng tác và lưu diễn một số nơi với nhạc sĩ Phạm Đình Chương, nhưng cơ hội không nhiều vì sinh hoạt văn nghệ chưa phát triển rực rỡ như sau này. Đáng chú ý thì năm 1988 và 1989 đã cùng Kim Tước và Mai Hương trình bày nhạc Cung Tiến với dàn nhạc thính phòng của nhạc công người Mỹ tại miền Bắc, miền Nam California, Chicago và Minnesota.

Quỳnh Giao đã lần lượt thực hiện nhiều đĩa nhạc CD có giá trị nghệ thuật, đa số với hòa âm của Duy Cường, như Khúc Nguyệt Quỳnh (1992), Tiếng Chuông Chiều Thu (1996), Chiều Về Trên Sông (1997), Ngàn Thu Áo Tím (1998), Hành Trình Phạm Duy (1999), Hình Ảnh Một Buổi Chiều (2000), Tình Khúc Văn Phụng & Hoàng Trọng (2001), Thơ Tình Phổ Nhạc (2002), Hoa

Xuân (2003), *Trở Về Thôn Cũ* (2005) và *Tình Khúc Phạm Duy* (2006). Ngoài ra, Quỳnh Giao hợp tác với nhiều trung tâm để hoàn thành CD *Đêm Tàn Bến Ngự - Tình Khúc Dương Thiệu Tước* (1995) với tiếng hát Kim Tước, CD *Tình Khúc Văn Cao* (1995) cùng tiếng hát Mai Hương và có những ca khúc ghi âm riêng lẻ trong nhiều CD phát hành từ 1993 đến 2006.

Nhờ sống gần Kim Tước và Mai Hương tại miền Nam California, ba chị em trình diễn với nhau nhiều hơn và khi hợp ca thì tự động chia bè rất ăn khớp với sự điều luyện độc đáo. Từ đó, Ban tam ca *Tiếng Tơ Đồng Hải* Ngoài ra đời để nhắc về ban nhạc *Tiếng Tơ Đồng* nổi tiếng trước 75 của nhạc sĩ Hoàng Trọng khi ấy còn ở trong nước.

Đáng kể hơn, là năm 1997 Quỳnh Giao thực hiện cho ban Việt ngữ đài BBC chương trình “*Suối Nguồn Tân Nhạc Việt Nam*”. Được phát thanh hàng tuần qua 20 buổi, chương trình thuộc loại “nhạc sử” vì nói về 60 năm tân nhạc cải cách Việt Nam từ thời phối thai năm 1938 đến sau này.”

Nhà văn Nguyễn Đình Toàn đã viết: “Có những tiếng hát, nghe rồi, khi gặp người hát, người ta có cảm tưởng, giữa người hát và tiếng hát, có một cái gì đó sai lạc. Tiếng hát Quỳnh Giao hợp nhất với khuôn mặt và cả vóc dáng người hát. Nghe và xem Quỳnh Giao hát, người ta có thể thấy ngay rằng, người như thế ắt tiếng hát phải như thế. Mong manh. Trong sáng. Dịu dàng.

Có người cho rằng giọng hát Quỳnh Giao hơi mỏng. Đó là điều người ta có thể thích hay không thích. Nhưng cái vẻ sang trọng và kỹ thuật điều luyện của tiếng hát thì không ai có thể phủ nhận được. Hai CD sau cùng vừa hoàn tất của Quỳnh Giao “*Trở Về Thôn Cũ*” và “*Tình Khúc Phạm Duy*” ghi dấu sự đổi thay thật sự của giọng hát Quỳnh Giao. Như trái đã đủ chín, rượu đã đủ nồng. Không phải chỉ vì ảnh hưởng của thời gian mà còn do những đổi thay, vui buồn của cuộc sống làm nên nữa. Tiếng hát khoan thai hơn, dịu dàng hơn.

Người ta càng thấy rõ cái vẻ mỏng manh của giọng hát Quỳnh Giao vừa là khuyết điểm vừa là ưu điểm. Nó không chuyên chở được những đam mê bốc cháy, nhưng lại làm cho người ta hiểu được cái đẹp, cái mong manh của đời sống.”

Xin được thành tâm cảm ơn những đóng góp tích cực quý báu của người nghệ sĩ tài hoa Quỳnh Giao cho tân nhạc Việt Nam.

Mời quý vị xem thêm tài liệu và nhiều hình ảnh, bài viết tạp ghi, tiếng hát của Ca sĩ Quỳnh Giao ở website *Cỏ Thơm* theo đường link dưới đây:

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1197&Itemid=47

Cầu mong hương linh nghệ sĩ Quỳnh Giao, pháp danh: Như Nghiêm, khuê danh: Nguyễn Phước Công Tăng Tôn Nữ Đoàn Trang, sớm về cõi Niết Bàn.

Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia - USA; 25 tháng 7, 2014)

TRƯỜNG ANH THỤY

THU

Cây cao rừng ngả bóng
Xạc xào cơn gió lộng
Nhớ ngác chú nai tơ
Tìm mình trong lá mọng

CUỐI THU

Lá đuối nhau
váo ngõ cụt
vần mây cao...

NHÀN

Nằm ngủ dưới am mây
quên chẳng cài then trúc
sáng nghe chim gọi
dậy!

NHẠC ĐÊM

Gà eo óc,
Rế nỉ non
Mỡ khua ròn
Tranh nhỏ giọt...
Tách!

TĨNH

Điều vi vút
Muối vo ve
Gió rì rào
Giọt sương tre
Độp!

LẶNG

Trên bãi sông vắng lặng
đàn vịt đứng dăm con
nghiêng đầu nghe chiều đổ...
Boong!

CAO

Dưới chân làng mạc nhỏ
Trên đầu mây chấm vai
Người tìm ta chẳng thấy
Thấy lóe đốm sao mai

XA

Lên cao trên đỉnh núi
trong suốt cõi bao la
Nhìn xa ngoài vạn dặm
thấy cả trời, đất,... ta.

Tiểu sử Tác giả

Sinh tại Hà Nội, di cư vào Nam năm 1954, học trường nữ trung học Trưng Vương 54-56, du học tại Hoa Kỳ 1961, hiện sống tại Virginia, Hoa Kỳ với chồng và con. Có một thời gian dài được sống với thân phụ là họa gia thủy mặc Tá Chi Trương Cam Khải và thân mẫu, nữ sĩ Kim Y Phạm Lệ Oanh. Cả hai cụ đã khuất núi từ cuối thế kỷ XX.



Được huấn luyện trong ngành sư phạm, bà đã theo đuổi trong nghề dạy học cho đến ngày về hưu. Bên cạnh đó, bà đã đóng góp, từ trước 1975, vào các công tác từ thiện, xã hội trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Đồng sáng lập hội từ thiện Vietnam Refugee fund, Inc. (1975). Chủ tịch chi nhánh vùng Hoa Thịnh Đốn của Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển (Boat People S.O.S. Committee), trụ sở chính ở

NẮNG NGỌ

Đuổi bướm trên đồng hoa
hây hây gió vui hòa
nhòa tan trong nắng ngọt
đồng không hoa, bướm, ta...

KHUNG TRANH

Chim đại bàng
tung cánh giữa trời xanh.
Bao giờ ra khỏi khung tranh?!

MỘT CHÂN DUNG

Một túi thơ đầy ắp
một bầu rượu trắng trong
dưới chân đôi dép cỏ
tít mắt ngọt cuồng phong

CHIỀU

Đồi cao cây rụng lá đầy
Cành vương khói biếc
sương dày lòng khe
Rặng thông đưa bước chân về
Vực con chim nhận... sáng lòa
tịch dương.



Bướm Hoa - Ảnh Trương Anh Thụy.

San Diego (California); tiếp nối là một trong những người sáng lập Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (BPSOS, Inc., Virginia), tại đây bà làm chủ tịch Ban Quan Trị đầu tiên trong nhiều năm.

Trương Anh Thụy lập ra nhà xuất bản Cảnh Nam năm 1984. Năm sau cùng với Hội Văn Hoá Việt Nam tại Bắc Mỹ và Nhóm Xác Định lập Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. Cơ sở xb này còn hoạt động cho đến ngày hôm nay (2014).

Bà cộng tác với nhiều báo chí ở hải ngoại và đã từng giữ chức phó chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nhiệm kỳ 1991-1993, thời nhà văn/nhà thơ Trang Châu làm chủ tịch. Thơ của Trương Anh Thụy đã được dịch sang tiếng Anh do GS. Nguyễn Ngọc Bích (trong *War & Exile, A Vietnamese Anthology, Vietnamese P.E.N., East Coast U.S.A., 1989*; *Trường Ca Lời Mẹ Ru - A Mother's Lullaby, Cảnh Nam, 1989*) và GS. Huỳnh Sanh Thông (*An*

Anthology of Vietnamese Poem, New Haven: Yale University Press, 1996). Bà được giới thiệu trong tuyển tập *20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại* (Đại Nam xb 1995), cũng như trong từ điển *Tác Giả Việt Nam / Vietnamese Authors* do Lê Bảo Hoàng sưu tập (Sóng Văn, 2005). GS. Nguyễn Đình Hoà cũng đã điếm sách cuốn *Trạm Nghỉ Chân* trong *World Literature Today* của Đại Học Oklahoma (1994).

Nhiều bài thơ của Trương Anh Thụy đã được Nguyễn Ngọc Bích phổ nhạc. Nhạc sĩ Nguyễn Văn Thành cũng đã phổ bài "Đêm mơ thấy Hai Bà mắng" và "Hình ai" trong <danchuca.org>.

Sự nghiệp văn học của Trương Anh Thụy được nhắc đến trong *The Oxford Companion to Women's Writing in the United States* (Oxford University Press, 1995), và được giới thiệu trên những diễn đàn như tạp chí *Indochina Chronology* (tháng 7-9, 1990) cũng như tại hội nghị quốc tế hằng niên của Hội Á Đông Học (Association of Asian Studies, 25-28 tháng 3, 1993).

Tác phẩm đã xuất bản:

Của Mưa Gửi Nắng (Thơ, 1984), *Trường Ca Lời Mẹ Ru* (Kèm theo bản dịch Anh ngữ của Nguyễn Ngọc Bích và 30 bức minh họa của họa sĩ Võ Đình, 1989), *Trạm Nghỉ Chân* (tập 1 trong trường giang *Chuyển Mùa, 2004*), *Ánh Mắt* (tập truyện, 1998), *Chuyển Mùa* (bộ trường giang tiểu thuyết) đã đoạt Giải Văn Học 2004 của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do./

60 NĂM SÀI GÒN TRONG TÔI

Văn Quang – *Viết từ Sài Gòn*

Hai tuần nay người Sài Gòn xôn xao về một số công trình xưa cũ sẽ bị phá bỏ lấy đất làm tàu điện ngầm. Rầm rộ nhất là khu thương xá Tax đã bị “bao vây” bởi những hàng rào chắn chạy dài và tất cả các cửa hàng trong thương xá này phải dời đi vào tháng 10 này để làm một siêu thị 40 tầng văn minh hơn. Hầu như cả thành phố xôn xao, người ta kéo đến mua hàng giảm giá đông như hội. Và cũng có nhiều người đến để nhìn lại chút kỷ niệm xưa với một công trình kiến trúc được xây dựng từ xa xưa khiến bất cứ ai dù chỉ sống ở thành phố này ít năm cũng cảm thấy tiếc nuối. Lứa tuổi già đã có từng hơn nửa thế kỷ với Sài Gòn bỗng nhận ra cái khu thương xá đó không chỉ gắn liền với thành phố mà còn gắn liền với cả gia đình mình.

Hầu như gia đình nào cũng đã từng đưa nhau vào đây mua sắm vài thứ đồ dùng vặt vật hoặc chỉ dạo quanh, ăn một ly kem, uống một ly cà phê. Nỗi buồn vẫn vương thật nhưng lại rất sâu sắc như người ta vừa lấy đi một phần đời mình. Bởi cái mất đi đã từng có những kỷ niệm với người thân quen không bao giờ tìm lại được nữa. Người mất kẻ còn, người ra đi, kẻ ở lại đã từng cùng nhau đến đây.

Và còn một số công trình gắn liền với Sài Gòn chẳng phải chỉ là biểu tượng mà còn là da thịt của một thành phố từng được vinh danh là “hòn ngọc viễn đông” này

cũng sắp mãi mãi biến mất để nhường chỗ cho công trình ga tàu điện ngầm đầu tiên của tuyến Metro số 1 Bến Thành - Suối Tiên. Dẫu biết vạn vật đời đời không có gì là vĩnh cửu cả nhưng cái gì quá thân quen mất đi cũng thấy lòng trống rỗng. Có khi chỉ một cửa hàng như quán cơm bình dân Bà Cả Đới, tiệm cắt tóc Đám, nước mía Viễn Đông... mất tích vĩnh viễn, thay vào đó là những tòa nhà chọc trời, những cửa hàng choáng lộn cũng thấy nó lạnh lùng xa lạ.

Người còn ở trong nước xót xa, người Việt ở nước ngoài tiếc nuối, đó là điểm những người thân quen gặp nhau ở nỗi nhớ nhưng tiếc nuối này. Tôi đã đọc khá nhiều bài viết từ nước ngoài và e mail của bạn bè chia sẻ nỗi hoài niệm đó. Như Thế Hải từ Hawaii đã mượn hai câu thơ bất hủ của Bà Huyện Thanh Quan, chia sẻ cùng bè bạn khắp nơi khi nhớ về những cái sắp mất đi của Sài Gòn: “*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo. Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*”.

Với một người còn ở lại như tôi, đã hơn nửa thế kỷ gắn bó với hòn ngọc viễn đông này, hai tuần nay càng thấy lòng hoài cô dang trào. Nhớ, nhớ đến từng chi tiết từ cái bước chân đầu tiên đặt lên đất Sài Thành, nhớ từng ngõ ngách, từng nhân vật thuộc về quá khứ ấy cho đến ngày nay. Mặc cho Sài Gòn đã có nhiều tang thương dâu biển, từ cái tên thành phố đến những con đường đã thay họ đổi tên, từ con người đến xã hội cho đến cả cái cách sống cũng đã khác xưa nhiều lắm. Chẳng trách khi xã hội đổi thay, người ta chép miệng than: “*Trời làm một trận lãng nhãng, ông hạ xuống thẳng, thẳng nhảy lên*”

ông, con đã đánh bông nhảy lên bà lớn” cũng chẳng sai. Nhưng với tôi, Sài Gòn vẫn là Sài Gòn từ trong tâm thức mình, từ trong tận cùng tim óc mình. Thế là đủ và tôi lại phải sống cũng như những người Sài Gòn khác, bất chấp gian khổ. Có chăng chỉ là nỗi ngẩn ngơ khi những dấu tích xưa dần mất đi, chẳng bao giờ tìm lại được.

Trong nỗi hoài niệm sâu sắc ấy nhiều buổi chiều đứng trong hành lang hẹp chung cư, nhìn lên khung trời cao, hướng về ánh đèn đêm mờ hồ của thành phố, tôi cố tưởng tượng lại đó vẫn là khung trời xưa, tôi nhớ lại những năm tháng dài tôi sống ở Sài Gòn. Ở đây không chỉ có cảnh quan mà còn có cả những nhân vật là bạn hoặc là người tôi đã từng gặp, từng quen, từng biết đến. Người ở đâu bây giờ? Có biết Sài Gòn của chúng ta đang có rất nhiều người đang nhớ đang mong các “bạn ta” không?

Bước chân đầu tiên trên đất Sài Gòn

Thế mà 60 năm rồi đấy, kể từ ngày tôi mới đặt chân lên thành phố Sài Gòn. Tôi nhớ như in, ngày đầu tiên ấy. Cuối tháng 1 năm 1954, sau 2 tháng học ở Trường sĩ quan Thủ Đức, ngày thứ bảy chúng tôi được đi phép ở Sài Gòn. Niềm mơ ước của tôi từ những ngày còn nhỏ ở trường trung học, ước gì có ngày mình được vào Sài Gòn. Niềm mơ ước ấy còn rộn ràng hơn khi khóa học sĩ quan khai giảng. Thủ Đức – Sài Gòn chỉ có hơn 10 cây số, tuy chỉ cách thành phố rất gần nhưng theo đúng chương trình khóa học, hai tháng sau chúng tôi mới được đi phép. Mấy anh “Bắc kỳ” nôn nao hỏi thăm mấy ông bạn “Nam Kỳ” về Sài Gòn. Từ cái xe taxi nó ra sao, đi thế nào,

bởi hồi đó miền Bắc chưa hề có taxi, cho đến Chợ Lớn có những gì... Mấy ông bạn Nam Kỳ tha hồ tán dóc. Đầu óc tôi cứ lơ mơ về cái chuyến đi phép này.

Rồi ngày đi phép cũng đến, một nửa số sinh viên sĩ quan (SVSQ) đi phép mặc bộ tenue sortie là ủi thẳng tắp, áo bốn túi, chemise trắng tinh, thắt cravate đen đảng hoàng, giày đánh bóng lộn có thể soi gương được. Vô phúc quên cái gì là bị phạt ở lại ngay. Nhưng hầu như chưa có anh nào bị phạt. Đoàn xe GMC của trường chở chúng tôi chạy vèo vèo vào thành phố. Ôi cái cửa ngõ vào thành phố hồi đó chưa có gì lộng lẫy mà chúng tôi cũng mở to mắt ra nhìn. Đoàn xe “diều” qua vài con phố rồi dừng lại trên đường Hai Bà Trưng (hồi đó còn gọi là đường Paul Blanchy), ngay phía sau Nhà hát lớn Thành phố mà sau này là Trụ sở Hạ Nghị Viện VNCH.

Cú nhảy từ sàn xe GMC xuống con đường Hai Bà Trưng là bước chân đầu tiên của tôi đến đất Sài Thành hoa lệ. Ông Hồ Trung Hậu là dân miền Nam chính hiệu, ông đã hứa hướng dẫn tôi đi chơi... cho khỏi “ngổ”. Chúng tôi đi bộ vào con đường nhỏ bên hông nhà hát Thành phố và khách sạn Continental, vòng ra trước bùng binh Catinat – Lê Lợi (hồi đó còn gọi là Boulevard Bonard) và Nhà hát TP. Nhìn mặt trước nhà hát TP có mấy bức tượng bà đầm cứ tưởng... mình ở bên Tây. Lúc đó đã có nhà hàng Givral rồi, nhưng tôi vẫn còn “kính nhi viễn chí” cái nhà hàng vẫn minh lịch sự giữa thành phố lớn rộng đó, chưa dám mơ bước chân vào. Ông Hậu vẫy một cái taxi chở chúng tôi về nhà ông. Taxi hồi đó toàn là loại deux cheveaux, nhỏ hẹp sơn

2 màu xanh vàng. Khi bước lên xe, đồng hồ con số chỉ là 0, đi quãng nào số tiền nhảy quãng đó.

Trong ngày đầu tiên, tôi ngu ngơ làm quen với không khí Sài Gòn qua gia đình anh em ông Hậu. Hôm sau ông bạn tôi đi với bồ nên tôi bắt đầu cuộc solo giữa thành phố xa lạ này. Tất cả Sinh viên SQ đều không được đi xe buýt hay xích lô, phải đi taxi. Nhưng lệnh là lệnh, chúng tôi học các đàn anh khóa trước, cởi áo bốn túi, bỏ cravate, cất cái nón đi là lại tha hồ vung vẩy.

Trở thành người Sài Gòn từ bao giờ

Nơi tôi đến đầu tiên là Chợ Lớn. Một cuộc taxi từ giữa trung tâm TP đến cuối Chợ Lớn mất 12 đồng. Tôi tìm đến khách sạn rẻ tiền của mấy thằng bạn Bắc Kỳ ở đường Tân Đà, một con phố nhỏ, ba bốn thằng thuê chung 1 phòng cũng chẳng có “ông mã tà” nào hỏi đến. Chợ Lớn hồi đó tập nập hơn ở Sài Gòn, con phố Đồng Khánh chỉ chít những khách sạn, hàng ăn, cửa tiệm tạp hóa lu bù tưởng như mua gì cũng có. Chúng tôi cũng biết cách chui vào Kim Chung Đại Thế Giới xem thiên hạ đánh bạc. Hôm đó có anh Nguyễn Trọng Bảo cùng Đại Đội tôi nhưng lớn hơn chúng tôi vài tuổi và là 1 cặp với Nguyễn Năng Tế (lúc đó mới là người yêu của nữ diễn viên điện ảnh Kiều Chinh). Anh thử đánh “tài xỉu”, may mắn làm sao, một lúc sau đó anh được khoảng vài trăm ngàn. Thế là chúng tôi xúi anh “ăn non”, không chơi nữa, rủ nhau đi ăn.

Bắt đầu từ hôm đó chúng tôi đi “khám phá” Sài Gòn và rồi theo cùng năm tháng trở thành người Sài Gòn lúc nào không biết. Càng có nhiều thăng trầm chúng tôi càng gắn bó với Sài Gòn hơn.

Lần thứ hai trở lại Sài Gòn

Tôi lại nhớ ngày trở về Sài Gòn sau hơn 12 năm đi tù cải tạo từ Sơn La đến Vĩnh Phú rồi Hàm Tân. Đó là vào buổi chiều tháng 9 năm 1987. Khi đoàn xe thả tù cải tạo bị giữ lại nhà giam Chí Hòa nghe các ông quan chức trấn an về số phận chúng tôi khi được trở về, khoảng hơn 5 giờ chiều chúng tôi mới được thoát ra khỏi cánh cửa sắt nhà tù Chí Hòa. Ngay từ cổng trại tù đã có đoàn quay phim đợi sẵn để quay cảnh “vui mừng đoàn tụ” của tù nhân, chắc là để chứng tỏ cái sự “khoan hồng bác ái” của nhà nước cho những thằng may mắn không chết trong ngục tù. Lại là lần thứ hai tôi đặt chân lên đất Sài Gòn nhưng với tư cách khác giữa một thành phố đã đổi chủ.

Thấy cái cảnh sẽ bị quay phim, Trần Dạ Từ kéo tôi lên vỉa hè đi lẩn trong đám thân nhân được vận động ra đón tù cùng những người dân tò mò nhìn “cảnh lạ”. Tránh được cái máy quay phim, chúng tôi đi gần như chạy ra khỏi con phố nhỏ này. Ra đến đường Lê Văn Duyệt, chúng tôi đi chậm lại, nhìn đường phố mà cứ thấy đường phố đang nhìn chúng tôi với một vẻ xa lạ và xót thương? Trần Dạ Từ còn lại ít tiền, anh rủ tôi ghé vào đường Hiền Vương ăn phở. Chẳng biết là bao nhiêu năm mới lại được ăn tô phở Hiền Vương đây. Tôi chọn quán phở ngay sát cạnh tiệm cắt tóc Đàm mà mấy chục năm tôi cùng nhiều bạn bè vẫn thường đến cắt tóc. Có lẽ Trần Dạ Từ hiểu rằng anh về đoàn tụ cùng gia đình chứ còn tôi, vợ con đi hết, nhà cửa chẳng còn, sẽ rất cô đơn, nên anh níu tôi lại. Ngồi ăn tô phở tưởng ngon mà thấy đắng vì thật ra cho đến lúc đó tôi chưa biết sống ra sao giữa thành phố này. Ở tiệm phở bước ra, chúng tôi đi bên nhau dưới ánh đèn chập choạng của

con đường Duy Tân mà Phạm Duy gọi là con đường Đại học “uống ly chanh đường, uống môi em ngọt”. Đến ngã tư Phan Đình Phùng, tôi chia tay người bạn tù Trần Dạ Từ, đi lang thang trong cô đơn, trong bóng tối của chính đời mình. Bây giờ tôi mới hiểu hết nghĩa của sự cô đơn là thế nào. Tôi bắt đầu cuộc sống lưu lạc trên chính quê hương mình.

Tôi tìm về nhà ông anh rể đã từng nuôi nấng tôi suốt những năm tháng trong tù. Bắt đầu từ đó tôi trở thành người Sài Gòn khác trước. Và rồi với những cùng khổ, những khó khăn, tôi đã tự mình đứng lên. Bởi tôi thấm thía rằng chẳng bạn đồng minh xỏ lá đã phản phé mình, lúc này không ai cứu mình cả, anh không vượt qua nó, nó sẽ đè chết anh. Vì thế cho đến bây giờ sống giữa Sài Gòn, tôi phải là người Sài Gòn và mãi mãi sẽ là người Sài Gòn. Làm được cái gì hay chết bẹp đi là do mình thôi.

Đi tìm hoài niệm

Tôi không lan man về chuyện cũ tích xưa nữa, bởi nói tới những ngày tháng đó chẳng biết bao giờ mới đủ. Cho đến hôm nay, 25 tháng 8 năm 2014, hơn 60 năm ở Sài Gòn, mọi người đang xôn xao về những đổi thay lớn của Sài Gòn, tôi không thể ngồi yên. Tôi muốn chính mắt mình được nhìn thấy những thay đổi ấy. Mặc dù qua 2 lần nằm bệnh viện và với cái tuổi trên tám mươi, tôi đã mất sức nhiều, hầu như suốt ngày ngồi nhà đã từ ba tháng nay. Tôi điện thoại cho Thanh Sài Gòn rủ anh đi thăm “cảnh cũ người xưa”. Chúng tôi vào phố Hòa, một tiệm phở nổi tiếng từ trước năm

1975 cho đến nay. Con đường Pasteur đan kín xe cộ, tiệm phở Hòa có vẻ tấp nập hơn xưa. Bạn khó có thể tìm lại một chút gì đó của “muôn năm cũ”. Tô phở bị “Mỹ hóa” vì cái tô to chình ịch và miếng thịt cũng to tướng, có lẽ ông bà chủ đã học theo phong cách những tiệm phở VN ở Mỹ. Nó “to khỏe” chứ không còn cái vẻ “thanh cảnh” như xưa nữa.

Thanh Saigon với hoài niệm “người xưa” trong ảnh quảng cáo trên vỉa hè bên hông Thương xá Tax.



Sau đó, nơi tôi tìm đến đầu tiên chính là Thương xá Tax. Vừa đến đầu 2 con đường gặp nhau Pasteur – Lê Lợi đã nhìn thấy một hàng rào bằng tôn chạy dài. Đường Lê Lợi chỉ còn đủ một lối đi nhỏ dẫn đến thương xá Tax và công viên Lam Sơn. Chiếc xe gắn máy len lối cho đến tận cuối đường Lê Lợi sát mép đường Tự Do. Chúng tôi đứng trước cửa TX Tax đang bày ra cảnh vô cùng vắng vẻ, chỉ có tôi và anh bảo vệ nhìn nhau. Anh thừa biết tôi đến đây để làm gì. Anh bảo vệ cũng không còn làm cái nhiệm

vụ cao quý là mở cửa đón khách, anh để mặc tôi tự do đẩy cánh cửa kính nặng chịch đi vào trong khu thương mại. Đèn đuốc vẫn thấp sáng choang, chiếc thang máy cuốn vẫn lặng lẽ chạy không một bóng người. Nó mang một vẻ gì như người ta vẫn lặng lẽ theo sau một đám tang.

Trong quây hàng đầu tiên, điều khiến tôi chú ý là hàng chữ nổi bật hàng đại hạ giá (Big Sale) tới 70% đỏ loét chạy dài theo quây hàng và hàng chữ “TAM BIỆT THƯƠNG XÁ TAX”.

Tôi cố gọi chuyện với cô chủ hàng xinh xắn: Cô phải đề là “TỪ BIỆT” THƯƠNG XÁ TAX mới đúng chứ, sao lại là “TAM BIỆT”? Cô hàng trẻ đẹp thờ dài ngao ngán: “Áy người ta còn hứa khi nào căn nhà 40 tầng làm xong sẽ cho chúng tôi được ưu tiên thuê cửa hàng đây”. Nhưng ngay sau đó cô lại lắc đầu: “Hứa là hứa chứ khi đó mình không cố cánh, đứt lốt thì đừng hòng bèn mảng tới, ông có tin không?”. Bị hỏi ngược, tôi đăm lúng túng ấp úng nói lảng: Phải đợi tới lúc đó mới biết được. Cô bán hàng quay đi, dường như cô chẳng tin gì cả.

Các quây hàng khác vẫn mở cửa, mỗi gian hàng chỉ còn lại vài ba người, chắc toàn là những ông bà chủ. Tôi nghĩ họ đang làm công việc khác chứ không để bán hàng. Có ai mua đâu mà bán. Tôi đến hỏi thăm vài ông bà chủ cửa hàng, không tìm thấy bất cứ nụ cười nào trên những khuôn mặt buồn hiu ấy.

Có lẽ vài tuần nay, người đi tìm đồ hạ giá đã “khuân” đi khá nhiều rồi, lúc này những thứ hàng còn lại không còn giá trị nữa. Tuy nhiên cửa hàng nào cũng còn bề bộn hàng ế. Nhìn lên tầng lầu cũng vậy, nó còn vắng vẻ thê thảm hơn.

Tôi bước lên mấy bậc của bục gỗ, ghé vào một tiệm bán máy hình còn nguyên si bởi ông chủ quyết không giảm giá.

Tôi hỏi lý do, ông có vẻ liêu:

- Thà ế chứ không giảm. Tôi lại tò mò hỏi tiếp:

- Vậy là ông có một cửa hàng ở nơi khác nữa?

Ông lắc đầu: - Không.

Tôi hỏi: Vậy ông sẽ làm gì? Câu trả lời của ông cụt lùn:

- Về quê làm ruộng.

Tôi yên lặng trước sự bất bình đó. Đứng nhìn hàng loạt máy hình, máy quay phim đủ loại còn nằm rất thừ tự trong tủ kính sáng bóng. Tôi lại hỏi:

- Chắc họ phải đền bù cho ông những thiệt hại này chứ?

- Chưa có xu nào cả. Thời hạn bắt đi dời nhanh quá, trở tay không kịp.

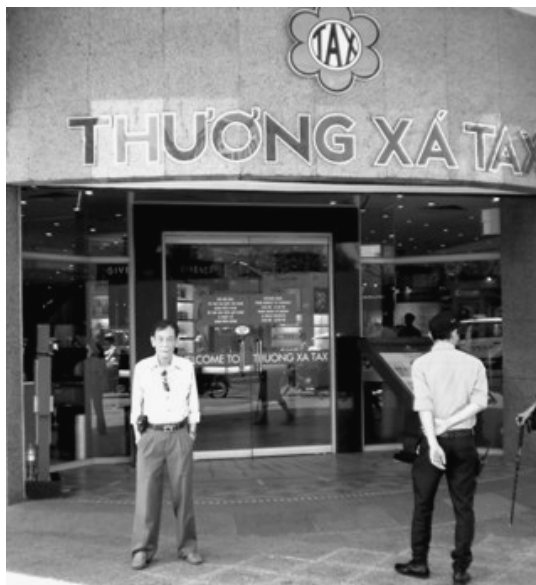
Tôi nghĩ chắc ông này cũng chỉ là người đi thuê lại cửa hàng của một ông nhà giàu nào đó mà thôi, ông có vẻ bất cần đời. Tôi từ già, ông chỉ gật đầu nhẹ.

Nhìn sang hàng loạt cửa hàng vàng bạc đá quý gần như vẫn còn nằm nguyên vẹn và không một bóng khách vãng lai. Các bà, các cô tha hồ nhìn nhau ăn cơm hộp. Tôi có cảm tưởng một thành phố chết vì chiến tranh gần kề hay vì một nạn dịch nào đó.

Vậy mà tôi vẫn còn đi vợ vẫn trong cái không gian như nghĩa trang sống đó. Tôi đi tìm hình bóng của một thời dĩ vãng, nào vợ con, nào bè bạn, nào những người xa lạ trong cái nhịp thờ rợn rợn thân thiện của tất cả Sài Gòn xưa ở chốn này. Chẳng bao giờ trở lại. Tôi muốn gọi tên tất cả trong hoài niệm tận cùng sâu lắng.

Ngậm ngùi nhìn công viên Lam Sơn trống rỗng

Rồi tôi cũng phải bước ra. Trở về với thực tại, nhưng vẫn gặp cái vắng lặng của vỉa hè chạy dài theo đại lộ Nguyễn Huệ. Đường như chỉ còn có Thanh Sài Gòn ngồi ngất ngư với “người xưa trong ảnh” của một ô quảng cáo vuông vắn phía ngoài thương xá.



Văn Quang trước Thương xá Tax ngày 25-8-2014.

Chúng tôi đi qua khu công viên Lam Sơn, lúc này đã được phá sạch, chỉ còn vài cây cỏ thụ cao lêu nghêu bên cạnh “công trường” đang làm, dường như hàng cây đứng chờ giờ hành quyết như các “đồng nghiệp” của nó đã bị đốn hạ vài hôm trước. Các bác thợ quần áo xanh, dây đeo chằng chịt đã và đang dọn dẹp cho công trường trống rỗng. Tôi đứng trước nhà hát TP nhìn

cảnh “vườn không nhà trồng” đó mà ngậm ngùi nhớ tới pho tượng Thủy Quân Lục Chiến sừng sững đứng bảo vệ thành phố ngày nào và nhớ tới những đồng đội TQLC đã ngã xuống hoặc giờ này đã ở khắp phương trời xa.

Chắc hẳn bạn còn nhớ ngay cạnh đó là góc bùng binh Nguyễn Huệ - Lê Lợi còn là nơi tổ chức đường hoa vào dịp Tết. Gia đình nào chẳng một lần kéo nhau đi giữa đường hoa với tâm trạng rộn ràng của một ngày hội hoa xuân. Từ năm nay sẽ mất hẳn, chẳng bao giờ thấy bóng dáng mùa xuân ở đây nữa.

Cuối cùng tôi trở lại nơi mà lần đầu tiên tôi đặt chân lên TP Sài Gòn. Tôi đã nhảy xuống xe GMC ở đây, đúng nơi này, phía sau nhà hát TP, bây giờ là trụ sở của Tổng công ty cấp nước của TP. Mặt đường nhựa chẳng có gì thay đổi, nó cũng nhẵn mơn như những con đường nhựa khác, nhưng với tôi nó là một dấu son đáng nhớ nhất trong đời. Vậy mà đã đúng 60 năm rồi sao?

Mai này Sài Gòn sẽ còn mất đi nhiều thứ nữa như vòng xoay trước cửa Chợ Bến Thành, một biểu tượng mà bất cứ ai đã đến Sài Gòn dù chỉ một lần cũng không thể nào quên. Đó là những thứ sẽ mất đi để làm tuyến metro số 1 Bến Thành - Suối Tiên. Ngoài tuyến metro số 1, còn xây dựng thêm 6 tuyến metro khác. Chúng ta sẽ mất đi nhiều di tích xưa cũ. Sài Gòn sẽ đổi khác rất nhiều, để lại trong người Sài Gòn dù ở đâu cũng thấy cảm thấy một nỗi buồn ngùi, nhớ tiếc. 60 năm Sài Gòn, hòn ở đâu bây giờ?

Văn Quang

29 tháng 8-2014

Mùa Lúa Mới

Thơ: Thánh Gioan - Phaolô II
 Chuyên ngữ: Lê Đình Thông
 Nhạc & Lời 2: Văn Duy Tùng

♩ = 67
 Trong sáng...

1. Nào cùng ngắm kỳ công tao hóa, nghe cỏ
 2. Rồi hạt lúa tròn no đầy sữa, vườn lớn

cây rợp lá xôn xao. Núi cao thác nước dạt
 nhanh mà lúa tươi xanh. Nắng lên gió bão mưa

dào, chim rừng ca hát đón chào nắng mai. Đổng lúa
 tạnh, ươm mầm giống mới lúa trở ngát thơm. Cùg ra

chín miệt mài gơn sóng, mãi nhấp nhô hạt lúa đong
 sức sớm chiều cấy cấy, bao ước mong ruộng lúa đong

đưa. Bao nhiều ước muốn cho vừa, thoáng qua cơn
 đòng. Trên đê bước khắp khởi mừng quấy vai ta

gió đổi mùa sang đông. Ánh mắt nào còn mong còn đợi.
 gánh lúa mùa đầy sân.

Mau đến mùa lúa mới đơm bông. Cây cấy vất vả nhiều

công Mong cho mưa thuận cầu mong gió hòa. Ánh mắt

nào còn mong. Mau đến mùa trở bông lúa mới. *rit* Fine

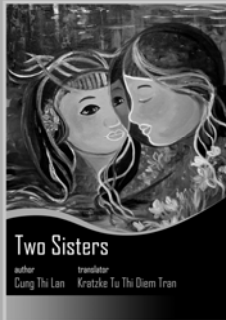
**Chúc mừng dịch giả Kratzke Từ Diễm
Và thông báo cùng quý vị độc giả**

Book Signing: **TWO SISTERS**

Saturday November 01, 2014
2:00P.M to 5:00 P.M

**Mason District Station
6507 Columbia Pike
Annandale, VA 22003**

**Author: Cung Thị Lan
Translator: Kratzke Từ Diễm Trần**



This is a story of two sisters growing up in poverty in Central Vietnam. It is written from the perspective of the big sister who is a little girl herself. It is a story of struggling for survival, of sisterly and family bonds, of the devastating effect of poverty on people, and of the problems with social classes. Via vivid imagination and invented games, the two sisters live through indifference, injustice, contradiction, and poverty and soar above them all.

TÔI LÀM BÁO VĂN HỌC

(Tâm Sự 17 Năm Sinh Hoạt Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm)

(tiếp theo Cỏ Thơm 67)

Phong trào *Website* tràn ngập *internet*. Nguyên Thủy, cậu con trai cứ thúc giục tôi mở một cái *Website* riêng đưa lên tất cả các tác phẩm thơ văn sáng tác của mẹ. Nhưng Nguyên Thủy không hiểu tiếng Việt nhiều. Nếu có *Website* tôi lại thêm việc. Trong quá trình viết văn làm báo *Cỏ Thơm*, tôi đã có hai tác phẩm dài, thêm tập thơ, hai tập truyện ngắn và một tập bút ký, một tập thơ chưa có thời giờ nhuận bút để xuất bản. Tôi vẫn phải làm công việc của một bà nội trợ, làm vợ, làm mẹ, làm bà nội, bà ngoại coi cháu trong gia đình. Các nhà văn nữ, nhà thơ nữ trẻ thời buổi này còn phải đi làm *full time*, về nhà cũng không qua khỏi tất cả việc bếp núc, dọn dẹp nhà cửa, săn sóc con cái, có khi còn phải lo cho cả ông chồng nữa. Họ chỉ tìm được thời giờ đêm khuya hay sáng sớm để viết lách mà thôi.

Tôi không nghĩ tới việc làm *Website* cho tôi mà lại nghĩ sao không làm *Website* cho *Cỏ Thơm*? Báo giấy không có âm thanh để nghe những bản nhạc được đăng, không có màu sắc để in tranh ảnh các họa sĩ và nhiếp ảnh gia gửi tới. Mỗi số báo chỉ in được có hai tranh ở bìa trước và bìa sau, trang trong là màu xám, làm tôi rất áy náy.

Thế là tôi bàn với ban trị sự, Phó Chủ Nhiệm Phan Khâm, Tổng Thư Ký Đỗ Trùng Mỹ Hạnh và Phan Anh Dũng. Cả ba đều đồng ý, nhưng chỉ những bản nhạc với lời ca và hòa âm, những tranh ảnh mới được đưa ngay lên *Website*. Còn nội dung báo giấy thì hai số sau mới đưa được vào mạng lưới để báo mới không bị mất độc giả mua báo dài hạn.

Đúng sở trường, Phan Anh Dũng sốt sắng nhận lời phụ trách *Website* *Cỏ Thơm* từ số 35. Nguyên Thủy dựng khung và đứng tên mua *Website* cho *Cỏ Thơm*: <www.cothommagazine.com>. Dũng mời thêm chuyên viên *Computer*, Nguyễn Văn Bá phụ giúp kỹ thuật. Từ số báo 35, mùa Hè 2006, Phan Anh Dũng đã trở thành Chủ Biên *Website*.

Website *Cỏ Thơm* có nhiều bài biên soạn công phu về tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam và thế giới, của nhiều nhạc sĩ từ thời tiền chiến đến hiện tại. *Website* và Báo *Cỏ Thơm* đã trở thành sản phẩm văn học nghệ thuật Việt Nam phổ biến toàn cầu. Có nhiều độc giả từ các nước khác và Việt Nam đọc, và liên lạc với *Cỏ Thơm*.

Tam Cá Nguyệt San *Cỏ Thơm* rất may mắn có Phan Anh Dũng tận tâm và nhiệt thành cộng tác.

Tình hình tài chánh Cỏ Thơm có vẻ khấm khá. Từ số 38, tôi cho in Cỏ Thơm với bìa hình màu với ảnh và tranh xin được của các họa sĩ như Đinh Cường, Vũ Thái Hòa, Thái Tuấn, Trương Thị Thịnh, Đặng Giao, Lê Văn Lai... gần đây có Họa Sĩ Vi Vi – Cát Đơn Sa, Liên Phương, Từ Châu Lan, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Thanh Trí... Các nhiếp ảnh gia có Nguyễn Sơn, Phạm Văn Tuấn, Minh Châu, Trương Anh Thụy, Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Huy Linh, Sonny Sencer... Vì muốn để dành bìa sau cho các tấm tranh ảnh màu, chủ nhiệm đã từ chối vài thân chủ quảng cáo dài hạn. Cỏ Thơm chỉ cần đủ tài chánh lo phục vụ văn học và độc giả là tốt rồi.

Ngoài những buổi họp mặt trong vùng, Cỏ Thơm còn tổ chức những chuyến du lịch bằng xe *bus* sáng đi chiều về. Quý mến và thân tình với các anh chị em bạn Cỏ Thơm, khi đi thăm viếng nơi nào đẹp và đặc biệt với ông xã, tôi lại muốn chia sẻ với họ. Chúng tôi đã tổ chức một buổi đi chơi Long Wood Garden, vườn cảnh ngàn hoa đua nở và trăm vôi nước phun kiểu Ý Đại Lợi, tại Pennsylvania vào mùa hè năm 2003 với 40 người tham dự.

Mùa thu năm 2009, chúng tôi gần 60 người lại làm một chuyến đi thăm vườn tượng Grounds For Sculpture tại New Jersey, của Điêu Khắc Gia J. Seward Johnson, Jr. Đặc biệt những bức tượng kích thước người thường được tạc và xếp đặt trong vườn cảnh rộng như công viên và

đúc tác theo những bức tranh nổi tiếng của Claude Monet, Edouard Manet, Pierre – Auguste Renoir... Những chuyến đi chơi này tôi đều viết bài tường thuật và đăng báo Cỏ Thơm.

Nhiều thân hữu Cỏ Thơm sau đó đã đưa bạn bè bà con trở lại thưởng ngoạn hai địa danh mỹ thuật đặc biệt quyến rũ nói trên.

Sau hai chuyến du lịch thích thú đó, người Cỏ Thơm cứ nhắc nhở chuyện đi chơi nữa. Nhưng tôi không tìm ra chỗ nào đặc biệt mà chúng tôi có thể vừa xem phong cảnh lạ đẹp vừa ca hát vang đường trường. Nên, mùa thu 2013, chúng tôi đã làm một chuyến “car pool” xuống chơi nhà nghệ sĩ Thái Phương ở Richmond, Thủ đô của Virginia, cách toà soạn Cỏ Thơm khoảng 2 giờ xe hơi. Chúng tôi được ăn uống thả giàn, ca hát vỡ nhà và du thuyền lướt gió êm ru trên hồ thơ mộng sau nhà Thái Phương. Người Cỏ Thơm vẫn để ý tìm kiếm nơi nào đó nữa có thể đi du ngoạn một ngày, nhẹ nhàng, vui thích cho đời lên hương.

Năm 2006 tôi đi Paris dự buổi Thu Tao Ngô do Nhà thơ Đỗ Bình tổ chức, Nhà Thơ đã nói rằng: “Người Paris mà nhìn thấy báo Cỏ Thơm sẽ phục lắm, vì cả Paris chẳng có một tờ báo nào như Cỏ Thơm cả” Từ đó, ngoài Nhà thơ Đỗ Bình, Cỏ Thơm được nhiều nhân vật tai mắt trong làng văn học Paris cộng tác như Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, NS Lê Trạch Lưu, NS Phạm Đình Liên, Biên Khảo Gia Phạm Thị Nhung, BS Phương Du Nguyễn Bá Hậu, BKG Nguyễn

Thùy... Đòi yên ương NV Mây Thu-BKG Mỹ Phước Nguyễn Thanh. Nguyễn Mây Thu là Đại diện Cỏ Thơm tại Paris.

Bên Đức, Cỏ Thơm có Nhà văn Vũ Nam, tác giả các tác phẩm “*Nơi Cuối Dòng Sông, Một Đêm Ở Genève, Hoa Liên Kiều*”... Vũ Nam đã là đại diện của bên Đức nhiều năm và đã giới thiệu Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Nhiệm tác giả “*Ca Dao Con Đường Văn Hóa Việt*” với Cỏ Thơm. Tôi đã gặp hai tác giả này tại Paris trong thời gian tham dự Thu Tao Ngô. Mấy năm gần đây Cỏ Thơm được sự cộng tác của Nhiếp Ảnh Gia Nguyễn Sơn với những hình ảnh tuyệt vời và BKG Nguyễn Quý Đại là đại diện Cỏ Thơm tại Đức, đỡ cho Nhà văn Vũ Nam hai năm.

Từ số 50, mùa xuân 2010, Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng đã nhận thêm chức Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ cho Cỏ Thơm chia sẻ sinh hoạt với Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm.

Tập mới nhất hiện bây giờ, mùa đông 2013, là số 65. Từ hai năm nay Cỏ Thơm có đồng Chủ Bút là Biên Khảo Gia Trần Bích San đọc những bài biên khảo, BKG Phạm Văn Tuấn giúp đọc các bài văn của các tác giả Âu Châu. NT Ngô Tăng Giao đọc các bài văn của các tác giả trong Hoa Kỳ. Nhà Thơ Phan Khâm đọc thơ. Phan Anh Dũng nhận và đọc các bài viết về họa, nhạc... Bởi vì sau khi “người anh hùng” của Ngọc Dung thấm mệt phải nằm nhà thương một tháng, dưỡng bệnh tại trung tâm phục hồi hai tháng và về nhà ngồi xe lăn, Ngọc Dung rất bận rộn, đầu óc

không tập trung đọc bài vở gửi đến Cỏ Thơm. Tuy nhiên, gần đây Nhà Văn Phạm Văn Tuấn và Nhà Thơ Ngô Tăng Giao vì lý do sức khỏe và gia đình, đã thoái vị đồng chủ bút. Cuối cùng thì Biên Khảo Gia Trần Bích San vẫn hiên ngang đứng mũi chịu sào cho Cỏ Thơm và cố vấn chặt chẽ bất cứ vấn đề gì nan giải Cỏ Thơm cần ý kiến từ 18 năm nay. Tinh thần Trần Bích San rất cao trong việc xây dựng vững vàng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Báo Cỏ Thơm có thêm đại diện ở New York là độc giả thân hữu Vương Ánh Hằng, phu nhân Bác Sĩ Hoàng Giang. Đại diện Minnesota là Nhà Thơ Hội Viên Thi Văn Tao Đoàn Quỳnh Dao, Văn Thị Kiều Anh. Đại diện Bắc California là Nhà Thơ năng động Vũ Mạnh Phát. Đại diện Washington Sate là Nhà thơ duyên dáng Nguyên Bạch. Đại diện Louisiana là Biên Khảo Gia Trần Bích San, một cây cổ thụ trong vườn Cỏ Thơm. Đại diện ở Canada có Nhà Văn người đẹp Tiểu Thu.

Ban Biên Tập Cỏ Thơm số 65, mới nhất hiện nay có văn, thi, nhạc, họa sĩ, biên khảo gia: Hồ Trường An, Ý Anh, Nguyễn Ngọc Bích, Đỗ Bình, Phan Anh Dũng, Nguyễn Quý Đại, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Vũ Hối, Nguyễn Quốc Khải, Phan Khâm, Huy Lãm, Nguyễn Lân, Phạm Trọng Lệ, Nguyễn Phú Long, Vũ Nam, Nguyễn Văn Nhiệm, Phạm Thị Nhung, Đỗ Phú, Trần Bích San, Nguyễn Sơn, Nguyễn Văn Thành, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Phong Thu, Tiểu

Thu, Hồng Thủy, Trương Anh Thủy, Bùi Thanh Tiên, Phạm Văn Tuấn, Kim Vũ.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm có bao nhiêu nhà văn, nhà biên khảo gạo cội, gồ ghề như trên viết bài cộng tác. Nhà văn Phong Thu đã có lần nói rằng đọc Báo Cỏ Thơm 10 năm cũng tương đương lấy được mấy cái bằng cử nhân văn khoa.

Ngoài ra còn rất nhiều văn, thi, nhạc, họa sĩ, nhiếp ảnh gia khác cộng tác với Cỏ Thơm như Việt Bằng, Xuân Bích, Phạm Hữu Bính, Tạ Bình, Dư Thị Diễm Buồn, Trần Thị Hương Cau, Nguyễn Vô Cùng, Nguyễn Kinh Bắc, Trương Minh Châu, Đào Đức Chương, Đinh Cường, Phương Duy TDC, Duy An Đông, Hồ Thành Đức, Đỗ Thị Minh Giang, Võ Thị Trúc Giang Lúa 9, Tôn Nữ Mặc Giao, Song Hà, Diễm Hoa, Lý Hiếu, Bé Ký, Lê Văn Lai, Từ Lan, Hoàng Song Liêm, Nguyễn Huy Linh, Lê Mai Linh, Phạm Bá Luân, Vũ Đức Nghiêm, Cao Nguyên, Đăng Nguyên, Phạm Thảo Nguyên, Ý Nguyên, Uyên Phương Minh Nguyệt, Trần Quốc Phiệt, Trần Chí Phúc, Liên Phương, Văn Quang, Cát Đơn Sa, Hồ Công Tâm, Phạm Xuân Thái, Thanh Thanh LXN, Thanh Trang, Diễm Trân, Thanh Trí, Yên Vi, Vivi...

Chúng tôi đã từng đăng tiểu sử các cây viết để độc giả biết nhiều hơn về các tác giả Cỏ Thơm. Đến nay các tác giả đã viết và xuất bản thêm tác phẩm và Cỏ Thơm cũng có thêm nhiều tác giả mới cộng tác.

Xin quý độc giả đón xem tiểu sử các tác giả kể trên sẽ dần dần đăng trên Báo Cỏ Thơm.

Nhắc tới các tên tuổi đã củng cố danh tiếng Cỏ Thơm, tôi không thể không nhắc tới và ghi ơn sự hợp tác của quý văn, thi, họa, nhạc sĩ đã qua đời như Nhật Bằng, Nguyễn Túc, Nguyễn Đức Vinh, Hà Bình Trung, Minh Vũ, Hoàng Trùng Dương, Lê Thương, Vũ Đình Từ, Vũ Thái Hoa, Nguyễn Hữu Thử. Tôi hình dung các vị quá cố trên cõi vĩnh hằng hạnh phúc đang mỉm cười, hài lòng với sinh hoạt của Cỏ Thơm vẫn được tiếp tục.

Cỏ Thơm cũng không quên ghi ơn các mạnh thường quân đã mến thương và cho quảng cáo rộng rãi từ nhiều năm nay như Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung, Bác sĩ Nguyễn Quốc Quân, Diana Duyên Sovereign Realty, Inc, Harvest Moon Restaurant.

Cỏ Thơm có gần một trăm cây viết, cây đàn, cây cọ và ống nhòm cộng tác như kể trên, nên có vài người đã hỏi sao tôi ôm đồm nhiều việc thế, sao tôi không để cho người trẻ nào thay thế?

Nhưng lại sao lại chỉ cần điều kiện trẻ tuổi để thay thế một chủ nhiệm hay chủ bút hay cả hai chức vụ? Người trẻ tuổi đó trước tiên phải là người có khả năng viết lách, có uy tín trong văn giới, phải có tác phẩm chứng minh được văn tài. Người đó phải là hội viên có nhiệt tình với Cỏ Thơm

trước đã và có chịu hy sinh thời giờ và cả tiền bạc cho Cỏ Thơm không?

Trong 10 năm là chủ nhiệm kiêm chủ bút, tôi đã mời mọc nhiều lần những nhân vật Cỏ Thơm có uy tín trong vùng. Nhưng tôi hỏi hết năm này, qua năm khác, chẳng ai muốn ăn cơm nhà vác gà voi, làm dâu thiên hạ như Nhà Văn Trương Anh Thụy vẫn thường nói. Các cây bút được coi như kỳ cựu của Cỏ Thơm đến nay cũng đều trên 70 cả rồi. Vài người trẻ hơn thì vẫn còn phải đi làm “*full time*” hoặc đã có những chương trình, kế hoạch hoạt động riêng tư. Tôi không giữ ý định cứ hai năm bầu bán một người chủ nhiệm và chủ bút như ông chủ nhiệm khai sinh ra Cỏ Thơm đề nghị lúc khởi đầu tôi nhận gánh vác tập san. Bởi vì tôi đã nhìn thấy những cuộc bầu bán bừa bãi. Những người không có khả năng, nhưng bị ép uống mồi, nên cả nể nhận đại việc, hay là chỉ muốn có danh và làm bù nhìn và rồi chẳng làm được đúng nhiệm vụ mình được giao phó, thì Cỏ Thơm sẽ mất danh thơm.

Nhưng người ta nói cũng có phần đúng, làm việc gì cũng cần phải hào hứng, phải thích, mới thành công và tiếp tục lâu dài được. Tôi rất vui và đam mê phục vụ văn học. Thực ra làm báo Cỏ Thơm đối với tôi không nặng nhọc, vất vả gì lắm, vì “Trời” thương, tôi không bệnh tật, không phải đi làm, không phải lo về tài chính. Để có nhiều thời giờ làm báo Cỏ Thơm, tôi mượn người làm vườn, quét dọn, lau chùi nhà cửa. Một tuần ba lần Nguyễn Thị Ngọc Dung đến lớp tập thể dục, giữ gìn sức khỏe để lo

cho gia đình, cho Báo Cỏ Thơm, cho “hình thức”, đáng đáp xứng đáng là một chủ nhiệm như Biên Khảo Gia Trần Bích San đã nói.

Tôi vui làm báo vì trước tiên là cái thú được đọc các bài viết, coi các hình ảnh, tranh vẽ của các tác giả gửi tới. Sau đó là cái thú múa may mười ngón trên *keyboard*. Tôi đã từng làm clerk typist mà! Tôi hơi hờ, hài lòng ngắm nghía những trang báo được trình bày gọn gàng, đẹp mắt. Thay màu, đổi sắc bìa báo cho vừa ý cũng là một cái thú như một họa sĩ mãn nguyện khi vẽ được một bức tranh suýt sắc, như một nhiếp ảnh gia chụp được một tấm hình đặc biệt. Sửa chữa, trang điểm hình dung các vị nam hay nữ tác giả, mập hay ốm, nhiều hay ít tuổi cho đẹp ra, trẻ ra cũng là một trò chơi thú vị của tôi. Dù hình ảnh nhân vật được xóa bớt nếp nhăn, được làm gầy đi, được làm trẻ đẹp ra thì vẫn nhận diện được tên người trong hình. Hãy làm đẹp cho đời và cho người phải không?

Một lý do nữa, tôi còn muốn báo Cỏ Thơm tồn tại là vì Cỏ Thơm còn nhiều độc giả tha thiết đón nhận. Dù biết computer hay không biết, nhiều vị vẫn thích nằm, ngồi nhẹ nhàng, thoải mái đọc báo giấy hơn ngồi mỗi lưng dán mắt vào màn ảnh *Computer* để bàn hay để đùi hoặc cái iPad lớn hơn bàn tay.

Sau cùng, tập báo được lên khuôn, coi như mình đã hoàn thành được một nơi chốn cho các tâm hồn văn chương, thì thú vui gửi gắm tâm tình, như người làm vườn tìm thấy hạnh phúc khi tạo được một

khu vườn mỹ thuật, có hoa thơm, cỏ lạ mọc tươi tốt, và nhìn thấy những du khách thích thú thả hồn dạo chơi công trình vun xới chăm bón của mình. Phục vụ cho riêng mình, làm vui cho riêng mình, không phải hy sinh thời giờ tiền bạc cho người khác thì dễ lắm. Làm vui cho người, cho đời, được thành công, được tín nhiệm mới là khó, không mấy ai thi hành được lâu dài và dám đứng ra gánh vác một việc mà đối với họ là nặng nề như ngà voi. Mỗi số Báo Cỏ Thơm là một đóng góp cho chữ nghĩa, văn chương Việt Nam Hải Ngoại không thể chối cãi được.

Có một độc giả hội viên Cỏ Thơm đã nói với tôi rằng: "Trẻ tuổi và bằng cấp không đủ điều kiện để làm một tờ báo. Điều kiện ắt có và đủ để làm báo là dám sống chết với tờ báo. Hãy chọn và giao phó tờ báo cho người nào dám sống chết cho nó!!!".

Một điều hạnh phúc nữa là tôi có thêm bạn, các văn, thi, họa, nhạc sĩ, nhiếp ảnh gia tôi thường được liên lạc qua *computer* hay điện thoại. Có những *email* vài dòng, cũng có những cuộc điện đàm xa gần cả tiếng đồng hồ chưa sả hết tâm sự.

Mỗi ba tháng, chúng tôi lại họp nhau phân phối báo, ăn uống, chuyện trò thân mật, hay ca hát tưng bừng giải trí lành mạnh. Chúng tôi cũng nhân dịp đi ủng hộ sinh hoạt cộng đồng để gặp nhau, nhìn

thấy nhau còn hiện hữu trên thế gian vô thường này.

Kể từ ngày bắt đầu mang danh phụ tá chủ bút, 1996, đến nay, 2014, từ lúc còn "trẻ" nay đã bị chê già, tôi tự hào đã miệt mài **LÀM BÁO VĂN HỌC** qua 18 năm không vụ lợi. Tôi cảm thấy cần phải viết lại "lịch sử" Báo Cỏ Thơm để đời, để mai hậu không quên trong vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn trong thời gian này có một tập báo văn học mang tên Cỏ Thơm. Vì ai là người hiểu biết về Cỏ Thơm hơn Nguyễn Thị Ngọc Dung?

Danh tiếng của một tạp chí có thể được truyền tụng hàng thế kỷ. Nhưng cơ sở của một tạp chí nào tồn tại mãi với thời gian? Con người cũng thế, không thể trường sinh mãi mãi, bao người già hay trẻ hơn tôi đã ra đi.

Một ngày nào đó tôi cũng không thể lo toan cho Cỏ Thơm được. Mong rằng sẽ tìm được một hội viên có thực tâm, thực tài, có nhiều thời giờ điều hành nghiêm túc Tam Cá Nguyệt San Văn Học Cỏ Thơm lâu dài, thay thế Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Mong lắm thay.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

12/2013

Tiểu Sử Tác Giả:

Nguyễn Thị Ngọc Dung sinh tại Hà Nội, ngày 7 tháng 8, 1939, trong gia đình 10 anh chị em. Thân phụ là Ông Nguyễn Văn Khôi, Thân mẫu là Bà Phạm Thị Ngọc Lan. Sau tháng 7/1954 theo cha mẹ di cư

vào Nam và định cư tại Sài Gòn. Cựu nữ sinh Trung Học Trưng Vương Hà Nội và Sài Gòn. Làm thơ, viết nhật ký từ 15 tuổi. Lập gia đình lần thứ nhất 1960. Làm việc tại Hãng thầu xây cất Mỹ RMK-BRJ. Lập gia đình lần thứ hai 1971 và theo chồng về định cư tại Virginia, năm 1972 với bốn người con nhỏ.

Cùng chồng con sống tại Brussels (Bi) và Bonn (Đức) từ 1977-1984. Phu quân là nhà ngoại giao Hoa Kỳ. Trở lại Virginia học vẽ, học kế toán, làm thư ký kế toán tại Hãng điện toán Unisys, làm thơ, viết hồi ký. Nghi làm để viết sách. Hiện cư ngụ tại Virginia với phu quân.

Cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ năm 1996. Là Chủ bút Cỏ Thơm từ năm 2000. Và là Chủ nhiệm từ năm 2003.

Đã xuất bản:

- Hồi ký I, *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, in lần thứ I (1994), in lần II (1998), in lần III (2005).
- Hồi ký II, *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, in lần I (1995), in lần II (2005).
- Thi phẩm *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, 1999.
- Tập truyện ngắn: *Một Thoáng Máy Bay*, 2001.
- Bút ký *Non Nước Đá Vàng*, 2007.
- Góp thơ trong tuyển tập *Mùa Tình Yêu* của Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm.
- Xướng họa thơ trong thi phẩm *Hoài Cảm*, 2003, với các nhà thơ: Hồ Trường An, Cao My Nhân, Phan Khâm...
- Góp thơ trong tuyển tập *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* của Văn



Hóa Việt Pháp xuất bản tại Paris năm 2005, do Nhà Thơ Võ Đức Trung chủ trương

- Góp thơ trong tập thơ Đường luật *Hương Mùa Cũ* của Nữ Sĩ Huệ Thu.
- Góp thơ trong tập *50 Năm Thơ & Người Thơ* của Thi Sĩ Dương Huệ Anh và Thụy Cẩm.
- Góp thơ trong tập thơ xướng họa *Bút Ngó Lờ* của Nữ Sĩ Trùng Quang.
- Góp thơ trong tuyển tập *Hoa Vàng* của Nhà Thơ Nguyễn Phan Ngọc An.
- Góp truyện ngắn trong tuyển tập *Món Ăn Theo Bước Di Tàn* do Nhà Văn Du Thị Diễm Buồn hoàn tất.
- Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Hòa giới thiệu trong Tạp Chí *World Literature Today* của Đại Học Oklahoma, số mùa thu 1997.
- Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Tuyển giới thiệu trong tuyển tập *Những Nhà Văn, Nhà thơ Hải Ngoại 1975-2000* và trong *Từ Điển Thi Ca Anh Mỹ Việt* (1998).
- Nhà Văn Đặng Trần Huân giới thiệu trong tập *Những Người Thích Dầu Huyền*.
- Nhà Văn Hồ Trường An giới thiệu trong: *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn, Giai Thoại Văn Chương, Náo Nức Hột Trắng Rằm, Thập Thuý Tầm Phương*.
- Góp thơ trong tuyển tập *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* của Nhà thơ Võ Đức Trung, Pháp.
- Thi sĩ Nguyễn Văn Lượng giới thiệu trong tác phẩm *Thi Văn Bình Thoại*.
- Sẽ xuất bản tập hồi ký “Bước Lạ Quê Hương” và tập Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung.

PHÁT HÀNH CỎ THƠM SỐ 67

Hình ảnh: Phạm Văn Tuấn



Buổi họp mặt Cỏ Thơm nhân dịp phát hành số báo mùa hè tại Trụ Sở Hội Cao Niên chiều chủ nhật 6/29/2014 thật là vui và hào hứng. Có sự hiện diện của quý văn thi độc giả Phan Khâm, Phạm Văn Tuấn, Ngô Tăng Giao, Nguyễn Lâm, Huy Lâm, Phạm Trọng Lệ, Bùi Thanh Tiên, Phạm Bá, Lý Hiểu, Cao Nguyên, Luân Tâm, Phạm Xuân Thái, Vũ An Thanh, Nguyễn Quốc Khải, Chu Linh; Quý bạn Ý Anh, Hồng Thủy, Thái Phụng, Minh Châu, Bạch Mai, Ý Nguyên, Diễm Trân, Trúc Mai, Phương

Nga, Chu Thanh Quỳnh, Kiều Nga, Trịnh Bình An, Diana Duyen.

Mỗi người đóng góp một chút làm bữa tiệc có vẻ thịnh soạn. Chương trình văn học, văn nghệ tùy hứng rất đơn sơ, giản dị, nhưng rất vui vẻ, trẻ trung: Nhà thơ Ngô Tăng Giao, BKG Phạm Trọng Lệ và NS Nguyễn Tường Vân có vài lời giới thiệu về bộ sách biên khảo hai tập về văn học thế giới “Văn Nhân và Tác Phẩm” rất giá trị, mới phát hành, của BKG Phạm Văn Tuấn.

Nhà Thơ Cao Nguyên trình diện tập thơ đầu tay “Thao Thức”. Nhà Thơ Luân Tâm đọc một bài thơ của tác giả. Nhà thơ Diễm Trân thông báo về tập truyện “Hai Chị Em” mà Diễm Trân dịch ra Anh Ngữ, sẽ ra mắt vào tháng 11 năm nay. Mỗi người cũng được tặng một tập Thơ của Thi Sĩ quá cố Hoàng Trùng Dương.

Nhà Thơ Phan Khâm báo tin không vui; Nhà Thơ Đăng Nguyên đang nằm nhà thương trị bệnh. Biên Khảo gia Phạm Văn Thành cũng không được khỏe nên anh chị không tới họp mặt được.

Vì có cây keyboard cứu tinh của



Nhạc Sĩ Phạm Xuân Thái đệm đàn, nên anh chị em bạn đã đồng ca hào hứng những bản nhạc hùng ca gọi tinh thần yêu nước như “Việt Nam, Việt Nam” của NS Phạm Duy, “Nhà Việt Nam” của NS Thẩm Oánh, “Bên Bờ Đại Dương” của NS Hoàng Trọng, “Bạch Đằng Giang” của NS Lưu Hữu Phước. Trong tình thế nguy nan, Trung Quốc xâm lăng nước nhà, người Cò Thơm nổi tinh thần quật cường dân tộc. Thái Phượng cũng hát xuất thần với bản “Trở Về Thôn Cũ” của NS Nhị Hà. Vũ An Thanh suất sắc trong bài chiêu hồi CSVN “Về Đây Anh” của NS Nhật Bằng. Vì là buổi họp mặt trong mùa hè nên cũng không thể thiếu bài “Mùa hoa Phượng” của NS Lê Đô do Vũ Anh Thanh trình bày, Ngọc Dung hát kè. Buổi họp mặt kết thúc với bản đồng ca “Hè Về” của NS Hùng Lân.



Ngô Tăng Giao, Phan Khâm, Phạm Bá, Nguyễn Tường Vân. Thái Phượng, Phạm xuân Thái.



Thu Thủy, Thanh Quỳnh, Ngọc Thanh, Phương Nga, Ý Nguyên, Nguyễn Lân, Phương Lan, Diễm Trân, Cao Nguyên, Trúc Mai, Kiều Nga.



Hồng Thủy, Lan Hương, Thanh Quy, Ý Nguyên, Bùi Thanh Tiên, Cao Nguyên,
Ngọc Dung, Thái Phụng.



Vũ An Thanh, Thái Phụng, Ngọc Thanh, Ngọc Dung, Minh Châu.



Phạm Bá, Ngọc Dung, Phan Khâm, Ngô Tăng Giao.



Minh Châu, Nguyễn Tường Vân, Ý Anh, Ý Nguyên, Huy Lâm, Kiều Nga, Trúc Mai, Ngọc Thanh, Nguyễn Lâm, Nguyễn Quốc Khải.



Phạm Xuân Thái, Ngô Tăng Giao, Huy Lâm, Vũ An Thanh, Nguyễn Tường Vân, Kiều Nga, Phạm Trọng Lệ.



Đông ca "Hè Về" của NS Hùng Lân: Ngô Tăng Giao, Vũ An Thanh, Nguyễn Tường Vân, Kiều Nga, Diễm Trân, Ngọc Thanh, Lan Hương, Thái Phương, Trúc Mai, Ý Anh, Ý Nguyên, Bùi Thanh Tiên, Thu Thủy, Thanh Quý.



BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA
4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN



NGÀY VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM Ở SAN JOSE, CALIFORNIA

Ngày "Văn Hóa Nghệ thuật Việt Nam" đã được khai diễn lúc 11 giờ sáng và kết thúc vào 5 giờ chiều ngày 26 tháng 7 năm 2014 tại Hội Trường Franklin-McKinley School thành phố San Jose. Đặc biệt có sự tham dự của Thư họa gia Vũ Hối, Học giả Đỗ Thông Minh và Họa sĩ Vũ Quốc (con trai của Ông Vũ Hối).

Đồng đảo đồng hương đã đến tham dự từ sáng đến chiều, chương trình gồm có: Khai mạc triển lãm, Gặp gỡ tâm tình và Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Ngoài những thư họa tuyệt đẹp trên lụa, đĩa men, bình sứ ... của Vũ Hối và tranh mỹ thuật linh động đầy tình tự dân tộc và những bức truyền thần có hồn của Vũ Quốc, quyển sách "5 Điều Tâm Cảm và 10 Điều Tự Vấn" của Học Giả Đỗ Thông Minh đã được ra mắt và ký tặng đồng hương.

Trong số thi văn nghệ sĩ tham dự có Luật sư Đoàn Thanh Liêm, Nhà văn Phương Duy-Trương Duy Cường, Nhà thơ Mạc Phương Đình, Nhà văn Giao Chỉ-Vũ Văn Lộc ... Hai trưởng Ban Tổ Chức buổi sinh hoạt này là nhà báo Huỳnh Lương Thiện và Kỹ sư Nguyễn Tấn Thọ, Tổng Điều Hợp do ông Nguyễn Trung Cao đảm trách cùng với 2 MC: Phương Thư và Ngọc Thủy. Phần văn nghệ xen kẽ trong suốt chương trình được trình diễn bởi ca sĩ Mỹ Lan, Hồ Ngọc Lan và Đan Hùng trình bày những bài thơ, những nhạc phẩm của các tác giả Vũ Hối, Trần Thiện Thanh v.v...



Phan Anh Dũng
(Viết theo tài liệu
trên internet)



Từ trái: Thư họa gia Vũ Hối, Học giả Đỗ Thông Minh, Họa sĩ Vũ Quốc



Bàn trưng bày sách của Học giả Đỗ Thông Minh



Một số thư họa của Vũ Hồi trên lụa, đĩa men, bình sứ ...



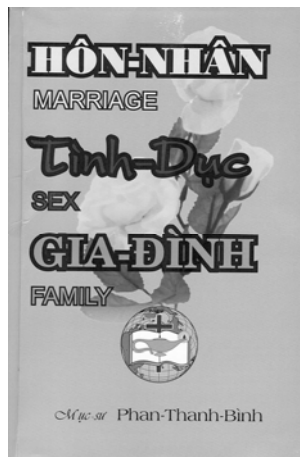
Một số tranh màu sắc linh động của Họa sĩ Vũ Quốc

CẢM Ạ

Tam Cá Nguyệt San trân trọng cảm tạ quý văn thi hữu đã gửi tặng các tác phẩm sau đây và xin giới thiệu cùng độc giả.



Liên lạc: Tác Giả Tuệ Nga, 12687 NW Westhawn Ter, Portland, OR 97229-556
Tel (503) 617-1623; Email: tuenga@gmail.com



Liên lạc: Mục Sư Phan Thanh Bình
660 S. Third St.
El Cajon, CA 92019



Mãi Còn Đây

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95

- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm

Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 [] - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$60 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ
ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.

Giá báo: US\$7.00